

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Thị Hằng

ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC
CỦA HỌC SINH THPT TẠI
THÀNH PHỐ BÀ RỊA

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÝ HỌC

Thành phố Hồ Chí Minh – 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Thị Hằng

ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC
CỦA HỌC SINH THPT TẠI
THÀNH PHỐ BÀ RỊA

Chuyên ngành : Tâm lý học

Mã số : 60 31 04 01

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÝ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. ĐỖ HẠNH NGÀ

Thành phố Hồ Chí Minh – 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng đề tài “Định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT tại Thành phố Bà Rịa” là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các thông tin, dữ liệu được sử dụng trong luận văn là trung thực, các nội dung trích dẫn đều được ghi rõ nguồn gốc và các kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn này chưa được công bố tại bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người cam đoan

Lê Thị Hằng

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin chân thành bày tỏ lòng cảm ơn đến:

- Ban giám hiệu Trường Đại học Sư Phạm thành phố Hồ Chí Minh
- Phòng KHCN – SDH và các phòng ban của Trường Đại học Sư Phạm thành phố Hồ Chí Minh.
- Quý thầy cô trong khoa Tâm Lý – Giáo Dục Trường Đại học Sư Phạm thành phố Hồ Chí Minh và quý thầy cô ở các khoa đã trực tiếp giảng dạy và hướng dẫn tôi trong suốt khóa học.
- TS. Đỗ Hạnh Nga đã tận tâm hướng dẫn và giảng dạy tôi trong suốt thời gian thực hiện đề tài cho tới nay.
- Và các bạn cùng khóa học, đồng nghiệp, người thân đã động viên, giúp đỡ tôi trong học tập cũng như trong khi tôi thực hiện luận văn này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người cảm ơn

Lê Thị Hằng

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	1
LỜI CẢM ƠN	2
MỤC LỤC	3
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	5
MỞ ĐẦU.....	6
1. Lý do chọn đề tài.....	6
2. Mục đích nghiên cứu	8
3. Đối tượng nghiên cứu	8
4. Giả thuyết nghiên cứu	8
5. Giới hạn phạm vi nghiên cứu	8
6. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	9
7. Phương pháp nghiên cứu	9
8. Cấu trúc luận văn	10
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN	12
1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	12
1.1.1. Lịch sử nghiên cứu ở nước ngoài.....	12
1.1.2. Lịch sử nghiên cứu trong nước	13
1.2. Một số khái niệm có liên quan đến đến vấn đề nghiên cứu	16
1.2.1. Đạo đức	16
1.2.2. Giá trị và định hướng giá trị.....	19
1.2.3. Giá trị đạo đức, định hướng giá trị đạo đức và các yếu tố trong định hướng giá trị đạo đức	28
1.3. Các yếu tố tác động đến định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT	37
1.3.1. Yếu tố bên trong.....	37
1.3.2. Yếu tố bên ngoài	42
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA HỌC SINH THPT THÀNH PHỐ BÀ RỊA.....	49
2.1. Khách thể nghiên cứu.....	49
2.2. Phương pháp nghiên cứu	49
2.3. Nội dung nghiên cứu.....	49
2.4. Nhận thức về hệ thống giá trị đạo đức cần thiết của học sinh THPT thành phố Bà Rịa.....	52
2.4.1. Đánh giá nhận thức về các giá trị của học sinh THPT thành phố Bà Rịa thông	

qua các mối quan hệ.....	52
2.4.2. So sánh giữa các nhóm điều tra về nhận thức giá trị đạo đức.....	63
2.5. Thái độ đạo đức của học sinh THPT thành phố Bà Rịa	73
2.5.1. Kết quả chung về thái độ đạo đức của học sinh THPT thành phố Bà Rịa.....	73
2.5.2. So sánh các nhóm khách thể điều tra về thái độ	76
2.6. Hành vi đạo đức của học sinh THPT thành phố Bà Rịa.....	84
2.6.1. Kết quả chung về hành vi đạo đức của học sinh THPT thành phố Bà Rịa.....	84
2.6.2. So sánh giữa các nhóm khách thể điều tra về hành vi đạo đức.....	89
2.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT thành phố Bà Rịa	97
2.7.1. Nhóm yếu tố xã hội.....	98
2.7.2. Nhóm yếu tố nhà trường	99
2.7.3. Nhóm yếu tố bạn bè	99
2.7.4. Nhóm yếu tố gia đình.....	100
2.7.5. Nhóm yếu tố bản thân	101
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH THPT THÀNH PHỐ BÀ RIẢ.....	103
3.1. Một số biện pháp nhằm định hướng giá trị đạo đức cho học sinh THPT thành phố Bà Rịa	103
CHƯƠNG 4: THỬ NGHIỆM MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH THPT THÀNH PHỐ BÀ RIẢ.....	106
4.1. Mục đích thử nghiệm	106
4.2. Khách thể thử nghiệm.....	106
4.3. Nội dung thử nghiệm.....	106
4.4. Tổ chức thử nghiệm.....	106
4.4.1. Tổ chức báo cáo chuyên đề.....	107
4.4.2. Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong cuộc sống.....	107
4.5. Kết quả thử nghiệm.....	108
4.5.1. Nhận thức các giá trị đạo đức của học sinh THPT trước và sau thử nghiệm ...	108
4.5.2. Thái độ về các giá trị đạo đức trước và sau thử nghiệm	111
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	116
TÀI LIỆU THAM KHẢO	119
PHỤ LỤC	122

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Stt	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1	THPT	Trung học phổ thông
2	TTDGTX	Trung tâm giáo dục thường xuyên
3	ĐTB	Điểm trung bình
4	NTN	Nhóm thử nghiệm
5	TTN	Trước thử nghiệm
6	STN	Sau thử nghiệm
7	CNXH	Chủ Nghĩa Xã Hội
8	CNH-H ĐH	Công nghiệp hóa- Hiện đại hóa
9	TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh
10	N	Số lượng học sinh
11	P	Mức ý nghĩa
12	F	Kiểm nghiệm F với K mẫu độc lập (giải tích biến lượng)

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thế giới đang từng ngày có những sự thay đổi, chuyển biến rõ nét trong những năm lại đây nhờ sự phát triển vượt bậc của khoa học kỹ thuật. Sự phát triển này đã làm thay đổi một cách toàn diện mọi mặt đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của rất nhiều nước trên thế giới. Đất nước Việt Nam xuất phát từ một đất nước nông nghiệp, trải qua nhiều cuộc chiến tranh kéo dài, kinh tế và đời sống của người dân gặp rất nhiều khó khăn sau giải phóng. Song nhờ sự tác động của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại, sự kế thừa những tinh hoa của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Việt Nam cũng đang từng ngày có những bước tiến để thay đổi diện mạo của mình.

Cùng xu hướng phát triển mạnh mẽ chung của thế giới, trong chủ trương phát triển đất nước, Đảng ta luôn đặt ra yêu cầu phải gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ đạo đức và công bằng xã hội, vừa phát triển kinh tế thị trường, đồng thời phải bảo tồn và phát huy những giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng đã chỉ rõ: “Xây dựng và hoàn thiện giá trị nhân cách con người Việt Nam...bồi dưỡng các giá trị văn hoá trong thanh niên, học sinh, sinh viên, đặc biệt là lý tưởng sống, lối sống, năng lực, trí tuệ, đạo đức và bản lĩnh văn hoá con người Việt Nam”. Hồ Chí Minh cũng đã từng khẳng định “Người có tài mà không có đức là người vô dụng, Người có đức mà không có tài làm việc gì cũng khó” với tư tưởng của của Đảng, Hồ Chí Minh, một đất nước muốn phát triển đi lên, sánh vai cùng các cường quốc trên thế giới luôn cần những con người có sự phát triển toàn diện vừa có tài năng vừa có đạo đức. Nếu chỉ chạy theo danh vọng, tiền tài quên đi giá trị đạo đức cốt lõi, con người sẽ trở nên tha hóa, mất giá trị đạo đức điều đó cũng có nghĩa là mất đi nhân cách của chính mình.

Chính vì đường lối đúng đắn của Đảng, tư tưởng của Hồ Chí Minh nên vấn đề giáo dục đạo đức luôn được sự quan tâm của nhà trường và đặc biệt trong những năm trở lại đây vấn đề giáo dục đạo đức cho học sinh càng được chú trọng và đổi mới. Rất nhiều các kế hoạch bồi dưỡng và nâng cao đạo đức cho các cấp được đưa vào nội dung chương trình học nhằm giúp các em có sự định hướng những giá trị đạo đức đúng đắn. Tuy nhiên, mặt trái của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế đã và đang gây ra nhiều khó khăn ảnh hưởng tới nhiều mặt trong đời sống xã hội của Việt Nam. Ngành giáo dục cũng không

ngoại lệ, hiện nay việc giáo dục, giữ gìn và phát huy những giá trị và chuẩn mực đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam cho học sinh đang phải đối mặt với muôn vàn khó khăn. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật, sự thay da đổi thịt của một nền kinh tế mới đã đáp ứng được những nhu cầu thiết yếu của con người nhưng đồng thời kéo theo đó cũng là cơ hội nảy sinh cho những hành vi, những lối sống thiếu lành mạnh, sự suy thoái giá trị đạo đức của một số bộ phận thanh thiếu niên trong xã hội đang diễn ra. Chúng ta không còn xa lạ với những câu chuyện, những bài viết trên báo chí, các phương tiện truyền thông về sự thay đổi giá trị đạo đức của thế hệ trẻ ngày nay ở tất cả những mối quan hệ: Gia đình, bạn bè, thầy cô...Con không ghê tay khi giết bố mẹ, ông bà để lấy tiền chơi game online, bạn bè có thể đâm chém nhau chỉ vì “nhìn đều”, sinh viên ngang nhiên lên bục giảng chém thầy cô vì cho điểm kém..v..v... Theo báo cáo từ 38 Sở Giáo Dục Và Đào Tạo cùng 312 trường Đại Học – Cao Đẳng, Trung Cấp Chuyên Nghiệp cho thấy, hiện có 8.300 học sinh-sinh viên vi phạm bị xử lý kỷ luật [40]. Những hành vi vi phạm của học sinh-sinh viên bao gồm gây rối trật tự công cộng, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, hiếp dâm, ma túy, nguy hiểm hơn nữa là giết người. Đạo đức của giới trẻ ngày càng có sự thay đổi theo nhiều hướng khác nhau dưới sự phát triển ngày càng cao của kinh tế thị trường, nơi mà giá trị vật chất được đặt lên để cân đo đong đếm giá trị của một con người.

Cùng với sự quan tâm đó đã có rất nhiều tác giả đi sâu nghiên cứu về giá trị đạo đức của thế hệ trẻ hiện nay như: Đoàn Văn Điều (2011), “Một số quan điểm về đạo đức, lối sống của sinh viên Trường ĐHSP Tp.HCM” [11], Huỳnh Văn Sơn (2009) (chủ nhiệm đề tài cấp Bộ): “Sự lựa chọn các giá trị đạo đức và nhân văn trong định hướng lối sống của sinh viên” [34]; Trần Kiều, Vũ Trọng Rỹ, Hà Nhật Thăng, Lưu Thu Thủy (2001): Thực trạng và giải pháp giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên, học sinh, sinh viên trong chiến lược phát triển toàn diện con người Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, “Thực trạng giá trị đạo đức của sinh viên hiện nay”, “vấn đề đạo đức trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay”....Và một vài nghiên cứu đề cao giá trị đạo đức đối với sinh viên ngành sư phạm.

Chính vì xu hướng khác nhau trong việc định hướng giá trị đạo đức của giới trẻ hiện nay, cần có những đề tài nghiên cứu định hướng giá trị đạo đức cụ thể ở địa phương nhằm giúp địa phương xây dựng chiến lược định hướng giá trị đạo đức cho học sinh, trong đó có tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hơn thế nữa hầu như chưa có đề tài nào đi sâu nghiên cứu về đối tượng học sinh THPT. Xuất phát từ lý do trên, người nghiên cứu quyết định chọn đề tài

“Định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT tại thành phố Bà Rịa”.

2. Mục đích nghiên cứu

Tìm hiểu thực trạng định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT thành phố Bà Rịa và các yếu tố ảnh hưởng. Từ đó đề xuất một số giải pháp giáo dục định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT thành phố Bà Rịa.

3. Đối tượng nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT.

3.1. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu chính: Học sinh THPT các khối 10, 11, 12 ở một số trường THPT và trung tâm giáo dục thường xuyên.

Khách thể bổ trợ: Một số giáo viên của một số trường THPT và trung tâm giáo dục thường xuyên.

4. Giả thuyết nghiên cứu

Hiện nay, nhiều học sinh THPT có nhận thức, thái độ tích cực đối với các giá trị đạo đức, tuy nhiên vẫn còn một bộ phận học sinh có thái độ chưa tích cực và chưa có sự định hướng đúng về giá trị đạo đức.

Có sự khác biệt về định hướng giá trị đạo đức giữa các khách thể nghiên cứu.

Có sự khác biệt về định hướng giá trị giữa học sinh THPT các trường chính quy và trung tâm giáo dục thường xuyên.

5. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

5.1. Giới hạn về đối tượng nghiên cứu

Trong đề tài này người nghiên cứu tìm hiểu các nội dung chính sau đây:

- Một số vấn đề lý luận của đề tài: Đạo đức, giá trị, giá trị đạo đức, định hướng giá trị đạo đức.
- Nghiên cứu thực trạng định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT.
- Các biện pháp giáo dục định hướng giá trị đạo đức cho học sinh THPT.

5.2. Giới hạn về khách thể nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu 300 học sinh của 3 khối 10,11,12 ở một số trường THPT và 150 học sinh của 3 khối 10,11,12 thuộc Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên tại Thành Phố Bà

Rịa.

6. Nhiệm vụ nghiên cứu

- 6.1. Nghiên cứu các vấn đề lý luận về đạo đức và định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT.
- 6.2. Khảo sát thực trạng định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT Thành Phố Bà Rịa.
- 6.3. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT.
- 6.4. Đề xuất một số giải pháp giáo dục định hướng giá trị đạo đức cho học sinh THPT.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu:

Trên cơ sở thu thập tài liệu, đọc sách, tham khảo các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài như: Đạo đức, định hướng giá trị đạo đức, đặc điểm của học sinh THPT.

7.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.2.1. Phương pháp điều tra bảng hỏi

Đây là phương pháp nghiên cứu chính của đề tài.

Mục đích

Tìm hiểu thực trạng định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT về nhận thức, thái độ, hành vi và các yếu tố ảnh hưởng

Cách thức tiến hành

Thiết kế bảng hỏi: Dựa trên cơ sở lý luận tiến hành trưng cầu ý kiến bằng câu hỏi mở.

Khảo sát thử:

- Xác định thời gian cho việc trả lời bảng hỏi
- Tính toán các giá trị, độ tin cậy bảng hỏi.
- Tiến hành sửa chữa những mệnh đề chưa đạt yêu cầu.

Điều tra chính thức:

- Đưa bảng hỏi đến từng khách thể.
- Khách thể hoàn thành bảng hỏi một cách độc lập trong thời gian cho phép

7.2.2. Phương pháp quan sát

Mục đích: Tìm hiểu những hành vi đạo đức của học sinh THPT trong mối quan hệ với bạn bè, thầy cô, gia đình.

Cách thức tiến hành: Tiến hành quan sát thông qua hoạt động học tập, sinh hoạt, hoạt động ngoại khóa, đời sống hằng ngày tại khuôn viên trường và tại gia đình.

7.2.3. Phương pháp phỏng vấn

Mục đích: Thu thập, bổ sung và làm rõ hơn những thông tin về định hướng giá trị đạo đức.

Cách thức tiến hành: Phỏng vấn trực tiếp 20 học sinh THPT và 5 giáo viên chủ nhiệm

7.2.4. Phương pháp thống kê toán học

Mục đích: Xử lý và mã hóa các thông số cần dùng trong đề tài nghiên cứu.

Cách thức tiến hành: Sử dụng phương pháp thống kê SPPSS để xử lý số liệu thu thập được.

7.3. Phương pháp thực nghiệm tác động

Mục đích: Nhằm đánh giá hiệu quả những biện pháp thực nghiệm từ đó giúp học sinh THPT định hướng giá trị đạo đức đúng đắn.

Cách thức tiến hành: Thiết kế những bài tập nhỏ theo mục đích thử nghiệm đặt ra. Tiến hành đo dựa trên các bài tập để đánh giá kết quả thử nghiệm.

8. Cấu trúc luận văn

Mở đầu

Chương 1: Cơ sở lý luận về định hướng giá trị đạo đức.

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.

1.2. Một số khái niệm có liên quan đến vấn đề nghiên cứu

1.3. Các yếu tố tác động đến định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT.

Tiểu kết chương 1

Chương 2: Thực trạng định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT thành phố Bà Rịa.

2.1. Tổ chức nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu.

2.3. Thống kê về khách thể nghiên cứu.

2.4. Nhận thức về hệ thống giá trị đạo đức cần thiết của học sinh THPT thành phố Bà Rịa.

2.5. Thái độ đạo đức của học sinh THPT thành phố Bà Rịa.

2.6. Hành vi đạo đức của học sinh THPT thành phố Bà Rịa.

2.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT thành phố Bà Rịa.

Tiêu kết chương 2

Chương 3: Các biện pháp giáo dục định hướng giá trị đạo đức cho học sinh THPT thành phố Bà Rịa.

Tiêu kết chương 3

Chương 4: Thử nghiệm một số biện pháp nhằm định hướng giá trị đạo đức cho học sinh THPT thành phố Bà Rịa

4.1. Mục đích thử nghiệm.

4.2. Khách thể thử nghiệm.

4.3. Nội dung thử nghiệm.

4.4. Tổ chức thử nghiệm.

4.5. Kết quả nghiên cứu thử nghiệm.

Tiêu kết chương 4

Kết luận và kiến nghị

Tài liệu tham khảo

Phụ lục

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Lịch sử nghiên cứu ở nước ngoài

Giá trị là một khái niệm được nghiên cứu trên phạm vi rộng và ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

Trong những năm cuối thế kỷ 20, vấn đề giáo dục đạo đức và định hướng giá trị ngày càng được nhiều nước quan tâm và nghiên cứu như Ba Lan, Liên Xô, Bungary, Nhật Bản.... Năm 1985, viện nghiên cứu thế giới của Nhật Bản đã lấy mẫu thanh niên trên 11 nước, lứa tuổi 18 – 24 và Viện Kiểm Sát Xã Hội Châu Âu EVS lấy mẫu thanh niên 15- 24 tuổi ở 10 nước châu Âu để nghiên cứu về vấn đề giá trị và định hướng giá trị để thanh niên sẵn sàng bước vào cuộc sống.

Vào những năm 1980 ở Hungari, vấn đề giá trị và định hướng giá trị được quan tâm hàng đầu trong các công trình nghiên cứu khoa học xã hội. Trong vòng 10 năm, Viện Tâm lí học thuộc Viện Hàn lâm khoa học Hungari cùng với các trung tâm nghiên cứu thông tin đại chúng đã tiến hành nghiên cứu ba vấn đề xã hội có quan hệ bổ sung cho nhau đó là: hệ thống tôn giáo, lối sống và giá trị. Các công trình này bao trùm nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội như kinh tế, chính trị, văn hóa... liên quan đến nhiều tầng lớp xã hội khác nhau. Trong các cuộc nghiên cứu, các nhà nghiên cứu đặc biệt chú ý đến vấn đề giá trị và định hướng giá trị của thanh niên. Szabó Ildibó trong công trình “Khủng hoảng giá trị hay thay đổi giá trị” đã phân tích khá sâu về giá trị và định hướng giá trị của thanh niên nhóm tuổi từ 14 – 30 [23,tr.108].

Năm 1985, Viện nghiên cứu thế giới của Nhật Bản đã chú trọng nghiên cứu thanh niên của 11 quốc gia lứa tuổi từ 18 - 24 tuổi. Tiếp theo đó, Viện khảo sát xã hội Châu Âu nghiên cứu trên thanh niên ở 10 nước Châu Âu. Cả hai cuộc điều tra để tìm hiểu thực trạng giá trị và định hướng giá trị của thanh niên để có những biện pháp giúp họ chuẩn bị bước vào cuộc sống.

Năm 1986 – 1987, UNESCO đã đề nghị cựu lạc bộ Rome tiến hành điều tra quốc tế về giá trị đạo đức của con người chuẩn bị bước vào thế kỷ 21 trong tình hình có nhiều biến đổi đang ảnh hưởng đến xã hội vào những năm cuối thế kỷ 20. Hơn 10 năm lại đây, các

nước Châu Á và Đông Nam Á đã có nhiều cuộc hội thảo về vấn đề nghiên cứu giá trị và giá trị đạo đức. Các chương trình giáo dục đã được đưa vào các cấp học ở các trường phổ thông và ở một số nước như: Indonesia, Singapore, Malaysia..... Nổi bật là chương trình giáo dục giá trị cho người Phillipin, tài liệu “giá trị trong hành động” của trung tâm cải cách và công nghệ giáo dục thuộc tổ chức bộ trưởng giáo dục Đông Nam Á, xuất bản năm 1992 [39].

Trong đề tài nghiên cứu “Định hướng giá trị của giới trẻ ngày nay” A.G.Kuznesov đã trình bày kết quả khảo sát phương hướng phát triển của định hướng giá trị của lớp trẻ hiện nay. Mục đích việc xem xét định hướng giá trị của thanh niên cho phép xác định mức độ tham gia vào xã hội của thanh niên - sự công nhận giá trị cơ bản của xã hội, từ đó xây dựng bức tranh toàn cảnh vị thế xã hội của giới trẻ Nga, nhằm thúc đẩy chính quyền và xã hội thiết lập một chính sách thanh niên hữu hiệu [18].

Wang Lu và Xie Weihe thuộc trung tâm nghiên cứu thanh niên và vị thành niên Trung Quốc, trong công trình “Những giá trị của thanh niên Trung Quốc” (1996) đã trình bày kết quả nghiên cứu gần đây của các nhà nghiên cứu Trung Quốc về giá trị của thanh niên. Trong đó người ta chú ý đến sự thay đổi giá trị của thanh niên từ sau quá trình cải cách của đất nước Trung Quốc và được xem xét trên ba khía cạnh: đánh giá của thanh niên về ý nghĩa, mục đích cuộc sống, giá trị trong cuộc sống hằng ngày và những giá trị xã hội. Các nhà nghiên cứu cho thấy, rõ ràng có những thay đổi lớn trong giá trị của thanh niên Trung Quốc từ sau quá trình cải cách và mở cửa và dưới sự thúc đẩy của công cuộc hiện đại hoá cũng như sự ổn định của hệ thống kinh tế xã hội theo cơ chế thị trường. Nhìn chung định hướng giá trị của thanh niên Trung Quốc hiện đại vẫn đang trong quá trình phát triển và hoàn thiện [21].

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu về giá trị và định hướng giá trị vừa nêu trên đã chỉ ra được những giá trị cần thiết cho thanh thiếu niên cũng như định hướng giá trị của thanh thiếu niên lúc bấy giờ, cho thấy xu hướng cũng như sự lựa chọn giá trị và định hướng giá trị theo những chuẩn mực của xã hội ở mỗi thời kỳ.

1.1.2. Lịch sử nghiên cứu trong nước

Việt Nam là một đất nước có truyền thống lâu đời về việc giữ gìn những giá trị đạo đức, giá trị đạo đức từ lâu đã trở thành một tiêu chí đánh giá về tư chất của một con người trong xã hội. Nghị quyết trung ương 5 (khóa VIII) về văn hóa coi tư tưởng, lối sống mà cụ

thể là định hướng giá trị đạo đức có quan hệ mật thiết đến mức tổ hợp thành một vấn đề trọng tâm và cấp bách trong quá trình xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Nghiên cứu về các giá trị đạo đức, nguồn gốc hình thành giá trị đạo đức Việt Nam và định hướng giá trị đạo đức được Trần Văn Giàu, Vũ Khiêu, Trần Văn Khuê, Huỳnh Khái Vinh....trình bày trong các công trình nghiên cứu của mình. Và một số đề tài như đề tài mã số KX – 07: “Tổng quan về giá trị và giáo dục giá trị” năm 1993 do Lê Đức Phúc và Mạc Văn Trang chủ nhiệm. Đề tài mã số KX – 07 – 04 do PGS.TS. Nguyễn Quang Uẩn làm chủ nhiệm, nghiên cứu: “Giá trị - Định hướng giá trị nhân cách và giáo dục giá trị” [44, tr.22].

Tác giả Thái Duy Tuyên với đề tài “Ảnh hưởng của kinh tế thị trường đối với việc hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam” mã số KX- 07- 10(1995) đã khảo sát trên các đối tượng thanh niên, công nhân, học sinh, sinh viên, trí thức...ở một số thành phố lớn về nhu cầu nguyện vọng của thanh niên và định hướng giá trị của thanh niên. Nội dung nghiên cứu tập trung xem xét các vấn đề: Lý tưởng, niềm tin của thanh niên; việc làm, nghề nghiệp, tình yêu, hôn nhân, gia đình. Các số liệu thu được của đề tài đã phần nào phác họa bức tranh chung về nhân cách con người Việt Nam qua các mặt: Nhận thức và giá trị, tâm trạng và thái độ, hứng thú và thị hiếu, nhu cầu và động cơ, cảm nghiệm và tự đánh giá, nguyện vọng và ước mơ [41].

Năm 1996, luận án Phó Tiến sĩ Triết học của Dương Tự Đàm: “Định hướng giá trị của thanh niên sinh viên trong sự nghiệp đổi mới ở Việt nam” đã nghiên cứu quá trình biến đổi của tình hình thế giới, của sự đổi mới về kinh tế - xã hội của đất nước ảnh hưởng đến nhu cầu, lợi ích và định hướng giá trị của thanh niên sinh viên. Dựa trên phương pháp tổng kết và kế thừa các kết quả nghiên cứu của các đề tài thuộc chương trình KX-07, tác giả đã khái quát sự chọn lựa của sinh viên trên những giá trị chung, giá trị nhân cách, phân tích một số giá trị nổi trội trong thang giá trị và trong mối quan hệ với sự chuyển đổi về kinh tế - xã hội của đất nước. Trên cơ sở đó, đề xuất những con đường và biện pháp giáo dục giá trị cho thanh niên sinh viên [9].

Năm 1998, Lê Quang Sơn trong luận án Phó Tiến sĩ Tâm lý học “Những đặc trưng tâm lý của định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam hiện đại” đã xem định hướng giá trị như là những thái độ của nhân cách đối với bản thân và thế giới trong quá khứ, hiện tại và tương lai được cấu trúc lại trong các thể nghiệm và biểu tượng của nhân cách [33].

Tập thể tác giả Phạm Minh Hạc, Thụy Như Ngọc, Russell J.Daiton với đề tài “Nghiên cứu giá trị thế giới – Việt Nam năm 2011”. Nghiên cứu đã thăm dò về sự hài lòng về chất lượng cuộc sống, quan hệ xã hội và gia đình, mức độ quan tâm và sự tham gia trong lĩnh vực chính trị, những giá trị kinh tế, niềm tin vào hệ thống chính trị. Đề tài cũng đưa ra bức tranh về sự lựa chọn những giá trị cơ bản trong lối sống trong xã hội lúc bấy giờ [28].

Đầu năm 2002, tác giả Đỗ Ngọc Hà với luận văn Tiến sĩ “Định hướng giá trị của thanh niên, sinh viên hiện nay trước sự chuyển đổi về kinh tế, xã hội của đất nước”. Đề tài cho thấy những giá trị nào điều tiết được cuộc sông hàng ngày và hành vi xã hội của sinh viên, trên cơ sở xây dựng biểu mẫu định hướng giá trị cho sinh viên Việt Nam [12].

Tác giả Lê Hương với đề tài nghiên cứu: “Đánh giá định hướng giá trị của con người” (Tạp chí Tâm lý học số 7, tháng 7/2003) đã phân chia định hướng giá trị ở 3 mức độ là nhận thức, xúc cảm – tình cảm và hành vi. Trên cơ sở đó đã đưa ra các định hướng giáo dục giá trị thông qua mức độ trên [17].

Năm 2005, tác giả Đào Thị Oanh nghiên cứu về định hướng giá trị học sinh trung học. Công trình nghiên cứu đã chỉ ra những giá trị truyền thống và những giá trị mới hiện nay của học sinh nước ta. Đồng thời cũng đưa ra đâu là nguyên nhân ảnh hưởng đến việc lựa chọn giá trị của thế hệ trẻ [30].

Tác giả Bùi Thị Bích với luận văn Thạc sĩ “Thực trạng định hướng giá trị lối sống của sinh viên ở một số trường đại học tại TP. Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay” (2006) đã cho thấy: Đa số sinh viên TP. Hồ Chí Minh lựa chọn cho mình lối sống lành mạnh, văn hoá, văn minh, muốn sống hòa đồng với mọi người. Sự lựa chọn lối sống của sinh viên khá đồng nhất với sự lựa chọn lối sống của giới trẻ hiện nay, ở sinh viên nổi bật hơn về lối sống nhân văn và có văn hoá. Tuy nhiên, một số ít sinh viên còn lựa chọn cho mình những lối sống không phù hợp với đại đa số như lối sống xa hoa, lập dị, thực dụng và ích kỷ. Đây là những lối sống cần phải loại bỏ đối với tầng lớp sinh viên [2].

Một nhóm tác giả thuộc trường đại học Sư Phạm Kỹ Thuật TP HCM thực hiện đề tài “Đạo đức sinh viên Việt Nam hiện nay – thực trạng và xu hướng biến đổi” (2006), trong đề tài đã đề cập đến các vấn đề về đạo đức, vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội, những yêu cầu về đạo đức của sinh viên trong sự phát triển của xã hội Việt Nam.

Gần đây nhất, có một số đề tài về định hướng giá trị đạo đức của học sinh, sinh viên đáng quan tâm như: Tác giả Hoàng Anh “Thực trạng định hướng giá trị đạo đức của sinh viên sư phạm TP HCM” [1], tác giả Phan Thị Hồng Hà “Định hướng giá trị đạo đức của

sinh viên trường đại học Đồng Nai”. Cả hai đề tài nghiên cứu về đối tượng là các bạn sinh viên ở các trường đại học, tìm hiểu nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức của họ trong mối quan hệ với gia đình, nhà trường, xã hội... Cả hai đề tài đều cho thấy đa số sinh viên có sự định hướng giá trị đạo đức đúng đắn, lành mạnh.

Nhìn chung tất cả các đề tài khoa học nghiên cứu về định hướng, định hướng giá trị của thanh niên, sinh viên nói chung. Từ đó đề xuất những biện pháp giáo dục nhằm giúp thế hệ trẻ có sự định hướng những giá trị đạo đức đúng đắn. Tuy nhiên nhận thấy các đề tài mang tính khái quát về thế hệ trẻ nói chung hoặc chủ yếu là đối tượng các bạn sinh viên ở các trường đại học, chưa có đề tài nào nghiên cứu cụ thể đối tượng học sinh THPT tại thành phố Bà Rịa.

1.2. Một số khái niệm có liên quan đến đến vấn đề nghiên cứu

1.2.1. Đạo đức

1.2.1.1. Khái niệm đạo đức

Vấn đề khái niệm đạo đức được đề cập đến rất nhiều trong thời gian những năm lại đây khi kinh tế có những chuyển biến mới, các ngành khoa học đề tâm nghiên cứu, làm rõ. Tìm hiểu về nguồn gốc của khái niệm này, chúng ta thấy được khái niệm về đạo đức trở thành một đối tượng nghiên cứu của rất nhiều ngành khoa học như Triết học, Tâm lý học, Đạo đức học..

Trong triết học, “Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, nó phản ánh và cũng cố những đặc điểm hiện thực của xã hội như: Thiện chí, công bằng, chính nghĩa, tình thương, lòng trung thực” [31, tr.129].

Những hình thái của ý thức xã hội bao gồm ý thức chính trị, ý thức pháp quyền, ý thức đạo đức, ý thức khoa học, ý thức thẩm mỹ, ý thức tôn giáo và triết học. Hình thái ý thức đạo đức là thành phần cốt lõi, là một trong những hình thái ý thức ra đời rất sớm trong lịch sử, ngay từ xã hội nguyên thủy. Hình thái ý thức đạo đức bao gồm toàn bộ những quan niệm, tri thức và các trạng thái xúc cảm tâm lý chung của cộng đồng người về giá trị thiện ác, lương tâm, trách nhiệm, hạnh phúc, công bằng, lòng tự trọng...và về những quy tắc, điều chỉnh hành vi ứng xử giữa cá nhân với xã hội, giữa cá nhân với cá nhân trong xã hội.

Như vậy, dưới góc độ triết học thì đạo đức thuộc hình thái ý thức xã hội, là tập hợp những nguyên tắc, quy tắc nhằm điều chỉnh và đánh giá cách ứng xử của con người trong quan hệ với nhau, với xã hội, với tự nhiên, trong hiện tại hay quá khứ cũng như trong

tương lai. Chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội.

Trong đạo đức học, phạm trù đạo đức được xây dựng trên cơ sở triết học. Đạo đức là toàn bộ những quy tắc, chuẩn mực nhằm điều chỉnh và đánh giá cách ứng xử của con người với nhau trong quan hệ xã hội và quan hệ với tự nhiên. Theo Banzeladze, “Đạo đức là hệ thống những chuẩn mực biểu hiện sự quan tâm tự nguyện tự giác của những con người trong quan hệ với nhau và trong quan hệ với xã hội nói chung”.

Dưới góc độ của giáo dục học, đạo đức là hệ thống những chuẩn mực xã hội bắt buộc các thành viên trong xã hội phải tuân theo. Những chuẩn mực mà cá nhân tự đề ra cho mình càng phù hợp với hệ thống chuẩn mực của xã hội thì càng có đạo đức.

Theo từ điển xã hội học, đạo đức là chuẩn mực hành vi xã hội hướng con người theo cái thiện, chống lại cái ác. Đạo đức là nền tảng của cuộc sống xã hội. Theo các nhà xã hội học, đạo đức được điều tiết bằng hai yếu tố: yếu tố khách quan (dư luận xã hội) và yếu tố chủ quan (lương tâm con người). Mỗi hành vi vô đạo đức có thể không bị luật pháp trừng trị, nhưng bị dư luận xã hội và lương tâm lên án [22].

Dưới góc độ tâm lý học, đạo đức là hệ thống những chuẩn mực do con người đưa ra cho bản thân, biểu thị thái độ đánh giá quan hệ giữa lợi ích bản thân với lợi ích của người khác và của cả xã hội. Theo từ điển tâm lý học, “Đạo đức là phẩm chất tốt đẹp của cá nhân hay nhóm, biểu hiện ở hành vi phù hợp với các quy chuẩn, chuẩn mực xã hội. Đạo đức không phải là các quy chuẩn hay chuẩn mực xã hội” [8].

Theo quan điểm của Phạm Minh Hạc và các cộng sự trong công trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, được trình bày trong tác phẩm “Về sự phát triển toàn diện con người trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, “Đạo đức theo nghĩa hẹp là luân lý, nhưng theo quy định, là những chuẩn mực ứng xử trong quan hệ của con người” [13]. Nhưng trong điều kiện hiện nay, chính quan hệ của con người cũng đã mở rộng và đạo đức bao gồm những quy định, những chuẩn mực ứng xử giữa con người với con người, với công việc, với bản thân kể cả với thiên nhiên và môi trường sống....

Dubersin và Linchevski: “Đạo đức là hình thái của sự nhận thức xã hội, là tất cả những nguyên tắc, những quy định, tiêu chuẩn mà mọi người tuân theo trong hành vi của mình”.

Từ những quan điểm trên theo chúng tôi xác định rằng: ***Đạo đức là tập hợp những quan điểm của một xã hội, của một tầng lớp xã hội, của một tập hợp người nhất định về***

thế giới, về cách sống. Nhờ đó con người điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với lợi ích của bản thân, của cộng đồng xã hội.

1.2.1.2. Vai trò của đạo đức

Đạo đức có vai trò rất lớn trong đời sống xã hội, trong đời sống của con người, đạo đức là vấn đề thường xuyên được đặt ra và giải quyết nhằm đảm bảo cho cá nhân và cộng đồng tồn tại phát triển. Sống trong xã hội, người ta ai cũng phải suy nghĩ về những vấn đề đạo đức để tìm ra những con đường, cách thức và phương tiện hoạt động nhằm kết hợp lợi ích của mình và cộng đồng, từ đó bảo đảm cho sự tồn tại, phát triển của chính mình và cộng đồng.

Khi đánh giá về đạo đức cách mạng, Hồ Chính Minh coi đạo đức là “cái gốc” là nền tảng của người cách mạng. Người so sánh: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo” [38, tr.84]

Đạo đức là cốt ở sống hợp với bản tính của con người. Các triết gia không đồng ý với nhau, khi cần phải định nghĩa bản tính của con người là gì? điều này tùy thuộc vào quan niệm siêu hình của từng môn phái nhưng tất cả đều đồng ý mà quả quyết rằng đời sống đạo đức là cốt ở sự thực hiện cứu cánh của con người đúng theo bản tính của nó. Như thế đạo đức không phải là gò ép con người và làm cho nó suy giảm, trái lại đạo đức là làm nảy nở tất cả những gì có giá trị nơi con người. Vậy đạo đức rất là quan trọng, không có đạo đức, người ta có thể làm một kỹ sư hay một thương gia tài giỏi, nhưng không có đạo đức thì không thể trở nên một con người hoàn hảo và không thể phát triển tất cả những gì cao quý tốt đẹp của bản thân chúng ta” [19, tr.5].

Trong sự vận động phát triển của xã hội loài người suy cho cùng nhân tố kinh tế là cái chủ yếu quyết định. Tuy nhiên, nếu tuyệt đối hóa cái “chủ yếu” này thành cái “duy nhất” thì sẽ dẫn tư duy và hành động đến những lầm lạc đáng tiếc. Sự tiến bộ của xã hội, sự phát triển của xã hội không thể thiếu vai trò của đạo đức. Và khi xã hội loài người có giai cấp, có áp bức, có bất công, chiến đấu cho cái thiện đẩy lùi cái ác đã trở thành ước mơ, khát vọng, đã trở thành chất men, thành động lực kích thích, cổ vũ nhân loại vượt lên, xốc lên. Đạo đức đã trở thành mục tiêu đồng thời cũng là động lực để phát triển xã hội.

Vai trò của đạo đức còn được biểu hiện thông qua các chức năng cơ bản của đạo đức: Chức năng điều chỉnh hành vi: Con người lựa chọn giá trị đạo đức, xác định chương trình của hành vi bởi lý tưởng đạo đức, xác định phương án cho hành vi bởi chuẩn mực đạo đức, tạo nên động cơ của hành vi bởi niềm tin, lý tưởng, tình cảm của đạo đức, kiểm soát uốn

nấn hành vi bởi dư luận xã hội. Chức năng giáo dục: Cung cấp cho con người những hệ thống những tri thức, quan điểm, nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản để con người có những hành xử hợp lý, được mọi người và xã hội chấp nhận, chức năng nhận thức.

Trong mỗi quan hệ xã hội, đạo đức đóng vai trò chi phối các mối quan hệ khác. Tất cả các mối quan hệ xã hội của con người như kinh tế, xã hội, nghệ thuật... đều hàm chứa giá trị đạo đức trong đó. Bất cứ một lĩnh vực nào ngoài mang đến lợi ích, lợi nhuận nó đều phải chứa giá trị đạo đức trong đó, bởi như thế những mối quan hệ đó mới tồn tại và được sự chấp thuận của chính người tham gia và cả cộng đồng. Có giá trị đạo đức sẽ làm cho xã hội tốt đẹp hơn, hạn chế những mặt trái và phê phán nó giúp cho con người sống trong môi trường xã hội văn minh, nhân bản.

1.2.2. Giá trị và định hướng giá trị

1.2.2.1. Giá trị

a. Khái niệm giá trị

Trong tiếng anh, khái niệm giá trị thường được nhắc tới bởi thuật ngữ “Value”: giá trị, giá cả, phẩm giá. Ngày nay thuật ngữ “Value” đã được dùng phổ biến trên các phương diện.

Trước thế kỷ XIX, những hiểu biết về khái niệm giá trị và giá trị học gắn liền với triết học. Vào đầu thế kỷ XX, giá trị mới tách ra thành một khoa học độc lập và thuật ngữ giá trị được dùng để chỉ một khái niệm khoa học. Người có công lao đầu tiên là Thomas và Znaniecki đã dùng khái niệm giá trị trong tác phẩm “The Polish peasant in Europe and America” (1918) (Người nông dân Ba Lan ở Châu Âu và Châu Mỹ). Sau đó, khái niệm giá trị ngày càng được sử dụng phổ biến hơn trong Triết học, Khoa học xã hội, Kinh tế học. Song ở thời kỳ đầu, chưa thấy đầy đủ ảnh hưởng sâu rộng của việc nghiên cứu vấn đề giá trị. Vào nửa sau thế kỷ XX, nhiều lĩnh vực khoa học bàn đến vấn đề giá trị một cách rộng rãi và sâu sắc hơn.

Từ điển Bách Khoa Toàn Thư định nghĩa: “Giá trị là sự khẳng định hoặc phủ định ý nghĩa của các đối tượng thuộc thế giới xung quanh đối với con người, giai cấp, nhóm hoặc toàn xã hội nói chung. Giá trị được xác định không phải bởi bản thân các thuộc tính tự nhiên, mà bởi tính chất cuốn hút của những thuộc tính đó vào phạm vi hoạt động sống của con người, phạm vi các hứng thú và nhu cầu, các mối quan hệ xã hội, các chuẩn mực và phương thức đánh giá ý nghĩa nói trên được biểu hiện trong các nguyên tắc và chuẩn mực

đạo đức, trong lý tưởng, tâm thế và mục đích” [43].

Từ điển Triết học do M.M.Rozental chủ biên (Nxb Tiến Bộ Maxcova, 1975) định nghĩa: “Giá trị là những định nghĩa về mặt xã hội của các khách thể trong thế giới chung quanh nhằm nêu bật lên tác dụng tích cực hoặc tiêu cực của các khách thể ấy đối với con người và xã hội (cái lợi, thiện và cái ác, cái đẹp và cái xấu nằm trong những hiện tượng của đời sống xã hội hoặc tự nhiên). Xét bề ngoài các giá trị là đặc tính của sự vật, hiện tượng, tuy nhiên chúng không phải là cái vốn do thiên nhiên ban cho sự vật, hiện tượng, không phải đơn thuần do kết cấu bên trong bản chất khách thể, mà do khách thể bị thu hút vào phạm vi tồn tại xã hội của con người, và trở thành những quan hệ xã hội nhất định. Đối với chủ thể (con người), các giá trị là những lợi ích của nó, còn đối với ý thức của nó thì chúng đóng vai trò những vật định hướng hàng ngày trong thực trạng vật thể và xã hội, chúng biểu thị các quan hệ thực tiễn của con người đối với sự vật và hiện tượng chung quanh”. Theo M.M.Rozental thì giá trị không phải do các đặc tính vật lý hay kết cấu của nó tạo ra mà do các đặc tính vật lý ấy gắn liền với ý nghĩa xã hội và phải được xã hội loài người thừa nhận thông qua việc “đặt tên” cho cái thuộc tính tích cực hay tiêu cực của sự vật, hiện tượng. Tác dụng của chúng phải được nhìn, soi dưới “cái gương xã hội” tức là “chuẩn mực” của các mối quan hệ xã hội mà sự vật - hiện tượng tham gia vào cũng như được đối chiếu với hệ thống định hướng giá trị của mỗi chủ thể phản ánh nó. Nếu một sự vật - hiện tượng phù hợp với hệ giá trị của con người và hợp chuẩn các mối quan hệ xã hội thì nó có giá trị tích cực về mặt xã hội còn ngược lại thì giá trị đó của sự vật - hiện tượng lại là tiêu cực. Thêm vào đó, giá trị của mỗi sự vật - hiện tượng còn phải phụ thuộc vào chính hoàn cảnh hay phạm vi hoạt động của con người, nó không thể tách ra khỏi hoạt động xã hội của con người. Chỉ trong mối quan hệ xã hội của hoạt động đó, giá trị của nó mới được thể hiện và bộc lộ thông qua việc phản ánh hay đáp ứng nhu cầu và mục đích hoạt động của con người. Giá trị của sự vật - hiện tượng có thể là mục đích của con người, cũng có thể là phương tiện cần thiết để con người đạt được mục đích khác. Giá trị của sự vật phản ánh mối quan hệ thực tiễn giữa nó với con người. Đó là mối quan hệ theo chiều hướng tích cực thông qua việc con người tác động, gắn bó, sử dụng sự vật khi những đặc tính của nó cần thiết cho hoạt động con người, mang lại lợi ích cho chủ thể. Ngược lại, đó là mối quan hệ theo chiều hướng tiêu cực thể hiện qua việc con người xa lánh hay không sử dụng chúng. Ngoài mối quan hệ giữa giá trị của một sự vật - hiện tượng với hoạt động của con người, thì giá trị của chúng cũng có tác động nhất định đến ý thức của chủ thể.

Nếu chủ thể nhận thức được đó là một giá trị tốt, tích cực, hợp chuẩn và có xu hướng hướng tới Chân, Thiện, Mĩ thì giá trị đó có vai trò định hướng ý thức của con người, hướng suy nghĩ của con người theo viễn cảnh mà giá trị đó nhắm đến.

Trong xã hội học, phạm trù giá trị tham gia vào những lĩnh vực nghiên cứu xã hội- lịch sử cụ thể. Trong xã hội, giá trị được chú trọng ở mặt nội dung, nguyên nhân, điều kiện kinh tế xã hội trong việc hình thành hệ thống giá trị nhất định của một xã hội. Giá trị ở đây chỉ ý nghĩa nhân bản, xã hội và văn hóa. Theo từ điển Tiếng Việt giá trị là cái mà con người dùng làm cơ sở để xem xét một vật có lợi ích đến mức nào đối với con người; cái mà con người dựa vào dùng để xem xét một người đáng quý đến mức về mặt đạo đức, trí tuệ, tài năng; những quan niệm và thực tại về cái đẹp, sự thật, điều thiện của xã hội; tính chất quy ra được thành tiền của một vật trong quan hệ mua bán, đổi chác; độ lớn của một đại lượng, một lượng biến thiên. Với định nghĩa như trên thì giá trị được hiểu như là “cái chuẩn”, “thang đo” để đánh giá một thuộc tính, đặc điểm nào đó của sự vật, hiện tượng, con người trong những hoàn cảnh nhất định và lĩnh vực nhất định [29].

Trong kinh tế học, phạm trù giá trị trong các khoa học kinh tế chỉ gắn với hàng hóa và sản xuất hàng hóa, và phía sau nữa là lao động xã hội trừu tượng được kết tinh trong hàng hóa. K.Marx đã từng viết: “Lao động có một sức sản xuất đặc biệt, hoạt động của người làm ra là một lao động được nhân lên cấp số nhân, hay là trong một khoảng thời gian như nhau, nó tạo ra một giá trị cao hơn so với một giá trị trung bình cùng loại”. Là một phạm trù lịch sử, có tiền đề triết học, giá trị không đồng nhất với giá thành, giá cả. Khi gạt bỏ thuộc tính giá trị sử dụng của hàng hóa thì hàng hóa là sự kết tinh sự hao phí sức lao động của người sản xuất hàng hóa, và các vật ấy đều là giá trị, giá trị hàng hóa [26,tr.34].

Dưới góc độ Xã hội học, xuất phát từ quan điểm khác nhau, có nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm giá trị. Dựa vào mục đích và ý nghĩa của hoạt động đối với cá nhân, Max Weber cho rằng giá trị là những gì có ý nghĩa và mang lại lợi ích cho chủ thể. Trong khi đó, dựa vào ý nghĩa của các giá trị đối với cuộc sống thì Giem Pipon và Garich Belay (1991) cho rằng: “Giá trị là các ý tưởng về các loại mục đích hay các loại lối sống của một cá thể, nhóm hoặc xã hội mong muốn hoặc coi là có ý nghĩa. Đó là những chất lượng để đảm bảo cuộc sống, các chuẩn tối thượng chỉ đạo mọi hoàn cảnh thực tiễn”.

Trong giáo dục học: “Giá trị là những cái được con người thừa nhận có ý nghĩa đối với cuộc sống, nó phản ánh mối quan hệ giữa chủ thể đánh giá và đối tượng được đánh giá” [25,tr.5]. Giáo dục không nghiên cứu giá trị mà sử dụng khái niệm của triết học, mỹ

học, xã hội học, đạo đức học để luận chứng mục đích, nội dung và phương pháp giáo dục.

Trong đạo đức học, đây là lĩnh vực khoa học gần gũi trực tiếp với việc nghiên cứu phạm trù giá trị, xem xét các giá trị thuộc phạm vi đời sống đạo đức của con người, thuộc phạm vi các quan hệ xã hội và các quá trình hình thành chuẩn mực, quy tắc đạo đức xã hội. Đạo đức học đi sâu nghiên cứu và đưa ra khái niệm, những chuẩn mực giá trị đạo đức. Chúng gắn liền với những khái niệm trung tâm của đạo đức học như cái thiện và cái ác, công bằng, bình đẳng, bác ái, nhân ái...[42,tr.155].

Trong tâm lý học, nghiên cứu về giá trị chủ yếu là tâm lý xã hội học và tâm lý nhân cách. Tâm lý học xã hội nghiên cứu giá trị và định hướng giá trị trong cộng đồng nhóm, tập thể, giải thích vai trò của chúng trong sự hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lý xã hội: Tâm lý học dân tộc, nhu cầu – thị hiếu của tầng lớp và nhóm xã hội, tập quán, dư luận, lối sống...trong các quá trình tâm lý xã hội. Tâm lý học nhân cách đi sâu vào phân tích mối liên hệ giữa giá trị và định hướng giá trị của cá nhân với nội dung và cấu trúc tâm lý của quá trình phát triển cá thể. Theo tâm lý học nhân cách, mỗi giá trị đều có những nhân tố nhận thức, yếu tố tình cảm và yếu tố hành vi của chủ thể trong mối quan hệ với sự vật, hiện tượng mang giá trị, thể hiện sự lựa chọn đánh giá của chủ thể. Như vậy giá trị chỉ biểu hiện trong mối quan hệ với những sự vật và hiện tượng nào đó. Giá trị vừa là sự phản ánh của con người về thế giới vừa là sự biểu hiện những quan điểm, thái độ, hành vi của cá nhân, nhóm, cộng đồng người trong xã hội. Giá trị có mặt chủ quan và khách quan. Mặt khách quan là những quan hệ xã hội, những thực thể và hiện tượng tự nhiên và tất cả những gì tạo nên giá trị. Còn mặt chủ quan là những quan điểm, thái độ, chuẩn mực cũng như phương thức, quy trình đánh giá của xã hội, của các nhóm xã hội hoặc cá nhân.

Tâm lý học giải thích trên lập trường triết học, song nhấn mạnh trong nội dung khái niệm này một số yếu tố: Một là ý nghĩa xã hội- lịch sử của những hiện tượng xác định trong thực tại đối với xã hội. Hai là ý nghĩa nhân cách của những hiện tượng đó đối với cá nhân. Ba là các quan hệ giá trị có nguồn gốc ở tính chất xã hội của hoạt động người. Bốn là tiêu chuẩn của giá trị luôn có tính lịch sử cụ thể.

Theo giáo sư Nguyễn Lân, giá trị có ba định nghĩa: Là phạm trù kinh tế của sản xuất hàng hóa biểu hiện số lượng lao động trừu tượng của xã hội đã hao phí vào việc sản xuất hàng hóa, là phẩm chất tốt hay xấu, tác dụng lớn hay nhỏ của sự vật hoặc con người, là phẩm chất tốt đẹp, tác dụng to lớn [20].

Trong “Từ điển tiếng việt”, giá trị được định nghĩa là: Cái gì làm cho một vật có ích

lợi, có ý nghĩa, là đáng quý về một mặt nào đó, có tác dụng, hiệu lực, là lao động xã hội...kết tinh trong sản phẩm hàng hóa, là số đo của một đại lượng.

Như vậy từ những quan điểm trên chúng tôi rút ra nhận định: ***Giá trị là thuật ngữ chỉ những điều cần thiết, có ý nghĩa đối với một cá nhân hoặc một nhóm người trong xã hội. Đó cũng có thể là mục đích mà con người luôn cố gắng đạt được.***

b. Một số khái niệm liên quan đến giá trị

Có rất nhiều cách phân loại giá trị, sự phân loại giá trị tùy vào mục tiêu và cách tiếp cận của chủ thể. Các giá trị được sắp xếp theo những quan hệ nhất định và có những vị trí thứ bậc khác nhau, được con người sử dụng theo những chuẩn khác nhau. Cuộc sống con người là tổ hợp các hệ thống giá trị, thang giá trị và thước đo giá trị.

❖ Hệ thống giá trị

Hệ thống giá trị là một tổ hợp các giá trị khác nhau được sắp xếp, hệ thống theo những nguyên tắc nhất định thành một tập hợp mang tính toàn vẹn, hệ thống, thực hiện các chức năng đặc thù trong việc đánh giá của con người theo phương thức vận hành nhất định của giá trị [45,tr.177].

Tùy vào phạm vi tiếp cận mà ta có hệ thống giá trị có thể là của nhân loại, của dân tộc, của cộng đồng, nhóm xã hội hay của cá nhân. Hệ thống giá trị của nhân loại đó là những giá trị chung, phổ quát cho mọi người, mọi dân tộc. Xét trong phạm vi nhỏ hơn thì hệ thống giá trị có phạm vi tác động nhỏ hơn, trong đó hệ thống giá trị cá nhân là những giá trị “riêng” cho cá nhân đó được hình thành trong quá trình xã hội hóa. Tất nhiên hệ giá trị “riêng” này phải phù hợp với hệ giá trị của xã hội, của cộng đồng mà cá nhân sống và hoạt động như một thành viên nhưng vẫn mang “màu sắc riêng” của cá nhân đó.

Hệ thống giá trị thuộc thượng tầng kiến trúc của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định, do đó nó mang tính lịch sử xã hội và biến động theo thời gian. Mỗi hình thái kinh tế - xã hội có một hệ thống giá trị riêng, đặc trưng cho chế độ đó. Hệ thống giá trị này phản ánh bộ mặt và trình độ phát triển, cách đánh giá, nhìn nhận cũng như tâm tư, nguyện vọng của xã hội nói chung và con người nói riêng trong một xã hội ở một thời đại nhất định. Nếu có sự chuyển biến về mặt xã hội thì hệ giá trị cũng có sự chuyển biến theo, những giá trị nào còn phù hợp thì được gìn giữ còn những giá trị nào không phù hợp thì sẽ được loại bỏ và được thay thế bằng những giá trị mới. Nói cách khác, trong hệ thống giá trị của một xã hội nhất định luôn chứa đựng các giá trị của quá khứ, hiện tại và cả những giá trị sẽ được hình thành trong tương lai.

Như vậy, ***hệ thống giá trị là một tổ hợp các giá trị mang tính lịch sử xã hội và có phạm vi điều chỉnh khác nhau, từ phạm vi nhân loại cho đến từng cá nhân trong một xã hội nhất định.***

❖ Thang giá trị

Thang giá trị là một tổ hợp giá trị, một hệ thống giá trị được sắp xếp theo một trật tự ưu tiên nhất định. Trong đó có những giá trị chiếm vị trí cao và có những giá trị ở vị trí thấp; có những giá trị rất quan trọng và cũng có những giá trị kém phần quan trọng; có những giá trị cốt lõi và cũng có những giá trị đóng vai trò thứ yếu...vì thế nên thang giá trị còn gọi là thước đo giá trị.

Thang giá trị không phải có sẵn, cố định và bất biến. Nó được hình thành, thay đổi theo thời gian cùng với sự phát triển, biến đổi của xã hội loài người, của dân tộc, của cộng đồng và của cá nhân. Mỗi một quốc gia, một dân tộc, một cộng đồng xã hội hay thậm chí mỗi cá nhân đều có một thang giá trị riêng. Thang giá trị phản ánh trình độ phát triển cũng như quan niệm của xã hội đương đại về mọi vấn đề trong cuộc sống. Nếu một xã hội thay đổi hay trải qua những giai đoạn nhất định thì cũng dẫn đến sự thay đổi thang giá trị trong xã hội đó. Cũng thế, thang giá trị của một cá nhân - là kết quả của sự chuyển hóa thang giá trị xã hội thông qua bộ lọc nhân cách trong quá trình xã hội hóa - cũng có sự thay đổi theo các biến cố quan trọng và giai đoạn của cuộc đời. Sự thay đổi đó có thể là sự mất đi hay hình thành một giá trị nào đó trong thang giá trị; đó cũng có thể là sự thay đổi trật tự giữa các giá trị trong thang giá trị hay thậm chí là sự xuất hiện một thang giá trị mới để thích nghi với sự thay đổi lớn của thời đại.

Thang giá trị không tồn tại tự thân mà nó luôn luôn vận động và phát triển, được con người với tư cách là chủ thể hoạt động - giao lưu, vận dụng để tiến hành hoạt động trong các mối quan hệ với tự nhiên - xã hội, với người khác và với chính bản thân mình.

❖ Chuẩn giá trị

Chuẩn giá trị là những giá trị giữ vị trí ở thứ bậc cao, cốt lõi, then chốt trong thang giá trị, là chuẩn mực chung cho nhiều người. Hay nói cách khác chuẩn giá trị là các giá trị cốt lõi được lựa chọn, đánh giá và được xác định như chuẩn mực chung cho đại đa số thành viên xã hội [47,tr.62]. Chuẩn giá trị luôn tồn tại và phát triển thông qua quan hệ tương tác, nhất là các mối quan hệ cấu trúc theo tầng bậc trong bảng giá trị xã hội và tính đa dạng của thang giá trị. Các chuẩn giá trị đóng vai trò chuẩn mực cho các giá trị và là chuẩn cơ bản cho định hướng giá trị của đại đa số thành viên xã hội.

c. Phân loại giá trị

Hiện nay có nhiều cách phân loại khác nhau về giá trị. Tùy theo mục đích tiếp cận, tiêu chuẩn, căn cứ để phân loại các giá trị.

❖ Dựa trên nhu cầu của con người

Dựa trên nhu cầu của con người trên hai mặt lớn, người ta chia các giá trị thành hai loại: Giá trị vật chất và giá trị tinh thần.

- Trong các giá trị vật chất, người ta còn phân biệt giá trị sử dụng và giá trị kinh tế, tức là cái có ích và cái bán được trên thị trường.

- Trong các giá trị tinh thần thì có giá trị về mặt nhận thức hay còn gọi là giá trị khoa học, giá trị chính trị, giá trị pháp luật (cái hợp pháp...), giá trị đạo đức (thiện, ác), giá trị thẩm mỹ (cái đẹp), giá trị tâm linh...

Ngoài ra, theo quan điểm của A. Maslow thì con người có hệ thống nhu cầu năm bậc: Nhu cầu sinh lý cơ bản, nhu cầu an toàn, nhu cầu quan hệ xã hội, nhu cầu được tôn trọng và nhu cầu phát huy bản ngã. Chính những nhu cầu này thôi thúc con người hành động và làm nảy sinh một lối sống cho một người không những trong nội tâm của mình mà còn cho chính người đó như là một thực thể xã hội, một thành phần của tập thể thông qua đó sự lựa chọn các giá trị hay sự định hướng giá trị thể hiện rõ.

❖ Phân loại theo cấu trúc giá trị mục đích và giá trị phương tiện

M.Rokeach đã phân chia giá trị thành hai nhóm: giá trị mục đích và giá trị phương tiện (công cụ).

- Những giá trị mang tính phương tiện là phương thức ứng xử lý tưởng, tối ưu đối với cá nhân và xã hội trong mọi tình huống có liên quan tới mọi đối tượng (trách nhiệm, trong sạch, thanh lịch, kỷ luật tự giác, dũng cảm...)

- Những giá trị mang tính mục đích là những mục đích lý tưởng, những tình trạng mục đích của tồn tại đáng kể đạt được đối với cá nhân và xã hội (thế giới hòa bình, tự do, bình đẳng, tình bạn chân thành...)

Rokeach cho rằng, giá trị mang tính mục đích và giá trị mang tính phương tiện tạo nên hai hệ thống riêng biệt mặc dù có quan hệ với nhau và có thứ bậc trong mức độ quan trọng đối với cá nhân.

M.Rokeach khi phân loại giá trị đã dừng lại ở việc xem xét giá trị như một đối tượng mang tính xã hội được lưu giữ và truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng các tổ chức khác nhau trong xã hội và mỗi tổ chức đó có các giá trị đặc biệt.

❖ **Xét trong mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội**

Giá trị có thể chia thành giá trị chung và giá trị riêng. Giá trị chung là những giá trị được một cộng đồng và xã hội thừa nhận, trở thành chuẩn chung điều tiết mối quan hệ xã hội. Trong khi đó giá trị riêng mang tính chủ thể và chỉ có giá trị điều tiết nhận thức, thái độ và hành vi của chính chủ thể đó. Giá trị riêng có thể phù hợp và cũng có thể không phù hợp với giá trị chung.

❖ **Xét dưới góc độ lịch sử**

Người ta có thể chia giá trị thành hai loại là giá trị truyền thống và giá trị hiện đại. Giá trị truyền thống khác giá trị hiện đại ở chỗ nó hình thành và phát triển thông qua một thời gian dài và trải qua nhiều biến cố, nó mang tính ổn định, bền vững và khó thay đổi. Giá trị truyền thống hợp với giá trị hiện đại tạo thành một hệ giá trị chung cho toàn thể xã hội.

Nhìn chung, việc phân loại giá trị hết sức đa dạng và phong phú. Vì mục đích khác nhau nên mỗi tác giả tiếp cận đến vấn đề giá trị theo hướng khác nhau nên có thể nói mọi sự phân loại đều mang tính chất tương đối. Trong đề tài nghiên cứu này, các giá trị đạo đức được phân loại dựa trên hai góc độ:

- Góc độ phạm vi gồm hai loại: giá trị khái quát và giá trị cụ thể

Giá trị khái quát là những giá trị chung liên quan đến nhiều người và chi phối một loại hình hoạt động, nó chủ yếu mang tính cộng đồng.

Giá trị cụ thể là những giá trị liên quan đến một số cá nhân trong những tình huống hay hoạt động cụ thể của đời sống, nó phản ánh khá rõ nét tính chủ thể của mỗi cá nhân.

- Góc độ lịch sử gồm hai loại: giá trị truyền thống và giá trị hiện đại

Giá trị truyền thống là những giá trị lâu đời của một dân tộc, một cộng đồng xã hội và được lưu truyền từ đời này sang đời khác.

Giá trị hiện đại là những giá trị mới xuất hiện trong một giai đoạn mới của lịch sử - xã hội để phù hợp với xu thế của sự phát triển.

Mỗi cách phân loại thể hiện một khía cạnh khác nhau tùy theo nhu cầu của chủ thể trong những mối quan hệ và ở một môi trường nhất định, không thể phân loại một cách chi tiết, đầy đủ các giá trị trong mối quan hệ rất phong phú, đa dạng của xã hội này.

Trong đề tài này để làm rõ nội dung cần nghiên cứu chúng tôi quan tâm đến hệ thống các giá trị đạo đức đó là những giá trị được thể hiện dựa trên lòng yêu thương, tôn trọng, bình đẳng giữa con người trong xã hội.

1.2.2.2. Định hướng giá trị

Định hướng giá trị là cách suy nghĩ, cách đánh giá, thái độ và sự lựa chọn của cá nhân hoặc nhóm xã hội thể hiện thông qua hành vi về một vấn đề nào đó.

Có rất nhiều định nghĩa về định hướng giá trị, được hiểu một cách chung nhất theo từ điển Bách khoa Liên Xô là: Cơ sở tư tưởng, chính trị, đạo đức thẩm mỹ giúp chủ thể đánh giá thực tại xung quanh và định hướng trong thực tại đó. Phương pháp phân loại các khách thể của cá nhân theo giá trị của chúng. Định hướng giá trị hình thành thông qua sự chiêm lĩnh kinh nghiệm xã hội và thể hiện trong các mục đích, tư tưởng, chính kiến... của nhân cách [43,tr.764].

Phạm Minh Hạc dựa vào cách tiếp cận hoạt động, cho rằng: “Định hướng giá trị là lấy cách hiểu về giá trị, cách đánh giá con người, xã hội và thiên nhiên làm cơ sở cho những gì liên quan đến cái phải làm: Một sự lựa chọn, một cách đánh giá, một cách nhìn, một điểm tựa của niềm tin, một mục đích của sự tiến tới” [14,tr.154].

Trần Trọng Thủy quan niệm như sau: “Định hướng giá trị chính là các giá trị đã được con người sống trong xã hội tiếp thu với tư cách như là những tiêu chuẩn của hành vi”.

Theo tác giả Hà Nhật Thăng định hướng giá trị: “Là một hệ thống giá trị chuẩn phù hợp với yêu cầu xã hội, có tính phổ biến được nhiều người thừa nhận, công nhận và tuân thủ thực hiện. Hệ thống giá trị đó có tác dụng vừa như là mục tiêu, đối tượng phải chiếm lĩnh, vừa như là động cơ thúc đẩy con người nhận thức hoạt động để hoàn thành nhân cách, phát huy vai trò chủ thể của con người trong sự phát triển cá nhân, xã hội và tự nhiên”.

A.V.Petrovski, M.G.Jarosevski quan niệm: “Định hướng giá trị là phương thức chủ thể sử dụng để phân biệt các sự vật theo ý nghĩa của chúng đối với chính mình, từ đó hình thành nội dung cơ bản của xu hướng, động cơ hoạt động của hoạt động”.

Ở một góc độ khác, trong định hướng giá trị luôn luôn phải nhấn mạnh đến sự tồn tại của yếu tố đánh giá, giá trị ấy có tồn tại hay không dựa vào chuẩn mực đánh giá. Thực chất của sự định hướng giá trị không thể thiếu sự đánh giá của cá nhân vì dựa trên sự tồn tại thật của sự vật - hiện tượng và những giá trị tự thân, con người hay chủ thể hoặc một nhóm xã hội sẽ nhận thức về những giá trị đó, sẽ suy ngẫm cũng như cân nhắc để lựa chọn và tâm niệm và định hướng. Một trong những khâu rất cơ bản trong định hướng giá trị của mỗi người chính là lựa chọn và đánh giá. Nếu mỗi người có sự lựa chọn và đánh giá đúng thì việc định hướng giá trị sẽ hiệu quả và hợp lý.

Nhìn chung, các định nghĩa trên nhấn mạnh đến bản chất hoạt động của định hướng giá trị, xem định hướng giá trị như là chuẩn mực, là cơ sở cho sự chọn lựa, đánh giá và thực hiện các hoạt động trong xã hội.

Dựa trên những điều vừa trình bày ở trên về định hướng giá trị, chúng tôi quan niệm rằng: ***Định hướng giá trị là một hệ thống giá trị của một cá nhân, được thể hiện trong nhận thức, thái độ nhằm đánh giá, điều chỉnh, lựa chọn phương thức, hành vi cho phù hợp với mục đích đề ra.***

1.2.3. Giá trị đạo đức, định hướng giá trị đạo đức và các yếu tố trong định hướng giá trị đạo đức

1.2.3.1. Giá trị đạo đức

Đạo đức là những khuynh hướng tốt trong tâm ta, mà những khuynh hướng đó tạo nên những lời nói và hành vi bên ngoài khiến cho mọi người chung quanh ta được chuyển hóa, an vui, lợi ích, vậy thì giá trị đạo đức là gì?

Trong những năm gần đây, “giá trị đạo đức” là thuật ngữ xuất hiện với tần suất lớn trên các sách báo và tạp chí. Tuy nhiên, điều dễ nhận thấy là chúng ta mới chủ yếu tập trung phân tích, luận giải các giá trị đạo đức cụ thể của đời sống đạo đức, mà hầu như ít bàn đến giá trị đạo đức với tư cách một khái niệm khoa học. Đây là một thiếu sót không nhỏ vì khái niệm là công cụ, phương tiện để nhận thức các đối tượng và do đó nhận diện các giá trị đạo đức cụ thể một cách khách quan, khoa học nhất thiết phải dựa trên quan niệm thống nhất về “giá trị đạo đức”.

Xem xét trên bình diện xã hội, giá trị đạo đức được định nghĩa “là những chuẩn mực, những khuôn mẫu lý tưởng và những quy tắc ứng xử nhằm điều chỉnh và chuẩn hóa hành vi của con người” [37, tr.35].

Xét trên bình diện cá nhân, giá trị đạo đức được định nghĩa “là những cái được con người lựa chọn và đánh giá như một việc làm có ý nghĩa tích cực đối với đời sống xã hội, được lương tâm đồng tình và dư luận biểu dương” [26, tr.62].

Từ những ý kiến trên, theo chúng tôi, ***giá trị đạo đức được hiểu là những chuẩn mực, tiêu chuẩn, khuôn mẫu lý tưởng, những quy tắc được con người hoặc một nhóm người thừa nhận, áp dụng phù hợp và mang lại lợi ích cho cá nhân và xã hội ở những thời điểm nhất định.***

Vấn đề giá trị đạo đức từ lâu đã trở thành một truyền thống của dân tộc ta. Từ việc kể

thừa những quan điểm của triết học Mac- Lenin, Hồ Chí Minh đã xây dựng một hệ thống những tự tưởng đạo đức cách mạng đồng thời Người cũng là một tấm gương của đạo đức cách mạng. Theo Người “đạo đức cách mạng” là đạo đức của người cách mạng, người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng thì mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang vì sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Người viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”. Người quan niệm đạo đức tạo ra sức mạnh, nhân tố quyết định sự thắng lợi của mọi công việc: “Công việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hay kém”. Quan niệm lấy đức làm gốc của Hồ Chí Minh không có nghĩa là tuyệt đối hoá mặt đức, coi nhẹ mặt tài. Người cho rằng: “có tài mà không có đức là người vô dụng nhưng có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”. Cho nên, đức là gốc nhưng đức và tài phải kết hợp với nhau để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng. Từ quan điểm đó đã hình thành nên những giá trị đạo đức cơ bản của con người Việt Nam trong thời đại mới, bao gồm: Trung với nước hiếu với dân, Yêu thương con người, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, Tinh thần quốc tế trong sáng. Từ những giá trị đạo đức cần thiết cho người cách mạng, Hồ Chí Minh cũng không quên những thế hệ trẻ là mầm non tương lai của đất nước. Người luôn tâm niệm cần hướng cho thế hệ trẻ không chỉ có tri thức mà còn có đạo đức. Chính vì điều đó ngay từ khi cấp sách tới trường , tất cả học sinh luôn ghi nhớ đến năm điều của Bác Hồ dạy: (1) yêu tổ quốc, yêu đồng bào, (2) học tập tốt, lao động tốt, (3) đoàn kết tốt, kỷ luật tốt, (4) giữ gìn về sinh thật tốt, (5) khiêm tốn thật thà dũng cảm. Chính năm điều của Hồ Chí Minh là kim chỉ nam cho những giá trị đạo đức cốt lõi, cần thiết cho thế hệ trẻ trong đó có cả học sinh THPT.

Những giá trị đạo đức cần thiết cho học sinh ở lứa tuổi THPT.

- Những giá trị đạo đức trong mối quan hệ với tổ quốc gồm:

Lòng yêu nước: Yêu dân tộc và tự hào về đất nước, trung thành và tận tụy với dân tộc với đất nước, sẵn sàng hy sinh khi tổ quốc lâm nguy.

Bình đẳng giữa các dân tộc: Tôn trọng và hiểu biết, hỗ trợ lẫn nhau giữa các dân tộc, không tạo khoảng cách, lấn át lẫn nhau.

Hài hòa tinh thân dân tộc và quốc tế: Chung sống hòa bình giữa các dân tộc anh em trên thế giới, hài hòa giữa lợi ích dân tộc và quốc tế

- Những giá trị đạo đức với bản thân như:

Tự trọng: biết giữ gìn nhân phẩm trong mọi điều kiện, luôn thể hiện tính tự trọng của mình, không bán rẻ bản thân, danh dự vì danh vọng, tiền tài.

Trung thực: Luôn thật thà, ngay thẳng chân thành trong cách đối xử với mọi người, luôn nhìn nhận khách quan về các sự việc trong cuộc sống, luôn tôn trọng và bảo vệ chân lí, bảo vệ lẽ phải.

Khiêm tốn: Là thể hiện sự nhã nhặn, biết sống một cách nhún nhường, luôn luôn hướng thượng, tự khép mình vào những khuôn thước của cuộc đời, bao giờ cũng nêu cao tình thần học hỏi. Hoài bão trọng đại của cá nhân là tiến mãi không ngừng, chủ đích là không khoe khoang, không tự đề cao cá nhân mình với người khác.

Can đảm: Sẵn sàng chấp nhận rủi ro do quyết định của bản thân, không trốn tránh trách nhiệm, bảo vệ niềm tin, lẽ phải, không lùi bước trước những việc xấu.

Kiên trì: Luôn cố gắng làm đến cùng cho dù có khó khăn, trở ngại.

Lạc quan: Thể hiện niềm tin tưởng ở tương lai dù gặp khó khăn

Tự phê bình: Tự giác, thành thật nhận khuyết điểm khi vi phạm.

Yêu cầu cao: Luôn đặt ra cho mình những mục tiêu cao để có chí hướng phấn đấu.

- *Những giá trị đạo đức trong mối quan hệ với ông bà, cha mẹ, thầy cô giáo:*

Biết ơn: Luôn thể hiện sự biết ơn đối với ông bà, cha mẹ và thầy cô, những người có công lao sinh thành dưỡng dục. Tổ lòng biết ơn người giúp đỡ, đồng viên mình, thể hiện lòng kính trọng và cố gắng hết sức vì người đó.

Lễ phép: Thể hiện một thái độ đúng mực, kính trọng người bề trên, luôn chào hỏi thưa dạ khi đi cũng như khi trở về.

Yêu thương: Luôn biết yêu thương người thân, thể hiện ở thái độ chăm sóc quan tâm đến mọi người khi khỏe mạnh cũng như khi đau ốm.

- *Trong mối quan hệ với bạn bè*

Tôn trọng: kiềm chế, không làm tổn hại tới người khác

Tin tưởng: Tin vào con người, vào những điều thiện, nhưng điều tốt đẹp

Ngay thẳng: Thành thật trong lời nói, trong việc làm

Sẵn sàng tiếp thu cái mới: Sẵn sàng cởi mở, tạo ra cơ hội và khả năng mới, tạo ra cơ hội và khả năng mới, sẵn sàng thay đổi, lắng nghe ý kiến của người khác nếu thiếu hợp lý

Hài hước: Tạo ra bầu không khí vui vẻ, thoải mái, hạnh phúc cho người khác

Chân thành: Luôn thành thật trong lời nói, việc làm, hết lòng giúp đỡ người khác

Đồng cảm: Đặt mình vào vị trí của người khác, thấu hiểu, cảm thông và cố gắng giúp

đỡ mọi người

Khoan dung: Sẵn sàng tha thứ những lỗi lầm của người khác

Lòng yêu thương: Yêu mến và chăm sóc những người xung quanh không phân biệt giới tính, chủng tộc, tín ngưỡng, địa vị xã hội.

Lịch sự: Thể hiện sự lịch thiệp trong giao tiếp ứng xử.

Với học sinh, nhiệm vụ chính là học tập, rèn luyện, chính vì vậy một số giá trị đạo đức mà học sinh cần là:

Hiếu học: Chăm chỉ, tích cực học tập, luôn tạo niềm vui, động lực để cố gắng nỗ lực đạt kết quả cao trong học tập.

Sáng tạo: Luôn chủ động tìm ra cái mới, có tinh thần học hỏi khám phá cái mới.

Độc lập: Luôn chủ động rèn luyện, học tập, không phụ thuộc vào sự giúp đỡ của gia đình, thầy cô, bạn bè.

Chăm chỉ: chăm chỉ học tập, rèn luyện, không lười biếng, ỷ lại.

Những hệ thống giá trị nêu trên chỉ là tiêu biểu cho hệ thống giá trị cần có cho thế hệ trẻ ngày nay nói chung và cho thành phố Bà Rịa nói riêng. Tuy nhiên những giá trị này chỉ là cơ sở tương đối trong việc định hướng giá trị đạo đức của mỗi cá nhân, tập thể trong những thời kỳ khác nhau, ở những giai đoạn nhất định.

Như vậy ***Giá trị đạo đức còn được hiểu là những yếu tố phản ánh mối quan hệ của con người với những chuẩn mực làm người, với luân lý, với yêu cầu chuẩn trên bình diện quy chuẩn xã hội. Giá trị đạo đức thể hiện rõ sự chi phối của những yếu tố thuộc về đạo đức được nhiều người và gần như là cả xã hội thừa nhận.*** Đó cũng chính là những thang đo để đánh giá rằng con người có hướng đi phù hợp với những quy chuẩn chung của xã hội, những chuẩn mực về bộ mặt làm người, về giá trị người một cách đích thực. Giá trị đạo đức nhấn mạnh đến yếu tố tự giác của con người, khi được chủ thể nhận thức thì giá trị đạo đức trở thành động cơ bên trong để thúc đẩy hành vi của con người. Trong đề tài này, chúng tôi chỉ giới hạn nghiên cứu các giá trị đạo đức xung quanh mối quan hệ của học sinh THPT với gia đình, thầy cô, bạn bè và mối quan hệ xã hội.

1.2.3.1. Định hướng giá trị đạo đức.

Định hướng giá trị đạo đức là sự lựa chọn một phương cách nào đó để thực hiện, chiếm lĩnh các giá trị cần thiết cho bản thân và đáp ứng nhu cầu hệ thống đạo đức trong xã hội. Trên cơ sở định nghĩa định nghĩa định hướng giá trị và giá trị đạo đức, chúng tôi xin đưa ra định nghĩa chung nhất về giá trị đạo đức như sau:

Định hướng giá trị đạo đức là sự lựa chọn các hệ thống giá trị phù hợp với yêu cầu của xã hội, có tính phổ biến được nhiều người thừa nhận và tuân thủ thực hiện. Hệ thống giá trị có tác dụng vừa là mục tiêu vừa là động cơ thúc đẩy con người hoạt động để hoàn thiện nhân cách, phát huy vai trò chủ thể của con người trong sự phát triển của cá nhân, xã hội và tự nhiên.

Dưới góc độ Tâm lý học, chúng tôi có thể định nghĩa: ***Định hướng giá trị đạo đức là quá trình con người thông qua hoạt động nhận thức để hình thành được tri thức, tình cảm và niềm tin đạo đức. Trên cơ sở đó con người thể hiện thái độ qua đánh giá, lựa chọn các giá trị đạo đức trong quá trình hoạt động của cá nhân, từ đó thúc đẩy, điều chỉnh hành vi, hành động của mình nhằm hình thành tâm lý và phát triển nhân cách.***

1.2.3.3. Các yếu tố trong định hướng giá trị đạo đức

a. Nhận thức

Định hướng giá trị tự bản thân nó đã bao hàm ba yếu tố, đó là nhận thức, thái độ, hành vi cụ thể. Việc tìm hiểu định hướng giá trị đạo đức trong đề tài này cũng dựa trên ba yếu tố đó.

Nhận thức về giá trị đạo đức là cơ sở, nền tảng cơ bản để cá nhân thực hiện hành vi đạo đức. Để hiểu được nhận thức của con người đối với các giá trị đạo đức trước hết phải hiểu được khái niệm của nhận thức.

Theo từ điển triết học, nhận thức là quá trình phản ánh biến chứng tích cực, tự giác và sáng tạo thế giới khách quan vào trong đầu óc con người trên cơ sở thực hiện [32].

Theo từ điển Tiếng Việt, “nhận thức là quá trình hoặc kết quả phản ánh và tái hiện hiện thực vào trong tư duy, quá trình con người nhận biết và hiểu biết thế giới khách quan”[44,tr.169].

Theo tâm lý học, nhận thức là một trong những vấn đề được rất nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu. Có rất nhiều khái niệm về nhận thức, tuy nhiên nhìn chung nhận thức được thể hiện theo hai quan điểm: Nhận thức là một quá trình và nhận thức là một hoạt động.

Nhận thức là một quá trình, theo tác giả Roberts Feledman cho rằng: “Nhận thức là quá trình tinh thần bậc cao qua đó chúng ta hiểu biết thế giới, xử lý thông tin, phán đoán, giải quyết và chia sẻ hiểu biết của người khác” [35,tr.137].

Tác giả Stephen Feledman cho rằng nhận thức là một phạm vi rất hẹp, là một sự giải mã thông tin “nhận thức là một quá trình diễn dịch thông tin do cảm giác thu thập được”

[36].

Theo Phạm Minh Hạc nhận thức là một trong ba mặt cơ bản của đời sống tâm lý con người, hai mặt còn lại là tình cảm và hành động. Trong khi hoạt động để tồn tại trong thế giới tự nhiên và môi trường xã hội, con người phải nhận thức, phản ánh hiện thực xung quanh và cả hiện thực của bản thân mình, để trên cơ sở đó con người tỏ thái độ, tình cảm và hành động. Trong việc nhận thức thế giới con người có thể đạt tới những mức độ nhận thức khác nhau, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp. Quá trình nhận thức gồm hai quá trình, nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính. Trong đó nhận thức cảm tính và bước nhận thức đầu tiên của mức độ nhận thức thấp, nhận thức lý tính là bước nhận thức tiếp sau với mức độ nhận thức cao hơn [15].

Theo tác giả Nguyễn Khắc Viện thì nhận thức là một quá trình tiếp cận, tiến gần chân lý, nhưng không bao giờ ngừng ở một trình độ nào vì không bao giờ nắm hết toàn bộ hiện thực, phải thải dần những cái sai, tức không ăn khớp với hiện thực, đi hết bước này đến bước khác [46].

Quan điểm nhận thức là một hoạt động: Tác giả Nguyễn Quang Uẩn cho rằng “nhận thức là một hoạt động đặc trưng của con người. Trong quá trình sống và hoạt động con người nhận thức – phản ánh được hiện thực xung quanh, hiện thực của bản thân mình, trên cơ sở đó con người thể hiện thái độ và hành động đối với thế giới xung quanh và đối với tự bản thân mình” [45].

Từ những quan điểm trên, chúng tôi xác định rằng: *“Nhận thức là sự phản ánh hiện thực khách quan trong ý thức của con người, nhận thức bao gồm; Nhận thức cảm tính và Nhận thức lý tính, chúng có mối quan hệ biện chứng với nhau và cơ sở, mục đích và tiêu chuẩn của Nhận thức là thực tiễn xã hội”*

Nhận thức trong giá trị đạo đức được biểu hiện như sau:

- Là sự hiểu biết của chủ thể về các giá trị đạo đức. Chủ thể biết đâu là giá trị đúng và đâu là giá trị sai đối với cá nhân, đối với cộng đồng xã hội. Chủ thể biết gọi tên, xác định những hiện tượng đạo đức của bản thân mình và xung quanh.

- Nhận thức về sự cần thiết phải có những giá trị đạo đức mới trong một cuộc sống mới. Hiểu được rằng xã hội luôn phát triển và biến đổi không ngừng, vì thế mà con người cần phải thay đổi để thích nghi với cuộc sống, trong đó có giá trị đạo đức lối sống.

- Nhận thức được sự cần thiết phải biết kết hợp hài hòa giữa các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc và giá trị đạo đức hiện đại.

Nếu như đạo đức của cá nhân được hiểu như là những nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức của mỗi một con người trong xã hội, được cá nhân lĩnh hội và biến thành những nguyên tắc và chuẩn mực của riêng mình để chỉ đạo các mối quan hệ của cá nhân thì yếu tố đầu tiên trong quá trình cá nhân hình thành định hướng giá trị đạo đức là nhận thức. Con người thực hiện hoạt động nhận thức thế giới khách quan nhằm trang bị cho mình những tri thức đạo đức. Tri thức đạo đức của con người được hình thành chủ yếu trong quá trình dạy học ở môi trường giáo dục thông qua con đường nhận thức. Đây là những hiểu biết của con người về những nguyên tắc, chuẩn mực chung được xã hội chấp nhận như những quy định cụ thể cho hành vi cá nhân trong các mối quan hệ của nó với người khác, với công việc và với người khác. Tri thức đạo đức đóng vai trò quan trọng đối với hành vi đạo đức, nhờ nó mà con người ý thức được những điều mình nên làm và không nên làm. Trong việc hình thành tri thức đạo đức thì yếu tố tư duy đóng vai trò hết sức quan trọng bởi nhờ yếu tố tư duy con người mới cảm nhận và hiểu hết bản chất, nguyên tắc chuẩn mực đạo đức nhờ đó học sinh có khả năng điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với nhu cầu chung của xã hội.

b. Thái độ

Thái độ là một hiện tượng tâm lý được nghiên cứu nhiều trong tâm lý học xã hội, ngay từ năm 1935 trong “sổ tay tâm lý học xã hội” Allport đã cho rằng “Thái độ có lẽ là khái niệm phân biệt nhất và quan trọng nhất trong tâm lý học hiện đại xã hội Mỹ”. Nhiều nhà khoa học đã định nghĩa thái độ xã hội thực tế là khoa học nghiên cứu các thái độ. Có nhiều người cho rằng quan điểm đó là thái quá. Nhưng thực tế mấy chục năm qua đã chứng minh rằng tuyên bố của Allport có giá trị dự đoán. Năm mươi năm sau, năm 1985 trong cuốn sổ tay tâm lý xã hội của tác giả Kiliam McGuir, ông đã tổng kết rằng “Thái độ và sự thay đổi thái độ vẫn là một trong những đề tài được nghiên cứu nhiều nhất trong tâm lý học xã hội” [10, tr.31].

Tiếp cận dưới quan điểm tâm lý học nhân cách Guilford (1964) đã cho rằng nhân cách là cấu trúc độc đáo, có cấu trúc gồm khía cạnh (nhu cầu, hứng thú, khí chất, năng lực, giải phẫu, hình thành, thái độ) để đưa ra khái niệm về thái độ. Theo ông thái độ là những cử chỉ, phong thái, ý nghĩ, liên quan đến những hoàn cảnh xã hội. Ở khái niệm này ông đã chỉ ra rằng thái độ của con người có mối quan hệ chặt chẽ với những hoàn cảnh xã hội cụ thể.

Theo từ điển tâm lý học của Nguyễn Khắc Viện thì trước một đối tượng nhất định, nhiều người thường có phản ứng tức thì, tiếp nhận dễ dàng hay khó khăn, đồng tình hay chống đối như đã có sẵn, có những cơ cấu tâm lý tạo ra định hướng cho việc ứng phó. Từ những thái độ có sẵn, tri giác về đối tượng cũng như tri thức bị chi phối về vấn đề thì thái độ gắn liền với tâm thế [46].

Tình cảm (thái độ) đạo đức là những thái độ rung cảm của cá nhân đối với hành vi của con người và với hành vi của chính mình trong quá trình quan hệ của cá nhân với người khác và với xã hội. Tình cảm khơi dậy những nhu cầu đạo đức, thúc đẩy con người hành động một cách có đạo đức trong mối quan hệ giữa mình với người khác, với tập thể và với xã hội. Tình cảm đạo đức là những tình cảm cấp cao mang bản chất xã hội của con người, rung cảm tích cực về những giá trị đối nhân xử thế của con người, cho thấy thái độ đồng tình hay phản đối trong lối sống. Thái độ đối với giá trị của sự vật thể hiện ở sự hài lòng hay không hài lòng, trân trọng và đánh giá cao hay ngược lại. Chính những thái độ cảm xúc và đánh giá này là cơ sở để chủ thể tiến hành.

Tình cảm đạo đức: Là một yếu tố tạo nên mặt bên trong của hành vi đạo đức, tình cảm đạo đức giữ vai trò đặc biệt quan trọng là động lực của hành vi đạo đức. Tình cảm đạo đức có mối quan hệ mật thiết với nhu cầu đạo đức bởi tình cảm đạo đức là thái độ của con người đối với đối tượng vẫn tác động thỏa mãn hay không thỏa mãn nhu cầu đạo đức của con người. Nói đến nhu cầu đạo đức là nhu cầu cấp cao của con người, nhu cầu này được hình thành trong quá trình hoạt động và giao lưu của con người. Nhu cầu đạo đức khi được thỏa mãn sẽ thành động cơ đạo đức thúc đẩy các hành vi đạo đức khác.

Niềm tin đạo đức: Là sự tin tưởng vào các giá trị mà mình muốn hướng đến. Người có niềm tin đạo đức là người không dao động, ngã nghiêng khi lâm vào những tình huống phức tạp khác nhau, thậm chí là trái ngược nhau. Khi con người có được niềm tin đạo đức sâu sắc thì niềm tin đó sẽ trở thành ý chí đạo đức, làm nên một động lực vô cùng mạnh mẽ thôi thúc con người vượt qua mọi hoàn cảnh khó khăn để đạt đến mục tiêu của mình.

c. Hành vi

Hành vi được coi như một cấp độ biểu hiện của thái độ, đó là những biểu hiện ra bên ngoài hay xu hướng hoạt động của cá nhân với đối tượng của thái độ và được chia ra làm hai loại hành vi tích cực và hành vi tiêu cực.

Hành vi là những biểu hiện ra bên ngoài nhưng lại thống nhất với cấu trúc tâm lý bên trong của nhân cách, là sự thống nhất giữa hình thức bên ngoài và nội dung tâm lý bên

trong. Hành vi bên ngoài chỉ là biểu hiện của một đời sống tâm lý bên trong và được điều chỉnh bởi cấu trúc tâm lý bên trong của nhân cách

Hành vi có thể biểu hiện ra bên ngoài và được người khác đánh giá, còn thái độ bên trong đối với hành vi của bản thân được thể hiện ở sự tự đánh giá theo chuẩn mực mà chủ thể đã cảm nhận.

Theo các nhà tâm lý học hoạt động (S. L. Rubinstein, N. A. Leonchiep) thì hành vi đạo đức được gọi là mặt bên ngoài, bao gồm kỹ năng hành vi đạo đức và thói quen đạo đức [31,tr.134].

Kỹ năng hành vi đạo đức: Là cách thức, độ thuần thực khéo léo nhất định của việc thực hiện hành vi đạo đức. Kỹ năng hành vi đạo đức chỉ nói về cách thức thực hiện, không nói lên tính chất của hành vi đạo đức đó tốt hay xấu. Có những cách thức thực hiện tốt nhưng chưa chắc thái độ của người đó đã tốt và ngược lại. Kỹ năng đạo đức đóng vai trò quan trọng trong đời sống của con người, khi thái độ tốt nhưng kỹ năng không đúng sẽ dẫn đến kết quả không như ý muốn.

Thói quen đạo đức: Là độ thuần thực và độ ổn định rất cao của những biểu hiện hành vi đạo đức trong những tình huống tương tự nhau. Có những thói quen đạo đức tốt nếu như nó bắt nguồn từ những tri thức và tình cảm đạo đức tốt. Mỗi một con người nếu không có sự định hướng cho những thói quen đạo đức đúng ngay từ khi còn nhỏ sẽ hình thành những thói quen đạo đức không tốt. Do đó cần phải giáo dục cả thói quen đạo đức, tri thức đạo đức và tình cảm đạo đức cho trẻ em.

Hành vi đạo đức là một hành động tự giác được thúc đẩy bởi một động cơ có ý nghĩa về mặt đạo đức. Chúng thường được biểu hiện trong cách đối nhân xử thế, trong lối sống, trong phong cách, trong lời ăn tiếng nói [16,tr.141].

Để đánh giá một hành vi đạo đức, mỗi người thường có một tiêu chuẩn nhất định. Tuy nhiên tiêu chuẩn đó thường được đại đa số những người trong xã hội chấp nhận và xem xét nó trên bình diện chung của truyền thống, quy phạm của pháp luật. Có bốn tiêu chí để đánh giá hành vi đạo đức.

- Tính tự giác: chủ thể ý thức đúng, đầy đủ về mục đích, ý nghĩa của hành vi và tự thực hiện dưới sự thúc đẩy của động cơ.

- Tính có ích của hành vi: thúc đẩy xã hội tiến lên theo hướng có lợi cho công cuộc chung của đất nước, xã hội

- Tính không vụ lợi của hành vi: hành vi đạo đức phải là hành vi có mục đích vì người khác, vì xã hội, mình vì mọi người, không tính toán đến lợi ích của mình và làm một cách công tâm vì lợi ích chung của mọi người.

Nhưng tiêu chuẩn trên mang tính khái quát để đánh giá một hành vi đạo đức. Trong đời sống hàng ngày, mỗi người có rất nhiều hành vi, nhưng rõ ràng không phải bất cứ hành vi nào cũng được xác định là hành vi đạo đức. Hành vi được xem là hành vi đạo đức khi hành vi đó đảm bảo được những tiêu chí nêu trên.

Ba yếu tố trên có quan hệ mật thiết với nhau. Trong thực tế yếu tố tình cảm thường chứa đựng yếu tố ý thức và hành vi. Có nghĩa là một người nào đó thích đối tượng của thái độ (yếu tố tình cảm) thì tin rằng đối tượng sẽ dẫn đến một điều gì đó tốt đẹp, (yếu tố ý thức) và có xu hướng hành động một cách tích cực với đối tượng, có những hành vi mang tính tích cực nhiều (yếu tố hành vi). Tùy theo tình huống mà một thành phần nào đó chiếm vị trí chủ đạo chi phối hành vi cá nhân. Tuy nhiên trong một môi trường chung sẽ có những yếu tố tác động khác nhau, sự tiếp nhận thông tin khác nhau nên nhận thức của mỗi người hoàn toàn không giống nhau, chính vì vậy sẽ có sự khác nhau giữa nhận thức, thái độ và hành vi giữa mỗi một người trong một cộng đồng. Hơn thế nữa có nhận thức đúng chưa chắc chắn là thái độ và hành vi của người đó sẽ đúng. Khi người ta đánh giá một con người bao giờ người ta cũng lựa chọn hành vi để đánh giá phẩm chất của người đó, nhưng chúng ta cũng cần hiểu được rằng tỉ lệ để đánh giá phẩm chất của một con người là không có sự tuyệt đối. Cấu trúc ba thành phần là cơ sở cho việc xây dựng các thang đo thái độ khi nghiên cứu.

1.3. Các yếu tố tác động đến định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT

1.3.1. Yếu tố bên trong

1.3.1.1. Đặc điểm thể chất

Tuổi THPT hay còn gọi là lứa tuổi thanh niên, ở lứa tuổi này có rất nhiều khái niệm. Theo tâm lý học lứa tuổi thì tuổi thanh niên là giai đoạn phát triển bắt đầu từ lúc dậy thì và kết thúc khi bước vào tuổi người lớn [27,tr.51]. Theo quan điểm của tâm lý học Macxit nghiên cứu lứa tuổi này cần phải kết hợp giữa tâm lý học xã hội, việc nghiên cứu tâm lý của lứa tuổi thanh niên là một vấn đề phức tạp vì không phải bao giờ sự phát triển về sinh lý, sinh lý cũng trùng khớp với các giai đoạn trưởng thành về mặt xã hội. Theo

B.G.Ananhiev đã viết: Sự bắt đầu trưởng thành của một con người như một cá thể, một nhân cách và một chủ thể lao động là không trùng khớp nhau về thời gian.

Theo các nhà sinh lý học thì tuổi thanh niên là thời kỳ khoảng 14,15 tuổi đến 25 tuổi, trong đó chia làm 2 thời kỳ: Từ 14,15 đến 17,18: đây là giai đoạn đầu thanh niên còn gọi là thanh niên mới lớn, thanh niên học sinh. Giai đoạn này tương ứng với học sinh THPT.

Từ 17,18 tuổi đến 25 tuổi: giai đoạn thứ hai của tuổi thanh niên. Trong phần này đề tài chỉ nghiên cứu phạm vi đặc điểm lứa tuổi đặc trưng của tuổi đầu thanh niên, lứa tuổi THPT.

Từ 15, 16, 17 đến 18 tuổi là thời kỳ mà sự phát triển thể chất của con người đi vào giai đoạn hoàn chỉnh. Điều này thể hiện rõ ở chỗ: Sự gia tăng chiều cao giảm dần, con gái khoảng 16, 17 tuổi, con trai khoảng 17, 18 tuổi. Điều này giúp các em có một cơ thể cân đối, khỏe đẹp. Trong giai đoạn này, trong lượng cơ thể của em cũng phát triển nhanh, cân nặng của một thanh niên 16, 17 tuổi có thể gấp trong lượng cơ thể của cậu thanh niên 11, 12 tuổi. Các tổ chất thể lực sức mạnh, sức bền, sự dẻo dai được tăng cường. Cơ bắp, sức lực phát triển mạnh để đạt những thành tích trong thể thao.

Thời kỳ trưởng thành về giới tính là giai đoạn của những nam thanh, nữ tú. Chấm dứt giai đoạn khủng hoảng của thời kỳ phát dục để chuyển sang thời kỳ ổn định hơn, cân bằng hơn xét trên cả các mặt hoạt động hưng phấn, ức chế của hệ thần kinh cũng như các mặt phát triển khác về thể chất. Lứa tuổi THPT là thời kỳ đạt được sự trưởng thành về mặt cơ thể, sự phát triển về hệ xương đã hoàn thiện, nhịp độ tăng trưởng chiều cao đã chậm lại, sự phát triển về chiều cao, cân nặng của các em nam đã đuổi kịp các em nữ. Hệ thần kinh có nhiều sự thay đổi do cấu trúc bên trong của não phức tạp và các chức năng của não phát triển. Cấu trúc tế bào bán cầu đại não có những điểm như trong cấu trúc của tế bào não của người lớn. Số lượng dây thần kinh liên hợp, liên kết các phần khác nhau của vỏ não được tăng lên. Điều đó tạo tiền đề cần thiết cho sự phức tạp hóa hoạt động phân tích, tổng hợp...của vỏ bán cầu đại não trong quá trình học tập và hoạt động. Giai đoạn này các em cũng đã trải qua thời kỳ phát dục, tuy nhiên ở tuổi này các em vẫn rất dễ bị kích thích, bột phát. Nhìn chung các em ở lứa tuổi này có cơ thể phát triển cân đối, khỏe đẹp. Sự phát triển của lứa tuổi này có ảnh hưởng nhất định đến tâm lý nhân cách cũng như sự lựa chọn cuộc sống của các em.

1.3.1.2. Đặc điểm tâm lý của học sinh THPT.

Lứa tuổi học sinh THPT hay còn gọi là tuổi thanh niên. Tuổi thanh niên là giai đoạn

phát triển bắt đầu từ lúc dậy thì và kết thúc khi bước vào tuổi người lớn [27,tr.51]. Trong giai đoạn lứa tuổi này có sự phát triển rõ rệt về mọi mặt, chính sự phát triển rõ rệt này đã tạo cho lứa tuổi THPT những đặc điểm đặc thù riêng.

a. Về đặc điểm về nhận thức, trí tuệ.

Do sự hoàn thiện về cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh trung ương và các giác quan, do sự tích lũy phong phú kinh nghiệm sống và tri thức, do yêu cầu ngày càng cao của hoạt động học tập yêu cầu của môn học đòi hỏi các em phải đi sâu vào nhưng tri thức cơ bản và những quy luật của các bộ môn khoa học nhận thức của học sinh THPT có sự đổi mới về chất.

Đây là giai đoạn phát triển mạnh mẽ về năng lực trí tuệ của học sinh THPT, phát triển khá đồng đều các yếu tố: Cảm giác, tri giác, trí nhớ, tư duy, chú ý.

Cảm giác, tri giác đạt tới mức độ tinh, nhanh của người lớn, cảm giác nghe nhìn phát triển cao, năng lực cảm thụ âm nhạc, hội họa, thể thao...phát triển mạnh. Đặc điểm nổi bật của sự phát triển cảm giác, tri giác của học sinh THPT là tính có ý thức, có mục đích, có hệ thống, điều này được biểu hiện rõ trong hoạt động học tập cũng như các hoạt động khác trong đời sống.

Với sự nhạy cảm của óc quan sát, học sinh THPT rất dễ phát hiện những đặc điểm của sự vật, hiện tượng cũng như con người, điều này làm cho sắc thái của lứa tuổi này thêm phần sinh động.

Giai đoạn này trí nhớ có chủ định, có ý nghĩa chiếm ưu thế. Trí nhớ chủ định được hoàn thiện trong quá trình rèn luyện có tính hệ thống của các em, đặc biệt là trong hoạt động học tập. Ghi nhớ logic trừu tượng, ghi nhớ ý nghĩa ngày một tăng rõ rệt, các em cũng đã có thể phân hóa trong ghi nhớ. Các em biết lựa chọn, lọc những nội dung chính của bài học, một số em còn đưa ra được những phương pháp ghi nhớ rất hiệu quả, các kỹ thuật để ghi nhớ, xác định cái gì cần hiểu, cần ghi nhớ nguyên văn, cái gì cần ghi nhớ ý nghĩa.

Cùng với óc quan sát, trí nhớ chủ định, năng lực chú ý chủ định cũng phát triển. Đặc biệt học sinh có sự phân phối chú ý, điều này thể hiện rõ trong quá trình học tập trên lớp của các em, các em vừa phải nghe giảng, vừa phải ghi bài và vừa phải quan sát.

Ghi nhớ của các em đã có chủ định, đây là yếu tố quan trọng đánh giá sự phát triển về trí nhớ của các em.. Các em biết tài liệu nào cần nhớ từng câu, từng chữ, tài liệu nào cần hiểu, nhớ dàn ý chính hay nội dung tổng quát.

Cùng với sự phát triển của trí nhớ, chú ý của học sinh THPT cũng có nhiều sự thay đổi. Thái độ lựa chọn đối với các môn học quyết định tính lựa chọn của chú ý. Các em tiếp thu tài liệu môn học bao giờ cũng cố đánh giá ý nghĩa của nó, tiếp thu nó thông qua ý kiến chủ quan về ý nghĩa thực tiễn của tài liệu, nếu quan trọng các em sẽ tích cực tiếp thu và ít chú ý vào những tài liệu không quan trọng. Sự lựa chọn các môn học cũng làm thay đổi vai trò của chú ý chủ đích, các em có sự chú ý chủ đích thường xuyên hơn và ngày càng tăng lên. Ngoài ra năng lực di chuyển và phân phối chú ý được phát triển và hoàn thiện một cách rõ rệt. Các em có kỹ năng vừa nghe giảng, vừa ghi chép bài, vừa theo dõi câu trả lời của bạn.

Do cấu trúc não phức tạp và chức năng của não phát triển, do sự phát triển của quá trình nhận thức nói chung, do ảnh hưởng của hoạt động học tập mà hoạt động tư duy của học sinh THPT có sự thay đổi về chất. Hoạt động tư duy của các em tích cực, độc lập hơn. Các em có khả năng tư duy lý luận, tư duy trừu tượng một cách độc lập, sáng tạo trong những đối tượng quen biết đã được học ở trường hoặc chưa được học ở trường. Tư duy của các em chặt chẽ hơn, có căn cứ hơn và nhất quán hơn. Đồng thời tính phê phán của tư duy cũng phát triển. Những đặc điểm đó tạo điều kiện cho học sinh THPT thực hiện được các thao tác tư duy logic, tư duy toán phức tạp, phân tích khái niệm và nắm vững được mối quan hệ nhân quả trong tự nhiên và xã hội.

b. Đặc điểm về nhân cách của học sinh THPT

Sự phát triển ý thức là một đặc điểm nổi bật trong sự phát triển nhân cách của lứa tuổi thanh niên, nó có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển tâm lý của lứa tuổi thanh niên. Ở lứa tuổi này các em có ý thức mạnh mẽ trong việc quan tâm đến hình ảnh của bản thân mình, sự hình thành ý thức là một quá trình lâu dài và trải qua những mức độ khác nhau. Tuổi này quá trình phát triển tự ý thức diễn ra mạnh mẽ sôi nổi và có những đặc thù riêng. Thanh niên có nhu cầu tìm hiểu và đánh giá những đặc điểm tâm lý của mình theo mục đích sống và hoài bão của mình. Sự tự ý thức của các em cũng xuất phát từ yêu cầu của cuộc sống và hoạt động. Các em có nhiều mối quan hệ xã hội hơn, chính những mối quan hệ đó đã buộc các em phải tự ý thức được đặc điểm nhân cách của chính mình. Các em không chỉ tự ý thức về cái tôi hiện tại mà còn ý thức về giá trị của mình trong tương lai, tôi là người như thế nào và tôi sẽ trở thành người như thế nào?

Ở giai đoạn này các em cũng thể hiện, bộc lộ những phẩm chất như lòng yêu lao động, sự cần cù, chăm chỉ....Các em nhận thức được sự khác biệt của mình đối với những

người xung quanh. Hơn thế nữa các em có sự đánh giá đối với người khác, tuy nhiên khả năng tự đánh giá của các em còn chưa cao, các em vẫn gặp sai lầm trong việc tự đánh giá bản thân.

c. Đặc điểm về đời sống tình cảm

Có thể nói rằng trong giai đoạn này đời sống tình cảm của học sinh THPT rất phong phú và đa dạng, điều này tác động và chi phối đến nhiều mặt trong đời sống của các em.

Một đặc điểm nổi bật về yếu tố tình cảm ở lứa tuổi này là các em có tình cảm bạn bè rất sâu sắc. Các em có nhu cầu đòi hỏi cao hơn ở những người bạn của mình, các em luôn muốn có sự tôn trọng, vị tha, sự tin tưởng trong mối quan hệ tình bạn. Điều này chúng ta thấy rõ nét vì sao ở lứa tuổi này lại có những đôi bạn thân hoặc những nhóm bạn thân. Lứa tuổi này các em coi tình bạn là quan trọng nhất, người bạn vừa là người chia sẻ những tâm tư, nỗi buồn cũng là người luôn giúp đỡ mình khi gặp khó khăn. Chính vì vậy những mối quan hệ bạn bè này sẽ được duy trì bền vững và có thể theo các em đến suốt cuộc đời.

Học sinh ở lứa tuổi này thường biểu lộ tính tự lập có nét độc đáo của cái tôi tương đối tự do. Các em thường có tâm lý cho rằng người lớn không đánh giá đúng đắn, nghiêm túc những điều các em nghĩ, những việc các em làm cũng như sự trưởng thành của các em. Bởi vậy thanh niên rất dễ có xu hướng lạnh nhạt xa lánh người lớn mà tìm sự đồng tình, đồng cảm ở các bạn cùng trang lứa. Để tạo được mối quan hệ gắn gũi giữa các em với người lớn đòi hỏi rất nhiều vào cách cư xử, thái độ của bậc phụ huynh.

Ngoài ra ở các em cũng bắt đầu bộc lộ những tình cảm đạo đức như khâm phục, kính trọng những người dũng cảm, kiên cường, coi trọng những giá trị đạo đức cũng như lương tâm. Các em mong muốn được làm những điều mang lại lợi ích cho nhiều người, thể hiện sự cảm thông, chia sẻ sâu sắc đối với những số phận gặp khó khăn.

Ngoài tình bạn tình cảm khác giới trong giai đoạn này cũng xuất hiện khá mạnh mẽ, hay nói các khác là tình yêu đầu đời, đây thường là mối tình rất đẹp, rất trong sáng và thường để lại nhiều ấn tượng trong các em. Tuy nhiên tình cảm này mới chỉ là những biểu hiện ở mức thiện cảm, sự say mê, quyến luyến ban đầu. Vì vậy tình yêu của các em lứa tuổi THPT thường trong sáng, hồn nhiên, giàu cảm xúc và khá chân thành, nên thường tình cảm xuất phát từ một phía, khó thành và nếu các em không có sự điều chỉnh phù hợp sẽ tác động đến việc học tập của các em. Để các em có định hướng đúng và suy nghĩ tích cực, rất cần sự định hướng của gia đình, nhà trường giúp các em giữ được sự hồn nhiên trong sáng của tình cảm tuổi học trò.

1.3.2. Yếu tố bên ngoài

Ngoài những đặc điểm về lứa tuổi học sinh THPT ảnh hưởng đến việc hình thành định hướng giá trị đạo đức, các yếu tố khách quan bên ngoài tác động rất lớn vào quá trình định hướng giá trị đạo đức của học sinh lứa tuổi THPT. Các em ở lứa tuổi mới lớn với xu hướng thích khám phá, tìm tòi cái mới, học theo thói quen và chịu chi phối rất nhiều bởi các yếu tố tác động từ bên ngoài. Có thể nói rằng, những yếu tố này là yếu tố có vai trò vô cùng quan trọng ảnh hưởng tới việc định hướng giá trị đạo đức của trẻ ở giai đoạn lứa tuổi này.

1.3.2.1. Gia đình

Gia đình là tế bào của xã hội, nơi con người sinh ra và lớn lên, nơi thể hệ trẻ được chăm lo cả về thể chất, trí tuệ, đạo đức; Là môi trường giáo dục đầu tiên và có tầm quan trọng quyết định việc hình thành nhân cách của trẻ.

Sự hình thành các giá trị đạo đức, đạo lý của dân tộc đối với nguồn nhân lực của đất nước, mà còn là trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn xã hội, của tất cả các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, gia đình và mỗi cá nhân. Trong đó, gia đình có vai trò hết sức quan trọng, bởi lẽ “Gia đình là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách và giá trị đạo đức, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Trong bối cảnh đất nước và quốc tế đang có những thay đổi diện mạo về mọi mặt, đặc biệt từ khi đất nước ta bước vào thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế, thực hiện CNH-HĐH đất nước, gia đình Việt Nam ngày càng có vai trò quan trọng trong việc thực hiện chức năng cơ bản của mình, trong đó đề cao và nhấn mạnh chức năng xã hội hóa cá nhân hình thành nhân cách con người.

Có thể nói, giáo dục bao gồm hai quá trình đó là quá trình tiếp nhận giáo dục và quá trình tự giáo dục. Giáo dục trong gia đình bao gồm cả hai quá trình này, mỗi con người chịu ảnh hưởng lớn từ quá trình giáo dục của gia đình, song bản thân con người cũng tự giáo dục để hoàn thiện mình, hình thành một nhân cách tốt. Trước hết, gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên, là trường học đầu tiên của con người. Mỗi con người đều được sinh ra từ một người cha, người mẹ, vì vậy đứa trẻ gắn bó và lắng nghe được những âm thanh của cuộc sống đầu tiên từ cha mẹ mình đặc biệt từ người mẹ. Với chức năng tự nhiên, người phụ nữ mang thai, sinh con, sự gắn kết của người phụ nữ với con cái dường như lớn hơn nam giới, bởi vậy đây là sự gắn kết từ bào thai đứa trẻ, rồi sinh ra, nuôi nấng và dõi theo cuộc đời đứa con. Khi sinh ra con người ta được tiếp xúc với văn hóa dân tộc

từ lời ru, giọng hát của bà của mẹ, tiếp xúc với ngôn ngữ dân tộc từ lời nói của cha mẹ. Những bước đi chập chững đầu đời, người đầu tiên chỉ dạy cho bé cách đi đứng, nói năng đó là cha mẹ. Giáo dục của gia đình như thế nào sẽ hình thành nên nhân cách, đạo đức của đứa trẻ như thế ấy. Vì vậy giáo dục gia đình rất quan trọng đối với mỗi con người, khi con người chưa có hiểu biết về mình, về xã hội thì đã được định hướng và chỉ dạy từ gia đình; đứa trẻ tiếp xúc với môi trường giáo dục đầu tiên, trường học đầu tiên ấy là gia đình. Gia đình là hành trang không thể thiếu với mỗi con người. Từ nhỏ con người được sống với ông, bà, cha mẹ, anh chị em. Lớn lên, mỗi người lại có vợ, có chồng, có con, cháu. Trong gia đình, mỗi con người được đùm bọc về vật chất, giáo dục về tâm hồn, trẻ thơ có điều kiện được an toàn khôn lớn, người già có nơi nương tựa, người lao động được phục hồi về sức khỏe, thoải mái về tinh thần... Như vậy gia đình gắn bó với mỗi con người trong từng bước đường của cuộc sống. Trong quá trình sống, gắn bó, trao và nhận tình yêu thương che chở của gia đình, mỗi người lại hoàn thiện mình, hoàn thiện đạo đức, nhân cách cho bản thân. Ngoài ra gia đình có mối quan hệ mật thiết với xã hội. Bác Hồ đã từng nói: “Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình”[24,tr.523].

Gia đình là tế bào của xã hội, không có gia đình tái tạo ra con người để xây dựng xã hội thì xã hội không thể tồn tại và phát triển được. Và ngược lại xã hội cũng có tác động to lớn đến gia đình, xã hội tốt sẽ là cơ sở để xây dựng gia đình hạnh phúc tiến bộ. Vì sao mối quan hệ mật thiết giữa gia đình và xã hội lại tác động trực tiếp đến vai trò của gia đình trong việc giáo dục nhân cách cho con người? Có thể nói gia đình là nơi trao truyền các giá trị văn hóa của nhân loại từ thế hệ nay sang thế hệ khác. Hơn nữa mỗi thời đại xã hội khác nhau, có những yêu cầu chuẩn mực đạo đức, lối sống và tác phong khác nhau, vì vậy chỉ có thông qua gia đình mới là con đường nhanh nhất và chắc chắn nhất để giáo dục con người theo những chuẩn mực mà xã hội mong muốn,

Tóm lại, gia đình có vai trò to lớn trong việc giáo dục nhân cách cho con người, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc là cơ sở để xây dựng xã hội tốt đẹp. Như Bác Hồ đã từng nói: “Hạt nhân của xã hội là gia đình. Chính vì muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội mà phải chú ý hạt nhân cho tốt” [41, tr.523]. Ở Việt Nam đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, những yếu tố cũ và mới đan xen, nhưng muốn xã hội tiến bộ, lành mạnh thì phải chú ý vai trò giáo dục của gia đình trong việc hình thành nhân cách cho con người.

1.3.2.2. Nhà trường

Đại hội lần thứ VII Đảng cộng sản Việt Nam đã xác định “Giáo dục và đào tạo phải được xem là quốc sách hàng đầu để phát huy nhân tố con người, động lực trực tiếp của sự phát triển”. Đó là một sự khẳng định hết sức đúng đắn xuất phát từ lợi ích của nhân dân ta, đồng thời phù hợp với chân lý phổ biến của lịch sử thế giới. Từ đó đến nay nhiều hội nghị chuyên đề của Đảng tiếp tục ban hành các nghị quyết về đổi mới, phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo. Bất kỳ ở một giai đoạn lịch sử nào, giáo dục - đào tạo luôn đóng một vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của mỗi cá nhân, tập thể, cộng đồng, dân tộc và cả nhân loại. Từ xa xưa các học giả, các nhà lãnh đạo, quản lý ở trong nước và trên thế giới đã từng luận bàn rất nhiều xung quanh vấn đề này. Theo C.Mác: Giáo dục - đào tạo “Tạo ra cho nền kinh tế của một dân tộc những nhà khoa học, chuyên gia, kỹ sư trên các lĩnh vực kinh tế và nhờ đó những tri thức ấy mới có thể sáng tạo ra những kỹ thuật tiên tiến, những công nghệ mới. Nếu chúng ta không có đội ngũ ấy thì sự nghiệp xây dựng CNXH chỉ là lời nói huênh hoang, rỗng tuếch”. Còn Ph.Ăngghen thì khẳng định: “Một dân tộc muốn đứng lên trên đỉnh cao của nền văn minh nhân loại, dân tộc ấy phải có trí thức”. Như vậy cả C.Mác và Ăngghen đều coi giáo dục - đào tạo là chìa khoá, là động lực đối với sự phát triển của xã hội, đặc biệt là đối với quá trình xây dựng CNXH của một quốc gia, một dân tộc.

Kế thừa truyền thống văn hoá lịch sử của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại mà điển hình là Chủ nghĩa Mác-Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm và đề cao vai trò của giáo dục - đào tạo. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và đào tạo xuất phát từ mục đích cao cả của sự nghiệp cách mạng mà người theo đuổi, thể hiện nhất quán và xuyên suốt trong tư tưởng, trong cuộc đời hoạt động của Người. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi con người là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định của sự nghiệp cách mạng.

Chính vì vậy mà toàn bộ tư tưởng và cuộc đời hoạt động của người đều nhằm thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người, vì con người và cho con người. Người từng nói: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”. Ngay sau khi cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công Hồ Chủ tịch đã kêu gọi toàn dân đoàn kết chống: “Giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm” và ban hành sắc lệnh thành lập Nha bình dân học vụ để tổ chức thực hiện việc chống mù chữ. Người nói: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”. Do đó, “Muốn xây dựng CNXH phải biến một đất nước dốt nát thành một nước có nền văn

hoá cao, khoa học phát triển”. Người cho rằng: “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tin tưởng và đặt niềm tin vững chắc vào thế hệ trẻ đối với tiền đồ của dân tộc. Trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập (9/1945) Người viết: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu”. Người mong muốn mỗi người dân đều biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ để nâng cao dân trí, giữ vững nền độc lập và làm cho dân giàu nước mạnh. Chính vì vậy mà trước lúc đi xa, người đã căn dặn: “Đảng cần chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng, đào tạo lớp người thừa kế vừa hồng vừa chuyên. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và cần thiết”.

Để đảm bảo cho sự nghiệp giáo dục phát triển, đào tạo nên những lớp người vừa hồng, vừa chuyên, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ vấn đề then chốt có ý nghĩa quyết định chất lượng giáo dục là phải xây dựng được một đội ngũ đông đảo người làm công tác giáo dục thực sự yêu nghề, yêu người, hết lòng chăm sóc giáo dục học sinh, không ngừng trau dồi đạo đức, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, xứng đáng là tấm gương sáng cho học sinh noi theo.

Giáo dục nhà trường đóng vai trò là nền tảng trong việc giáo dục đạo đức của con người, trong những năm trở lại đây thì vấn đề đẩy mạnh phát triển giáo dục ở thành phố Bà Rịa nói riêng và cả nước nói chung càng được chú trọng. Đảng ta đã luôn đặt vai trò giáo dục lên hàng đầu, huy động mọi nguồn lực để phát triển giáo dục làm sao cho con em đều được đến trường học tập. Thành phố Bà Rịa là thành phố mới, vấn đề giáo dục ở trường học càng được coi trọng. Giáo dục ở đây không chỉ giáo dục tri thức mà phải giáo dục cả đạo đức. Bước vào môi trường mầm non trẻ đã được học những giá trị đạo đức như yêu thương cha mẹ, anh chị em, quý mến bạn bè, vâng lời thầy cô giáo. Lớn lên trẻ được học thêm những giá trị đạo đức như yêu nước, yêu thương đồng loại....để hoàn thiện bản thân. Môi trường giáo dục ở nhà trường dạy cho trẻ hiểu từ những giá trị đạo đức nhỏ nhất để trẻ nhận thức được những giá trị đạo đức nào là đúng đắn, cần học hỏi phát huy và những giá trị nào là sai trái cần thay đổi.

Như vậy, yếu tố giáo dục nhà trường có vị trí hết sức quan trọng và có vai trò hết sức to lớn trong việc hình thành và định hướng giá trị đạo đức, nhân cách của trẻ đồng thời giáo dục nhà trường cũng đóng góp to lớn vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của mỗi

đất nước cũng như trên toàn thế giới. Một xã hội được giáo dục tốt là xã hội “Dựa trên trí thức, đạo đức”, phát huy được mọi tiềm năng của con người, những con người tư duy sáng tạo, năng động luôn luôn tự điều chỉnh và phát triển.

1.3.2.3. Xã hội

Ngoài gia đình và nhà trường, xã hội cũng là một yếu tố ảnh hưởng khá mạnh đến sự hình thành và phát triển nhân cách cũng như lối sống của học sinh. Con người chịu ảnh hưởng từ xã hội theo cơ chế xã hội hoá cá nhân. Các tổ chức xã hội luôn đồng hành cùng với gia đình và nhà trường để giáo dục thế hệ trẻ.

Trong những năm trở lại đây khi mà đất nước đang có những bước tiến vượt bậc, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang từng ngày thay đổi bộ mặt đời sống của mỗi người dân. Với những lợi ích mà nó mang lại là sự kéo theo những yếu tố không tốt ảnh hưởng đến văn hóa, suy nghĩ của không ít thế hệ trẻ hiện nay. Một thực trạng cho thấy hiện nay sự du nhập của luồng văn hóa các nước phương tây ngày càng mạnh mẽ vào thông qua các kênh truyền thông, internet ảnh hưởng rất nhiều đến lối sống của thế hệ trẻ hiện nay.

Ngày nay, môi trường xã hội là yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến thói quen, hành động, định hướng của trẻ. Môi trường xã hội đó chính là bạn bè, lối xóm, các tổ chức xã hội....các em bước ra khỏi gia đình, nhà trường, các em được tiếp xúc với môi trường xã hội bên ngoài, các em dễ tiếp thu và dễ hóa với xu thế xã hội của thời đại mới. Ở lứa tuổi các em các yếu tố xã hội không còn tác động gián tiếp mà tác động trực tiếp, thường xuyên tới mọi hoạt động sống của các em, từ cách ăn mặc, thái độ, ứng xử, lời ăn tiếng nói...Bên cạnh đó có sự đan xen các loại giá trị đạo đức - nhân văn khác nhau: Tích cực xen lẫn với tiêu cực, truyền thống đan xen với hiện đại... nên mỗi cá nhân phải bản lĩnh, có một thế giới quan và nhân sinh quan riêng để có thể lựa chọn cho mình những giá trị thích hợp nếu như không muốn chới với giữa dòng xoáy của các giá trị. Tuy nhiên như chúng ta thấy sự tác động của xã hội xảy ra đối với mọi đối tượng, mọi lứa tuổi và với nhiều hình thức và con đường khác nhau, cùng một tác động có thể làm thay đổi người này nhưng cũng có thể nó trở nên vô tác dụng với người khác. Sự phát triển cũng như đặc điểm kinh tế - xã hội của một nước quy định nội dung và chiều hướng phát triển nhân cách của mỗi cá nhân. Trong thời kỳ kinh tế nông nghiệp lạc hậu, quan liêu, bao cấp thì người dân có xu hướng ỷ lại, thụ động, thói quen suy nghĩ bị bó hẹp, thiếu năng động, sáng tạo... Tuy nhiên sang thời kỳ kinh tế thị trường và hội nhập thế giới, đòi hỏi con người phải tích cực, năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, có tầm nhìn chiến lược... Đây vừa là một cơ hội và cũng là

thách thức cho các bạn sinh viên. Một mặt các thế hệ có cơ hội để thể hiện năng lực của chính mình, tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại. Bên cạnh đó, thách thức đối với họ là làm sao vẫn giữ được truyền thống và bản sắc dân tộc, hòa nhập nhưng không hòa tan, biết tiếp thu một cách có chọn lọc những giá trị đạo đức. Và để làm được điều này, rất cần sự chung sức của toàn xã hội, các ban ngành các cấp phối hợp chặt chẽ trong việc giữ gìn môi trường xã hội trong sạch, lành mạnh đẩy lùi, hạn chế những giá trị không phù hợp thay vào đó là giữ gìn những giá trị đạo đức tốt đẹp để thế hệ trẻ hôm nay và ngày mai luôn đầy đủ nhưng yếu tố về tài năng và đạo đức.

Với đặc thù về sự phát triển kinh tế mạnh trong những năm qua cũng như sự phát triển mạnh về thành phố biển du lịch đã tạo những nét đặc trưng cho con người ở đây nói chung và học sinh ở lứa tuổi THPT nói riêng. Với một nền kinh tế phát triển nhanh nhạy là trung tâm của tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, các em học sinh ở đây có một môi trường sinh sống và học tập khá lành mạnh, kinh tế phát triển, giúp các em có nhiều cơ hội tiếp cận với công nghệ kỹ thuật hiện đại, tạo cho các em nắm bắt cùng xu thế chung với sự phát triển của xã hội. Với đặc thù là một thành phố du lịch, khi đời sống của người dân ngày càng được nâng cao, việc tiếp cận với công nghệ, kỹ thuật của các em trở nên dễ dàng. Chính trong xu thế thời đại mới ngoài việc cần một nền kinh tế phát triển vững mạnh việc giáo dục tri thức và giáo dục định hướng giá trị đạo đức cho mỗi học sinh là điều vô cùng quan trọng.

Tiểu kết chương 1

Như vậy định hướng giá trị đạo đức là một hệ thống giá trị phù hợp với yêu cầu của xã hội, có tính phổ biến được nhiều người thừa nhận, công nhận và tuân thủ thực hiện. Hệ thống giá trị có tác dụng vừa là mục tiêu, đối tượng phải chiếm lĩnh, vừa là động cơ thúc đẩy con người hoạt động để hoàn thiện nhân cách, phát huy vai trò chủ thể của con người trong sự phát triển của cá nhân, xã hội và tự nhiên.

Khi bàn về giá trị, định hướng giá trị đạo đức có nhiều ngành khoa học quan tâm, đánh giá như triết học, xã hội học, đạo đức học, tâm lý học. Mỗi chuyên ngành đều có những cách khái quát khác nhau, tuy nhiên đều nêu lên những giá trị nổi bật, cần thiết đối với con người trong xã hội.

Ngoài ra cũng có rất nhiều đề tài nghiên cứu về định hướng giá trị của thế hệ trẻ, tuy nhiên các nghiên cứu vẫn mang tính khái quát hoặc giành chủ yếu cho đối tượng sinh viên

ở các trường đại học, chưa có những đề tài nghiên cứu đối tượng học sinh THPT ở một địa phương cụ thể.

Định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT được thể hiện qua nhận thức, thái độ, hành vi

Bên cạnh đó việc định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT cũng chịu ảnh hưởng của các yếu tố của giai đoạn phát triển tâm sinh lý của lứa tuổi và các yếu tố khách quan như gia đình, nhà trường, bạn bè.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA HỌC SINH THPT THÀNH PHỐ BÀ RỊA

2.1. Khách thể nghiên cứu

Để tìm hiểu thực trạng định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT tại thành phố Bà Rịa, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 450 học sinh 3 khối thuộc ba trường THPT: Trường THPT Châu Thành, trường THPT Trần Quang Khải, Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên thành phố Bà Rịa. Trong đó mỗi trường 150 học sinh được tiến hành khảo sát trên cả 3 khối. Cụ thể được thể hiện theo bảng sau:

Bảng 2.1. Đặc điểm khách thể nghiên cứu

Thống kê	Trường THPT Công lập			Dân lập
	Châu Thành	Trần Quang Khải	TTGDTX	
Tổng Số học sinh	150	150	150	
Giới tính	Nam	43(28,7%)	80(53,3%)	72(48,0%)
	Nữ	107(71,3)	70(46,7%)	78(52,0%)
Khối lớp	10	50(33,3%)	51(34%)	49(32,7%)
	11	50(33,3%)	49(32,7%)	42(28,0%)
	12	50(33,3%)	50(33,3%)	59(39,3%)

Ngoài ra các giáo viên chủ nhiệm ở cả 3 trường là khách thể hỗ trợ nhằm đánh giá hiệu quả thực trạng của việc định hướng giá trị đạo đức của học sinh TPHT tại các trường quý thầy cô đang công tác, giảng dạy.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Điều tra bằng hệ thống bảng hỏi đối với học sinh THPT.

Phỏng vấn sâu các giáo viên chủ nhiệm và một số em học sinh ở 3 trường

Quan sát hoạt động vui chơi, học tập, giao tiếp của các em trong mối quan hệ với bạn bè, với thầy cô và với gia đình.

2.3. Nội dung nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích nghiên cứu, người nghiên cứu đi sâu khai thác các nội dung sau

Phần A: Tìm hiểu nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THPT trong mối quan hệ với chính bản thân mình, với bạn bè, thầy cô, gia đình.

Với thang đo mức độ:

4= Rất cần thiết, 3= cần thiết, 2= phân vân, 1= không cần thiết, 0= hoàn toàn không cần thiết

Tương ứng với mức đánh giá

Mức 1: Hoàn toàn không cần thiết 0 đến 1.

Mức 2: Không đồng ý 1 đến 1.5

Mức 3: Phân vân 1.5 đến 2.5

Mức 4: Quan trọng 2.5 đến 3.5

Mức 5: Rất quan trọng 3.5 đến 4.0

Câu 1: Các giá trị đạo đức cần thiết trong mối quan hệ với bản thân

Các giá trị đạo đức được đưa trong phần này bao gồm các giá trị: trung thực, khiêm tốn, lạc quan, kiên trì, đoàn kết, giản dị, can đảm, tự tin....

Câu 2: Các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với gia đình

Đối với mối quan hệ gia đình, người nghiên cứu đưa ra một số giá trị sau: Trách nhiệm, quan tâm, chăm sóc, kính trọng, hiếu thảo.....

Câu 3: Các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với thầy cô

Để tìm hiểu nhận thức của các em trong mối quan hệ với các thầy cô giáo, một số các giá trị cần thiết sau: Kính trọng, biết ơn, trung thực.....

Câu 4: Các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với bạn bè

Các giá trị được nêu trong mối quan hệ với bạn bè: Bình đẳng, trung thực, sòng phẳng, dũng cảm, tin tưởng....

Câu 5: Nhận định của bạn về giá trị đạo đức.

Mục đích đánh giá nhận thức, quan điểm của các em về các giá trị đạo đức hiện nay, và với một xã hội đang càng ngày có sự tiến bộ vượt bậc về khoa học kỹ thuật, công nghệ, sự phát triển về kinh tế thì vấn đề đạo đức có cần thiết hay không?

Như vậy, những câu hỏi nêu trên nhằm tìm sự đánh giá của học sinh về vai trò của các giá trị đạo đức đồng thời tìm hiểu nhận thức của các em, theo các em giá trị nào là cần thiết, quan trọng có ý nghĩa đối với bản thân trong các mối quan hệ của các em.

Phần B: Với 40 câu hỏi nhỏ nhằm mục đích tìm hiểu thái độ của các em đối với những vấn đề đạo đức của bản thân, bạn bè, gia đình, giúp người nghiên cứu đánh giá được thái độ của học sinh trong những vấn đề đặt ra.

Với thang đo mức độ:

4= rất phù hợp 3= phù hợp, 2= phân vân, 1= không phù hợp, 0= hoàn toàn không phù hợp

Mức đánh giá:

Mức 1: Hoàn toàn không phù hợp 0 đến 1.

Mức 2: Không phù hợp 1 đến 1.5

Mức 3: Phân vân 1.5 đến 2.5

Mức 4: phù hợp 2.5 đến 3.5

Mức 5: Rất phù hợp 3.5 đến 4.0

Phần C: Phần này đánh giá hành vi của các em thông qua những tình huống cụ thể, tiêu biểu các em đã và đang gặp trong cuộc sống xoay quanh những mối quan hệ bạn bè, gia đình, nhà trường và xã hội. Với 22 câu hỏi, mỗi một câu hỏi đều có 3 lựa chọn để các em thể hiện hành vi của mình khi gặp những tình huống trong cuộc sống hàng ngày.

Phần D: Tìm hiểu sự đánh giá của các em về các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị đạo đức của các em. Trong phần này, người nghiên cứu đưa ra 27 câu hỏi nhỏ đi theo hướng diễn dịch, từ xã hội, nhà trường, gia đình. Để giúp các em có cách nhìn khái quát và đánh giá đúng được những yếu tố thật sự có sức ảnh hưởng đến việc định hướng giá trị của các em.

Thang đo:

4= Ảnh hưởng rất nhiều, 3= ảnh hưởng nhiều, 2= phân vân, 1= không ảnh hưởng, 0= hoàn toàn không ảnh hưởng

Cách thức chấm điểm như sau:

Mức 1: Hoàn toàn không ảnh hưởng 0 đến 1.

Mức 2: Không ảnh hưởng 1 đến 1.5

Mức 3: Phân vân 1.5 đến 2.5

Mức 4: Ảnh hưởng 2.5 đến 3.5

Mức 5: Rất ảnh hưởng 3.5 đến 4.0

Phần E: Người nghiên cứu muốn tìm hiểu nhu cầu, nguyện vọng cũng như xu hướng của các em, các em mong muốn sẽ có những biện pháp, nhưng sân chơi như thế nào để giúp các em có thể định hướng được cho bản thân những giá trị đạo đức đúng đắn, phù hợp với chuẩn mực của bản thân, gia đình, xã hội.

Thang đo:

4= Rất đồng ý, 3= Đồng ý, 2= phân vân, 1= không đồng ý, 0= hoàn toàn không đồng ý

Cách chấm điểm

Mức 1: Hoàn toàn không đồng ý 0 đến 1.

Mức 2: Không đồng ý 1 đến 1.5

Mức 3: Phân vân 1.5 đến 2.5

Mức 4: Đồng ý 2.5 đến 3.5

Mức 5: Rất đồng ý 3.5 đến 4.0

2.4. Nhận thức về hệ thống giá trị đạo đức cần thiết của học sinh THPT thành phố Bà Rịa

2.4.1. Đánh giá nhận thức về các giá trị của học sinh THPT thành phố Bà Rịa thông qua các mối quan hệ

2.4.1.1. Nhận thức hệ thống giá trị đạo đức trong mối quan hệ với bản thân

Thực tế xã hội hiện nay cho thấy việc nhận thức được các giá trị cho bản thân là điều vô cùng quan trọng, khi các hệ thống giá trị bị ảnh hưởng quá nhiều yếu tố, các em chưa nhận thức được những giá trị cần thiết cho bản thân. Giá trị đạo đức là một trong những hệ thống giá trị cần thiết cho mỗi con người. Các em sống, học tập và giao tiếp xã hội đều được thể hiện thông qua hệ thống các giá trị. Khi các em lựa chọn được những giá trị cho bản thân đúng đắn sẽ có thái độ cũng như xu hướng hành vi phù hợp với nhu cầu của bản thân và chuẩn mực của xã hội.

Hiện nay việc nhận thức các giá trị, đặc biệt là giá trị đạo đức của học sinh THPT, một số em còn chưa có nhận thức đúng sai lầm về các giá trị cần thiết cho bản thân. Để tìm hiểu rõ hơn về vấn đề này, chúng tôi đã đưa ra 15 giá trị trong mối quan hệ bản thân để tìm hiểu nhận thức của các em. Nghiên cứu nhận thức cũng chính là bước đệm để nghiên cứu thái độ và hành vi của các em học sinh THPT.

Bảng 2.2. Nhận thức về các giá trị đạo đức đối với bản thân

Giá trị	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
Tự trọng	3,57	0,63	3
Trung thực	3,53	0,61	7
Khiêm tốn	3,19	0,8	11

Lạc quan	3,10	0,91	15
Tự do	3,46	0,75	6
Kiên trì	3,41	0,69	8
Uy tín	4,00	0,53	1
Tôn trọng	3,57	0,64	4
Đồng cảm	3,16	0,83	14
Chung thủy	3,26	0,92	9
Giản dị	3,22	0,87	10
Đoàn kết	3,61	0,56	2
Biết ơn	3,57	0,68	5
Can đảm	3,29	0,89	13
Tin tưởng	3,47	0,82	12

Trong mối quan hệ với bản thân cho thấy hầu hết các em có sự nhận thức về các giá trị khá đồng đều và các em đánh giá khá cao các giá trị đạo đức trong mối quan hệ bản thân. Nhìn vào bảng số liệu điểm trung bình ở 15 giá trị đều ở trên mức (ĐTB=3,2), ở mức cần thiết trong mối quan hệ bản thân, không có sự chênh lệch quá cao giữa các giá trị. Để tìm hiểu rõ hơn về nhận thức của các em chúng tôi đi sâu phân tích 15 giá trị. Theo như bảng số liệu trên, các em đánh giá cao giá trị uy tín ở mức rất cần thiết (ĐTB=4,00) là giá trị được xếp ở vị trí thứ nhất trong tổng số 15 giá trị trong mối quan hệ với bản thân. Đối với các em lứa tuổi học sinh THPT luôn muốn được thể hiện mình, muốn chứng tỏ bản thân trong các mối quan hệ, chính vì thế để được lòng tin của mọi người, đối với các em chữ “tín” hết sức quan trọng, đó là lý do vì sao các em lựa chọn giá trị uy tín. Em Trần Quyết Th chia sẻ *“Đối với em, việc giữ uy tín rất quan trọng, vì khi em giữ được uy tín với mọi người đặc biệt là với bạn bè thì các bạn bè rất quý mến và tin tưởng”, “Em cần nhiều giá trị nhưng em vẫn thấy uy tín rất cần thiết, vì khi em có uy tín với mọi người thì mới thuyết phục được mọi người”*. Theo sau giá trị uy tín, giá trị đoàn kết cũng được các em đánh giá rất cao, ở mức cần thiết (ĐTB=3,61) em Nguyễn Đình Thuận lớp 11A2 nói *“Em nghĩ giá trị đoàn kết quan trọng với bản thân mình hơn vì khi đoàn kết mới tạo được sức mạnh, vượt qua khó khăn, ngày xưa cũng nhờ vì sự đoàn kết của mỗi người dân, đất nước ta mới thắng được giặc ngoại xâm”*. Tiếp đến giá trị biết ơn và tôn trọng được các em đánh giá tương đương nhau ở mức (ĐTB=3,57), em Nguyễn Thị Thanh X lớp 12 trường THPT Châu Thành nói *“Đối với em giá trị nào cũng đều cần cho bản thân, tuy nhiên mỗi cá*

nhân cần nhìn nhận giá trị nào là cần thiết nhất cho bản thân ở thời điểm nào đó mà thôi, vì dụ như em, em lại thấy uy tín không quan trọng mà em nghĩ em là con gái quan trọng là phải chung thủy, trung thực, lạc quan, biết ơn...nên để đánh giá được giá trị nào quan trọng nhất thật khó vì em cần tất cả các giá trị”. Tìm hiểu thêm về các giá trị trong mối quan hệ bản thân, điều cần phải suy nghĩ là các em đang ở lứa tuổi tràn đầy sức sống, nhiều ước mơ thế nhưng các em lại không đánh giá cao giá trị lạc quan, có thể giải thích sự nhận thức này như sau: Tuổi học sinh THPT mặc dù đã bước qua giai đoạn khủng hoảng, tuy nhiên những suy nghĩ về những vấn đề xung quanh các em vẫn chưa sâu sắc và vẫn còn bồng bột, chính vì vậy các em vẫn rơi vào tình trạng thiếu tự tin vào bản thân mình nên các em chưa đánh giá cao giá trị lạc quan, giá trị này ở mức thấp nhất (ĐTB=3,1). Em Hoàng Trọng H chia sẻ “Giờ em thấy xã hội có nhiều bất công quá, người giàu có tiền coi thường mọi thứ, người giỏi chưa chắc đã có cuộc sống hạnh phúc, cứ là có điều kiện, con cha cháu ông là được trọng dụng, nên em thấy lo lắng không biết rồi sau này sẽ như thế nào, em thấy mất tự tin vào bản thân không còn lạc quan nữa”. Đây cũng là một vấn đề đặt ra cho nhà trường, các bậc phụ huynh, cần động viên, quan tâm các em để các em tự tin vào bản thân, có sự lạc quan trong cuộc sống, trong học tập vì các em là thế hệ trẻ tương lai xây dựng đất nước, nếu các em không có một tinh thần lạc quan để cố gắng học tập lao động, các em sẽ không thể đứng vững trên đôi chân của mình. Vì vậy, việc định hướng giá trị đạo đức cho các em là điều cần thiết và vô cùng quan trọng. Ngoài ra trong mối quan hệ với bản thân, so với những giá trị trên, các em cũng không đánh giá cao giá trị đồng cảm, mức độ cần thiết cho giá trị này (ĐTB=3,16) và giá trị khiêm tốn (ĐTB= 3,19).

Như vậy xét trong mối quan hệ với bản thân, các em đánh giá tương đối cao các giá trị đạo đức. Mặc dù không đáng kể nhưng vẫn còn có sự chênh lệch giữa các giá trị, vì thế vấn đề đặt ra cần sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường để các em có sự định hướng giá trị một cách đồng bộ.

2.4.1.2. Nhận thức các giá trị trong mối quan hệ với gia đình

Tuổi học sinh THPT là tuổi còn chịu sự tác động rất lớn từ gia đình và nhà trường, vẫn còn phụ thuộc vào gia đình về đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Vì thế đối với các em, gia đình vẫn là yếu tố quan trọng hàng đầu trong các mối quan hệ.

Để tìm hiểu rõ hơn về nhận thức trong mối quan hệ với gia đình, chúng tôi đã đưa ra 10 giá trị để đánh giá nhận thức của các em.

Bảng 2.3. các giá trị đạo đức cần thiết trong mối quan hệ với gia đình

Giá trị	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
Trách nhiệm	3,71	0,57	5
Quan tâm, chăm sóc	3,79	0,48	3
Kính trọng	3,85	0,39	2
Hiếu thảo	3,87	0,42	1
Biết ơn	3,77	0,47	4
Yêu thương	3,64	0,64	6
Bình đẳng	2,39	1,18	10
Độc lập	2,81	0,95	9
Chăm sóc em nhỏ	3,12	0,85	7
Nhận được sự chăm sóc	2,93	0,95	8

Theo sự nhận thức của các em, trong mối quan hệ với cha mẹ hiếu thảo là giá trị mấu chốt và quan trọng nhất, vì thế học sinh THPT đánh giá rất cao giá trị này. Học sinh THPT cho rằng giá trị hiếu thảo đóng vai trò quan trọng hơn tất cả các giá trị khác, tỉ lệ trung bình của giá trị hiếu thảo lên tới 3,87 ở vào mức rất cần thiết, cao vượt trội so với các giá trị mà chúng tôi đưa ra, điều này chứng tỏ dù ở thời đại nào các em vẫn coi trọng gia đình. Với vị trí là một người con, học sinh THPT mong muốn được thể hiện lòng yêu thương, hiếu thảo, kính trọng đối với cha mẹ. Vì thế, tiếp sau giá trị hiếu thảo các giá trị như kính trọng, quan tâm, chăm sóc được đánh giá ở mức cao. Các em nhận thấy được vai trò của gia đình trong cuộc sống của mình, thấy được tình yêu thương của gia đình. Kết quả cuộc phỏng vấn sâu của chúng tôi càng cho thấy rõ điều này. Bạn Nguyễn Minh K, học sinh lớp 11, Trường THPT Châu Thành, Bà Rịa cho rằng: *“Dĩ nhiên là con thì phải hiếu thảo với cha mẹ rồi. Em rất thương cha mẹ em, cha mẹ em vất vả nuôi 3 anh em em ăn học, nên em phải cố gắng học tốt để sau này báo hiếu với cha mẹ”*. Một học sinh khác ở trường THPT Trần Quang Khải nói: *“Em nghĩ đã là một người con thì luôn phải hiếu thảo với cha mẹ vì em thấy không ai thương con bằng cha mẹ, cha mẹ em luôn cố gắng làm việc để giành tất cả những gì tốt đẹp cho con của mình”*.

Điều này càng được thể hiện rõ trong những giá trị mà học sinh THPT ít lựa chọn như nhận được sự chăm sóc, độc lập, bình đẳng. Bạn Trần Thu TR, học sinh lớp 12

TTGDTX nói: “Con phải hiếu thảo, kính trọng cha mẹ, không thể nào đòi bình đẳng với cha mẹ, cha mẹ sinh ra em, nuôi em lớn làm sao em có thể đòi quyền bình đẳng”.

Như vậy trong mối quan hệ với gia đình, học sinh thể hiện nhất quán quan điểm của bản thân đối với các giá trị đạo đức, đó là lòng hiếu thảo, kính trọng. Đây là một tín hiệu đáng mừng khi giới trẻ ngày nay chịu ảnh hưởng quá nhiều những luồng văn hóa tác động không nhỏ đến định hướng giá trị của các em.

2.4.1.3. Nhận thức các giá trị trong mối quan hệ với thầy cô.

Trong các mối quan hệ của học sinh THPT, ngoài yếu tố gia đình, nhà trường đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc định hướng giá trị, thông qua nhà trường, dưới sự dạy bảo của thầy cô giáo sẽ giúp các em có được sự định hướng đúng đắn đồng thời thầy cô cũng chính là người tạo dựng hành trang, xây dựng tương lai cho các em. Vì vậy, đó là lý do chúng tôi muốn tìm hiểu nhận thức của học sinh THPT chính trong mối quan hệ với thầy cô giáo.

Bảng 2.4. Các giá trị đạo đức cần thiết trong mối quan hệ với thầy cô

Giá trị	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
Kính trọng	3,8	0,41	1
Trung thực	3,6	0,53	3
Thăng tiến	3,21	0,83	4
Biết ơn	3,63	0,60	2
Hy sinh	2,44	0,95	7
Tin tưởng	3,14	0,90	5
Phụ thuộc	1,72	0,88	9
Nhiệt thành	3,0	0,88	6
Bình đẳng	2,4	1,09	8
Vô tâm	1,3	0,67	10

Với những giá trị trên bảng trên trong mối quan hệ với thầy cô giáo đã cho thấy học sinh THPT có xu hướng lựa chọn các giá trị ở thứ hạng cao như kính trọng, biết ơn, trung thực.

Với điểm trung bình cho sự lựa chọn các giá trị kính trọng (ĐTB=3,8), biết ơn (ĐTB=3,65), trung thực (ĐTB=3,6), cho thấy tầm quan trọng, vai trò của thầy cô giáo trong mối quan hệ của các em. Với điểm trung bình cao nhất 3.8 cho giá trị kính trọng, điều này chứng tỏ rằng học sinh vẫn giữ được truyền thống tôn sư trọng đạo, trong gia đình có hiếu với cha mẹ, đến trường kính trọng thầy cô giáo. Trong xu thế xã hội khi mà

nên kinh tế ngày càng phát triển cùng với sự hội nhập nên việc giữ gìn và phát huy những giá trị cơ bản, nền tảng của thế hệ trẻ là vô cùng quan trọng. Hiện nay nhà trường các cấp đang lo ngại sự xuống cấp giá trị đạo đức của học sinh, nhưng với con số chúng tôi thu nhận được qua nghiên cứu này là một điều đáng mừng, các em vẫn coi trọng những giá trị đạo đức cốt lõi trong mối quan hệ với thầy cô. Học sinh vẫn thể hiện sự kính trọng, biết ơn thầy cô giáo, biết ơn người đã mang cả kho tàng kiến thức, làm hành trang giúp các em đủ sức mạnh để vững bước tương lai. Chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn sâu đối với một số em ở ba trường. Em Lê Hoàng Bảo Tr lớp 12 trường THPT Châu Thành nói: *“Em nghĩ, trường học như ngôi nhà thứ hai, thầy cô cũng như những người cha người mẹ thứ hai, bố mẹ sinh em ra, nuôi em khôn lớn, thầy cô cho em kiến thức, nên em nghĩ nếu không có sự dạy bảo của thầy cô thì chúng em không thể thành công được”*. Bạn Nguyễn Thái A lớp 11 trường THPT Trần Quang Khải nói: *“Thầy cô cung cấp cho em nhiều kiến thức nên chúng em phải biết ơn và kính trọng thầy cô”*.

Như vậy học sinh THPT có xu hướng nhìn nhận các giá trị trong mối quan hệ với thầy cô thể hiện sự kính trọng, biết ơn sâu sắc. Những giá trị ở thứ hạng thấp như vô tâm, bình đẳng, phụ thuộc ít được học sinh lựa chọn, đồng tình. Tuy nhiên vẫn còn một số em có lựa chọn những giá trị trên mặc dù số lượng không nhiều nhưng đó cũng là vấn đề khiến chúng ta cần suy nghĩ phải có biện pháp để không thay đổi nhận thức của số nhỏ học sinh về những giá trị mang tính tiêu cực. Muốn làm được điều này, phụ thuộc rất lớn vào sự quan tâm, phối hợp của gia đình, nhà trường.

2.4.1.4. Nhận thức các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với bạn bè

Tình cảm bạn bè trong lứa tuổi THPT là tình cảm đẹp, trong sáng và để lại nhiều ấn tượng trong đời sống của học sinh THPT. Tình cảm bạn bè cũng là yếu tố tác động đến nhận thức, tâm tư, tình cảm của mỗi em học sinh, sự tác động của mối quan hệ bạn bè có thể giúp các em học tập tốt và có sự cố gắng nỗ lực để vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, cũng không loại trừ, chính sự lôi kéo của bạn bè là nguyên nhân dẫn đến sự sa ngã vào những tệ nạn xã hội. Chính vì vai trò của bạn bè đối với lứa tuổi học sinh THPT, chúng tôi đã đưa ra 10 giá trị đạo đức trong mối quan hệ bạn bè để tìm hiểu nhận thức của học sinh lứa tuổi này đối với bạn bè.

Bảng 2.5. Các giá trị đạo đức cần thiết trong mối quan hệ với bạn bè

Giá trị	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
---------	------------	---------------	----------

Bình đẳng	3,53	0,73	2
Trung thực	3,4	0,71	4
Sòng phẳng	3,15	0,95	6
Dũng cảm	3,01	1,04	7
Lợi dụng	1,3	0,75	10
Uy tín	3,46	0,75	3
Chia sẻ	3,34	0,71	5
Hy sinh	2,64	0,93	9
Tôn trọng	3,59	0,67	1
Nhu cầu được giúp đỡ	2,94	0,89	8

Nhìn trên bảng số liệu 2.5 cho thấy xu hướng lựa chọn giá trị trong mối quan hệ bạn bè của các em học sinh. Với 10 giá trị chúng tôi đưa ra có 8 giá trị theo xu hướng tích cực và 2 giá trị được đánh giá là tiêu cực. Trong 8 giá trị đưa ra, chúng tôi đều nhận được điểm trung bình của các giá trị tích cực này ở mức cần thiết ($\text{ĐTB} \geq 3,0$), với số liệu này cho thấy, học sinh đánh giá tầm quan trọng của các giá trị trong mối quan hệ bạn bè khá cao và đồng đều, sự chênh lệch giữa các giá trị tích cực không đáng kể. Những giá trị tiêu cực chúng tôi đưa ra đều nhận được sự lựa chọn ở mức thấp. Để hiểu rõ về nhận thức của các em, chúng tôi tìm hiểu các giá trị từ cao đến thấp. Theo các em học sinh THPT ở ba trường đối với bạn bè yêu cầu giá trị tôn trọng là quan trọng nhất, điều này thể hiện rõ với trung bình các em lựa chọn giá trị này lên tới 3,59, đứng vị trí số một ở mức rất cần thiết, cao nhất trong tổng số 10 giá trị chúng tôi nêu ra. Tiếp theo là giá trị bình đẳng và uy tín là những giá trị các em lựa chọn và yêu cầu trong mối quan hệ bạn bè. Học sinh THPT là thời kỳ tình cảm bạn bè rất phát triển, sẽ có những người bạn thân để chia sẻ những niềm vui, những khó khăn trong học tập, cuộc sống. Chính vì vậy, việc yêu cầu cao trong mối quan hệ bạn bè là một điều tất yếu của lứa tuổi này.

Trên bảng xếp hạng những giá trị hầu hết không ưu tiên lựa chọn các giá trị trong mối quan hệ bạn bè như lợi dụng, yêu cầu được giúp đỡ, sự hy sinh. Tình cảm bạn bè ở lứa tuổi này rất đẹp và trong sáng chính vì vậy các em không đồng tình với những người bạn chơi với mình chỉ vì mục đích lợi dụng. Bạn Đinh Cao Kh lớp 12 trường THPT Châu Thành nói rằng: *“Theo em bạn bè chơi với nhau dựa trên sự tin tưởng, chia sẻ, tôn trọng nhau như vậy mới chơi được với nhau lâu, còn những người bạn chỉ lợi dụng người khác*

em rất ghét, em cũng không bao giờ chơi và có những người bạn như thế”, nhận thức của giá trị này được chứng minh qua điểm trung bình lựa chọn cho giá trị lợi dung (ĐTB= 1,3) ở mức không cần thiết, cần mực hoàn toàn không cần thiết và cũng đứng vị trí thấp nhất trong bảng xếp hạng.

2.4.1.5. Đánh giá chung về sự lựa chọn các giá trị đạo đức của học sinh THPT

Bảng 2.6. Đánh giá chung sự lựa chọn một số giá trị của học sinh THPT

Quan hệ	Giá trị lựa chọn cao	Giá trị lựa chọn thấp
Bản thân	Trung thực, tôn trọng, uy tín	Giản dị, đồng cảm
Gia đình	Quan tâm, kính trọng, hiếu thảo	Bình đẳng, độc lập, nhận được sự chăm sóc
Thầy cô	Kính trọng, trung thực, biết ơn	Vô tâm, phụ thuộc, bình đẳng
Bạn bè	Tôn trọng, bình đẳng, uy tín	Lợi dụng, hy sinh, nhu cầu được giúp đỡ

Như vậy dựa trên bảng tổng hợp các giá trị nêu trên cho thấy được các giá trị học sinh THPT lựa chọn dựa trên các mối quan hệ trong cuộc sống phù hợp với xu hướng của thời đại mới, vừa gìn giữ, vừa phát huy được những giá trị đạo đức cần thiết của mỗi một học sinh. Học sinh THPT đánh giá cao các giá trị đúng đắn cho bản thân như uy tín, trung thực, tôn trọng, đây được xem như những giá trị cần có đối với các em trong xu thế phát triển ngày càng hội nhập của xã hội nói chung và của thành phố các em đang sinh sống nói riêng. Trong mối quan hệ với gia đình, các em đề cao các giá trị như hiếu thảo, kính trọng, quan tâm. Điều này cho thấy sự nhận thức sâu sắc về vai trò của gia đình, các em hiểu được giá trị của gia đình cũng như tình yêu thương của cha mẹ, của những người thân yêu trong gia đình giành cho các em. Để có cơ hội sống một cuộc sống sung túc, đầm ấm, cha mẹ rất vất vả lo lắng cho các em. Chính vì thế tình yêu thương giành cho cha mẹ là vô bờ bến, điều đó thể hiện được ở sự nhận thức của các em thông qua những giá trị hiếu thảo, kính trọng. Học sinh THPT ít đồng tình với những giá trị như độc lập, bình đẳng, nhận được sự quan tâm, điều đó càng thấy rõ được sự nhận thức về những giá trị cần thiết trong gia đình. Đối với thầy cô những giá trị học sinh THPT lựa chọn cao bao gồm các giá trị: Kính trọng, biết ơn, trung thực, đây là những giá trị cần thiết đối với học sinh. Các em hiểu được điều nên làm của một học trò đó là sự kính trọng, biết ơn thầy cô, những con người đã cung cấp vốn tri thức làm hành trang bước vào đời. Ngược lại với những giá trị tích cực

đó, các giá trị như vô tâm, phụ thuộc được xếp vào những giá trị có sự lựa chọn thấp, chỉ có một số nhỏ học sinh lựa chọn. Đối với bạn bè học sinh THPT đánh giá cao sự tôn trọng, uy tín, bình đẳng, và không chấp nhận những giá trị tiêu cực như lợi dụng, hy sinh và được giúp đỡ.

2.4.1.5.1. Nhận thức của học sinh THPT thông qua các nhận định

Bảng 2.7. Nhận thức của các em học sinh thông qua các nhận định, đánh giá

STT	Các nhận định	Số lượng	Tỉ lệ %	Xếp hạng
1	Luôn cần cho mọi thể hệ	407	91,5	1
2	Thể hệ trẻ cần định hướng giá trị đạo đức đúng đắn.	395	88,8	2
3	Làm cho cá nhân và xã hội tốt hơn	394	88,5	3
4	Muốn có hạnh phúc con người phải có những giá trị đạo đức đúng đắn	390	87,6	4
5	Giá trị đạo đức luôn cần thiết cho sự phát triển xã hội	352	79,1	5
6	Giá trị đạo đức không được chọn lọc, xã hội sẽ hỗn loạn	261	58,7	6
7	Trong nền kinh tế thị trường cần hướng vào các giá trị kinh tế hơn giá trị đạo đức	78	17,5	7
8	Các giá trị đạo đức xưa mang tính lý thuyết, không đi đôi với thực tế	51	11,5	8
9	Giá trị đạo đức lỗi thời lạc hậu đối với cuộc sống hiện nay	13	2,9	9
10	Không cần phải tuân thủ các giá trị trong cuộc sống hiện đại	12	2,7	10

Để tìm hiểu nhận thức của học sinh đối với ý nghĩa của các giá trị đạo đức với xã hội hiện nay, chúng tôi đã đưa ra 10 nhận định, trong đó có 4 nhận định tiêu cực và 6 nhận định tích cực để tìm hiểu nhận thức của các em và kết quả thu được như bảng nêu trên.

Một điều đáng mừng có trên 50% học sinh đều lựa chọn, đồng tình với những nhận định tích cực và dưới 20% học sinh đồng tình với những nhận định chưa tích cực, điều này

chứng tỏ các em học sinh có nhận thức khá đúng đắn về ý nghĩa, tầm quan trọng của các giá trị đạo đức trong xã hội hiện nay. Để tìm hiểu cụ thể và sâu hơn chúng ta có thể đi sâu phân tích từng nhận định.

Với nhận định: Giá trị đạo đức luôn cần cho mọi thế hệ thì có tới 91,5% học sinh đồng tình lựa chọn, đây là điều ý nghĩa nhất để tìm ra thực trạng của việc định hướng giá trị đạo đức của các em học sinh THPT hiện nay và cũng là nhận định được các em lựa chọn cao nhất trong tổng số 10 nhận định.

Tiếp đến nhận định 2 và 3 là nhận định được học sinh lựa chọn với tỉ lệ tương đối cao. Có tới 88,8% các em đồng tình với nhận định thế hệ trẻ cần định hướng giá trị đạo đức đúng đắn. Không chỉ đồng tình với việc các giá trị đạo đức cần cho thế hệ trẻ, mà những giá trị đó phải là những giá trị cần thiết và đúng đắn, đúng đắn ở đây có nghĩa là phù hợp với bản thân, với truyền thống và chuẩn mực chung của xã hội. Nếu lựa chọn giá trị không có sự chọn lọc thì những giá trị đó không những không mang lại lợi ích cho bản thân mà còn hướng các em đến những việc làm sai trái. Con số 11 % là số lượng các em không đồng tình lựa chọn nhận định trên. Đối với nhận định 3, giá trị đạo đức làm cho cá nhân và xã hội tốt hơn, có 88,5% tỉ lệ học sinh lựa chọn nhận định này và 12,5% còn lại không tin tưởng việc lựa chọn giá trị đạo đức sẽ làm cho cá nhân và xã hội tốt hơn. Khi được hỏi một số em vì sao không lựa chọn nhận định trên, các em trả lời: *“Em không chắc những giá trị đạo đức sẽ làm cho con người và xã hội tốt hơn”*, em Lê Thị Quỳnh Ng học lớp 10 trường THPT Trần Quang Khải chia sẻ thêm *“Em thấy xã hội càng ngày càng có nhiều chuyện thật kinh khủng, ở đâu cũng nêu cao giá trị đạo đức vậy mà con người sống với nhau chỉ vì vật chất nhiều, đến con cái cũng giết cha mẹ để lấy tiền chơi game online”*, điều này cho thấy các em đang bị ảnh hưởng bởi bộ phận suy thoái đạo đức trong xã hội hiện nay, làm mất đi niềm tin tưởng về một xã hội tốt đẹp khi con người nhận thức đúng những giá trị đạo đức. Tuy nhiên các em quên một điều, những phần tử xấu trong xã hội hàng ngày các em vẫn thấy trên các phương tiện hầu hết đều rơi vào những người chưa nhận thức đúng giá trị đạo đức hay nhận thức các giá trị một cách lệch lạc, dẫn đến thái độ và hành vi không đúng với chuẩn mực của xã hội.

Tiếp theo ở nhận định 4, 5 có 13% - 20 học sinh không lựa chọn muốn có hạnh phúc con người phải có những giá trị đạo đức đúng đắn và giá trị đạo đức luôn cần thiết cho sự phát triển xã hội, tìm hiểu ý kiến của các em, chúng tôi nhận thấy rằng, một số em không có niềm tin vào những giá trị đạo đức truyền thống, theo suy nghĩ của một số em, hạnh

phúc là việc bạn có nhiều tiền hay không, có được mọi người nhìn nhận và ngưỡng mộ hay không? Điều này cho thấy một thực tế, các em đang bị nền kinh tế thị trường chi phối và tác động dẫn đến hoang mang giữa những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp với sức mạnh của đồng tiền trong thời đại kinh tế thị trường.

Nhận định 6 có tới hơn 40% số lượng học sinh không đồng tình lựa chọn giá trị đạo đức không được chọn lọc, xã hội sẽ hỗn loạn. Kết quả phỏng vấn sâu đối với một số em học sinh: Em Trần Mạnh T nói *“Em thấy hiện tại có bao nhiêu người sống chỉ biết bản thân, vô nhân đạo, không có đạo đức mà xã hội có sao đâu, mạnh ai người đó sống”*, em Nguyễn Thị Cẩm T lớp 12 trường THPT Trần Quang Khải cũng chia sẻ thêm *“Sự chọn lọc giá trị là ở bản thân mỗi người, nếu họ sống không tốt, chỉ ảnh hưởng đến bản thân họ, chẳng ảnh hưởng gì nhiều đến xã hội là mấy, nên em nghĩ chắc không đến mức xã hội loạn, mà nếu đã loạn thì cũng loạn trong mấy năm nay rồi, báo chí hàng ngày đưa tin không đếm xuể các vụ cướp của, giết người”*. Theo một số em trong xã hội hiện tại có rất nhiều người sống vô đạo đức, nhưng xã hội vẫn nề nếp kỉ cương, tuy nhiên các em quên rằng ngoài bản án lương tâm đối với những người vô đạo đức còn có hệ thống pháp luật kiểm soát trật tự xã hội. Trong lý giải trên, học sinh chưa hiểu rằng hệ thống pháp luật cũng chứa đựng những giá trị cốt lõi nhất của hệ thống chuẩn mực đạo đức của toàn xã hội. Đây cũng là một trong những hạn chế trong nhận thức của các em học sinh hiện nay.

Trong nhận định 7,8 có tới 17,5% và 11,5% số lượng các em đồng tình với nhận định: Trong nền kinh tế thị trường cần hướng vào các giá trị kinh tế hơn giá trị đạo đức, các giá trị đạo đức xưa mang tính lý thuyết, không đi đôi với thực tế. Những bộ phận các em khi lựa chọn những nhận định này chưa nhận thức rõ được tầm quan trọng cũng như vai trò của giá trị đạo đức trong việc quá trình phát triển xã hội, các em đang có cái nhìn hời hợt đối với những vấn đề chung của xã hội, chỉ thấy mặt nổi bên trên mà quên nhận thức chiều sâu của những vấn đề cốt lõi. Đối với một số em, cuộc sống con người chỉ cần có một cuộc sống vật chất đầy đủ, theo cách nhìn chung đó chính là điều hạnh phúc. Đây là một cách nhìn nông cạn, phiến diện, chỉ thấy cái giá trị vật chất, bề nổi chưa nhận thấy giá trị cốt lõi cần thiết cho bản thân cũng như xã hội. Để làm rõ thêm vấn đề này, em Nguyễn Thị Thu H chia sẻ *“Em thấy thời đại này, cứ thấy ai giàu là có tất cả, có quyền lực, địa vị và thậm chí là bằng cấp, nên giờ người ta chỉ lo kiếm tiền chứ có mấy ai lo tu dưỡng đạo đức”*, Em Huỳnh Quốc A chia sẻ thêm *“Đạo đức không bán ra tiền, với đời sống kinh tế thị trường, người buôn bán cũng không còn nghĩ đến đạo đức nữa mà chỉ có*

lợi nhuận thôi, nên em nghĩ có muốn đi chăng nữa thì họ cũng chỉ coi trọng kinh tế mà thôi”. Rõ ràng ngay từ trong khâu nhận thức, một bộ phận không nhỏ học sinh đã suy nghĩ rằng bản thân mình không nhất thiết phải ứng xử một cách đạo đức trong cuộc sống, không nhất thiết phải có định hướng giá trị đạo đức và xã hội có đạo đức hay không cũng không quan trọng, miễn sao lớn lên có được công ăn việc làm, kiếm được nhiều tiền và có chỗ đứng trong xã hội. Nhận thức của một số em đang có xu hướng lệch lạc, chạy theo kinh tế thị trường, quên mất bên cạnh việc có tiền tài, danh vọng các em cần có đức, vì thế cần có biện pháp định hướng nhận thức cho các em.

Như vậy nhìn chung các giá trị đạo đức dưới sự nhìn nhận của học sinh THPT thông qua các mối quan hệ gia đình, bạn bè, thầy cô phù hợp với chuẩn mực chung của xã hội Việt Nam. Mặc dù với xu thế phát triển kinh tế, sự hội nhập của nhưng luồng văn hóa khác nhau dẫn đến có một bộ phận nhỏ các em có cái nhìn chưa tích cực, chưa đúng về tầm quan trọng của những giá trị đạo đức cần thiết đối với bản thân, tuy nhiên xét một cách tổng quát trên tỉ lệ phần trăm thu được, đa phần các em vẫn nhận thức được những giá trị đạo đức đáng quý, cần thiết cho bản thân cũng như thông qua các mối quan hệ bạn bè, thầy cô, gia đình. Những giá trị các em lựa chọn đều là những giá trị truyền thống phù hợp với chuẩn mực chung của xã hội. Tuy nhiên vẫn có một bộ phận nhỏ các em chưa có sự nhận thức đúng đắn trong việc định hướng giá trị cho bản thân, con số đó không nhiều nhưng cũng là điều khiến chúng ta phải trăn trở suy nghĩ, cần phải làm gì để khi có những đề tài nghiên cứu tiếp theo sẽ không còn có sự lựa chọn theo xu hướng đi ngược với những giá trị đạo đức chuẩn mực mà các em cần có.

2.4.2. So sánh giữa các nhóm điều tra về nhận thức giá trị đạo đức

a. Về giới tính

Chúng tôi nhận thấy không có sự khác biệt nhiều về mặt nhận thức giữa học sinh nam và học sinh nữ ở cả 3 trường mà chúng tôi nghiên cứu (xem Bảng 6, phụ lục 4). Tuy nhiên, rải rác trong từng giá trị có sự khác biệt đáng kể.

Kết quả thống kê ở (xem Bảng 2.8.) cho thấy trong mối quan hệ với bản thân học sinh nam đánh giá cao hơn nữ các giá trị uy tín, can đảm. Các bạn nữ lại chọn các giá trị phù hợp với đức tính của các em như chung thủy, biết ơn. Đây là điều chúng ta vẫn thường thấy trong cuộc sống hàng ngày, học sinh nam với đặc điểm tâm lý là phái mạnh nên đối với bản thân mình, các em thường coi trọng các giá trị thể hiện sự mạnh mẽ như uy tín, can

đảm. Học sinh nữ là phái yếu, tính tình dịu dàng hơn, đặc biệt là các em thiếu nữ lứa tuổi học sinh THPT, đang bước vào giai đoạn đẹp nhất của tuổi thiếu nữ nên thường thích lãng mạn, hướng nội, vì thế các em lựa chọn các giá trị như chung thủy, biết ơn là điều dễ nhận thấy.

Bảng 2.8. So sánh về nhận thức giá trị đạo đức của học sinh nam và nữ

Giá trị	Nam		Nữ		F	P
	TB	ĐLC	TB	ĐLC		
Bản thân						
Uy tín	4,0	0,63	3,89	2,74	12,96	0,00
Chung thủy	2,99	0,97	3,47	0,81	3,58	0,05
Biết ơn	3,46	0,71	3,65	0,66	8,63	0,00
Can đảm	3,53	0,70	3,10	0,98	11,98	0,00
Gia đình						
Trách nhiệm	3,76	0,49	3,68	0,62	9,73	0,00
Kính trọng	3,78	0,48	3,90	0,30	41,76	0,00
Hiếu thảo	3,81	0,46	3,91	0,39	21,33	0,00
Yêu thương	3,49	0,69	3,75	0,59	30,77	0,00
Chăm sóc em nhỏ	3,07	0,95	3,20	0,72	8,30	0,00
Thầy cô						
Kính trọng	3,68	0,49	3,89	0,31	14,63	0,00
Trung thực	3,52	0,59	3,66	0,48	20,61	0,00
Thẳng thắn	3,24	0,63	3,18	0,96	25,51	0,00
Bạn bè						
Bình đẳng	3,60	0,54	3,48	0,84	26,94	0,00
Dũng cảm	3,17	0,87	2,88	1,14	20,57	0,00
Tôn trọng	3,47	0,69	3,69	0,64	14,90	0,00

Trong mối quan hệ gia đình, giữa nam và nữ cũng có một số điểm khác biệt đáng lưu ý. Học sinh nữ hầu hết có sự lựa chọn các giá trị trong gia đình cao hơn các em nam, cụ thể như trên bảng số liệu chúng ta thấy các giá trị như kính trọng, yêu thương, chăm sóc em nhỏ trung bình lựa chọn của các em nữ cao vượt trội. Giá trị kính trọng (nam: 3,78, nữ: 3,90), giá trị yêu thương (nam: 3,49, nữ: 3,75), hiếu thảo (nam: 3,81, nữ: 3,91). Các em nữ thường thích thể hiện sự gần gũi yêu thương, chăm sóc với gia đình, chính vì lẽ đó thông thường trong gia đình, những cuộc trò chuyện tình cảm hay thể hiện sự yêu thương các em

nữ đảm nhận vai trò tốt hơn. Tuy nhiên xét về các tình thần trách nhiệm, vai trò trong gia đình, học sinh nam có xu hướng lựa chọn nhiều hơn, điều này chứng tỏ vì sao giá trị trách nhiệm các em nam lại có tỉ lệ lựa chọn cao hơn nữ. Với mức lựa chọn của nam ($\text{ĐTB}=3,76$) so với nữ ($\text{ĐTB}=3,68$), các em nam thiên về xu hướng lựa chọn những giá trị thể hiện sự mạnh mẽ, trách nhiệm và trụ cột trong gia đình. Đặc biệt ở lứa tuổi THPT, cái “tôi” rất lớn, các em luôn muốn chứng tỏ cho những thành viên trong gia đình thấy các em đã trưởng thành, có thể trở thành chỗ dựa vững chắc cho bố mẹ và các em nhỏ.

Đối với thầy cô, học sinh em nữ lựa chọn các giá trị kính trọng, trung thực cao hơn so với học sinh nam, ngược lại các em nam lại lựa chọn giá trị thẳng thắn, với tính cách cứng cỏi của phái mạnh, học sinh nam cho rằng đây là giá trị cần thiết trong mối quan hệ với thầy cô. Tìm hiểu thêm về vấn đề này, em Nguyễn Hữu C chia sẻ *“Đối với thầy cô ngoài việc biết ơn, em nghĩ nên thẳng thắn chia sẻ những suy nghĩ, nhưng khó khăn với thầy cô, như thể thầy cô sẽ hiểu và thông cảm cho bọn em”*, em Lê Nguyên Thuy A lại có ý kiến khác *“Với bạn bè thì em thẳng thắn được, chứ với thầy cô thì không được, thầy cô ở bậc trên đối với em, em nghĩ em chỉ có thể kính trọng, biết ơn thầy cô”*. Để tìm hiểu thêm vấn đề này, chúng tôi đã có cuộc phỏng vấn sâu với giáo viên dạy văn tại trường THPT Trần Quang Khải, cô Nguyễn Thị H chia sẻ *“Các em nam mạnh dạn hơn các em nữ nên có nhiều vấn đề các em không ngại thể hiện, em nữ bao giờ cũng rụt rè và ngại bày tỏ quan điểm của mình”*. Như vậy trong mối quan hệ với thầy cô giáo, có sự khác biệt giữa học sinh nam và nữ, điều này một phần do đặc điểm tâm lý của học sinh lứa tuổi này.

Trong mối quan hệ bạn bè có một số khác biệt giữa học sinh nam và học sinh nữ, ở những giá trị trên trong mối quan hệ với gia đình, thầy cô, tỉ lệ lựa chọn hầu hết ở các giá trị của các em nữ luôn cao hơn các em nam. Tuy nhiên trong mối quan hệ bạn bè có sự thay đổi ngược lại so với các mối quan hệ gia đình, thầy cô giáo. Ngoài những giá trị có sự lựa chọn tương đồng, học sinh nam dường như yêu cầu ở những người bạn của mình cao hơn các em nữ. Điều này được thể hiện khá rõ ở bảng số liệu nêu trên. Các giá trị bình đẳng, dũng cảm, tôn trọng đều có mức điểm trung bình cao vượt trội so với học sinh nữ. Như chúng ta biết, tình cảm bạn bè ở lứa tuổi này phát triển rất mạnh mẽ, các em thường có những cặp đôi bạn thân, những nhóm bạn thân cùng chơi, cùng học tập, cùng chia sẻ nên việc lựa chọn bạn chơi, các em yêu cầu ở người bạn chơi của mình cao hơn ở những lứa tuổi khác. Tình cảm bạn bè ở lứa tuổi này nếu phát triển tốt sẽ trở thành những người bạn chí cốt suốt đời. Chính vì thế việc các em nam yêu cầu những giá trị trong mối quan

hệ bạn bè cao hơn nữ là điều tất yếu. Ngược lại các em nữ có xu hướng lựa chọn nhưng giá trị như chia sẻ, tôn trọng (xem Bảng 2, phụ lục 3) trong các mối quan hệ bạn bè.

a. So sánh nhận thức giữa các trường

Để đánh giá rõ được nhận thức của học sinh THPT ở các trường, chúng tôi đi sâu nghiên cứu và so sánh nhận thức của các em ở cả 3 trường.

Bảng 2.9. Các giá trị đạo đức đối với bản thân giữa các trường

Giá trị	Trường THPT						F	P
	Trần Quang Khải		Châu Thành		TTGDTX			
	TB	ĐLC	TB	ĐLC	TB	ĐLC		
Trung thực	3,55	0,70	3,67	0,53	3,43	0,56	5,92	0,003
Tôn trọng	3,60	0,58	3,80	0,39	3,32	0,76	4,03	0,000
Khiêm tốn	3,26	0,77	3,29	0,69	3,02	0,91	5,05	0,007
Lạc quan	3,16	0,83	3,00	0,83	3,16	1,06	1,52	0,218
Tự do	3,39	0,83	3,43	0,83	3,56	0,56	1,98	0,138
Kiên trì	3,40	0,74	3,57	0,58	3,28	0,72	6,91	0,001
Uy tín	3,60	0,58	4,00	0,41	3,56	0,79	9,66	0,000
Tôn trọng	3,61	0,58	3,62	0,62	3,50	0,72	1,63	0,196
Đồng cảm	3,17	0,80	3,22	0,86	3,08	0,85	0,97	0,378
Chung thủy	3,16	0,93	3,54	0,72	3,09	0,99	10,8	0,000
Giản dị	3,26	0,83	3,22	0,93	3,18	0,84	0,31	0,730
Đoàn kết	3,62	0,58	3,66	0,47	3,54	0,61	1,98	0,139
Biết ơn	3,58	0,67	3,80	0,50	3,32	0,76	20,0	0,000
Can đảm	3,36	0,79	3,27	1,0	3,25	0,87	0,59	0,551
Tin tưởng	3,30	0,83	3,53	0,69	3,42	0,77	3,24	0,040

Nhìn chung học sinh 3 trường đánh giá các giá trị đạo đức cần thiết với bản thân, thể hiện ($\text{ĐTB} \geq 3,0$) là mức cần thiết và rất cần thiết.

Trường THPT Trần Quang Khải đánh giá cao giá trị đoàn kết trong mối quan hệ bản thân, với điểm trung bình 3,62 rơi vào mức rất cần thiết cho thấy điều đó. Theo các em, đoàn kết làm nên sức mạnh, để thành công luôn cần tính thần đoàn kết, tính đồng đội của mỗi cá nhân. Trường THPT Châu Thành lựa chọn uy tín là giá trị có điểm trung bình cao nhất, ($\text{ĐTB}=4,0$) ở mức rất cần thiết. Với điểm trung bình 3,56 là điểm cao nhất học sinh TTGDTX lựa chọn cho giá trị uy tín và giá trị tự do.

Theo kiểm định ANOVA cho thấy, có một số giá trị trong mối quan hệ với cá nhân có sự khác biệt giữa các trường. Với $P \leq 0,05$ các giá trị như biết ơn, chung thủy, uy tín,

kiên trì, trung thực, kính trọng, khiến tôn có sự khác biệt ý nghĩa. Giá trị trung thực có sự chênh lệch ($P=0,003$) có sự khác biệt ý nghĩa, trường THPT Châu Thành có điểm trung bình cao nhất 3,56, kế tiếp trường THPT Trần Quang Khải ($\overline{DTB}=3,55$) và cuối cùng là các em học sinh TTGDTX với điểm trung bình 3,43. Giá trị tôn trọng được các em ba trường lựa chọn khá cao, trong đó nổi trội nhất vẫn là trường Châu Thành với ($\overline{DTB}=3,80$) ở mức rất cần thiết, trường Trần Quang Khải thấp hơn nhưng không đáng kể, với ($\overline{DTB}=3,60$) vẫn nằm trong mức rất cần thiết, học sinh TTGDTX chỉ lựa chọn giá trị này chỉ ở mức cần thiết với ($\overline{DTB}=3,32$). Đặc biệt cả ba trường đều lựa chọn giá trị uy tín với mức điểm cao vượt trội, với ($\overline{DTB}=4,00$) trường Châu Thành đứng vị trí số 1, tiếp theo đó là trường THPT Trần Quang Khải ($\overline{DTB}=3,60$) và cuối cùng là TTGDTX ($\overline{DTB}=3,56$), mặc dù có sự chênh lệch trong giá trị này nhưng nhìn chung cả ba trường đều lựa chọn những giá trị đạo đức phù hợp với bản thân ở mức rất cần thiết.

Các giá trị còn lại như khiêm tốn, kiên trì, chung thủy, biết ơn, tin tưởng có sự chênh lệch. Trường THPT Châu Thành vẫn đứng vị trí hàng cao nhất ở các giá trị với điểm trung bình ở mức rất cần thiết, các em học sinh trường Trần Quang Khải lựa chọn điểm trung bình thấp hơn nhưng không đáng kể đứng vị trí số 2 và cuối cùng là các em ở TTGDTX. Với kết quả này cho thấy sự nhận thức về các giá trị đạo đức của học sinh THPT Châu Thành vượt trội hơn hai trường còn lại, điều này đặt ra câu hỏi tại sao ở hầu hết các giá trị các em học sinh ở TTGDTX và trường Trần Quang Khải luôn có điểm trung bình thấp hơn trường Châu Thành? phải chăng do tình trạng phân hóa học sinh giữa các trường dẫn đến nhận thức học sinh của ba trường vẫn có sự chênh lệch.

Như vậy, nhìn chung nhận thức của học sinh ba trường khá cao, các em đều thấy các giá trị trong mối quan hệ bản thân ở mức cần thiết và rất cần thiết. Tuy nhiên vẫn còn có sự chênh lệch ý nghĩa ở một số giá trị, cần có sự định hướng cho các em trong việc nhận thức các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với bản thân.

Tìm hiểu về nhận thức giữa các trường trong mối quan hệ gia đình, chúng tôi dùng kiểm định ANOVA để so sánh mức độ khác biệt trong nhận thức của học sinh THPT.

Bảng 2.10. So sánh giá trị đạo đức trong mối quan hệ gia đình theo trường

Giá trị	Trường THPT						F	P
	Trần Quang Khải		Châu Thành		TTGDTX			
	TB	ĐLC	TB	ĐLC	TB	ĐLC		
Trách nhiệm	3,6	0,66	3,9	0,29	3,6	0,63	13,38	0,00
Quan tâm,	3,6	0,59	4,0	0,0	3,7	0,52	23,86	0,00

chăm sóc								
Kính trọng	3,8	0,44	3,9	0,11	3,7	0,47	16,56	0,00
Hiếu thảo	3,8	0,49	3,9	0,08	3,8	0,52	9,26	0,00
Biết ơn	3,7	0,5	4,0	0,0	3,5	0,58	33,72	0,00
Yêu thương	3,6	0,64	3,8	0,47	3,4	0,74	14,65	0,00
Bình đẳng	2,8	1,24	1,7	0,76	2,6	1,19	48,44	0,00
Độc lập	2,8	0,95	2,6	0,91	2,9	0,99	2,26	0,00
Chăm sóc em nhỏ	3,0	0,80	3,5	0,63	2,7	0,90	44,46	0,105
Nhận được sự chăm sóc	3,1	0,92	2,8	1,04	2,8	0,86	5,99	0,003

Với số liệu trên cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa về sự nhận thức các giá trị giữa các trường. Có sự chênh lệch ở một số giá trị, với $P=0,00$ ở 8 giá trị trên Bảng 2.10. cho thấy điều đó. Nhận thấy rõ nhất có sự khác biệt ở sự lựa chọn giá trị biết ơn, quan tâm, chăm sóc ở cả ba trường. Trường Châu Thành với điểm trung bình cao vượt trội so với hai trường còn lại. Mức điểm rất cần thiết ($\text{ĐTB}= 4,0$) là mức cao trong câu hỏi này, trong khi đó trường Trần Quang Khải ở mức ($\text{ĐTB}= 3,7$) còn TTGDTX ở mức ($\text{ĐTB}=3,5$), với điểm số trên cho thấy sự chênh lệch đáng kể. Ngoài ra các giá trị như yêu thương, chăm sóc em nhỏ, trách nhiệm cũng có sự chênh lệch khá lớn giữa các trường. Học sinh THPT Châu Thành đánh giá giá trị yêu thương ở mức trung bình là 3,9, trong khi đó trường Trần Quang Khải chỉ ở mức ($\text{ĐTB}=3,6$), TTGDTX ở mức ($\text{ĐTB}=3,5$). Tuy nhiên các giá trị như độc lập, bình đẳng trường Châu Thành lại ở mức lựa chọn thấp hơn so với hai trường.

Bảng 2.11. So sánh giá trị đạo đức trong mối quan hệ với thầy cô theo trường

Giá trị	Trường THPT						F	P
	Trần Quang Khải		Châu Thành		TTGDTX			
	TB	ĐLC	TB	ĐLC	TB	ĐLC		
Kính trọng	3,7	0,47	3,8	0,37	3,8	0,39	0,61	0,54
Trung thực	3,6	0,53	3,6	0,51	3,5	0,55	2,42	0,09
Thăng tiến	3,2	0,74	3,2	0,79	3,1	0,77	0,09	0,90
Biết ơn	3,6	0,61	3,6	0,63	3,6	0,55	0,12	0,89
Hy sinh	2,5	0,92	2,5	1,05	2,2	0,83	4,24	0,15
Tin tưởng	3,1	0,89	3,2	0,98	3,1	0,82	0,29	0,74
Phụ thuộc	2,0	1,05	1,5	0,66	1,6	0,81	14,04	0,00
Nhiệt thành	2,9	0,87	3,5	0,65	2,7	0,90	37,10	0,00
Bình đẳng	2,5	1,07	2,1	1,02	2,5	1,14	6,21	0,00
Vô tâm	1,3	0,80	1,2	0,66	1,3	0,54	1,07	0,34

Theo kiểm định ANOVA các giá trị trong mỗi quan hệ với thầy cô không có nhiều sự khác biệt, các giá trị các em học sinh ở ba trường có sự lựa chọn khá đồng đều, chỉ riêng giá trị phụ thuộc và nhiệt thành có sự chênh lệch rõ với $P=0,00$. Cụ thể giá trị nhiệt thành trường THPT Châu Thành có điểm trung bình 3,5 nằm ở mức rất quan trọng, trường THPT Trần Quang Khải ($\overline{DTB}=2,9$), TTGDTX ($\overline{DTB}=2,7$) rơi vào mức quan trọng.

Trong mỗi quan hệ bạn bè cũng có một số khác biệt trong việc lựa chọn các giá trị giữa học sinh ba trường. Trường THPT Châu Thành đánh giá cao giá trị tôn trọng trong mỗi quan hệ bạn bè, với mức trung bình là 3,9, kế tiếp là giá trị uy tín ở mức 3,6. Trường THPT Trần Quang Khải, các em lựa chọn giá trị bình đẳng ($\overline{DTB}=3,6$), theo học sinh trường Trần Quang Khải bạn bè chơi cùng nhau quan trọng nhất là phải bình đẳng. Cùng ý kiến với các em ở trường Trần Quang Khải, các em học sinh ở TTGDTX cũng lựa chọn giá trị bình đẳng ở mức khá cao ($\overline{DTB}=3,7$), các em đánh giá đây là yếu tố cần thiết để duy trì tình cảm bạn bè ở lứa tuổi này.

Bảng 2.12. So sánh giá trị đạo đức trong mỗi quan hệ bạn bè

Giá trị	Trường THPT						F	P
	Trần Quang Khải		Châu Thành		TTGDTX			
	TB	ĐLC	TB	ĐLC	TB	ĐLC		
Bình đẳng	3,5	0,66	3,3	0,92	3,7	0,50	9,27	0,00
Trung thực	3,4	0,71	3,5	0,68	3,3	0,75	2,34	0,09
Sòng phẳng	3,2	0,90	2,9	1,11	3,4	0,73	9,82	0,00
Dũng cảm	3,1	0,95	3,0	1,14	2,8	1,00	2,77	0,06
Lợi dụng	1,4	0,90	1,1	0,41	1,4	0,81	6,68	0,001
Uy tín	3,4	0,86	3,6	0,51	3,2	0,78	12,47	0,00
Chia sẻ	3,4	0,68	3,5	0,72	3,1	0,71	9,18	0,00
Hy sinh	2,6	0,92	2,7	0,95	2,5	0,93	1,67	0,18
Tôn trọng	3,4	0,76	3,9	0,16	3,4	0,72	41,54	0,00
Nhu cầu được giúp đỡ	3,0	0,87	2,9	0,92	2,9	0,86	1,84	0,16

Tóm lại nhận thức về các giá trị đạo đức của học sinh THPT ở ba trường đều mang tính tích cực cao. Nổi bật trong đó là các giá trị trọng mỗi quan hệ với bản thân, gia đình. Các em nữ học sinh thể hiện nhận thức tốt hơn các em nam trong mỗi quan hệ với bản thân, gia đình và thầy cô giáo. Các em nam lại có nhận thức tốt trong mỗi quan hệ bạn bè hơn so với các em nữ. Mặt khác có sự khác biệt giữa các trường nghiên cứu, trường THPT Châu Thành luôn vượt trội về mặt nhận thức ở tất cả các giá trị trong mỗi quan hệ với bản thân, gia đình, thầy cô và bạn bè, kế tiếp đó là trường THPT Trần Quang Khải và TTGDT

các em có tỉ lệ lựa chọn các giá trị thấp hơn cả so với hai trường. Điều này cho thấy sự phân hóa học sinh khá rõ ở các trường không chỉ về thành tích học tập mà còn cả về nhận thức các giá trị đạo đức của các em.

c. So sánh nhận thức giữa các khối lớp

Để tìm hiểu nhận thức của các em cụ thể ở các độ tuổi, chúng tôi đã khảo sát ngẫu nhiên trên cả ba khối học sinh của cả ba trường.

Với kiểm nghiệm ANOVA ($P \leq 0,05$) giá trị có sự khác biệt ý nghĩa, theo bảng số liệu phía dưới và bảng phần phụ lục 3 cho thấy, nhận thức các giá trị đạo đức của các em học sinh THPT ở ba khối lớp nhìn chung khá đồng đều, chỉ có một số những giá trị có sự khác biệt, cụ thể chúng tôi sẽ đi vào phân tích từng giá trị trong từng mối quan hệ với $P \leq 0,05$.

Trong mối quan hệ với bản thân, nhận thấy hầu hết ở các giá trị có sự chênh lệch không đáng kể, điểm trung bình của học sinh lớp 10, 11 cao hơn lớp 12. Với 15 giá trị các giá trị như trung thực, khiêm tốn, lạc quan, kiên trì, uy tín, tôn trọng, chung thủy, đoàn kết, tin tưởng với $P > 0,05$ không có sự khác biệt ý nghĩa, tuy nhiên nhìn chung các giá trị này điểm trung bình của lớp 12 thấp hơn khối lớp 10, 11. Còn 7 giá trị còn lại có sự khác biệt ý nghĩa với trị số $P \leq 0,05$, cụ thể như sau: Giá trị tự trọng học sinh lớp 10 đánh giá khá cao với (ĐTB= 3,65), cao nhất trong ba khối lớp, đứng ở vị trí thứ hai là lớp 11 (ĐTB=3,57) và lớp 12 ở mức (ĐTB=3,44). Giá trị lạc quan và tự do cũng có sự khác biệt, lớp 10 và lớp 11 vẫn có điểm số trung bình cao hơn các em học sinh lớp 12 trong cả hai giá trị. Giá trị đồng cảm, học sinh lớp 10 đánh giá giá trị này trong mối quan hệ với bản thân cao hơn hai khối lớp 11, 12, với (ĐTB=3,28), trong khi đó lớp 11 (ĐTB= 3,14), lớp 12 (ĐTB=3,05), có sự chênh lệch giữa lớp 10 và lớp 12. Các giá trị còn lại như biết ơn, can đảm học sinh lớp 12 vẫn lựa chọn thấp hơn hai khối 10 và 11.

Trong mối quan hệ với gia đình, hầu hết các giá trị có mức điểm trung bình tương đối cao, với 10 giá trị chúng tôi đưa ra, có 7 giá trị tích cực và 3 giá trị tiêu cực, trong 7 giá trị có 6 giá trị các khối lớp đều lựa chọn (ĐTB $\geq$ 3,0), đây là mức điểm cần thiết và cận mức rất cần thiết. Tuy nhiên dựa theo $P \leq 0,05$ chúng tôi chỉ tìm hiểu những sự khác biệt của một số giá trị ở mức ý nghĩa. Đối với khối học sinh lớp 10 trong 7 giá trị tích cực, các em đánh giá giá trị hiếu thảo cao vượt trội (ĐTB=3,94) rơi vào mức rất cần thiết. Ngược lại khối 11 lại chọn giá trị kính trọng trong mối quan hệ với gia đình cao nhất trong tất cả các giá trị mà chúng tôi đặt ra, với điểm trung bình là 3.86, giá trị hiếu thảo (ĐTB=3,85). Với

(ĐTB=3,84) là điểm số mà học sinh khối lớp 12 lựa chọn giá trị hiếu thảo. Mặc dù giữa các giá trị các khối lớp có sự chênh lệch nhỏ, nhưng các giá trị cao nhất mà các em lựa chọn đều có sự tương đồng, đối với mối quan hệ gia đình, cả ba khối học sinh đều nhận thấy vai trò quan trọng của giá trị hiếu thảo, kính trọng nằm ở mức rất quan trọng, kết quả này cũng phù hợp với phần nhận thức mà chúng tôi đã phân tích ở phần trên.

Các giá trị như quan tâm, chăm sóc, biết ơn, yêu thương có sự chênh lệch giữa các khối lớp. Khối 10 và khối 11 có tỉ lệ điểm trung bình lựa chọn các giá trị cao hơn khối lớp 12. Đối với các giá trị chưa tích cực các em học sinh 12 có tỉ lệ trung bình lựa chọn các giá trị thấp hơn các em khối 10 và 11 (xem Bảng 2,13).

Bảng 2.13. Bảng so sánh nhận thức các khối lớp

Giá trị	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12		F	P
	TB	ĐLC	TB	ĐLC	TB	ĐLC		
Bản thân								
Tự trọng	3,65	0,54	3,57	0,62	3,44	0,64	4,91	0,00
Trung thực	3,57	0,65	3,60	0,61	3,55	0,62	0,24	0,78
Khiêm tốn	3,20	0,86	3,21	0,73	3,16	0,82	0,12	0,88
Lạc quan	3,18	0,92	3,12	0,87	3,02	0,94	1,12	0,32
Tự do	3,51	0,73	3,54	0,72	3,33	0,79	3,31	0,03
Kiên trì	3,51	0,71	3,41	0,69	3,33	0,67	2,60	0,07
Uy tín	4,0	0,53	3,88	5,09	3,86	5,82	0,17	0,84
Tôn trọng	3,58	0,64	3,59	0,62	3,55	0,67	0,18	0,83
Đồng cảm	3,28	0,83	3,14	0,83	3,05	0,84	3,10	0,04
Chung thủy	3,22	0,98	3,37	0,87	3,20	0,87	1,55	0,21
Giản dị	3,34	0,85	3,21	0,82	3,10	0,91	2,78	0,06
Đoàn kết	3,66	0,57	3,58	0,58	3,57	0,53	1,10	0,33
Biết ơn	3,70	0,57	3,60	0,58	3,41	0,82	7,51	0,00
Can đảm	3,40	0,86	3,35	0,87	3,13	0,93	3,94	0,02
Tin tưởng	3,49	0,74	3,39	0,78	3,37	0,79	1,01	0,36
Gia đình								
Trách nhiệm	3,77	0,50	3,71	0,55	3,66	0,64	1,50	0,22
Quan tâm, chăm sóc	3,84	0,40	3,82	0,43	3,71	0,57	3,14	0,04
Kính trọng	3,90	0,30	3,86	0,40	3,79	0,46	2,63	0,07
Hiếu thảo	3,92	0,31	3,85	0,42	3,84	0,50	1,39	0,24
Biết ơn	3,84	0,36	3,74	0,52	3,73	0,52	7,86	0,00
Yêu thương	3,76	0,52	3,69	0,58	3,48	0,77	3,23	0,04
Bình đẳng	2,52	1,24	2,48	1,14	2,20	1,15	4,28	0,01
Độc lập	2,89	1,05	2,93	0,90	2,64	0,89	5,36	0,00

Chăm sóc em nhỏ	3,20	0,90	3,24	0,92	2,94	0,73	1,12	0,32
Nhận được sự chăm sóc	2,94	0,94	3,02	0,93	2,85	0,99	1,00	0,36
Thầy cô								
Kính trọng	3,82	0,38	3,76	0,48	3,83	0,37	1,000	0,36
Trung thực	3,60	0,56	3,64	0,54	3,57	0,49	0,698	0,49
Thăng thấn	3,25	0,86	3,12	0,96	3,21	0,83	1,039	0,35
Biết ơn	3,63	0,62	3,67	0,56	3,59	0,60	0,600	0,54
Hy sinh	2,38	0,99	2,57	0,89	2,39	0,94	1,877	0,15
Tin tưởng	3,12	0,96	3,20	0,89	3,11	0,85	0,474	0,62
Phụ thuộc	1,74	0,91	1,81	0,97	1,61	0,76	1,985	0,13
Nhiệt thành	3,14	0,85	2,97	0,83	2,91	0,93	2,899	0,05
Bình đẳng	2,38	1,10	2,41	1,09	2,40	1,09	0,038	0,96
Vô tâm	1,30	0,65	1,39	0,84	1,25	0,51	1,603	0,20
Bạn bè								
Bình đẳng	3,58	0,74	3,50	0,75	3,57	0,70	0,48	0,61
Trung thực	3,48	0,70	3,42	0,74	3,30	0,70	2,36	0,09
Dũng cảm	3,05	1,06	3,21	1,03	2,80	1,00	6,00	0,00
Uy tín	3,48	0,76	3,55	0,70	3,35	0,77	2,93	0,05
Chia sẻ	3,46	0,73	3,36	0,70	3,22	0,71	4,26	0,01
Hy sinh	2,66	0,95	2,84	0,96	2,44	0,85	7,12	0,00
Tôn trọng	3,69	0,57	3,64	0,60	3,46	0,78	5,15	0,006

Trong mối quan hệ với thầy cô giáo, học sinh lớp 12 cho rằng, giá trị kính trọng là giá trị cần thiết nhất, với điểm số các em lựa chọn (ĐTB=3,83) ở mức rất cần thiết. Cùng đồng tình với sự lựa chọn trên, học sinh lớp 10 và 11 cùng quan điểm đối với thầy cô giáo cần phải thể hiện lòng kính trọng và đây là yếu tố quan trọng nhất trong 10 yếu tố. Tiếp sau đó là giá trị biết ơn đứng vị trí thứ 2 là giá trị mà các em cả ba khối đều lựa chọn.

Với $P \leq 0,05$, trong mối quan hệ với thầy cô, chỉ một giá trị có sự khác biệt có ý nghĩa $P=0,05$. Học sinh lớp 10 có sự lựa chọn giá trị nhiệt thành cao hơn so với hai khối học sinh còn lại, với điểm trung bình của khối lớp 10 (ĐTB=3,14), học sinh lớp 11 (ĐTB=2,97), học sinh lớp 12 với (ĐTB=2,91).

Đối với bạn bè học sinh lớp 10, 11 lựa chọn giá trị tôn trọng ở mức quan trọng nhất, với điểm số trung bình học sinh lớp 10 lựa chọn ($\overline{DTB} = 3,68$), học sinh lớp 11 ($\overline{DTB} = 3,64$). Học sinh khối lớp 12 lựa chọn giá trị bình đẳng ở mức điểm trung bình cao nhất 3,57 trong 10 giá trị đưa ra. Cả giá trị này của ba khối đều rơi vào mức rất quan trọng.

Các giá trị uy tín, chia sẻ, tôn trọng, hy sinh với $P \leq 0,05$ có sự khác biệt ý nghĩa. Giá trị uy tín, học sinh lớp 11 lựa chọn cao hơn khối 10 và khối 12. Giá trị chia sẻ theo các em khối 10 lại cần thiết nhất, chiếm tỉ lệ trung bình (3,46), học sinh lớp 11 lựa chọn giá trị này ở mức điểm trung bình (3,36), học sinh lớp 12 ($\overline{DTB} = 3,22$).

Như vậy đánh giá chung nhận thức của học sinh của 3 khối về các giá trị đạo đức khá cao, hầu hết các giá trị cần thiết trong mối quan hệ với bản thân, bạn bè, thầy cô, gia đình các em lựa chọn ở mức cần thiết đến rất cần thiết, số liệu trên càng chứng tỏ được điều đó. Tuy nhiên cũng có một lưu ý về sự chênh lệch nhỏ giữa các khối lớp trong phần nhận thức, hầu hết các giá trị nêu trên, học sinh lớp 10, 11 luôn có sự lựa chọn cao học sinh khối lớp 12. Điều này đặt ra câu hỏi, tại sao khối học sinh lớp 12 với vai trò các anh chị lớn trong trường lại có sự nhận thức về các giá trị thấp hơn các em khối 10 và khối 11, phải chăng môi trường giáo dục tại nhà trường THPT về định hướng giá trị đạo đức chưa thực sự hiệu quả, hay do các em chịu tác động nhiều từ yếu tố xã hội.

2.5. Thái độ đạo đức của học sinh THPT thành phố Bà Rịa

2.5.1. Kết quả chung về thái độ đạo đức của học sinh THPT thành phố Bà Rịa

Thái độ chính là biểu hiện tình cảm của một cá nhân về một vấn đề nào đó, nó được thể hiện qua sự đồng tình hay không đồng tình hoặc nhận định như thế nào về một vấn đề của chính mình hoặc của những người xung quanh thông qua giao tiếp, ứng xử.

Để tìm hiểu thái độ về các giá trị đạo đức của các em học sinh THPT thành phố Bà Rịa, chúng tôi đưa ra 40 phát biểu xoay quanh những vấn đề đạo đức trong các mối quan hệ của các em. Mục đích của những nhận định này giúp chúng tôi tìm hiểu thái độ của học sinh đối với những giá trị đạo đức bằng cách vừa lồng ghép những thái độ tích cực và những thái độ tiêu cực, qua đó để học sinh đánh giá, bày tỏ thái độ của mình thông qua một số giá trị cụ thể.

Theo bảng số liệu, nhìn chung đa số các em học sinh có thái độ đánh giá tích cực đối với những giá trị đạo đức.

Bảng 2.14. Thái độ của học sinh THPT

Thái độ	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
Tôi nghĩ thế giới này nếu không có chiến tranh, thiên tai thì mọi người dân đều được sống hạnh phúc	3,42	0,89	4
Tôi biết ơn những anh hùng đã hy sinh vì đất nước	3,71	0,55	1
Tôi tự hào vì sống trong một đất nước kiên cường, anh dũng	3,62	0,68	2
Khi thấy ai gặp nạn, tôi thấy cảm thương họ	3,27	0,72	10
Tôi thấy buồn khi người ngoại quốc chê đất nước mình nghèo	2,49	1,48	24
Tôi Phản đối những hành vi chống phá tổ quốc, xúc phạm dân tộc	3,39	0,98	8
Tôi luôn kiểm chế và tránh xúc phạm tới người khác	3,22	0,91	12
Tôi ghét những người sống giả dối	3,0	1,0	18
Tôi luôn bảo vệ kẻ yếu	2,79	0,97	23
Tha thứ, bỏ qua lỗi lầm của người khác	3,11	0,88	16
Tôi luôn nghiêm chỉnh thực hiện những nội quy của lớp, của trường	3,22	0,80	11
Xếp hàng nghiêm túc nơi công cộng	2,93	0,89	22
Tôi luôn chịu trách nhiệm về những gì mình đã làm	3,33	2,07	9
Tôi ghét những ai xả rác một cách vô ý thức	3,08	1,01	18
Tôi nghĩ lương tâm của mỗi người là căn cứ quan trọng của đạo đức	3,19	0,99	15
Tôi nghĩ những người không biết biết ơn người khác là vô đạo đức	2,95	0,92	21
Tôi nghĩ, một người con ngoan là người biết kính trọng cha mẹ	3,22	0,95	13
Với tôi, cha mẹ luôn là người tôi biết ơn sâu sắc	3,59	0,79	3
Tôi luôn làm mọi việc để cha mẹ vui lòng.	3,39	0,81	6
Nếu tôi là một người anh/chị cả trong gia đình, tôi sẽ luôn gương mẫu, chăm sóc các em tôi	3,20	0,93	14
Tôi sống hết mình với bạn bè	2,76	0,84	24
Tôi thường khuyên nhủ bạn bè có tính cách chưa tốt	2,73	1,36	25
Tôi nghĩ, một người bạn tốt là người biết quan tâm, chia sẻ.	3,08	1,03	19
Đối với thầy cô, tôi luôn thể hiện sự tôn kính	3,47	2,60	5
Tôi luôn thăm hỏi, biết ơn thầy cô giáo cũ	3,4	0,86	17
Tôi sẽ lựa chọn những trường ĐH phù hợp với năng lực của tôi	3,38	0,78	7
Tự tin vào bản thân	2,98	0,85	20
Tiêu cực			
Trong gia đình, tôi muốn hoàn toàn tự quyết định chuyện riêng của mình	2,34	1,06	2
Tôi tự nhủ ai làm hại tôi, thì sẽ bị trừng phạt dù	2,32	1,11	3

sớm hay muộn			
Tôi lựa chọn theo đa số dù biết việc đó là sai.	1,50	0,88	11
Tôi không quan trọng việc giữ lời hứa với bạn bè	1,74	1,10	5
Tôi luôn đặt lợi ích của mình lên trên lợi ích của người khác	1,69	0,81	7
Đối với tôi, học tập chẳng qua là để kiếm tiền	1,54	0,87	10
Tôi ghét những người nói xấu tôi	2,86	1,09	1
Tôi chỉ biết ơn những thầy cô dạy tôi trên lớp	1,73	1,04	6
Tôi ghét phải xin lỗi mặc dù tôi có lỗi	1,64	1,03	8
Tôi luôn nhờ sự giúp đỡ khi gặp bất kỳ một khó khăn nào, dù là rất nhỏ	2,05	1,07	4
Tôi không quan trọng việc học ngành gì mà quan trọng là có kiếm được nhiều tiền hay không	1,57	0,88	9
Tôi nghĩ những công việc lao động chân tay là những công việc thấp hèn	1,23	0,63	12
Tôi luôn tỏ ra nổi bật hơn bạn bè	1,73	1,04	6

Trong phần nhận thức, học sinh THPT đánh giá rất cao giá trị biết ơn đến phần đánh giá thái độ của các em, một lần nữa có thể khẳng định được sự nhận thức đúng đắn của đa số học sinh THPT tại thành phố Bà Rịa. Với tỉ lệ trung bình 3,71 thể hiện thái độ cao nhất của các em về việc biết ơn những anh hùng đã hy sinh vì đất nước. Học sinh THPT vẫn gìn giữ được những truyền thống quý báu của dân tộc “uống nước nhớ nguồn”, không quên công lao to lớn của những người đã đổ xương máu hy sinh cho các em một bầu trời màu xanh để học tập, phấn đấu. Để làm rõ thêm vấn đề này, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn sâu một số em học sinh ở ba trường, các em đều có nhận định: *“Không phải tự nhiên bọn em mới có một cuộc sống hòa bình như hôm nay, em biết ơn và khâm phục những anh hùng đã không tiếc xương máu ngã xuống để bảo vệ hòa bình cho chúng em”*.

Kế tiếp các em đồng tình và có thái độ tích cực đối với việc biết ơn cha mẹ sâu sắc, đứng vị trí thứ 3 (ĐTB=3,59) sau thái độ tự hào và thể hiện tình yêu quê hương đất nước. Ngoài ra các em cũng thể hiện thái độ tích cực với các những giá trị như: Biết ơn thầy cô giáo, giữ lời hứa với bạn bè, thái độ thương người khi họ gặp hoạn nạn...

Trong mối quan hệ cá nhân, các em thể hiện thái độ đồng tình luôn chịu trách nhiệm với những gì mình đã làm (ĐTB=3,33). Thể hiện sự khoan dung, độ lượng trong cách cư xử với mọi người xung quanh, tha thứ bỏ qua lỗi lầm của người khác (ĐTB=3,11).

Trong mối quan hệ bạn bè, các em có tình cảm tốt đối với việc thể hiện lòng tin, giữ lời hứa với bạn và biết quan tâm chia sẻ với nhau (ĐTB=3,08). Các em luôn có thái độ tích cực đối với việc giúp đỡ bạn và khuyên những người bạn chưa tốt.

Đã là một thành viên trong xã hội, các em quan điểm, không chỉ quan tâm tới chính mình mà còn phải quan tâm tới những người xung quanh mình đồng thời nghiêm chỉnh chấp hành những nội quy của môi trường các em đang sống. Trong gia đình hiếu thảo với cha mẹ, đến trường chấp hành mọi nội quy của nhà trường đề ra (ĐTB=3,22), ra ngoài xã hội chấp hành những nội quy chung của pháp luật, có ý thức giữ gìn môi trường xanh sạch đẹp, điều này được thể hiện rõ khi sự đồng tình của các em đối với những bạn xả rác bừa bãi, vô ý thức với điểm trung bình là 3.08.

Đặc biệt học sinh THPT thể hiện có thái độ phản kháng đối với những hành vi chống phá đất nước, những người dối trá, những biểu hiện thiếu văn hóa, không tôn trọng cha mẹ, thầy cô giáo. Theo dõi trên bảng dựa trên những nhận định tiêu cực cho thấy, sự lựa chọn đối với những thái độ tiêu cực tương đối thấp. Chỉ có một con số nhỏ các em học sinh đồng tình với việc đặt lợi ích của bản thân lên trên lợi ích của người khác (ĐTB=1,69), học tập không chỉ kiếm tiền (ĐTB=1,54) nằm ở mức không cần thiết. Mặt khác cũng chỉ có một số ít em đồng tình với việc chỉ biết ơn thầy cô giáo dạy mình trên lớp hay luôn tỏ ra nổi bật giữa bạn bè (ĐTB=1,75).

Như vậy so với phần nhận thức trên có thể kết luận rằng kết quả nhận thức và thái độ khá tương đồng, các em vẫn ưu tiên lựa chọn và thể hiện thái độ đồng tình với những giá trị biết ơn cha mẹ, thầy cô, đối với bạn bè là sự chia sẻ, quan tâm nhau và giữ lời hứa.

Tuy nhiên vẫn còn một bộ phận các em vẫn chưa có nhận thức đúng cũng như có thái độ chưa tích cực hoặc thái độ lệch lạc đối với những giá trị cần thiết cho bản thân.

2.5.2. So sánh các nhóm khách thể điều tra về thái độ

a. Về giới tính

Kết quả xử lý theo kiểm định ANOVA cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa giữa học sinh nam và học sinh nữ về thái độ đạo đức. Nhìn vào bảng số liệu ta thấy học sinh nam có thái độ tích cực đối với các giá trị như hòa bình thế giới (ĐTB=3,6) so với các em nữ (ĐTB=3,2), biết ơn những anh hùng đã hy sinh vì đất nước (ĐTB=3,6), các em nữ lựa chọn ở mức trung bình thấp không đáng kể là (ĐTB=3,5), các em đánh giá cao các giá trị tự hào về đất nước (ĐTB=3,7), đồng tình với việc phản đối những hành vi chống phá tổ quốc (ĐTB=3,5). Điều này hoàn toàn phù hợp với đặc điểm tâm lý cũng như suy nghĩ của người Việt Nam, người đàn ông bao giờ cũng trở thành trụ cột của gia đình, gánh vác những việc lớn lao, những công việc của xã hội, vì thế, các em nam thường hướng sự nhìn

nhận và quan tâm đến những vấn đề xã hội hơn là các em nữ. Tâm điểm quan tâm của các em nữ thường xoay quanh những vấn đề như gia đình, thầy cô bằng việc thể hiện sự hiếu thảo, lòng biết ơn, quan tâm đến anh chị em trong gia đình. Bảng số liệu phía dưới phần nào khẳng định được điều đó.

Bảng 2.15. So sánh thái độ giữa học sinh nam và học sinh nữ

Giá trị	Nam		Nữ		F	P
	TB	ĐLC	TB	ĐLC		
Tôi nghĩ thế giới này nếu không có chiến tranh, thiên tai thì mọi người dân đều được sống hạnh phúc	3,6	0,66	3,2	1,01	56,88	0,00
Tôi biết ơn những anh hùng đã hy sinh vì đất nước	3,6	0,67	3,5	0,44	28,83	0,00
Tôi tự hào vì sống trong một đất nước kiên cường, anh dũng	3,7	0,54	3,4	0,80	33,36	000
Tôi thấy buồn khi người ngoại quốc chê đất nước mình nghèo	2,3	1,07	2,5	1,26	24,50	000
Tôi Phản đối những hành vi chống phá tổ quốc, xúc phạm dân tộc	3,5	0,87	3,2	1,09	18,34	,000
Tôi ghét những người sống giả dối	2,8	1,08	3,1	0,90	10,31	,001
Tôi luôn nhờ sự giúp đỡ khi gặp bất kỳ một khó khăn nào, dù là rất nhỏ	2,2	1,18	1,9	0,96	33,91	,000
Tôi nghĩ, một người con ngoan là người	2,9	1,05	3,4	0,82	16,33	,000

biết kính trọng cha mẹ						
Với tôi, cha mẹ luôn là người tôi biết ơn sâu sắc	3,4	0,94	3,7	0,63	32,78	,000
Tôi luôn tỏ ra nổi bật hơn bạn bè	2,0	1,21	1,4	0,92	34,98	,000
Tôi chỉ biết ơn những thầy cô dạy tôi trên lớp	2,0	1,17	1,5	0,89	32,83	,000
Tôi luôn thăm hỏi, biết ơn thầy cô giáo cũ	3,2	0,99	3,5	0,73	27,12	,000
Tôi sẽ lựa chọn những trường ĐH phù hợp với năng lực của tôi	3,4	0,88	3,2	0,68	7,72	,006
Tôi không quan trọng việc học ngành gì mà quan trọng là có kiếm được nhiều tiền hay không	1,4	0,83	1,7	0,85	9,36	,002
Tôi nghĩ những công việc lao động chân tay là những công việc thấp hèn	1,0	0,38	1,4	0,81	108,17	,000

Học sinh nữ rất coi trọng các giá trị đạo đức như biết ơn cha mẹ, biết ơn thầy cô giáo. Đây cũng là điều dễ hiểu vì các em nữ thường có tình cảm sâu sắc, hay thể hiện sự quan tâm tới cha mẹ thầy cô giáo hơn bằng các cử chỉ, thái độ các em nam. Em Trần Bảo Tr lớp 10 TTGDTX nói: *“Mặc dù có một số thầy cô không dạy em nhưng em vẫn chào hỏi lễ phép khi gặp mặt, vào dịp lễ tết em với nhóm bạn vẫn ghé nhà thầy cô giáo chủ nhiệm cũ”*.

Về định hướng nghề nghiệp tương lai, học sinh nam lại có phần tự chủ hơn trong việc lựa chọn, quyết định hướng đi cho mình cụ thể ở đây là lựa chọn trường đại học. Thực tế cho thấy, học sinh nữ thường thụ động và bị chi phối bởi bố mẹ, anh chị em về công

việc, nghề nghiệp tương lai nên quyết định của các em phụ thuộc vào gia đình khá nhiều. Khi được hỏi về việc lựa chọn trường đại học trong tương lai em Huỳnh Lê Diệu H lớp 12A3 trường Trần Quang Khải chia sẻ: *“Em thích làm tiếp viên hàng không nhưng bố mẹ em là giáo viên nên bố mẹ em muốn em học giáo viên, công việc vừa ổn định lại phù hợp, ra trường có thể về dạy ở trường mẹ em”*. Em Cao Tuấn Th lớp 11A5 trường THPT Châu Thành nói: *“Bố mẹ em cũng góp ý cho em, nhưng em được quyết định vì em biết em thích làm gì và em có khả năng thi trường nào”*. Em Trần Khánh L lớp 12A1 TTGDTX thì chia sẻ: *“Em học khối C, nhưng học lực của em chỉ ở mức trung bình khá, bố mẹ em muốn em học trung cấp kế toán để sau này có thể dễ xin việc làm”*. Vấn đề lựa chọn trường đại học ảnh hưởng lớn đến nghề nghiệp tương lai của các em, hiện nay một số bậc phụ huynh vẫn có tư tưởng áp đặt con đi theo xu thế của xã hội, chính vì vậy dẫn đến tình trạng học lệch, học trái với sở thích làm cho học sinh không phát huy được điểm mạnh cũng như năng khiếu của bản thân.

Đối với những nhận định tiêu cực cũng có một số điểm cần lưu ý giữa các em nam và các em nữ. Tỷ lệ trung bình học sinh nữ đồng tình với những giá trị như: luôn tỏ ra nổi bật hơn bạn bè, chỉ biết ơn những thầy cô dạy tôi trên lớp thấp hơn các em nam. Ngược lại số lượng học sinh nam ít đồng tình với không quan trọng việc học ngành gì mà quan trọng là có kiếm được nhiều tiền hay không và những công việc lao động chân tay là những công việc thấp hèn ($\text{ĐTB}=1,00$) rơi vào mức hoàn toàn không phù hợp. Mặc dù số lượng các em đồng tình những nhận định theo chiều hướng tiêu cực không nhiều nhưng đây cũng là điều phải quan tâm, suy nghĩ.

b. So sánh thái độ theo trường

Dựa theo bảng số liệu có sự chênh lệch khá lớn trong thái độ đánh giá các nhận định đạo đức của ba trường. Với $\text{Sig} < =0,05$, thể hiện khác biệt ý nghĩa giữa ba trường về thái độ đạo đức của học sinh THPT. Hầu hết ở các giá trị tỉ lệ điểm trung bình lựa chọn và thể hiện thái độ tốt đối với các nhận định học sinh trường THPT Châu Thành cao hơn hai trường hầu hết ở tất cả các giá trị, đứng ở vị trí thứ hai là trường THPT Trần Quang Khải và cuối cùng là các em học sinh thuộc TTGDTX.

Đặc biệt có một số giá trị được các em có thái độ đánh giá cao ở mức vượt trội như: biết ơn các anh hùng hay các giá trị từ bản thân như kiềm chế và tránh xúc phạm tới người khác, bảo vệ kẻ yếu và trong mối quan hệ với bố mẹ, học sinh trường THPT Châu Thành

cũng thể hiện thái độ vượt trội với giá trị luôn làm cha mẹ hài lòng (ĐTB=3,5), biết ơn thầy cô giáo cũ (ĐTB=3,6).

Số liệu này hoàn toàn phù hợp với phần nhận thức của học sinh ở cả ba trường. Sự phân hóa học sinh ở ba trường cũng là một thực tế mà chúng tôi nhận thấy. Trường Châu Thành là một trong những trường chuyên của thành phố Bà Rịa, tỉ lệ học sinh giỏi hàng năm luôn đứng đầu thành phố Bà Rịa, năm vừa qua tỉ lệ tốt nghiệp THPT của các em chiếm tới 98%. Các em học sinh thuộc TTGDTX thường có thành tích học tập trung bình, kém và không có khả năng vào các trường khác nên các em học tại đây. Khi được hỏi về thành tích của trường, các thầy cô chỉ trả lời: “*Học sinh ở đây quậy phá và học kém lắm, hầu như không vào được các trường công lập nên cho học ở đây, khó khăn lắm mới lên được lớp chứ đừng nói đến việc đậu đại học*”.

Bảng 2.16. So sánh thái độ giữa các trường

Thái độ	Trường THPT						F	P
	Trần Quang Khải		Châu Thành		TTGDTX			
	TB	ĐL C	TB	ĐL C	TB	ĐLC		
Tôi biết ơn những anh hùng đã hy sinh vì đất nước	3,6	0,56	3,8	0,54	3,6	0,68	7,77	0,00
Tôi tự hào vì sống trong một đất nước kiên cường, anh dũng	3,6	0,58	3,8	0,44	3,3	0,87	15,23	0,00
Tôi Phản đối những hành vi chống phá tổ quốc, xúc phạm dân tộc	3,4	0,98	3,5	0,92	3,1	1,01	6,62	0,00
Tôi luôn kiềm chế và tránh xúc phạm tới người khác	3,0	1,00	3,5	0,76	3,1	0,90	12,83	0,00
Tôi lựa chọn theo đa số dù biết việc đó là sai.	1,4	0,89	1,2	0,65	1,7	0,99	12,84	0,00
Tôi luôn bảo vệ kẻ yếu	2,8	0,94	3,0	0,88	2,5	1,03	8,87	0,00
Tôi luôn đặt lợi ích của mình lên trên lợi ích của người khác	1,7	0,93	1,4	0,72	1,9	0,71	12,99	0,00
Đối với tôi, học tập chẳng qua là để kiếm tiền	1,5	0,92	1,2	0,56	1,8	0,56	21,81	0,00

Tha thứ, bỏ qua lỗi lầm của người khác	3,1	0,88	3,1	0,85	2,8	0,9	3,10	0,04
Tôi luôn nghiêm chỉnh thực hiện những nội quy của lớp, của trường	3,3	0,81	3,3	0,75	3,0	0,8	9,04	0,00
Xếp hàng nghiêm túc nơi công cộng	3,0	0,89	3,1	0,72	2,6	0,93	16,72	0,00
Tôi ghét những ai xả rác một cách vô ý thức	3,1	0,96	3,4	0,89	2,6	1,04	21,43	0,00
Tôi luôn làm mọi việc để cha mẹ vui lòng.	3,4	0,81	3,5	0,79	3,2	0,74	4,7	0,01
Nếu tôi là một người anh/chị cả trong gia đình, tôi sẽ luôn gương mẫu, chăm sóc các em tôi	3,3	0,86	3,3	0,98	3,0	0,90	5,8	0,00
Trong gia đình, tôi muốn hoàn toàn tự quyết định chuyện riêng của mình	2,3	1,10	2,5	1,12	2,2	0,95	3,04	0,04
Tôi sống hết mình với bạn bè	2,7	0,85	2,9	0,72	2,5	0,90	6,05	0,00
Tôi không quan trọng việc giữ lời hứa với bạn bè	1,7	1,12	1,4	0,85	1,9	1,07	7,54	0,00
Tôi luôn tỏ ra nổi bật hơn bạn bè	1,7	1,12	1,4	0,93	2,0	1,19	10,83	0,00
Đối với thầy cô, tôi luôn thể hiện sự tôn kính	3,6	3,2	3,7	3,17	3,0	1,06	3,21	0,04
Tôi chỉ biết ơn những thầy cô dạy tôi trên lớp	1,7	1,12	1,4	0,85	1,9	1,17	11,99	0,00
Tôi luôn thăm hỏi, biết ơn thầy cô giáo cũ	3,3	0,92	3,6	0,73	3,2	0,88	3,43	0,03
Tôi sẽ lựa chọn những trường ĐH phù hợp với năng lực của tôi	3,4	0,75	3,4	0,56	3,2	0,96	8,68	0,00
Tôi không quan trọng việc học ngành gì mà quan trọng là có kiếm được nhiều tiền hay không	1,6	0,97	1,2	0,59	1,7	0,94	14,78	0,00
Tôi nghĩ những công việc lao động chân tay là những công	1,2	0,64	1,04	0,22	1,4	0,79	17,51	0,00

việc thấp hèn								
---------------	--	--	--	--	--	--	--	--

Như vậy với kết quả nghiên cứu trên cho thấy việc phân hóa học sinh ở các trường cũng tác động và ảnh hưởng đến việc định hướng giá trị đạo đức của các em. Những học sinh có thành tích học tập khá, giỏi, kèm theo hành kiểm tốt đều tập trung vào một số trường, còn lại những học sinh vốn đã có thành tích học tập không tốt, hành kiểm kém phải học tách riêng. Sự phân hóa học sinh dẫn đến các em không có môi trường để phân đấu học tập, không có những người bạn cùng lớp cùng trường giúp các em có thể nêu gương và cố gắng. Một môi trường không có sự vượt trội kéo theo là tình trạng học tập không tốt, chán nản mất niềm tin vào bản thân, dẫn các em vào con đường sa ngã nếu không được sự kiểm soát chặt chẽ. Chúng tôi tìm hiểu vấn đề này ở TTGDTX, vốn cũng là một ngôi trường đào tạo hệ ba năm giành cho đối tượng học sinh THPT. Tổng thể không có nhiều sự khác biệt, ở đây các em vẫn học chương trình ba năm, giáo viên dạy đảm bảo chất lượng khá tốt nhưng tỉ lệ học sinh lên lớp và đậu tốt nghiệp ở đây rất ít và nói đến việc học đại học, cao đẳng lại trở nên rất hiếm. Cô Phan Thi H, giáo viên dạy hóa chia sẻ “*Các em học sinh ở đây học rất yếu, hành kiểm lại kém, thường xuyên bỏ học, có 150 -200 học sinh thi đại học thì may ra được 2,3 em đậu đại học*”. Những trường thành tích tốt lại càng được quan tâm và các em lại được tiếp thêm động lực để phấn đấu và cố gắng. Đây cũng chính là bất cập của giáo dục nước ta hiện nay, tình trạng trường chuyên, lớp chọn dẫn đến sự phân hóa học sinh không đồng đều giữa các cấp học

a. Về khối lớp

Theo bảng số liệu (xem Bảng 14, phụ lục 3) không có nhiều sự chênh lệch giữa các khối lớp, với $P < 0,05$ ta thấy có sự khác biệt ý nghĩa ở một số thái độ giữa các khối lớp mà chúng tôi liệt kê dưới đây. Điều đáng quan tâm là thái độ đánh giá các giá trị của các em học sinh lớp 10, 11 lại tốt hơn các em lớp 12, dường như sự định hướng giá trị, những biện pháp từ môi trường giáo dục ở THPT chưa đủ tác động mạnh để thay đổi thái độ của học sinh THPT.

Bảng 2.17. So sánh thái độ giữa các khối lớp

Thái độ	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12		F	P
	TB	ĐLC	TB	ĐLC	TB	ĐLC		

Tôi ghét những ai xả rác một cách vô ý thức	3,1	1,0	3,2	0,7	2,8	1,0	6,12	0,002
Tôi ghét phải xin lỗi mặc dù tôi có lỗi	1,8	1,1	1,8	1,1	1,4	0,8	5,83	0,003
Tôi nghĩ những người không biết biết ơn người khác là vô đạo đức	3,0	0,9	3,0	0,8	2,7	0,9	6,36	0,002
Tôi luôn làm mọi việc để cha mẹ vui lòng	3,4	0,8	3,5	0,6	3,2	0,8	6,24	0,002
Tôi không quan trọng việc học ngành gì mà quan trọng là có kiếm được nhiều tiền hay không	1,7	1,0	1,5	1,2	1,3	0,7	6,81	0,001

Dựa trên bảng số liệu cho thấy, các em học sinh lớp 10 và lớp 11 tỏ thái độ tích cực về việc phản đối những hành vi xả rác vô ý thức, học sinh lớp 10 đánh giá với mức điểm trung bình là 3,1, lớp 10 (ĐTB=3,2) và học sinh lớp 12 (ĐTB= 2,8). Với nhận định những người không biết biết ơn người khác là vô đạo đức, học sinh khối lớp 10 và lớp 11 cũng đánh giá ở mức cao hơn lớp 12. Đối với việc làm cha mẹ vui lòng, các em học sinh lớp 12 không cho điểm cao và có thái độ tích cực ở nhận định này với mức trung bình là 3,2 so với lớp 10 (ĐTB= 3,4) và lớp 11 (ĐTB= 3,5). Ngược lại khi đưa ra những nhận định tiêu cực để đánh giá thái độ của 3 khối lớp học sinh 10, 11, 12 các tỉ lệ trung bình học sinh lớp 10, 11 lại có số lượng thể hiện thái độ tiêu cực cao hơn học sinh lớp 12, cụ thể như hai nhận định trên. Với điểm trung bình 1,8 là số lượng các em học sinh lớp 10, 11 đồng ý với thái độ ghét xin lỗi mặc dù mình có lỗi, trong khi đó với nhận định này, học sinh lớp 12 chỉ đánh giá với mức trung bình là 1,4. Với việc không quan trọng ngành học gì mà quan trọng là có kiếm được nhiều tiền hay không thì học sinh lớp 12 chỉ chấp nhận với (ĐTB=1,3), và với nhận định này học sinh lớp 10 và 11 thấy phù hợp ở mức (ĐTB= 1,7) và (ĐTB=1,5). Khi cận kề với việc chuẩn bị định hướng nghề nghiệp cho bản thân mình, các em học sinh lớp 12 dường như ý thức được việc lựa chọn ngành nghề tương lai của bản thân hơn các em học sinh lớp 10 và 11.

Nhìn chung các khối lớp không có sự khác biệt nhiều ở việc thể hiện thái độ qua những nhận định, điều này cho thấy thái độ đánh giá về các giá trị đạo đức của các em khá

đồng đều. Chỉ có một số vài nhận định trong tổng số 40 nhận định có một điểm lưu ý nhỏ, mặc dù số lượng không nhiều, nhưng đây cũng là vấn đề để các bậc phụ huynh, thầy cô giáo có cái nhìn toàn diện về học sinh nhằm tìm ra được biện pháp định hướng giá trị đạo đức cho học sinh một cách toàn diện.

Như vậy biểu hiện các giá trị đạo đức trong thái độ của các em học sinh khá tốt, tuy nhiên vẫn chưa đồng đều giữa các trường và giữa các em nam và các em nữ. Đặc biệt là giữa ba trường hầu hết các nhận định có $P \leq 0,05$, có sự khác biệt ý nghĩa ở tất cả các nhận định. Vấn đề này cần sự hỗ trợ của các cấp giáo dục, làm sao giảm sự phân hóa học sinh giữa các trường, tạo ra sự đồng đều giúp các em có động lực, phấn đấu học tập cùng bạn bè. Mặt khác vẫn còn một số các em còn có thái độ lệch lạc trong việc biểu hiện các giá trị đạo đức, đây là điều các nhà giáo dục cần quan tâm giải quyết và điều chỉnh. Khi thái độ của các em không đúng sẽ kéo theo sự lệch lạc trong hành vi của các em.

2.6. Hành vi đạo đức của học sinh THPT thành phố Bà Rịa

2.6.1. Kết quả chung về hành vi đạo đức của học sinh THPT thành phố Bà Rịa

Khi đưa ra 22 tình huống thực tế thường gặp của học sinh trong cuộc sống, kết quả lựa chọn về cách ứng xử hướng đến các giá trị đạo đức của học sinh cho thấy kết quả biểu hiện các giá trị đạo đức ở mặt hành vi của học sinh THPT khá cao xét theo tỉ lệ phần trăm. Có đến 15/22 hành vi được khảo sát có tỉ lệ học sinh lựa chọn cách ứng xử tích cực trên 90%. Các biểu hiện cụ thể theo Bảng 2.18.

Bảng 2.18. Hành vi đạo đức của học sinh THPT

Câu	Hành vi	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Khi người ngoại quốc nói điều không tốt về đất nước		
c	<i>Bày tỏ quan điểm và thể hiện tình yêu đất nước</i>	416/450	92,4
2	Khi gặp tai nạn trên đường		
a	<i>Cứu người bị nạn</i>	396/450	88,0
3	Đi trên đường, gặp cụ già không thể qua đường		
a	<i>Dắt cụ già qua đường</i>	414/450	92,0
4	Gặp 1 bạn bán vé số		
b	<i>Cười thân thiện và mua vé số giúp bạn</i>	422/450	93,8
5	Vội vàng đến trường, gặp 1 em bé 5 tuổi lạc mẹ		
c	<i>Báo công an và giúp đỡ em bé</i>	385/450	85,6
6	Bạn có giờ tiết kiểm tra, bạn đi trễ, trên đường gặp đèn đỏ		
b	<i>Chờ đèn xanh để đảm bảo an toàn</i>	409/450	90,9
7	Đi trên xe bus, gặp cụ già không có chỗ ngồi		

a	Nhường chỗ ngồi cho cụ già bằng thái độ niềm nở	430/450	95,6
8	Khi cô nhân viên siêu thị trả tiền dư cho bạn		
b	Trả lại tiền cho cô nhân viên	416/450	92,4
9	Bạn thường lựa chọn bạn để chơi		
b	Ai cũng có thể làm bạn	350/450	77,8
10	Khi gặp một bài toán khó		
a	Cố gắng giải được bài toán	391/450	86,9
11	Khi bạn của bạn gặp khó khăn không thể tiếp tục đến trường		
c	Động viên bạn ấy và kêu gọi sự giúp đỡ của mọi người	416/450	92,4
12	Khi bạn của bạn bị bắt nạt		
a	Tìm cách khuyên can và nhờ sự hỗ trợ	436/450	96,9
13	Bạn vô tình làm mất cuốn sách của bạn cùng lớp		
a	Tìm mua lại cuốn sách và nhận lỗi	428/450	95,1
14	Lựa chọn việc mua món đồ bạn thích với việc giữ lời hứa đi với nhóm bạn của bạn		
c	Đi với bạn để giữ lời hứa	408/450	90,7
15	Bạn phát hiện bạn của bạn gian lận trong kỳ thi		
a	Báo với cô giáo về sự gian lận của bạn bạn	332/450	73,8
16	Khi gặp thầy cô giáo		
a	Lễ phép cúi chào thầy	416/450	92,4
17	Khi bạn vô tình gây lỗi với thầy cô		
a	Xin lỗi và hứa không tái phạm	434/450	96,4
18	Khi ba mẹ bạn bị bệnh		
a	Quan tâm, chăm sóc và phụ giúp việc nhà	435/450	96,7
19	Khi bạn không được bố mẹ mua đồ áo mới vào năm học		
a	Xem đó là điều bình thường, chủ yếu là việc học	442/450	98,2
20	Nếu được lựa chọn công việc tương lai		
b	Chọn công việc bạn yêu thích	396/450	88,0
21	Khi bố mẹ có ý định chọn trường đại học cho bạn		
c	Tiếp thu ý kiến của bố mẹ nhưng bạn sẽ quyết định	424/450	94,2
22	Khi gặp vấn đề khó khăn trong cuộc sống		
a	Bạn cố gắng nỗ lực vượt qua khó khăn	395/450	87,8

Nhìn bảng thể hiện xu hướng hành vi của các em học sinh, nhìn chung các em có hành vi xử lý trong những tình huống chúng tôi đặt ra khá tốt, để tìm hiểu thêm chúng tôi đi chi tiết cụ thể các tình huống như sau:

Trong tình huống ở câu 19, gia đình em khó khăn, bố mẹ không mua đồ mới cho em như các bạn cùng trang lứa khi bắt đầu vào năm học mới, với tình huống này có tới 98,2% đồng tình và cho rằng điều đó là rất bình thường, quan trọng sự cố gắng học tập của các

em để ba mẹ yên tâm. Những nỗi khó khăn vất vả của bố mẹ được các em cảm nhận và thấu hiểu, xu hướng hành vi này xuất phát từ nhận thức về sự hiếu thảo của một người con giành cho bố mẹ. Bên cạnh đó vẫn có 5 em (1,1%) trách ba mẹ vì không mua đồ áo mới cho các em và 3 em chiếm 0,7% cảm thấy xấu hổ với các bạn vì điều đó.

Đối với các tình huống thể hiện tình yêu thương con người và thể hiện lòng nhân ái ở các câu số 2, 3,5,7 các em cũng có xu hướng hành vi tích cực khi rơi vào thể bị động như gặp cụ già, gặp em bé đi lạc...Cụ thể trong tình huống 7, với trường hợp ngẫu nhiên đi trên xe bus gặp cụ già, 95,6% đồng ý sẽ thực hiện hoặc có xu hướng hành vi nhường chỗ cho bà cụ với một thái độ niềm nở, 11 em (2,4%) đồng ý với hành vi chỉ nhường chỗ khi được gọi ý và 2,0% còn lại thừa nhận sẽ lơ đi xem như không thấy khi gặp tình huống trên. Trong tình huống số 5, trên đường đến trường khi gặp em bé 5 tuổi bị lạc, 85,6% đồng tình sẽ cùng với công an hỗ trợ để tìm mẹ giúp em bé, có 21 em chiếm 4,7% thừa nhận hành vi sẽ bỏ đi vì mình không giúp sẽ có người khác giúp, 44 em (9,8%) thì cho rằng các em sẽ giúp nếu được gọi ý. Khi chúng tôi tiến hành phỏng vấn sâu về vấn đề này, các em chia sẻ: *“Nhiều khi ra đường, em muốn giúp nhưng đọc trên báo thấy một số trường hợp lấy trẻ em để dụ người đi đường, nên em cũng cảm thấy sợ”*. Sự lo ngại này dựa trên một số căn cứ, thực tế trong thời gian lại đây, có rất nhiều bài báo nói về việc một số kẻ gian, lợi dụng lòng tốt của người đi đường, dùng những em bé, cụ già đánh lừa người tốt muốn giúp đỡ. Chính điều này đã ảnh hưởng đến xu hướng hành vi của các em. Để làm rõ thêm, em Nguyễn Thanh Tr lớp 11A3 chia sẻ: *“Em không ngại giúp đỡ người gặp nạn, nếu người đó thật sự cần sự giúp đỡ, thấy mấy em nhỏ đi lạc, ăn xin, em thấy sợ, có biết bao nhiêu vụ lừa đảo trên báo rồi”*. Chứng minh cho tâm lòng nhân ái của các em, ở tình huống số 3, khi gặp cụ già không qua được đường vì xe đông có tới 92% học sinh đồng ý sẽ giúp đỡ dắt cụ già qua đường. Chính những vấn đề trong xã hội tạo cho các em một tâm lý lo sợ, liệu hành vi của các em có được xem là mang lại lợi ích cho người gặp nạn hay chỉ là sự thừa cơ của một số kẻ xấu muốn lợi dụng tình nhân ái, yêu thương cộng đồng của các em.

Trong một số tình huống các em có thể chủ động được hành vi của mình ở các câu 4, câu 11 tỉ lệ lựa chọn hành vi của các em đều chiếm trên 92%. Đặc biệt ở tình huống khi được bố mẹ chở đi học, gặp một bạn cùng độ tuổi không được đến trường như em, thấy bạn phải đi bán vé số, em sẽ có hành vi như thế nào? các em đồng ý sẽ cười thân thiện với bạn và mua vé số giúp bạn, với 442/450 em học sinh lựa chọn chiếm 93,8%. Rõ ràng khi ở trường học các em chủ động và biết rõ được tình huống cần sự giúp đỡ, đảm bảo được an

toàn cho chính mình, các em không ngần ngại thể hiện lòng nhân ái.

Để đánh giá sự trung thực trong hành vi của các em chúng tôi đã đưa ra 3 tình huống ở các câu 8, câu 13, câu 15, với những tình huống trên, có một số vấn đề cần lưu ý sau: Ở câu 13, khi đặt các em vào tình huống nếu em vô tình làm mất cuốn sách của bạn, em sẽ xử lý như thế nào? Với tình huống này có 95,1% các em thừa nhận sẽ tìm mua cuốn sách mới và nhận lỗi với bạn mình, có 3,3% các em đồng tình với việc sẽ nghĩ cách để không phải trả lại cho bạn cuốn sách và 1.6% có ý kiến sẽ thực hiện hành vi lờ đi, nếu bị bạn mình phát hiện thì đổ thừa cho hoàn cảnh. Trong tình huống số 8, với việc rơi vào trường hợp cô bán hàng ở siêu thị trả dư tiền cho các em, có 92,4% em đồng tình sẽ trả lại phần tiền dư cho cô nhân viên. Tuy nhiên khi xét đến thái độ trung thực ở câu 15, các em chỉ đồng tình với phương án báo với cô giáo ở mức 73,8%, kẻ bạn ấy nhận được sự đồng tình của 72 em chiếm 16% và 46 em ủng hộ việc làm của bạn mình chiếm 10,2%. Với sự khác biệt so với hai tình huống trên, chúng tôi tìm hiểu thêm bằng việc tiến hành phỏng vấn sâu. Em Nhã Thị Trúc L lớp 10A3 trường Trần Quang Khải chia sẻ: *“Em không sợ bạn em làm gì em, nhưng em kẻ bạn ấy, vì bạn bè học với nhau mà tố cáo nhau em thấy kỳ kỳ”*, em Trần Văn H lớp 11A4 TTGDTX nói *“Con trai bọn em mà làm thế mấy đứa bạn nó lại kêu bọn em là con gái, nhiều chuyện”*. Em Nguyễn Ngọc N lớp 12A3 trường Châu Thành chia sẻ thêm: *“Em nghĩ bạn ấy học là cho bạn ấy, bạn ấy học thì bạn ấy có kiến thức, bạn ấy gian lận nhiều có khi cô cũng bắt gặp nên nếu là em em sẽ không báo cô”*. Như vậy với những ý kiến của các em phần nào trả lời được vì sao có ba câu tình huống đánh giá hành vi trung thực của các em, có hai câu được đánh giá cao riêng tình huống ở câu 15 các em lại đánh giá thấp. Điều này cũng khá dễ hiểu vì tuổi các em sống trong tình cảm bạn bè, đặc biệt là bạn bè trong một lớp, để giữ gìn tình cảm bạn bè tốt là điều các em mong muốn.

Trở lại với xu hướng hành vi trong mối quan hệ với gia đình, với tình huống ở câu 19, tỉ lệ trung bình các em đồng ý với hành vi theo hướng tích cực cao nhất trong tổng số 22 câu thể hiện hành vi của các em. Với sự đồng tình đó cho thấy giá trị hiếu thảo của các em, điều này càng làm rõ thêm phần nhận thức cũng như thái độ của các em ở những số liệu nêu trên. Ở câu 18 cũng với tình huống trong gia đình một lần nữa khẳng định được tấm lòng của các em đối với cha mẹ. Khi đặt ra tình huống nếu cha mẹ các em bệnh, em sẽ làm gì? Có tới 96,7% đồng ý thực hiện hành vi quan tâm chăm sóc và phụ giúp việc nhà cho bố mẹ, các em cho rằng điều đó là điều đương nhiên đối với một người con trong gia đình. Em Phan Thị Diễm Tr lớp 12 trường THPT Châu Thành chia sẻ: *“Mỗi lần em bệnh,*

bố mẹ rất lo lắng cho em, nên khi bố hoặc mẹ em bệnh việc gì em làm được em đều cố gắng làm tốt miễn sao bố mẹ em nhanh khỏe”. Tuy nhiên cũng có một số em còn lại với 3,3% lựa chọn hành vi khác. Có 14 em (3,1 %) lựa chọn ba mẹ nhờ cái gì thì giúp đỡ cái đó, 1 em chấp nhận hành vi cố gắng học tốt (chiếm 0,2). Em Phan Thi Thu H chia sẻ “Em là con út, nên khi bố mẹ bệnh, các anh chị em đều chăm sóc bố mẹ em, em muốn chăm bố mẹ cũng không cho, vì đối với bố mẹ em, thành tích học tập của em tốt là điều làm cho bố mẹ em vui nhất”. Em Lê Đức A thì chia sẻ thêm “Từ nhỏ tới lớn, hầu như bố mẹ chăm em, nên khi bố mẹ ốm em cũng không biết chăm sóc thế nào, bố mẹ bảo em làm gì thì em làm việc đó”.

Trong mỗi quan hệ với thầy cô giáo, chúng tôi cũng đưa ra hai tình huống ở câu 16, câu 17 để đánh giá hành vi của các em. Với tình huống ở câu 17 chúng tôi nhận được sự đồng ý với hành vi sẽ xin lỗi và hứa không tái phạm khi vô tình gây lỗi với thầy cô ở tỉ lệ 96,4% (434/450) em lựa chọn, một con số khá cao. Và với tình huống ở câu 16, khi ra đường gặp thầy cô giáo, các em đều lựa chọn hành vi lễ phép cúi chào thầy cô giáo (92,4%). Như vậy lòng biết ơn và sự kính trọng thầy cô giáo trong được các em đánh giá rất cao và cho rằng đây là một việc cần thiết ở vị trí là một người con học trò. Với kết quả nghiên cứu trên giúp chúng tôi khẳng định sự trùng hợp về phần nhận thức của các em, kết quả của sự lựa chọn xu hướng hành vi cho thấy sự phù hợp với nhận thức trong các mối quan hệ. Học sinh THPT đánh giá cao việc biết ơn công lao cha mẹ, biết ơn sự dạy bảo của thầy cô giáo, đây là điều vui mừng khi các em vẫn giữ vững được những giá trị cốt lõi của người con đất Việt.

Trong tình huống định hướng nghề nghiệp cho tương lai ở câu 21, khi đưa ra tình huống nếu bố mẹ có ý định chọn trường đại học, 94,2% đồng ý với hành vi sẽ tiếp thu ý kiến của cha mẹ nhưng các em sẽ là người đưa ra quyết định cuối cùng. Tuy nhiên vẫn còn 1,1% đồng ý sẽ không quan tâm đến ý kiến của cha mẹ và có 21 em chiếm 4,7% đồng ý sẽ để bố mẹ quyết định hoàn toàn việc chọn trường cho các em.

Để đánh giá thêm về hành vi của các em trong việc xử lý những vấn đề khó khăn trong bản thân của các em, chúng tôi đã đưa ra tình huống: Khi gặp khó khăn trong cuộc sống, các em sẽ lựa chọn phương án nào? Sẽ chán nản, bỏ cuộc, thấy mình bất tài vô dụng hay nhìn nhận vấn đề tích cực hơn là sẽ cố gắng, nỗ lực vượt qua khó khăn. Với tình huống đưa ra học sinh THPT đã đồng tình với hành vi sẽ cố gắng, nỗ lực vượt qua khó khăn với 87,8% (395/450), có thể xem đây là sự lựa chọn tích và đáng mừng vì dù trong

khó khăn, các em vẫn không bỏ cuộc, vẫn luôn cố gắng tìm biện pháp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên vẫn còn 13,2% không lựa chọn hành vi tích cực và một số em cảm thấy bất tài vô dụng (7,3%) và muốn bỏ cuộc (4,7%). Mặc dù số lượng lựa chọn hành vi tiêu cực không nhiều nhưng đây vẫn là con số đáng lưu tâm, các bậc phụ huynh, nhà trường các cấp cần có quan tâm, động viên các em tìm ra hướng đi và nỗ lực vượt qua khó khăn mà các em gặp phải.

Như vậy nhìn chung hành vi của các em thể hiện qua tốt qua 22 tình huống mà chúng tôi đưa ra. Mỗi tình huống phần nào đánh giá được hành vi các em thường gặp trong cuộc sống. Với kết quả nghiên cứu nêu trên cho thấy xu hướng hành vi của các em học sinh THPT phù hợp với nhận thức và thái độ.

2.6.2. So sánh giữa các nhóm khách thể điều tra về hành vi đạo đức

a. So sánh về giới tính

Dựa theo bảng số liệu phía dưới, chúng ta thấy có một số điểm khác biệt giữa nam và nữ trong xu hướng hành vi, tuy nhiên sự chênh lệch không đáng kể.

Bảng 2.19. Bảng so sánh hành vi đạo đức giữa nam và nữ học sinh

Giá trị	Nam		Nữ	
	N(195)	%	N(255)	%
1. Khi người ngoại quốc nói điều không tốt về đất nước				
c. <i>Bày tỏ quan điểm và thể hiện tình yêu đất nước</i>	174	89,7%	241	94,5%
2. Khi gặp tai nạn trên đường				
a. <i>Cứu người bị nạn</i>	172	88,2%	224	87,8%
3. Đi trên đường, gặp cụ già không thể qua đường				
a. <i>Dắt cụ già qua đường</i>	178	91,3%	236	92,5%
4. Gặp 1 bạn bán vé số				
b. <i>Cười thân thiện và mua vé số giúp bạn</i>	186	95,4%	236	92,5%
5. Vội vàng đến trường, gặp 1 em bé 5 tuổi lạc mẹ				
c. <i>Báo công an và giúp đỡ em bé</i>	167	85,6%	218	85,5%
6. Bạn có giờ tiết kiểm tra, bạn đi trễ, trên đường gặp đèn đỏ				
b. <i>Chờ đèn xanh để đảm bảo an toàn</i>	183	93,8%	226	88,6%
7. Đi trên xe bus, gặp cụ già không có chỗ ngồi				

a. <i>Nhường chỗ cho cụ già bằng thái độ niềm nở</i>	191	97,9%	239	93,7%
8. Khi cô nhân viên siêu thị trả tiền dư cho bạn				
b. <i>Trả lại tiền cho cô nhân viên</i>	179	91,8%	237	92,9%
9. Bạn thường lựa chọn bạn để chơi				
b. <i>Ai cũng có thể làm bạn</i>	150	76,9%	200	78,4%
10. Khi gặp một bài toán khó				
a. <i>Cố gắng giải được bài toán</i>	170	87,2%	221	86,7%
11. Khi bạn của bạn gặp khó khăn không thể tiếp tục đến trường				
c. <i>Động viên bạn ấy và kêu gọi sự giúp đỡ của mọi người</i>	186	95,4%	230	90,2%
12. Khi bạn của bạn bị bắt nạt				
a. <i>Tìm cách khuyên can và nhờ sự hỗ trợ</i>	191	97,9%	248	97,3%
13. Bạn vô tình làm mất cuốn sách của bạn cùng lớp				
a. <i>Tìm mua lại cuốn sách và nhận lỗi</i>	182	93,3%	246	96,5%
14. Lựa chọn việc mua món đồ bạn thích với việc giữ lời hứa đi với nhóm bạn của bạn				
c. <i>Đi với bạn để giữ lời hứa</i>	172	88,2%	236	92,5%
15. Bạn phát hiện bạn của bạn gian lận trong kỳ thi				
a. <i>Báo với cô giáo về sự gian lận của bạn bạn</i>	140	71,8%	192	75,3%
16. Khi gặp thầy cô giáo				
a. <i>Lễ phép cúi chào thầy</i>	168	86,2%	248	97,3%
17. Khi bạn vô tình gây lỗi với thầy cô				
a. <i>Xin lỗi và hứa không tái phạm</i>	186	95,4%	248	97,3%
18. Khi ba mẹ bạn bị bệnh				
a. <i>Quan tâm, chăm sóc và phụ giúp việc nhà</i>	191	97,9%	251	98,4%
19. Khi bạn không được bố mẹ mua đồ áo mới vào năm học				
a. <i>Xem đó là điều bình thường, chủ yếu là việc học</i>	191	97,9%	251	98,4%
20. Nếu được lựa chọn công việc tương lai				
b. <i>Chọn công việc bạn yêu thích</i>	176	90,3%	220	86,3%
21. Khi bố mẹ có ý định chọn trường đại học cho bạn				
c. <i>Tiếp thu ý kiến của bố mẹ nhưng bạn sẽ quyết định</i>	185	94,9%	239	93,7%
22. Khi gặp vấn đề khó khăn trong cuộc sống				

a. <i>Bạn cố gắng nỗ lực vượt qua khó khăn</i>	176	90,3%	219	85,9%
--	-----	-------	-----	-------

Bảng số liệu trên cho thấy, học sinh nam có xu hướng hành vi nghiêng về mối quan hệ bạn bè, định hướng nghề nghiệp, cũng như sự nỗ lực vượt qua khó khăn thể hiện trong các tình huống ở các câu 4, 11, 12, 21, 22. Trong tình huống ở câu 4, khi chúng tôi đặt ra tình huống nếu gặp bạn cùng lứa tuổi phải đi bán vé số, trong khi các em được ba mẹ đưa đến trường, các em nam đều có xu hướng hành vi tốt hơn nữ, 186/195 (95,4%) em nam đồng tình sẽ thể hiện thái độ thân thiện và mua vé số giúp bạn. Kế tiếp với tình huống ở câu 12, mặc dù tỉ lệ lựa chọn giữa em nam và nữ không chênh lệch nhiều nhưng cũng thể hiện được xu hướng hành vi của các em nam. Với tổng số 191/195 (97,9%) lựa chọn sẽ tìm cách can thiệp và hỗ trợ bạn, càng chứng tỏ được quan điểm coi trọng bạn bè trong mối quan hệ của các em. Trong phần nhận thức các em nam thể hiện độc lập về việc lựa chọn ngành nghề của mình trong tương lai hơn các em nữ, thì trong phần hành vi của các em càng thấy rõ điều đó. Tỉ lệ lựa chọn xu hướng hành vi sẽ tiếp thu ý kiến của bố mẹ nhưng các em là người quyết định là 94,9%, điều này hoàn toàn phù hợp với nhận thức và thái độ của các em. Trong câu 22, khi chúng tôi đặt ra tình huống, nếu có khi các em gặp vấn đề khó khăn trong cuộc sống, các em sẽ làm gì ? với tình huống này 176/195 (chiếm 90,3%) có xu hướng hành vi sẽ cố gắng nỗ lực vượt qua khó khăn. Ngoài ra ở tình huống thể hiện lòng nhân ái, khi gặp cụ già trên xe bus không có chỗ ngồi, các em nam cũng đồng tình thực hiện hành vi sẽ nhường chỗ cho cụ già với một thái độ thân thiện. Với hành vi này tỉ lệ các em lựa chọn hành vi theo hướng tích cực là 97,9% cao hơn các em nữ.

Đối với học sinh nữ, các em lại có xu hướng thực hiện các hành vi cao hơn các em nam ở các tình huống liên quan đến biết ơn, lễ phép với thầy cô, quan tâm tới bố mẹ. Trong các câu ở 16, 17, 19 tỉ lệ lựa chọn hành vi của các em nữ cao hơn so với các em nam trong thể hiện hành vi với bố mẹ, thầy cô giáo. Với tình huống ở câu 16, các em nữ lựa chọn hành vi sẽ chào thầy cô giáo một cách lễ phép, cao hơn hẳn so với các em nam, với 97,3% đối với nữ và 86,2% so với nam. Khi mắc lỗi với thầy cô giáo, các em nữ lựa chọn hành vi sẽ xin lỗi thầy cô và hứa không tái phạm cao hơn nam, tỉ lệ nữ lựa chọn chiếm 97,5%, học sinh nam lựa chọn ở mức 95,4%. Trong mối quan hệ với gia đình, học sinh nữ có hành vi tích cực thể hiện sự thông cảm đối với nỗi vất vả của cha mẹ hơn học sinh nam. Ở tình huống câu 19, khi được hỏi nếu bố mẹ em không có tiền mua đồ mới cho em khi bắt đầu năm học mới, có 98,4% học sinh nữ thấy điều đó là bình thường, chủ yếu các em học tốt. Trong các mối quan hệ xã hội, đặc biệt là thể hiện lòng nhân ái, học sinh nữ có

hành vi khá tốt, không thua kém các em học sinh nam. Trong tình huống ở câu 3, khi đi trên đường, gặp cụ già không thể qua đường được với việc đưa ra hành vi dắt cụ già qua đường, với hành vi này đã được sự đồng tình của cả học sinh nam và nữ với tỉ lệ % khá cao, trên 90% trong đó các em nữ có tỉ lệ lựa chọn cao hơn các em nam, (92,5%) đối với các em nữ, các em nam là 91,3%.

b. So sánh về trường

Bảng 2.20. Bảng so sánh hành vi đạo đức giữa các trường

Tình huống	Trường THPT					
	Trần Quang Khải		Châu Thành		TTGDTX	
	N	%	N	%	N	%
1. Khi người ngoại quốc nói điều không tốt về đất nước						
c. Bày tỏ quan điểm và thể hiện tình yêu đất nước	147	98,0%	149	99,3%	120	80,0%
2. Khi gặp tai nạn trên đường						
a. Cứu người bị nạn	138	92,0%	137	91,3%	121	80,7%
3. Đi trên đường, gặp cụ già không thể qua đường						
a. Dắt cụ già qua đường	142	94,7%	147	98,0%	125	83,3%
4. Gặp 1 bạn bán vé số						
b. Cười thân thiện và mua vé số giúp bạn	136	90,7%	146	97,3%	140	93,3%
5. Vội vàng đến trường, gặp 1 em bé 5 tuổi lạc mẹ						
c. Báo công an và giúp đỡ em bé	130	86,7%	146	97,3%	109	72,7%
6. Bạn có giờ tiết kiểm tra, bạn đi trễ, trên đường gặp đèn đỏ						
b. Chờ đèn xanh để đảm bảo an toàn	134	89,3%	150	100%	125	83,3%
7. Đi trên xe bus, gặp cụ già không có chỗ ngồi						
a. Nhường chỗ cho cụ già bằng thái độ niềm nở	141	94,0%	147	98,0%	142	94,7%
8. Khi cô nhân viên siêu thị trả tiền dư cho bạn						
b. Trả lại tiền cho cô nhân viên	138	92,0%	140	93,3%	138	92,0%
9. Bạn thường lựa chọn bạn để chơi						
b. Ai cũng có thể làm bạn	100	66,7%	132	88,0%	118	78,7%
10. Khi gặp một bài toán khó						
a. Cố gắng giải được bài toán	131	87,3%	130	86,7%	130	86,7%
11. Khi bạn của bạn gặp khó khăn không thể tiếp tục đến trường						
c. Động viên bạn ấy và kêu gọi sự giúp đỡ của mọi người	139	92,7%	138	92,0%	139	92,7%
12. Khi bạn của bạn bị bắt nạt						
a. Tìm cách khuyên can và nhờ sự hỗ trợ	143	95,3%	149	99,3%	144	96,0%
13. Bạn vô tình làm mất cuốn sách của bạn cùng lớp						
a. Tìm mua lại cuốn sách và nhận lỗi	140	93,3%	150	100,0	138	92,0%

				%		
14. Lựa chọn việc mua món đồ bạn thích với việc giữ lời hứa đi với nhóm bạn của bạn						
c. <i>Đi với bạn để giữ lời hứa</i>	134	89,3%	148	98,7%	126	84,0%
15. Bạn phát hiện bạn của bạn gian lận trong kỳ thi						
a. <i>Báo với cô giáo về sự gian lận của bạn bạn</i>	118	78,7%	134	89,3%	80	53,3%
16. Khi gặp thầy cô giáo						
a. <i>Lễ phép cúi chào thầy</i>	144	96,0%	150	100%	122	81,3%
17. Khi bạn vô tình gây lỗi với thầy cô						
a. <i>Xin lỗi và hứa không tái phạm</i>	146	97,3%	150	100%	138	92,0%
18. Khi ba mẹ bạn bị bệnh						
a. <i>Quan tâm, chăm sóc và phụ giúp việc nhà</i>	146	97,3%	147	98,0%	142	94,7%
19. Khi bạn không được bố mẹ mua đồ áo mới khi vào năm học						
a. <i>Xem đó là điều bình thường, chủ yếu là việc học</i>	146	97,3%	149	99,3%	147	98,0%
20. Nếu được lựa chọn công việc tương lai						
b. <i>Chọn công việc bạn yêu thích</i>	130	86,7%	138	92,0%	128	85,3%
21. Khi bố mẹ có ý định chọn trường đại học cho bạn						
c. <i>Tiếp thu ý kiến của bố mẹ nhưng bạn sẽ quyết định</i>	142	94,7%	148	98,7%	134	89,3%
22. Khi gặp vấn đề khó khăn trong cuộc sống						
a. <i>Bạn cố gắng nỗ lực vượt qua khó khăn</i>	131	87,3%	147	98,0%	117	78,0%

Theo bảng số liệu trên có sự khác biệt giữa các trường trong thể hiện hành vi ở 22 tình huống được chúng tôi đặt ra. Nhìn chung cả ba trường có xu hướng hành vi khá tốt, hầu hết các tình huống đều được các em lựa chọn hành vi tích cực trên 60%. Đặc biệt cả ba trường đều rất đồng tình với những hành vi liên quan đến việc thể hiện sự biết ơn, lễ phép, thương yêu cha mẹ, thầy cô giáo. Trong tình huống ở các câu 17,18,19 cho thấy rõ được điều đó, tỉ lệ % các em lựa chọn các câu này đều trên 92%, đây cũng là những câu có tỉ lệ % cao nhất trong 22 tình huống mà chúng tôi đặt ra. Ngoài ra, học sinh THPT cũng đề cao những hành vi liên quan đến mối quan hệ bạn bè như tình huống ở câu 4,11 và câu 3. Sự lựa chọn của các em khá đồng đều trong việc sẽ thực hiện hành vi nhân ái, thể hiện ở tỉ lệ % cao ở câu số 3 và câu 7.

Tuy nhiên, có điểm nổi bật rõ nét, hầu hết ở các tình huống đánh giá hành vi đạo đức trong đời sống hàng ngày, học sinh trường THPT Châu Thành đánh giá cao hơn hẳn so với hai trường còn lại. Đặc biệt nổi bật ở một số tình huống 100% các em đều đồng tình lựa chọn. Cụ thể đó là tình huống ở câu số 6, 13, 16, 17 có 100% các em đều lựa chọn hành vi tích cực. Các tình huống còn lại cũng được các em trường THPT Châu Thành đánh giá hành vi tích cực rất cao, tất cả 22 câu với 22 tình huống các em đều lựa chọn trên mức

85% thực hiện các hành vi tích cực. Ngược lại hai trường THPT Trần Quang Khải, và TTGDTX có tỉ lệ % lựa chọn các hành vi trong các tình huống chúng tôi đưa ra ở mức thấp hơn. Trường THPT Trần Quang Khải hành vi được các em lựa chọn cao nhất trong 22 tình huống chúng tôi đặt ra là tình huống thể hiện tình cảm đối với đất nước trong câu 1(98%). Tiếp đến là các hành vi thể hiện lòng biết ơn đối với cha mẹ, thầy cô ở câu 16,17,18,19, tỉ lệ % các em lựa chọn ở các câu này cao đứng thứ 2 trong tổng số 22 câu. Ngoài ra các câu liên quan đến mối quan hệ bạn bè (câu 11,12, 13), thể hiện hành vi giúp bạn cũng được các em đồng tình với tỉ lệ lựa chọn trên 90%. Các hành vi thể hiện lòng nhân ái ở câu 3,4,7 cũng được các em lựa chọn trên 90%.

Đối với học sinh ở TTGDTX, các em lại lựa chọn hành vi thể hiện sự quan tâm, thấu hiểu đối với cha mẹ ở câu 19, với tỉ lệ % là 98%, đứng vị trí cao nhất trong các tình huống mà chúng tôi đặt ra cho các em. Các câu ở tình huống 17,18 thể hiện hành vi quan tâm, biết ơn bố mẹ, thầy cô giáo với tỉ lệ trên 92% lựa chọn xu hướng hành vi càng thể hiện được điều đó. Trong mối quan hệ bạn bè các em đồng tình lựa chọn các hành vi như giúp đỡ bạn khi khó khăn (93,7%), động viên bạn khi bạn không tiếp tục học (92,7%), tỉ lệ khá cao so với những tình huống còn lại. Các hành vi thể hiện tình yêu thương, lòng nhân ái cũng được các em đánh giá khá cao (94,7%) ở tình huống trong câu 7. Tuy nhiên nhìn trên bình diện chung tỉ lệ % lựa chọn xu hướng hành vi của các em học sinh THPT tại TTGDTX còn thấp hơn so với hai trường còn lại.

Như vậy so với học sinh trường THPT Châu Thành, Trần Quang Khải, học sinh TTGDTX mặc dù tỉ lệ lựa chọn các hành vi không cao, nhưng với kết quả trên cho thấy xu hướng hành vi trong mối quan hệ với cha mẹ, thầy cô và bạn bè khá tích cực, ngoài ra các em cũng có hành vi tích cực đối với những hoàn cảnh còn khó khăn ở bên ngoài xã hội mà các em vẫn thường gặp trong cuộc sống hàng ngày.

Với số liệu về hành vi của cả ba trường, một lần nữa nhận diện được xu hướng lựa chọn hành vi của các em. Điều này hoàn toàn phù hợp với phần nhận thức, thái độ của cả ba trường nêu trên.

c. So sánh các khối lớp

Nhìn bảng số liệu phía dưới cho thấy, các em học sinh lớp 11, 12 lựa chọn hành vi ứng xử tích cực hơn các em học sinh lớp 10.

Bảng 4.21. So sánh hành vi giữa các khối lớp

Tình huống	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
------------	--------	--------	--------

	N	TB	N	TB	N	TB
1. Khi người ngoại quốc nói điều không tốt về đất nước						
c. <i>Bày tỏ quan điểm và thể hiện tình yêu đất nước</i>	136	90,7%	138	97,9%	148	93,1%
2. Khi gặp tai nạn trên đường						
a. <i>Cứu người bị nạn</i>	130	86,7%	128	90,8%	138	86,8%
3. Đi trên đường, gặp cụ già không thể qua đường						
a. <i>Dắt cụ già qua đường</i>	138	92,0%	137	97,2%	139	87,4%
4. Gặp 1 bạn bán vé số						
b. <i>Cười thân thiện và mua vé số giúp bạn</i>	135	90,0%	138	97,9%	146	91,8%
5. Vội vàng đến trường, gặp 1 em bé 5 tuổi lạc mẹ						
c. <i>Báo công an và giúp đỡ em bé</i>	126	84,0%	130	92,2%	129	81,1%
6. Bạn cố giờ tiết kiểm tra, bạn đi trễ, trên đường gặp đèn đỏ						
b. <i>Chờ đèn xanh để đảm bảo an toàn</i>	132	88,0%	130	92,2%	147	92,5%
7. Đi trên xe bus, gặp cụ già không có chỗ ngồi						
a. <i>Nhường chỗ cho cụ già bằng thái độ niềm nở</i>	142	94,7%	136	96,5%	152	95,6%
8. Khi cô nhân viên siêu thị trả tiền dư cho bạn						
b. <i>Trả lại tiền cho cô nhân viên</i>	133	88,7%	132	93,6%	151	95,0%
9. Bạn thường lựa chọn bạn để chơi						
b. <i>Ai cũng có thể làm bạn</i>	108	72,0%	108	76,6%	134	84,3%
10. Khi gặp một bài toán khó						
a. <i>Cố gắng giải được bài toán</i>	121	80,7%	128	90,8%	142	89,3%
11. Khi bạn của bạn gặp khó khăn không thể tiếp tục đến trường						
c. <i>Động viên bạn ấy và kêu gọi sự giúp đỡ của mọi người</i>	137	91,3%	131	92,9%	148	93,1%
12. Khi bạn của bạn bị bắt nạt						
a. <i>Tìm cách khuyên can và nhờ sự hỗ trợ</i>	147	98,0%	133	94,3%	156	98,1%
13. Bạn vô tình làm mất cuốn sách của bạn cùng lớp						
a. <i>Tìm mua lại cuốn sách và nhận lỗi</i>	137	91,3%	135	95,7%	153	96,2%
14. Lựa chọn việc mua món đồ bạn thích với việc giữ lời hứa đi với nhóm bạn của bạn						
c. <i>Đi với bạn để giữ lời hứa</i>	134	89,3%	132	93,6%	142	89,3%
15. Bạn phát hiện bạn của bạn gian lận trong kỳ thi						

a. Báo với cô giáo về sự gian lận của bạn bạn	103	68,7%	116	82,3%	113	71,1%
16. Khi gặp thầy cô giáo						
a. Lễ phép cúi chào thầy	138	92,0%	133	94,3%	145	91,2%
17. Khi bạn vô tình gây lỗi với thầy cô						
a. Xin lỗi và hứa không tái phạm	142	94,7%	138	97,9%	154	96,9%
18. Khi ba mẹ bạn bị bệnh						
a. Quan tâm, chăm sóc và phụ giúp việc nhà	138	92,0%	140	99,3%	147	92,5%
19. Khi bạn không được bố mẹ mua đồ áo mới khi vào năm học						
a. Xem đó là điều bình thường, chủ yếu là việc học	143	95,0%	139	98,6%	155	97,5%
20. Nếu được lựa chọn công việc tương lai						
b. Chọn công việc bạn yêu thích	121	80,7%	128	90,8%	147	92,5%
21. Khi bố mẹ có ý định chọn trường đại học cho bạn						
c. Tiếp thu ý kiến của bố mẹ nhưng bạn sẽ quyết định	138	92,0%	133	94,3%	155	97,5%
22. Khi gặp vấn đề khó khăn trong cuộc sống						
a. Bạn cố gắng nỗ lực vượt qua khó khăn	127	84,7%	132	93,6%	154	96,9%

Trong các tình huống thể hiện tình yêu quê hương đất nước (97.9%), lòng nhân ái, giúp đỡ người già, giúp đỡ bạn bè trong những hoàn cảnh khó khăn, biết ơn cha mẹ, thầy cô giáo các em học sinh lớp 11 đều có xu hướng hành vi ứng xử tích cực hơn các em lớp 10, lớp 12. Riêng đối với các hành vi thể hiện tính trung thực ở câu 8, giúp đỡ bạn khi bạn bị bắt nạt ở câu 12 và ý thức về việc lựa chọn trường học cũng như ý chí vượt qua khó khăn trong cuộc sống được các em học sinh lớp 12 có hành vi tích cực hơn học sinh lớp 10, 11. Đặc biệt ở câu 21, 22 với việc các em đang chuẩn bị bước vào giai đoạn lựa chọn định hướng nghề cho tương lai nên chính lúc này các em thể hiện được tính tự lập tự trong suy nghĩ và hành vi của mình. Các em đã trở thành những người anh, người chị nên việc các em lựa chọn hành vi cố gắng nỗ lực vượt qua khó khăn với tỉ lệ % cao hơn các em học sinh lớp 10, 11 cũng là một điều tất yếu.

Nhìn chung các em học sinh 11, 12 có xu hướng thực hiện hành vi đạo đức cao hơn các em học sinh lớp 10 về tất cả các tình huống xung quanh cuộc sống của các em. Với kết quả hành vi về so sánh về khối lớp với phần nhận thức và thái độ không đồng nhất. Với số liệu trên phần nhận thức và thái độ các em học sinh lớp 10, 11 thể hiện nhận thức và thái

độ, tình cảm tốt hơn học sinh lớp 12 nhưng đến việc thực hiện xu hướng hành vi các em học sinh lớp 11, 12 lại có xu hướng thực hiện hành vi tốt hơn học sinh lớp 11. Như vậy giữa nhận thức, thái độ và hành vi của các em chưa đồng nhất, điều này cho thấy sự giáo dục trong nhà trường có sự thay đổi đáng kể tới hành vi đạo đức của các em, các về cuối giai đoạn THPT các em càng thể hiện được sự trưởng thành trong hành vi. Tuy nhiên cũng không loại trừ trường hợp có sự ngẫu nhiên trong việc lựa chọn hành vi trong quá trình khảo sát.

2.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT thành phố Bà Rịa

Lứa tuổi học sinh THPT còn chịu sự chi phối rất lớn từ các yếu tố gia đình, nhà trường. Bởi vì các em vẫn đang trong giai đoạn học tập rèn luyện và chịu sự ràng buộc, quản lý của cha mẹ, thầy cô giáo. Vì thế việc định hướng giá trị đạo đức của các em cũng chịu sự ảnh hưởng rất lớn các yếu tố từ gia đình, nhà trường. Tuy nhiên yếu tố có tính chất quyết định đến việc định hướng giá trị đạo đức của các em cũng chính từ bản thân các em, từ sự nhận thức, tu dưỡng đạo đức. Bảng số liệu dưới đây, với việc chia các nhóm yếu tố sẽ chứng minh được điều đó.

Bảng 2.22. Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức

Nhóm	Yếu tố	Trung bình	Trung bình chung	Độ lệch chuẩn
Yếu tố xã hội	Truyền thống quê hương	3,2	2,9	0,7
	Dư luận xã hội	2,8		0,9
	Quy định chung	3,0		0,8
	Lối sống của làng xóm	2,9		1,0
	Những kiến thức sách vở	3,1		1,0
	Những tấm gương thành đạt	2,9		0,9
	Vấn đề thời sự	3,1		0,9
	Câu chuyện từ báo chí	3,0		0,9
	Câu chuyện trong phim	2,7		1,0
	Thần tượng trong phim	2,7		1,0
	Mối quan hệ trên internet	2,6		1,2
	Sự phát triển kinh tế thị trường	2,8		1,0
Yếu tố nhà trường	Kỷ luật nhà trường	3,2	2,97	0,8
	Hoạt động đoàn, hội	2,9		0,9
	Lời dạy của thầy cô	3,2		0,8
	Lối sống của thầy cô	2,6		1,0
Yếu tố bạn bè	Lối sống của bạn bè	2,7	2,9	1,0

	Bạn bè cùng lớp	2,8		1,0
	Lối sống của bạn thân	3,2		0,9
Yếu tố gia đình	Truyền thống gia đình	3,4	2,95	0,9
	Kinh tế gia đình	2,6		1,0
	Trình độ học vấn của cha mẹ	2,7		1,0
	Nghề nghiệp của cha mẹ	2,5		1,1
	Lối sống các thành viên trong gia đình	3,2		0,9
	Phương pháp giáo dục	3,3		0,8
Yếu tố bản thân	Mục tiêu nghề nghiệp của bản thân	3,1	3,15	1,0
	Tự nhận thức, tự giáo dục	3,2		0,9

Để trả lời cho câu hỏi “Những yếu tố nào tác động nhiều nhất đến định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT”, nhằm giúp cho các nhà giáo dục hoạch định chính sách lựa chọn và tận dụng những lực lượng tác động mạnh mẽ nhất để tham gia vào công tác định hướng giá trị đạo đức cho học sinh, chúng tôi đưa ra 27 yếu tố cơ bản để học sinh đánh giá mức độ ảnh hưởng từ 0: Hoàn toàn không ảnh hưởng, 1: Không ảnh hưởng, 2: Phân vân, 3: Ảnh hưởng, 4: Rất nhiều.

2.7.1. Nhóm yếu tố xã hội

Xã hội cũng là một yếu tố ảnh hưởng khá mạnh đến sự hình thành và phát triển giá trị đạo đức của học sinh THPT. Con người chịu ảnh hưởng từ xã hội theo cơ chế xã hội hóa cá nhân. Các tổ chức xã hội luôn đồng hành cùng với gia đình và nhà trường để giáo dục thế hệ trẻ. Ở lứa tuổi học sinh THPT, quá trình xã hội hóa diễn ra với cường độ mạnh và đa dạng. Các giá trị xã hội không còn tác động đến cá nhân một cách gián tiếp nữa mà tác động một cách trực tiếp, thường xuyên trong mọi hoạt động sống.

Tuy nhiên dựa theo bảng số liệu cho thấy yếu tố xã hội không phải là yếu tố tác động nhiều nhất đến việc định hướng giá trị đạo đức của các em. Với điểm trung bình cao nhất (ĐTB=3,2) ở yếu tố truyền thống quê hương và điểm trung bình thấp nhất là các mối quan hệ trên internet (ĐTB=2,7). Cao hơn so với yếu tố bạn bè những vẫn thấp hơn so với yếu tố gia đình và nhà trường.

Trên thực tế yếu tố xã hội là môi trường vô cùng rộng lớn tác động nhiều đến sự định hướng của các em và sự tác động từ yếu tố xã hội mang tính chất ngẫu nhiên, không có sự định hướng rõ ràng cũng không có phương pháp. Tuy nhiên do lứa tuổi học sinh THPT, các em đang ở độ tuổi ăn, tuổi học, các em còn bị chi phối rất lớn từ gia đình, thầy cô. Các

em còn sống trong khuôn phép chung của gia đình, nhà trường nên yếu tố xã hội chưa phải là môi trường chi phối nhiều đến định hướng giá trị của các em.

2.7.2. Nhóm yếu tố nhà trường

Đây là môi trường giáo dục có thể nói là bài bản nhất với các mục tiêu cụ thể, có hệ thống chương trình và biện pháp giáo dục trong nhà trường. Nhà trường cũng chính là một xã hội thu nhỏ qua đó nhân cách sống và lối sống của con người được hình thành, phát triển và bộc lộ. Cuộc sống của học sinh gắn bó chặt chẽ với nhà trường. Hầu hết các hoạt động, thời gian của học sinh được diễn ra tại nhà trường, đặc biệt hoạt động học tập và giao tiếp. Trong nhà trường, bên cạnh việc truyền đạt những tri thức cơ bản cho người học, còn phải thực hiện nhiệm vụ giáo dục đạo đức cho học sinh.

Điều này càng được thể hiện rõ trong bảng số liệu nêu trên, điểm trung bình của yếu tố kỷ luật nhà trường và lời dạy của cô trên mức (ĐTB= 3,2). Với điểm trung bình 3,2 đây là số điểm cao nhất trong tất cả các yếu tố trong yếu tố nhà trường. Tiếp đến các hoạt động đoàn hội trong trường được các em đánh giá khá cao về sự tác động của nó, với (ĐTB=2,9) đã thể hiện rõ điều đó. Thực tế cho thấy, hiện tại ở các trường THPT chưa có nhiều hoạt động thu hút các em tham gia và nếu có cũng chưa được đồng bộ, để thu hút được các em tham gia và giúp các em có sân chơi bổ ích, nhà trường cần có nhưng kế hoạch cụ thể và thiết thực hơn vì đây cũng được các em đánh giá là hoạt động tác động nhiều đến suy nghĩ, định hướng giá trị đạo đức của các em.

Các em đánh giá yếu tố lối sống của thầy cô giáo không ảnh hưởng nhiều đến định hướng giá trị của các em, chính vì thế điểm trung bình lựa chọn yếu tố ảnh hưởng chỉ ở mức (ĐTB=2,6), thấp nhất trong các yếu tố trong môi trường nhà trường.

Như vậy yếu tố nhà trường được các em đánh giá rất cao trong các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức của các em mà cụ thể ở đây là kỷ cương của nhà trường và những lời dạy bảo của thầy cô giáo. Với điều này hoàn toàn phù hợp với đặc điểm lứa tuổi các em đang trong giai đoạn học tập và nâng cao kiến thức. Như vậy yếu tố nhà trường có ảnh hưởng tương đối lớn đến việc định hướng giá trị đạo đức của các em.

2.7.3. Nhóm yếu tố bạn bè

Bạn bè trong giai đoạn của lứa tuổi học sinh THPT có vai trò rất quan trọng trong nhận thức, thái độ và xu hướng hành vi của các em. Trong lứa tuổi này, tình cảm bạn bè của các em rất thân thiết và hình thành những đôi bạn thân và nhóm bạn thân. Các em học

tập, chơi cùng nhau, cùng đi học trên một con người, cùng học bài chung, cùng tham gia các hoạt động xã hội, chính điều này đã làm cho tình bạn lứa tuổi này càng thêm gắn bó. Khi các em học tập cùng nhau, chơi với nhau nên việc chịu tác động qua lại là điều không thể tránh khỏi. Nếu các em chơi với các nhóm bạn chăm ngoan, học giỏi, điều này khiến bố mẹ hết sức an tâm vì nghĩ rằng khi các em chơi với những người bạn tốt thì các em cũng có ý thức học tập và noi gương người bạn của mình.

Trong thực tế và trên bảng số liệu mà chúng tôi thu thập được cũng đã chứng minh được vai trò của yếu tố bạn bè trong việc định hướng giá trị của các em. Trong mối quan hệ với bạn bè, các em đánh giá khá cao tác động của yếu tố bạn bè đến việc định hướng giá trị của các em. Với ($\overline{DTB}=2,9$) cho cả ba yếu tố đã khẳng định điều đó. Đặc biệt yếu tố bạn thân là yếu tố được các em đánh giá rất cao ($\overline{DTB}=3,2$), người bạn thân là người luôn ở bên cạnh các em, có thể chia sẻ với các em những khó khăn cũng như những vấn đề mà các em không thể chia sẻ với bố mẹ hoặc thầy cô giáo nên việc các em lựa chọn yếu tố này ở mức cao nhất cũng là một điều tất yếu và phù hợp với nhận thức, thái độ cũng như xu hướng hành vi của các em.

Tiếp đến yếu tố bạn bè cùng lớp cũng được các em đánh giá khá cao ở mức điểm trung bình 2,8, nhóm bạn trong lớp cũng trở thành một yếu tố tác động không nhỏ đến việc định hướng giá trị của học sinh THPT. Những người bạn ngoài xã hội, các em đánh giá là có ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức của các em nhưng không nhiều so với tình bạn thân thiết và những người bạn trong lớp học vì mức độ tiếp xúc giữa các em và những người bạn này ít hơn vì thế với điểm trung bình là 2,7, là điểm thấp nhất trong ba yếu tố. Như vậy yếu tố tình bạn ảnh hưởng không nhỏ đến việc định hướng giá trị đạo đức của các em.

2.7.4. Nhóm yếu tố gia đình

Gia đình là yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn các giá trị đạo đức được xếp cận mức “nhiều”. Gia đình là “nhóm tâm lý - tình cảm” đặc thù. Ngay từ khi còn nhỏ, những điều cha mẹ dạy là cơ sở, kim chỉ nam trong mọi hành động của con người. Đó là nhân tố tích cực để hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách mỗi cá nhân, đặc biệt là hoàn thiện nhận thức - tình cảm và ứng xử đạo đức.

Trong năm yếu tố thuộc nhóm này, truyền thống của gia đình ảnh hưởng đến học sinh nhiều nhất ($\overline{DTB}=3,3$). Tiếp đến là yếu tố phương pháp giáo dục của cha mẹ cũng

được các em đánh giá là ảnh hưởng khá lớn đến việc định hướng giá trị đạo đức của các em ($\text{ĐTB}=3,2$), yếu tố lối sống của các thành viên trong gia đình được các em lựa chọn ở mức 3,1. Các yếu tố nghề nghiệp của cha mẹ ($\text{ĐTB}=2,7$), trình độ học vấn ($\text{ĐTB}=2,5$) đa phần các em không thấy ảnh hưởng nhiều đến việc định hướng giá trị của các em. Bên cạnh đó, điều kiện kinh tế - một yếu tố khách quan trong gia đình cũng ít ảnh hưởng đến lối sống của học sinh ($\text{ĐTB}=2,6$). Như vậy, gia đình là một yếu tố có ảnh hưởng đến việc lựa chọn các giá trị đạo đức trong định hướng lối sống của học sinh ở một mức độ khá rõ. Điều này càng khẳng định: Trong giai đoạn học THPT, gia đình chi phối và ảnh hưởng trực tiếp đến việc định hướng giá trị đạo đức của các em. Từ đó, vấn đề đặt ra là: Cần chú trọng yếu tố giáo dục gia đình, sự gương mẫu của cha mẹ, phương pháp giáo dục con trong quá trình định hướng giá trị đạo đức cho học sinh.

2.7.5. Nhóm yếu tố bản thân

Trong quá trình xã hội hóa, nền văn hóa của loài người nói chung và các giá trị nói riêng không phải được mỗi cá nhân phản ánh nguyên xi, chấp nhận hoàn toàn một cách thụ động, nhưng là có chọn lọc thông qua “bộ lọc nhân cách” của họ. Bộ lọc này như là cánh cửa duy nhất, là khâu trung gian để cá nhân lựa chọn, tiếp thu các giá trị đạo đức. Theo lý luận, đây chính là nhóm yếu tố mang tính chất quyết định đến việc lựa chọn các giá trị đạo đức của học sinh. Bởi tất cả các yếu tố khác: xã hội, nhà trường hay gia đình, muốn tác động đến định hướng giá trị đều phải thông qua chính hoạt động của cá nhân học sinh đó.

Kết quả nghiên cứu thu được cho thấy trung bình ảnh hưởng của nhóm yếu tố này là 3,15 - ứng với mức nhiều. Đây cũng là nhóm yếu tố có trung bình cao nhất, nghĩa là có ảnh hưởng gần như mạnh nhất trong tất cả bốn nhóm yếu tố.

Cụ thể, chính sự tự nhận thức của bản thân sẽ định hướng cho cá nhân đó. Mặt khác, sự tự rèn luyện, tự giáo dục sẽ quyết định đến việc lựa chọn những giá trị đạo đức của bản thân trong tất cả các hoạt động đa dạng của cuộc sống học sinh ($\text{ĐTB}=3,2$). Ngoài ra yếu tố mục tiêu nghề nghiệp trong tương lai cũng là yếu tố thúc đẩy và ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức của các em ($\text{ĐTB}=3,1$). Như vậy, các em học sinh khá độc lập trong quá trình lựa chọn các giá trị đạo đức.

Như vậy với số liệu trên có thể khẳng định, mặc dù có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT như gia đình, nhà trường, bạn bè

và xã hội nhưng yếu tố quyết định vẫn chính bản thân của các em, là những chủ thể tiếp nhận và lựa chọn những giá trị phù hợp với bản thân, với gia đình, yêu cầu của xã hội.

Tiểu kết chương 2

Như vậy nhìn chung nhận thức, thái độ và hành vi của học sinh THPT thành phố Bà Rịa khá tốt. Các em đã có xu hướng hành vi tích cực phù hợp với nhận thức và thái độ của các em. Tuy nhiên giữa nhận thức, thái độ và hành vi ở một số giá trị giữa các trường và khối lớp chưa thật sự đồng đều, điều này một phần do sự phân bố học sinh không đồng đều giữa các trường dẫn đến sự khác biệt trong việc định hướng giá trị của các em.

Với lứa tuổi đang chịu sự chi phối mạnh mẽ từ gia đình và nhà trường chính vì vậy các em cũng nhận định được những yếu tố tác động mạnh mẽ đến việc định hướng giá trị của các em. Gia đình, nhà trường cần quan tâm, động viên và có những biện pháp nhằm giúp các em có sự định hướng giá trị đạo đức đúng đắn, giúp các em phát triển con người toàn diện không chỉ về tài năng mà cả về giá trị đạo đức.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH THPT THÀNH PHỐ BÀ RỊA

3.1. Một số biện pháp nhằm định hướng giá trị đạo đức cho học sinh THPT thành phố Bà Rịa

Hiện nay các hoạt động giành cho đối tượng học sinh THPT chủ yếu tập trung trong phạm vi lớp học, trường học và một số tổ chức Đoàn thanh niên, tổ chức hội...v.v.. Tuy nhiên các hoạt động này không nhiều và mang tính riêng lẻ, thiếu đồng bộ. Để có những hoạt động giúp học sinh có sự định hướng tốt hơn, chúng tôi đã đề xuất một số hình thức để thu thập ý kiến đánh giá của các em, theo các em hoạt động nào là bổ ích, thiết thực và có hiệu quả cao trong việc định hướng giá trị đạo đức của các em.

Bảng 2.23. Biện pháp định hướng giá trị đạo đức

Hình thức	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Giáo dục qua hoạt động ngoại khóa, phong trào	3,03	0,84
Dạy thành một môn học chuyên biệt	2,6	0,94
Nói chuyện, báo cáo chuyên đề	2,9	0,90
Lồng ghép thông qua các môn học	2,9	0,90
Giáo dục thông qua gia đình	3,22	0,80

Nhìn bảng số liệu cho thấy, các em có sự đánh giá cao những hoạt động giáo dục thông qua gia đình. Đối với các em gia đình vẫn là yếu tố gần gũi và dễ dàng định hướng cho các em. Nhà trường có thể tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề giành riêng cho các bậc phụ huynh tham gia, đưa ra những vấn đề còn tồn tại trong lứa tuổi học sinh, đặc điểm tâm sinh lý cũng như những biện pháp định hướng hiệu quả cho các em, từ đó các gia đình sẽ có những hoạt động và phương pháp giáo dục để định hướng giá trị đạo đức cho các em một cách hiệu quả. Với giáo dục thông qua gia đình được các em đồng tình lựa chọn ở mức (ĐTB=3,22).

Ngoài ra các em cũng rất đồng tình với các phương pháp giáo dục thông qua hoạt động ngoại khóa, phong trào. Lứa tuổi học sinh THPT là tuổi năng động, các em ham học hỏi, tìm hiểu và khám phá chính vì thế nếu có những hoạt động ngoại khóa bổ ích sẽ là

điều kiện giúp các em có định hướng giá trị đạo đức rất tốt. hình thức này thường được Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trong các trường THPT tổ chức. Bên cạnh đó một số hoạt động do nhà trường thiết kế triển khai trong những dịp trọng thể như 20/11, 22/12, 26/3... cũng như một số hoạt động thường niên khác. Thông qua phỏng vấn sâu, học sinh cũng đánh giá khá cao hình thức này vì khi tham gia vào trong các hoạt động, chính các em là người thể nghiệm các giá trị đạo đức thông qua các hoạt động đó, và thông qua quá trình hợp tác làm việc đội nhóm cùng nhau. Đây là một hình thức giáo dục hiệu quả cũng như là một con đường tự tu dưỡng, tự rèn luyện mà các em học sinh lựa chọn.

Tuy nhiên, nhiều hoạt động ngoại khóa trong thực tế ở trường THPT còn mang tính hình thức và nội dung khô khan và áp đặt, không thường xuyên. Ngoài ra hình thức tổ chức lặp đi lặp lại gây ra nhàm chán. Các em cần những hoạt động có nội dung hơn, thường xuyên hơn và được chuẩn bị chu đáo hơn để chính các em được trải nghiệm thông qua những hoạt động đó.

Với việc thông qua các buổi nói chuyện chuyên đề cũng được các em đánh giá khá cao. Hình thức này không tốn nhiều chi phí, nhưng lại rất gần gũi và độ tương tác giữa các em rất cao. Các buổi nói chuyện giúp các em nắm rõ vấn đề và giải quyết ngay những vấn đề mà các em chưa hiểu sâu về nó. Trong những buổi sinh hoạt chuyên đề, học sinh được tiếp thu những hiểu biết mới một cách tự nhiên, thoải mái, từ đó thay đổi thái độ và hành vi của mình.

Với điểm trung bình 2,9 là mức đồng tình khá cao đối với việc đưa lồng ghép vào các môn học. Đây là một hình thức có thể giảm bớt căng thẳng cho các em trong những giờ học dễ nhàm chán, với hình thức này các em vừa có tinh thần tiếp thu môn học chính hiệu quả đồng thời qua đó các em cũng học thêm được điều bổ ích giúp các em có thể định hướng được giá trị đạo đức trong hoạt động học tập và hoạt động sống của chính bản thân mình.

Hình thức cuối cùng “dạy theo môn học chuyên biệt” mặc dù không được đánh giá cao như những hình thức trên nhưng đây vẫn là một hình thức được các em đồng tình ủng hộ với điểm trung bình là 2,6.

Ngoài ra một số em còn đề xuất thêm một số hình thức như: Thầy cô cần quan tâm, chia sẻ với các em nhiều hơn, tạo mối quan hệ gần gũi giữa các em, giúp các em định hướng tích cực trong các giá trị đạo đức.

Như vậy, tuy còn một vài bất khoản nhưng nhìn chung các em học sinh rất tán thành với các hình thức giáo dục giá trị đạo đức hiện nay. Trong đó, giáo dục thông qua gia đình tổ chức hoạt động ngoại khóa là hai hình thức mà học sinh yêu thích và lựa chọn nhiều nhất. Điều đó càng khẳng định được vai trò, tầm quan trọng của yếu tố gia đình, nhà trường trong việc định hướng giá trị đạo đức của các em.

Tiểu kết chương 3

Nhìn chung học sinh THPT đánh giá cao các biện pháp giáo dục định hướng giá trị đạo đức thông qua gia đình và hoạt động ngoại khóa.

Học sinh lứa tuổi THPT là tuổi rất hiếu động và thích hoạt động xã hội, tuy nhiên hiện nay, các em chưa có những được tham gia những sân chơi thật sự bổ ích, lành mạnh và thường xuyên do chính các trường nơi các em học tập hay khu phố nơi các em sinh sống, điều này dẫn đến tình trạng các em thiếu đi một môi trường có thể giúp các em định hướng được những giá trị đạo đức đúng đắn trong mối quan hệ với gia đình, thầy cô bạn bè. Đây cũng chính là câu hỏi đặt ra cho nhà trường, các bậc phụ huynh. Tất cả những điều đó đã phần nào chứng minh vẫn có hiện trạng các em chưa định hướng được những giá trị đạo đức cần thiết cho bản thân, các em còn nhận thức, có thái độ, thể hiện và có xu hướng hành vi chưa đúng như những nghiên cứu của chúng tôi đã nêu trên.

CHƯƠNG 4: THỬ NGHIỆM MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH THPT THÀNH PHỐ BÀ RỊA

4.1. Mục đích thử nghiệm

Nhằm nâng cao nhận thức và thái độ của học sinh đối với các giá trị đạo đức, chủ yếu là các giá trị trong mối quan hệ với gia đình, thầy cô, bạn bè và một số giá trị đạo đức trong mối quan hệ với người khác.

4.2. Khách thể thử nghiệm

Khách thể thử nghiệm là 27 học sinh ở ba trường: 9 em học sinh trường THPT Châu Thành, 9 em trường THPT Trần Quang Khải và 9 em học sinh thuộc TTGDTX (3 em khối lớp 10, 3 em khối 11, 3 em khối 12).

4.3. Nội dung thử nghiệm

Dựa trên kết quả khảo sát của đề tài cũng như những cứ liệu từ thực tế cho thấy học sinh có sự định hướng giá trị đạo đức khá tốt nhưng nhận thức chưa thật sự ổn định và thái độ cũng chưa thật sự tích cực. Giữa nhận thức, thái độ và hành vi chưa thống nhất nên những yếu tố sau được lưu ý lựa chọn tác động. Vì giới hạn của đề tài nên chúng tôi chỉ tiến hành thử nghiệm nhận thức và thái độ của học sinh, không đi sâu thực nghiệm hành vi.

- Nhận thức của học sinh trong việc lựa chọn định hướng các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với bản thân, gia đình, thầy cô, bạn bè.

- Thái độ của học sinh về những nhận định liên quan đến định hướng giá trị đạo đức của các em.

4.4. Tổ chức thử nghiệm

- Dựa trên kết quả nghiên cứu thực trạng định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT.

- Dựa trên những nguyên nhân cũng như những hình thức giáo dục giá trị đạo đức học sinh THPT quan tâm.

- Đối tượng thử nghiệm sẽ được tiến hành trong ba tháng với những biện pháp sau:

- + Báo cáo chuyên đề tác động đến nhận thức của học sinh về việc định hướng các giá trị đạo đức trong các mối quan hệ

+ Tổ chức các buổi giao lưu, các buổi trải nghiệm để hình thành thái độ tích cực trong việc định hướng giá trị của các em.

4.4.1. Tổ chức báo cáo chuyên đề

a. Mục đích:

Cung cấp cho học sinh những kiến thức về vấn đề định hướng giá trị đạo đức và về sự hài hòa giữa các loại giá trị trong cuộc sống hiện nay.

b. Nội dung và yêu cầu:

- Nghe chuyên đề dưới hình thức trao đổi, thảo luận nhóm - chia sẻ quan niệm và trò chơi nhận thức phù hợp với lứa tuổi học sinh THPT.

- Tổ chức cho học sinh quan sát các đoạn video clip và các thông điệp liên quan đến định hướng giá trị để bình luận và đánh giá.

- Thực hiện bài thu hoạch có sản phẩm sau khi nghe chuyên đề và chuyển về cho ban tổ chức.

c. Cách thức tiến hành:

Buổi 1: Thảo luận nhóm với chủ đề “mẹ” với các nội dung chủ yếu: Kể những câu chuyện cảm động về mẹ, tấm gương về lòng hiếu thảo...v.v

Buổi 2: Thảo luận nhóm với chủ đề “thầy cô” với các nội dung: Người thầy/ cô để lại nhiều ấn tượng, nếu trở thành một người thầy/ cô bạn sẽ làm gì..v.v

Buổi 3: Thảo luận nhóm với chủ đề “tình bạn” với các nội dung chủ yếu: Hãy kể một người bạn mà bạn có ấn tượng nhất trong lớp và vì sao? Theo bạn để giữ gìn tình bạn tốt, chúng ta cần làm gì?...v.v

Buổi 4: Thảo luận chủ đề “vượt khó” với nội dung chủ yếu: Cho xem video về tấm gương vượt khó Nguyễn Bích Lan.

4.4.2. Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong cuộc sống

a. Mục đích:

- Tác động trực tiếp đến nhận thức và thái độ của học sinh bằng những hình ảnh, âm thanh đời thường gần gũi và sâu sắc.

- Giúp các em học sinh nhận thức sâu sắc và có những xúc cảm ổn định với những giá trị đạo đức trong cuộc sống cá nhân qua những gì nhìn thấy, nghe thấy và trực tiếp trải nghiệm bằng hành động.

b. Nội dung

- Học sinh tham gia các buổi từ thiện gần gũi phù hợp với khả năng trên địa bàn mình sinh sống. Chia sẻ trải nghiệm của mình qua bài thuyết trình trong 15 phút và đưa ra thông điệp cho các bạn học sinh cùng độ tuổi. Hình thức tổ chức như một buổi sinh hoạt, thi đua có các thầy cô sẽ làm ban giám khảo, chấm điểm và có thưởng với nhiều phần quà hấp dẫn, lý thú cho tất cả các học sinh cùng tham gia.

- Học sinh cùng với nhóm bạn (gồm 10 thành viên) thực hiện một bài viết để mô tả lại những gì mình đã đóng góp cho cộng đồng một cách rất cụ thể, thiết thực, giản đơn.

c. Cách thức tiến hành:

- Tổ chức 3 buổi trải nghiệm trong địa bàn theo chủ đề:

Buổi 1: Chủ đề “Uống nước nhớ nguồn”, 27 em được chia làm 2 nhóm nhỏ, dưới sự hướng dẫn của cô Nguyễn Thị Huệ và cô Phan Thị Hằng.

Sáng chủ nhật từ 8h- 11h ngày 7/4/2013: Các em tham gia thăm hỏi, dọn vệ sinh, giúp đỡ các gia đình cô công với đất nước.

Buổi 2: Chủ đề “Bạn tốt”: Dưới sự hướng dẫn của cô Nguyễn Thị Huệ, cô Phan Thị Hằng và cô Lê Thị Hằng chia làm 3 nhóm.

Sáng chủ nhật từ 8h -11h ngày 21/11/2013: Các em tổ chức các nhóm học tập, đến nhà những gia đình bạn bè còn khó khăn, thăm hỏi và giúp đỡ các bạn công việc nhà.

Buổi 3: Chủ đề “Vì môi trường xanh sạch đẹp”, chia thành 3 nhóm nhỏ dưới sự hướng dẫn của cô Nguyễn Thị Huệ, cô Phan Thị Hằng và cô Lê Thị Hằng.

Chiều chủ nhật từ 15h30 – 17h ngày 12/05/2013: Ba nhóm học sinh phân công tổng vệ sinh tại khuôn viên trường học, chăm sóc và tưới cây xanh trong khuôn viên trường.

4.5. Kết quả thử nghiệm

Để có thể khẳng định hiệu quả của những biện pháp thử nghiệm, chúng tôi tập trung so sánh số liệu về sự lựa chọn của nhóm thử nghiệm trước thử nghiệm và sau ba tháng thử nghiệm. Ngoài ra, đề tài cũng có sự so sánh nhất định với kết quả nghiên cứu thực trạng (trên toàn mẫu dân số) để đưa ra những nhận định mang tính khái quát.

4.5.1. Nhận thức các giá trị đạo đức của học sinh THPT trước và sau thử nghiệm

Nhìn vào bảng số liệu phía dưới ta thấy không có sự khác biệt đáng kể về nhận thức các giá trị đạo đức của học sinh trong mối quan hệ với bản thân, gia đình, thầy cô và bạn bè.

Trong mỗi quan hệ bản thân, có một số giá trị không có sự thay đổi: Tự trọng, tôn trọng, biết ơn, tin tưởng. Cả bốn giá trị này đều ở tỉ lệ trung bình như nhau sau ba tháng thử nghiệm. Thứ hạng của các câu trong hệ thống giá trị trong mỗi quan hệ với bản thân chênh lệch không đáng kể. Giá trị tự do và kiên trì đổi vị trí thứ hạng cho nhau, các giá trị đoàn kết, giản dị, biết ơn, can đảm, tin tưởng cũng có sự thay đổi trong thứ hạng. Đặc biệt giá trị trung thực trước thử nghiệm đứng ở hạng 5, sau thử nghiệm ở vị trí hạng 3, giá trị tự trọng ở vị trí số 4, sau thử nghiệm tụt xuống hạng 6.

Với mức ý nghĩa ($Sig \leq 0,05$), các giá trị mới có ý nghĩa, vì vậy các giá trị trong mỗi quan hệ với bản thân trước và sau khi thực nghiệm không có sự khác biệt hay không có ý nghĩa về mặt thống kê.

Bảng 4.1. Đánh giá nhận thức của học sinh THPT trước và sau thực nghiệm

Stt	Giá trị	Dân số		NTN - Trước TN		NTN - Sau TN		Sig.(2-tailed)
		TB	Hạng	TB	Hạng	TB	Hạng	
	Bản thân							
1	Tự trọng	3,57	3	3,62	4	3,62	6	
2	Trung thực	3,53	7	3,62	5	3,77	3	0,10
3	Khiêm tốn	3,19	11	3,33	12	3,44	12	0,32
4	Lạc quan	3,10	15	2,96	14	3,07	14	0,32
5	Tự do	3,46	6	3,44	9	3,45	11	0,22
6	Kiên trì	3,41	8	3,40	11	3,48	10	0,32
7	Uy tín	3,8	1	4,0	1	3,8	1	0,32
8	Tôn trọng	3,57	4	3,81	2	3,81	2	
9	Đồng cảm	3,16	14	3,14	13	3,22	13	0,32
10	Chung thủy	3,26	9	2,85	15	3,03	15	0,32
11	Giản dị	3,22	10	3,40	10	3,51	9	0,17
12	Đoàn kết	3,61	2	3,51	8	3,59	7	0,32
13	Biết ơn	3,57	5	3,70	3	3,70	4	
14	Can đảm	3,29	13	3,55	6	3,62	5	0,32
15	Tin tưởng	3,47	12	3,55	7	3,55	8	
	Gia đình							
1	Trách nhiệm	3,71	5	3,62	6	3,88	5	0,05
2	Quan tâm, chăm sóc	3,79	3	3,77	4	3,96	2	0,05
3	Kính trọng	3,85	2	3,96	1	4,0	1	0,16
4	Hiếu thảo	3,87	1	3,88	2	3,92	3	0,32
5	Biết ơn	3,77	4	3,85	3	3,92	4	0,16
6	Yêu thương	3,64	6	3,66	5	3,74	6	0,16
7	Bình đẳng	2,39	10	3,03	9	2,92	9	0,08

8	Độc lập	2,81	9	2,85	10	2,74	10	0,08
9	Chăm sóc em nhỏ	3,12	7	3,22	7	3,40	7	0,09
10	Nhận được sự chăm sóc	2,93	8	3,14	8	3,04	8	0,08
Thầy cô								
1	Kính trọng	3,8	1	3,77	1	3,85	1	0,16
2	Trung thực	3,6	3	3,51	3	3,62	3	0,18
3	Thẳng thắn	3,21	4	3,53	4	3,53	4	
4	Biết ơn	3,63	2	3,66	2	3,81	2	0,10
5	Hy sinh	2,44	7	2,18	8	2,07	8	0,16
6	Tin tưởng	3,14	5	2,6	5	3,07	5	0,08
7	Phụ thuộc	1,72	9	2,18	9	2,07	9	0,08
8	Nhiệt thành	3,0	6	2,88	6	3,0	6	0,18
9	Bình đẳng	2,4	8	2,74	7	2,59	7	0,04
10	Vô tâm	1,3	10	1,62	10	1,55	10	0,16
Bạn bè								
1	Bình đẳng	3,53	2	3,48	3	3,62	3	0,10
2	Trung thực	3,4	4	3,55	2	3,66	2	0,32
3	Sòng phẳng	3,15	6	3,37	4	3,40	4	0,32
4	Dũng cảm	3,01	7	3,29	5	3,22	7	0,16
5	Lợi dụng	1,3	10	1,62	10	1,59	10	0,32
6	Uy tín	3,46	3	3,22	7	3,40	5	0,09
7	Chia sẻ	3,34	5	3,25	6	3,40	6	0,16
8	Hy sinh	2,64	9	2,59	9	2,48	9	0,18
9	Tôn trọng	3,59	1	3,66	1	3,74	1	0,16
10	Nhu cầu được giúp đỡ	2,94	8	3,11	8	3,22	8	0,18

Trong mối quan hệ với gia đình có một số điểm khác biệt cần lưu ý. So với trước thử nghiệm, sau khi thử nghiệm có một số giá trị đạo đức trong mối quan hệ với gia đình có sự thay đổi có ý nghĩa. Hai giá trị đạo đức: Trách nhiệm và quan tâm chăm sóc có sự thay đổi so với số liệu trước khi tiến hành thử nghiệm. Với $\text{sig}=0,05$ hai giá trị này có sự thay đổi ý nghĩa, trước thử nghiệm giá trị trách nhiệm ở thứ hạng thứ 6 (ĐTB=3,62), sau khi thử nghiệm (ĐTB=3,88) đứng ở hạng 5, chứng tỏ học sinh có sự đánh tích cực hơn đối với giá trị này sau thử nghiệm. Đặc biệt giá trị quan tâm, chăm sóc trước khi thử nghiệm, các em đánh giá không quá cao giá trị này nên theo các em vấn đề quan tâm chăm sóc chỉ đứng hạng 4 trong mối quan hệ gia đình với điểm trung bình là 3,77, sau thử nghiệm, giá trị này đã lên vị trí thứ 2 (ĐTB= 3,98), sự thay đổi có xu hướng tích cực.

Các giá trị còn lại không có sự khác biệt đáng kể trước và sau khi thử nghiệm. Tuy nhiên thứ hạng của một số giá trị vẫn có sự biến động. Giá trị hiếu thảo trước thử nghiệm đứng ở vị trí thứ 2, sau khi thử nghiệm giá trị này xuống vị trí thứ 3, ngoài ra các giá trị như biết ơn, yêu thương cũng có sự thay đổi vị trí thứ hạng.

Các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với thầy cô, bạn bè với $\text{sig} > 0,05$ không đủ thông số để chứng minh sự khác biệt, sự chênh lệch nhỏ không cho thấy sự khác biệt. Ngoài ra, những giá trị đạo đức này vẫn giữ nguyên thứ hạng như trước khi tiến hành thử nghiệm.

Như vậy, mặc dù kết quả so sánh giữa trước thử nghiệm và sau thử nghiệm sự chênh lệch không quá lớn tuy nhiên có sự khác biệt theo chiều hướng tích cực. Nhìn trên số liệu của nhóm sau thử nghiệm, điểm trung bình các giá trị tích cực được học sinh đánh giá cao hơn so với trước thử nghiệm đồng thời những giá trị tiêu cực, điểm trung bình thấp xuống.

Các giá trị đạo đức trong mối quan hệ bản thân đều được các em đánh giá theo chiều hướng tích cực, trước thử nghiệm có 15 giá trị trong đó có 13 ($\text{ĐTB} \geq 3,0$), sau thử nghiệm 15 giá trị có ($\text{ĐTB} \geq 3,0$), điều này cho thấy có sự tiến bộ trong nhận thức các giá trị đạo đức sau quá trình thử nghiệm. Trong mối quan hệ với gia đình các giá trị tích cực cũng có xu hướng tăng lên đáng kể, thể hiện rõ nét ở điểm trung bình của các giá trị trách nhiệm, quan tâm, kính trọng, hiếu thảo, biết ơn...

Trong mối quan hệ với thầy cô và bạn bè, nhận thức giá trị của học sinh THPT cũng có chiều hướng tích cực hơn trước khi thử nghiệm. Có 14 giá trị tích cực trong cả hai mối quan hệ, 12 giá trị có điểm trung bình $\geq 3,0$ trước thử nghiệm, sau thử nghiệm 14 giá trị các em đều đánh giá rất cần thiết với bản thân trong mối quan hệ với thầy cô, bạn bè, điều này thể hiện các giá trị này đều có điểm trung bình $\geq 3,0$.

4.5.2. Thái độ về các giá trị đạo đức trước và sau thử nghiệm

Nhìn vào bảng số liệu phía dưới về thái độ của học sinh trước và sau thử nghiệm có một số thay đổi theo hướng tích cực. Với 40 nhận định sau 3 tháng thử nghiệm, chúng ta thấy có một số thay đổi trong thái độ của các em đối với các nhận định về giá trị đạo đức.

Bảng 4.2. Thái độ của học sinh THPT trước và sau thử nghiệm

Nhận định	Mẫu	NTN-TTN	NTN-STN	Số thống kê Sig.(2-tailed)
Tích cực				

1. Tôi nghĩ thế giới này nếu không có chiến tranh, thiên tai thì mọi người dân đều được sống hạnh phúc	3,42	3,44	3,62	0,13
2. Tôi biết ơn những anh hùng đã hy sinh vì đất nước	3,71	3,59	3,66	0,32
3. Tôi tự hào vì sống trong một đất nước kiên cường, anh dũng	3,62	3,51	3,74	0,08
4. Khi thấy ai gặp nạn, tôi thấy cảm thương họ	3,27	2,96	3,14	0,05
5. Tôi thấy buồn khi người ngoại quốc chê đất nước mình nghèo	2,49	2,59	2,77	0,09
6. Tôi Phẫn đối những hành vi chống phá tổ quốc, xúc phạm dân tộc	3,39	3,37	3,44	0,16
7. Tôi luôn kiềm chế và tránh xúc phạm tới người khác	3,22	3,18	3,29	0,32
8. Tôi ghét những người sống giả dối	3,0	2,92	2,96	0,32
9. Tôi luôn bảo vệ kẻ yếu	2,79	2,62	2,70	0,32
10. Tha thứ, bỏ qua lỗi lầm của người khác	3,11	3,29	3,40	0,08
11. Tôi luôn nghiêm chỉnh thực hiện những nội quy của lớp, của trường	3,22	3,40	3,51	0,08
12. xếp hàng nghiêm túc nơi công cộng	2,93	2,66	2,88	0,03
13. Tôi luôn chịu trách nhiệm về những gì mình đã làm	3,33	2,81	2,96	0,10
14. Tôi ghét những ai xả rác một cách vô ý thức	3,08	3,14	3,29	0,16
15. Tôi nghĩ lương tâm của mỗi người là căn cứ quan trọng của đạo đức	3,19	3,29	3,37	0,16
16. Tôi nghĩ những người không biết biết ơn người khác là vô đạo đức	2,95	3,11	3,22	0,18
17. Tôi nghĩ, một người con ngoan là người biết kính trọng cha mẹ	3,22	2,81	3,18	0,03
18. Với tôi, cha mẹ luôn là người tôi biết ơn sâu sắc	3,59	3,14	3,55	0,02
19. Tôi luôn làm mọi việc để cha mẹ vui lòng	3,39	3,29	3,40	0,18
20. Nếu tôi là một người anh/chị cả trong gia đình, tôi sẽ luôn gương mẫu, chăm sóc các em tôi	3,20	3,00	3,03	0,32
21. Tôi sống hết mình với bạn bè	2,76	2,66	2,82	0,04
22. Tôi thường khuyên nhủ bạn bè có tính cách chưa tốt	2,73	2,74	2,81	0,16
23. Tôi nghĩ, một người bạn tốt là người biết quan tâm, chia sẻ	3,08	2,92	3,11	0,17
24. Đối với thầy cô, tôi luôn thể hiện sự tôn kính	3,47	4,66	5,88	0,38
25. Tôi luôn thăm hỏi, biết ơn thầy cô giáo cũ	3,4	3,07	3,11	0,32

26. Tôi sẽ lựa chọn những trường ĐH phù hợp với năng lực của tôi	3,38	2,96	3,11	0,10
27. Tự tin vào bản thân	2,98	3,22	3,37	0,16
Tiêu cực				
1. Trong gia đình, tôi muốn hoàn toàn tự quyết định chuyện riêng của mình	2,34	2,51	2,37	0,04
2. Tôi tự nhủ ai làm hại tôi, thì sẽ bị trừng phạt dù sớm hay muộn	2,32	2,40	2,29	0,18
3. Tôi lựa chọn theo đa số dù biết việc đó là sai	1,50	1,77	1,70	0,16
4. Tôi không quan trọng việc giữ lời hứa với bạn bè	1,74	2,55	2,40	0,21
5. Tôi luôn đặt lợi ích của mình lên trên lợi ích của người khác	1,69	1,88	1,85	0,32
6. Đối với tôi, học tập chẳng qua là để kiếm tiền	1,54	1,88	1,81	0,16
7. Tôi ghét những người nói xấu tôi	2,86	2,33	2,25	0,16
8. Tôi chỉ biết ơn những thầy cô dạy tôi trên lớp	1,73	2,29	2,22	0,32
9. Tôi ghét phải xin lỗi mặc dù tôi có lỗi	1,64	2,18	2,14	0,32
10. Tôi luôn nhờ sự giúp đỡ khi gặp bất kỳ một khó khăn nào, dù là rất nhỏ	2,05	2,07	1,96	0,18
11. Tôi không quan trọng việc học ngành gì mà quan trọng là có kiếm được nhiều tiền hay không	1,57	2,03	1,92	0,18
12. Tôi nghĩ những công việc lao động chân tay là những công việc thấp hèn	1,23	1,85	1,74	0,08
13. Tôi luôn tỏ ra nổi bật hơn bạn bè	1,73	2,51	2,40	0,18

Với 27 nhận định tích cực, cho thấy có sự thay đổi sau thời gian thử nghiệm, tỉ lệ điểm trung bình của các nhận định tích cực được các em trong nhóm thử nghiệm đánh giá cao hơn trước thử nghiệm. Sự thay đổi này còn thể hiện ở giá trị sig $\leq 0,05$. Ở nhận định trong câu 4 với Sig=0,05, chứng tỏ có sự khác biệt giữa nhóm trước và sau thử nghiệm. Với điểm trung bình trước thử nghiệm là 2,96, sau thời gian thử nghiệm điểm trung bình của nhận định này tăng lên 0,18 (ĐTB= 3,14), học sinh có thái độ đánh giá tích cực hơn đối với nhận định thể hiện tình thương, lòng nhân ái đối với người bị nạn. Trong câu 12, với nhận định xếp hàng nơi công cộng, mặc dù nhóm thử nghiệm có điểm trung bình thấp hơn điểm trung bình của dân số chung nhưng sau thử nghiệm có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực, điểm trung bình đã tăng lên từ (ĐTB=2,66) và sau thử nghiệm (ĐTB=2,88) với sig =0,03. Sự khác biệt có ý nghĩa này còn thể hiện rõ ở câu 17, 18. Thái

độ đồng tình với việc thể hiện sự kính trọng đối với cha mẹ đã được các em đánh giá cao hơn trước khi thử nghiệm, với ($\text{sig} = 0,02$) có sự khác biệt ý nghĩa của nhận định này trước và sau thử nghiệm. Điểm trung bình trước thử nghiệm là 2,81, sau thử nghiệm là 3,18, đây là nhận định thể hiện rõ nhất sự khác nhau về thái độ của nhóm trước và sau thử nghiệm. Tiếp đến với nhận định thể hiện tình cảm biết ơn sâu sắc với cha mẹ, nhóm thử nghiệm đã có thái độ tích cực hơn thể hiện ở điểm trung bình, trước thử nghiệm ($\text{ĐTB}=3,14$), sau thử nghiệm ($\text{ĐTB}=3,55$) ở câu 18, rõ ràng thái độ của học sinh về tình cảm đối với cha mẹ đã có sự thay đổi đáng kể.

Trong mối quan hệ với bạn bè ở câu 21, nhóm thử nghiệm cũng có thái độ tích cực hơn với mức ý nghĩa $\text{sig} = 0,04$ cho thấy có sự khác biệt ở nhận định này. Điểm trung bình sau thử nghiệm 2,82, cao hơn so với trước thử nghiệm ($\text{ĐTB} = 2,62$), các em có thái độ tích cực cao hơn cả điểm trung bình của dân số 2,72.

Ngoài những nhận định có sự khác biệt rõ nét, các nhận định còn lại không có mức ý nghĩa cho thấy sự khác biệt giữa nhóm trước thử nghiệm và sau thử nghiệm. Tuy nhiên cũng như phần nhận thức, nhìn chung thái độ của học sinh có xu hướng tích cực hơn so với trước thử nghiệm, thể hiện ở điểm số trung bình của nhóm ở bảng nêu trên.

Như vậy, hầu hết các nhận định tích cực, học sinh đều có thái độ đánh giá cao hơn so với trước thử nghiệm. Tỷ lệ tăng không đáng kể nhưng cũng nhận thấy được sự khác biệt tích cực của các em. Với 16/27 nhận định trước thử nghiệm với điểm số trung bình $\geq 3,0$, ở mức quan trọng đến cận mức rất quan trọng thì sau thử nghiệm con số nhận định với ($\text{ĐTB} \geq 3,0$) lên tới 20/27 nhận định. Điều này càng khẳng định quá trình thử nghiệm đã phần nào tác động đến nhận thức cũng như thái độ của các em đối với các giá trị đạo đức.

Với 13 nhận định các giá trị đạo đức theo hướng tiêu cực, không có nhận định nào có sự khác biệt ý nghĩa. Tuy nhiên có sự khác biệt thể hiện trong điểm trung bình của các nhận định. Hầu hết các nhận định, điểm trung bình đã thấp xuống sau quá trình thử nghiệm, thái độ của các em đã đánh giá các nhận định ở mức phân vân đến không phù hợp. Với 13 nhận định, trước thử nghiệm có 4 nhận định ở mức ($\text{ĐTB} < 2,0$), sau thử nghiệm có tới 6 nhận định ở mức trung bình từ 1,7- 1,92, điều này cho thấy, các em đã có thái độ không đồng tình hơn đối với những nhận định mang tính tiêu cực.

Như vậy có thể thấy rằng, việc tác động thử nghiệm mang lại những giá trị nhất định. Các em học sinh trong nhóm thử nghiệm quan tâm và nhận thức cao hơn đến các giá trị đạo đức cần thiết trong mối quan hệ với bản thân, gia đình, nhà. Đồng thời, các em cũng

có thái độ tích cực hơn đối với các nhận định đạo đức liên quan đến định hướng giá trị đạo đức của các em. Với phương pháp thử nghiệm, mặc dù không mang lại sự thay đổi hoàn toàn nhận thức và thái độ của các em về việc định hướng các giá trị đạo đức nhưng phần nào cho thấy được hiệu quả của quá trình thử nghiệm. Điều đó khẳng định, nếu các em được sự quan tâm của gia đình, thầy cô và có nhiều cơ hội tham gia các hoạt động xã hội ý nghĩa và có sự định hướng đúng đắn của gia đình, nhà trường sẽ là cơ hội tốt cho các em nhận thức và có thái độ đúng đối với các giá trị đạo đức trong cuộc sống của các em.

Tiểu kết chương 4

Việc tiến hành thử nghiệm đối với các mẫu lựa chọn ngẫu nhiên ở cả ba trường giúp chúng tôi thấy rõ được vai trò của thử nghiệm trong công tác nghiên cứu.

Với kết quả thử nghiệm cho thấy nhìn chung không có sự thay đổi về mặt ý nghĩa về nhận thức và thái độ của học sinh THPT thành phố Bà Rịa trước và sau thử nghiệm. Tuy nhiên nhìn tổng quan theo số liệu thu nhận được vẫn có sự thay đổi nhỏ theo chiều hướng tích cực về nhận thức và thái độ của các em học sinh THPT.

Nhóm sau thử nghiệm nhận thức được các giá trị theo xu hướng tích cực hơn, từ 12 giá trị ($\text{ĐTB} \geq 3.00$), sau thử nghiệm 14 giá trị ($\text{ĐTB} \geq 3.00$)

Thái độ của nhóm thử nghiệm cũng thay đổi theo chiều hướng tích cực, trước thử nghiệm 16 nhận định ($\text{ĐTB} \geq 3.0$), sau thử nghiệm 20 nhận định ($\text{ĐTB} \geq 3.0$)

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Như vậy việc tìm hiểu thực trạng định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT là điều rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt đối với thành phố Bà Rịa. Qua đó thấy được đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi học sinh THPT, thấy được nhận thức, thái độ và xu hướng hành vi của các em cũng như những yếu tố ảnh hưởng đến việc định hướng giá trị cho các em trong xu thế hội nhập của thành phố nói riêng và của đất nước nói chung.

Kết quả nghiên cứu về thực trạng định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT tại thành phố Bà Rịa trong giai đoạn hiện nay, cho phép chúng tôi rút ra một số kết luận sau đây:

Một là, đã có rất nhiều đề tài, chuyên đề nghiên cứu về định hướng giá trị đạo đức, giá trị nhân văn của giới trẻ hiện nay, tuy nhiên các nghiên cứu vẫn mang tính khái quát chung chung, chưa đi sâu nghiên cứu vào từng đối tượng ở một địa phương cụ thể đặc biệt là học sinh THPT tại thành phố Bà Rịa. Giá trị đạo đức là một phần cốt lõi hình thành và phát triển nhân cách con người, nó chính là kim chỉ nam để con người hướng tới cuộc sống tươi đẹp và hạnh phúc, vì vậy đối với học sinh THPT là thế hệ trẻ tương lai của đất nước, cần có sự chung tay của các cấp để định hướng giá trị đúng đắn cho các em.

Hai là, với kết quả nghiên cứu nêu trên, nhìn chung các em có định hướng giá trị đạo đức khá tích cực, đặc biệt các em vẫn chú trọng đến những giá trị đạo đức truyền thống như biết ơn, kính trọng, quan tâm, chăm sóc. Tuy nhiên việc định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT vẫn chưa rõ ràng, còn có sự giao động trong nhận thức thái độ và hành vi. Các em vẫn thừa nhận những giá trị truyền thống, cơ bản trong mối quan hệ với cha mẹ, thầy cô nhưng vẫn còn một số giá trị các em vẫn chưa có sự định hướng đúng trong các mối quan hệ của bản thân.

Ba là, định hướng giá trị đạo đức giữa các trường không đồng đều, còn có sự khác biệt giữa các trường, giữa nam và nữ và giữa các khối lớp. Vẫn còn có sự không đồng nhất giữa nhận thức, thái độ và hành vi giữa một vài giá trị trong các mối quan hệ của các em, các em còn đánh giá theo cảm nhận, theo đa số, chưa có chính kiến riêng trong việc lựa chọn, đánh giá.

Bốn là, việc định hướng giá trị của các em chịu sự tác động của rất nhiều yếu tố. Tuy

nhiên các em vẫn chịu sự chi phối, ảnh hưởng rất lớn từ gia đình, nhà trường. Hai môi trường này là môi trường chính tác động đến việc định hướng giá trị đạo đức của các em lứa tuổi THPT. Vì vậy, trong công tác giáo dục giá trị cho học sinh, phải chú trọng đến yếu tố gia đình, nhà trường nhằm tạo ra sự phối hợp đồng bộ. Bên cạnh đó, điều quan trọng hơn hết là tác động vào nhận thức, tình cảm và ý chí để học sinh tự tu dưỡng, tự giáo dục.

Năm là, các em đang ở vào lứa tuổi năng động, thích khám phá học hỏi, vì thế các em mong muốn được tham gia những tổ chức, công tác xã hội do nhà trường, đoàn thể tổ chức một cách đồng bộ với những nội dung thiết thực ý nghĩa và gần gũi giúp các em có sự định hướng các giá trị đạo đức đúng đắn.

Quá trình thử nghiệm dùng các biện pháp tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề tác động đến nhận thức của học sinh về việc định hướng các giá trị đạo đức trong các mối quan hệ, tổ chức các buổi giao lưu, hoạt động ngoại khóa, các buổi trải nghiệm để hình thành thái độ tích cực trong việc định hướng giá trị của các em. Kết quả thử nghiệm cho thấy học sinh có nhận thức và thái độ tích cực hơn trong việc lựa chọn các giá trị dù sự chênh lệch không đáng kể so với nhóm trước thử nghiệm.

2. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu trên, người nghiên cứu đề xuất những kiến nghị nhằm tạo cơ sở để thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi của học sinh trong việc định hướng giá trị đạo đức.

2.1. Đối với nhà nước

- Nhà nước và cơ quan chức năng cần nghiêm chỉnh thực hiện luật pháp, cương quyết bài trừ tham ô, tham nhũng và các tệ nạn xã hội, có chiến lược chọn lọc những giá trị văn hóa du nhập từ nước ngoài, đồng thời có biện pháp quản lý chặt chẽ mạng lưới truyền thông, giúp các em có một môi trường sống lành mạnh.

- Thường xuyên có những cuộc thi chủ đề uống nước nhớ nguồn, tôn vinh các giá trị đạo đức cần thiết cho thế hệ trẻ trong thời đại mới trên diện rộng, thu hút các đội tượng tham gia đặc biệt là học sinh THPT, nhằm tác động vào nhận thức, giúp các em có sự định hướng đúng đắn.

2.2. Đối với nhà trường

- Quan tâm và có chiến lược, định hướng, đưa ra những chuẩn giá trị đạo đức cần thiết cho lứa tuổi học sinh THPT một cách đồng bộ, thường xuyên.

- Áp dụng các biện pháp tác động trong quá trình giáo dục học sinh, đồng thời tổ chức các buổi thảo luận có chủ đề, các chương trình ngoại khóa nhằm hướng đến các giá trị đạo đức tốt đẹp

2.3. Đối với gia đình

- Các bậc phụ huynh cần thấy rõ được vai trò của giá trị đạo đức trong việc hình thành nhân cách của các em đồng thời luôn quan tâm giáo dục đạo đức cho con cái, giúp các em định hướng được các giá trị đạo đức tích cực.

- Phần đầu trở thành những gia đình văn hóa, có nếp sống lành mạnh, gương mẫu trong công việc, trong giao tiếp với các thành viên trong gia đình và với những người xung quanh, luôn là tấm gương mẫu mực cho các em noi theo.

2.4. Đối với các tổ chức khác

- Đoàn, hội thanh niên cần thúc đẩy những phong trào giáo dục học sinh biết hướng về cộng đồng, biết quan tâm đến những giá trị đạo đức bằng những chương trình sâu và rộng.

- Cần tạo ra hiệu ứng lan tỏa để học sinh sẽ tác động lẫn nhau ở những giá trị đạo đức, trở thành mối quan tâm và tiêu chuẩn hướng đến trong nhận thức - thái độ và hành vi của mỗi học sinh. Nên thúc đẩy quá trình điều chỉnh và tự điều chỉnh để học sinh thực sự chú trọng đến những giá trị đạo đức trong định hướng lối sống của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Anh (2007), *Thực trạng định hướng giá trị đạo đức của sinh viên sư phạm TPHCM*, Luận văn thạc sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Tp.HCM.
2. Lê Trọng Ân (2005), “*Tư tưởng triết học đạo đức*”, *Tạp chí Triết Học*, Số 1(164), tr.16-20.
3. Lê Thị Tuyết Ba (2003), *Chuẩn mực đạo đức trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Tp.HCM.
4. Nguyễn Ngọc Bích (2000), *Tâm lý học nhân cách*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. Bùi Thị Bích (2006), *Thực trạng định hướng giá trị lối sống của sinh viên ở một số trường đại học tại TP. Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Tp.HCM.
6. Phạm Khắc Chương, Hà Nhật Thăng (1998), *Đạo đức học*, Nxb Hà Nội.
7. Côvalov A.G. (1976), *Tâm lý học xã hội*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Vũ Dũng (chủ biên) (2008), *Từ điển tâm lý học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
9. Dương Tự Đàm (1996), *Định hướng giá trị của thanh niên, sinh viên trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Triết học.
10. Nguyễn Văn Đồng (2007), *Tâm lý học phát triển giai đoạn thanh niên đến tuổi già*. Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội.
11. Đoàn Văn Điều (2011), “*Một số quan điểm về đạo đức, lối sống của sinh viên Trường ĐHSP Tp.HCM*”, *Tạp Chí khoa học Đại học Sư phạm Tp.HCM*, Số 31(65), tr.58-64.
12. Đỗ Ngọc Hà (2002), *Định hướng giá trị của thanh niên, sinh viên hiện nay trước sự chuyển đổi về kinh tế, xã hội của đất nước*, Luận văn thạc sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Tp.HCM.
13. Phạm Minh Hạc (2001), *Về sự phát triển toàn diện con người trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Giáo dục.
14. Phạm Minh Hạc(2006), *Tâm lý học nghiên cứu con người trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Giáo dục.
15. Phạm Minh Hạc, *Tuyển tập tâm lý học* (2002), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

16. Lê văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thắng (2004), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
17. Lê Hương (2000), “Đánh giá định hướng giá trị của con người”, *Tạp Chí khoa học Đại học Sư phạm Tp.HCM*, Số 31(65), tr.58-64.
18. A.G.Kuznesov (1992), *Định hướng giá trị của giới trẻ ngày nay*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
19. Cao Văn Luân (1960), *Đạo đức học*, Quyển III, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
20. Nguyễn Lân, *Từ điển Hán- Việt*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.
21. Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui (2005), *Giáo trình Triết học Mac- Lenin*, Nxb Hà Nội.
22. Thanh Lê (2002), *Từ điển xã hội học*, Nxb Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
23. Makiguchi (1994), *Giáo dục vì cuộc sống sáng tạo*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
24. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
25. K.Marx (1978), *Giáo dục học*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
26. Nguyễn Chí Mỹ (1999), *Sự biến đổi của thang giá trị đạo đức trong nền kinh tế thị trường với việc xây dựng giá trị đạo đức cho cán bộ quản lý ở nước ta*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
27. Vũ Thị Nho (1999), *Giáo trình Tâm lý học phát triển*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
28. Thụy Như Ngọc, Rusell J.Daiton (2011), *Nghiên cứu giá trị thế giới – Việt Nam*, Nxb Hà Nội.
29. *Ngôn ngữ học việt nam* (1997), Nxb Đà Nẵng.
30. Đào Thị Oanh (2005), *Nghiên cứu định hướng giá trị của học sinh trung học trong giai đoạn hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.
31. Bùi Ngọc Oánh, Nguyễn Hữu Nghĩa, Triệu Xuân Quýnh (1993), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nxb Giáo dục.
32. M.M.Rozental chủ biên (1975), *Từ điển triết học*, Nxb Tiến bộ Maxcova.
33. Lê Quang Sơn (200), “Những đặc trưng tâm lý của định hướng giá trị thanh niên Việt Nam hiện đại”, *Thông báo khoa học Đại học Sư Phạm*, số 3.
34. Huỳnh Văn Sơn (2009), *Sự lựa chọn các giá trị đạo đức và nhân văn trong định hướng lối sống của sinh viên*, Đề tài nghiên cứu cấp bộ.
35. Sfeldam(2003), *Những điều trọng yếu trong tâm lý học*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

36. Stephen Worchel, Wayne Shebilsue (Trần Đức Hiền biên dịch) (2007), *Tâm lý học nguyên lý và ứng dụng*, Nxb Lao động Xã hội, Hà Nội.
37. Đặng Hữu Toàn (2006), *Hướng các giá trị đạo đức truyền thống theo chuẩn mực giá trị Chân- Thiện – Mỹ*, Triết học.
38. Mạch Quang Thắng (2005), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Giáo dục.
39. Trung tâm cải cách và công nghệ giáo dục (2009), *Giá trị trong hành động*, Nxb Giáo dục.
40. Anh Thắng (2012), “Mùa tựu trường nhìn về đạo đức học đường”, *Báo Đại đoàn kết*, Vietnamnet.
41. Thái Duy Tuyên (1994), “Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường”, *Tạp chí triết học*, Số 5(56), tr.7-9.
42. *Từ điển đạo đức học* (1975), Nxb Hà Nội
43. *Từ điển bách khoa toàn thư Xó Viết* (1967), M, tập 28, tr1462.
44. *Từ điển tiếng Việt* (1998), Nxb Đà Nẵng- Trung tâm Từ điển Triết học.
45. Nguyễn Quang Uẩn (1999), *Tâm lý học đại cương*, Nxb Quốc gia, Hà nội.
46. Nguyễn Khắc Viện (2001), *Từ điển tâm lý*, Nxb Văn hóa Thông tin.
47. Huỳnh Khải Vinh (2000), *Một số vấn đề về lối sống, đạo đức, chuẩn giá trị xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia.
48. Wang Lu và Xie Weihe (1996), *Những giá trị của thanh niên Trung Quốc*, Nxb Văn hóa thông tin (Bản dịch tiếng Việt).

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

PHIẾU THĂM DÒ Ý KIẾN

Các bạn học sinh thân mến!

Để hoàn thành đề tài “Định hướng giá trị đạo đức của học sinh THPT tại thành phố Bà Rịa”, chúng tôi thực hiện phiếu thăm dò này, rất mong nhận được ý kiến chia sẻ của các bạn! Tất cả các câu trả lời trong phiếu này sẽ không ảnh hưởng đến kết quả học tập của các bạn.

Bạn là học sinh trường:

Lớp:

Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

Bạn là con thứ mấy trong gia đình:

Nghề nghiệp của cha mẹ bạn:

Nghề nghiệp của cha:.....

Nghề nghiệp của mẹ:

Thời gian cha mẹ bạn giành để quan tâm đến bạn trong 1 ngày thường là:

1 giờ: ☐ 2 giờ: ☐ 3 giờ: ☐ tất cả thời gian trong ngày: ☐

Ý kiến khác:.....

A. Dưới đây là các giá trị đạo đức của bạn trong các mối quan hệ. Bạn hãy cho điểm vào các giá trị đạo đức theo quy ước:

(4= Rất cần thiết ;3= cần thiết; 2= phân vân; 1= không cần thiết;0= hoàn toàn không cần thiết)

Stt	Các giá trị đạo đức	Rất cần thiết	Cần thiết	Phân vân	Không cần thiết	Hoàn toàn không cần thiết
Câu 1: Các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với bản thân bạn						
1	Tự trọng					
2	Trung thực					
3	Khiêm tốn					
4	Lạc quan					
5	Tự do					
6	Kiên trì					
7	Uy tín					
8	Tôn trọng người khác					

9	Đồng cảm					
10	Chung thủy					
11	Giản dị					
12	Đoàn kết					
13	Biết ơn					
14	Can đảm					
15	Tin tưởng					

Câu 2: Các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với gia đình.

1	Trách nhiệm					
2	Quan tâm, chăm sóc					
3	Kính trọng					
4	Hiếu thảo					
5	Biết ơn					
6	Yêu thương					
7	Bình đẳng với cha mẹ					
8	Độc lập cá nhân					
9	Chăm sóc em nhỏ					
10	Nhận được sự chăm sóc					

Câu 3: Các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với thầy cô

1	Kính trọng					
2	Trung thực					
3	Thăng tiến					
4	Biết ơn					
5	Hy sinh vì thầy cô					
6	Tin tưởng					
7	Phụ thuộc vào thầy cô					
8	Nhiệt thành					
9	Bình đẳng với thầy cô					
10	Vô tâm với thầy cô					

Câu 4: Các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với bạn bè.

1	Bình đẳng					
2	Trung thực					
3	Song phẳng					
4	Dũng cảm					
5	Lợi dụng					
6	Uy tín					
7	Chia sẻ					
8	Hy sinh					
9	Tôn trọng					
10	Nhu cầu được giúp đỡ					

Câu 5: Bạn nghĩ như thế nào về những vấn đề sau: (hãy đánh dấu X vào những nhận định bạn cho là đúng).

1. ☐ Giá trị đạo đức là nền tảng cơ bản để phát triển xã hội
2. ☐ Giá trị đạo đức làm cho từng cá nhân tốt hơn và xã hội cũng tốt hơn
3. ☐ Không cần thiết phải tuân thủ giá trị đạo đức trong cuộc sống hiện đại.
4. ☐ Trong thời đại kinh tế thị trường cần hướng vào các giá trị kinh tế hơn là các giá trị đạo đức.

5. ☐ Các giá trị đạo đức ngày xưa mang tính chất lý thuyết, không đi đôi với thực tế.
6. ☐ Thế hệ trẻ cần định hướng giá trị đạo đức đúng đắn mới hoàn thiện được chính mình
7. ☐ Nếu các giá trị đạo đức không được chọn lọc, xã hội sẽ hỗn loạn.
8. ☐ Giá trị đạo đức đã lỗi thời, lạc hậu trong cuộc sống hiện đại ngày nay.
9. ☐ Muốn có hạnh phúc, con người phải có những giá trị đạo đức đúng đắn
10. ☐ Giá trị đạo đức luôn cần cho mọi thế hệ, ở mọi thời đại.

B. Hãy cho biết thái độ của bạn đối với những nhận định dưới đây. Bạn hãy chọn mức độ phù hợp với thái độ của bạn: (4= Rất phù hợp, 3= phù hợp, 2= phân vân, 1= không phù hợp, 0= hoàn toàn không phù hợp).

ST T	Thái độ	Mức độ				
1	Tôi nghĩ thế giới này nếu không có chiến tranh, thiên tai thì mọi người dân đều được sống hạnh phúc	4	3	2	1	0
2	Tôi biết ơn những anh hùng đã hy sinh vì đất nước	4	3	2	1	0
3	Tôi tự hào vì sống trong một đất nước kiên cường, anh dũng	4	3	2	1	0
4	Khi thấy ai gặp nạn, tôi thấy cảm thương họ	4	3	2	1	0
5	Tôi thấy buồn khi người ngoại quốc chê đất nước mình nghèo	4	3	2	1	0
6	Tôi Phẫn đối những hành vi chống phá tổ quốc, xúc phạm dân tộc	4	3	2	1	0
7	Tôi tự nhủ ai làm hại tôi, thì sẽ bị trừng phạt dù sớm hay muộn	4	3	2	1	0
8	Tôi luôn kiềm chế và tránh xúc phạm tới người khác	4	3	2	1	0
9	Tôi lựa chọn theo đa số dù biết việc đó là sai.	4	3	2	1	0
10	Tôi ghét những người sống giả dối	4	3	2	1	0
11	Tôi Luôn bảo vệ kẻ yếu	4	3	2	1	0
12	Tôi luôn đặt lợi ích của mình lên trên lợi ích của người khác	4	3	2	1	0
13	Đối với tôi, học tập chẳng qua là để kiếm tiền	4	3	2	1	0
14	Tha thứ, bỏ qua lỗi lầm của người khác	4	3	2	1	0
15	Tôi luôn nghiêm chỉnh thực hiện những nội quy của lớp, của trường	4	3	2	1	0
16	xếp hàng nghiêm túc nơi công cộng	4	3	2	1	0
17	Tôi ghét những người nói xấu tôi.	4	3	2	1	0
18	Tôi luôn chịu trách nhiệm về những gì mình đã làm	4	3	2	1	0
19	Tôi ghét những ai xả rác một cách vô ý thức	4	3	2	1	0
20	Tôi ghét phải xin lỗi mặc dù tôi có lỗi	4	3	2	1	0
21	Tôi nghĩ lương tâm của mỗi người là căn cứ quan trọng của đạo đức	4	3	2	1	0
22	Tôi nghĩ những người không biết biết ơn người khác là vô đạo đức	4	3	2	1	0
23	Tôi luôn nhờ sự giúp đỡ khi gặp bất kỳ một khó khăn nào, dù là rất nhỏ	4	3	2	1	0

24	Tôi nghĩ, một người con ngoan là người biết kính trọng cha mẹ	4	3	2	1	0
25	Với tôi, cha mẹ luôn là người tôi biết ơn sâu sắc	4	3	2	1	0
26	Tôi luôn làm mọi việc để cha mẹ vui lòng.	4	3	2	1	0
27	Nếu tôi là một người anh/chị cả trong gia đình, tôi sẽ luôn gương mẫu, chăm sóc các em tôi	4	3	2	1	0
28	Trong gia đình, tôi muốn hoàn toàn tự quyết định chuyện riêng của mình	4	3	2	1	0
29	Tôi sống hết mình với bạn bè	4	3	2	1	0
30	Tôi thường khuyên nhủ bạn bè có tính cách chưa tốt	4	3	2	1	0
31	Tôi không quan trọng việc giữ lời hứa với bạn bè	4	3	2	1	0
32	Tôi nghĩ, một người bạn tốt là người biết quan tâm, chia sẻ.	4	3	2	1	0
33	Tôi luôn tỏ ra nổi bật hơn bạn bè	4	3	2	1	0
34	Đối với thầy cô, tôi luôn thể hiện sự tôn kính	4	3	2	1	0
35	Tôi chỉ biết ơn những thầy cô dạy tôi trên lớp	4	3	2	1	0
36	Tôi luôn thăm hỏi, biết ơn thầy cô giáo cũ	4	3	2	1	0
37	Tôi sẽ lựa chọn những trường ĐH phù hợp với năng lực của tôi	4	3	2	1	0
38	Tôi không quan trọng việc học ngành gì mà quan trọng là có kiếm được nhiều tiền hay không	4	3	2	1	0
39	Tôi nghĩ những công việc lao động chân tay là những công việc thấp hèn	4	3	2	1	0
40	Tôi luôn tự tin vào bản thân	4	3	2	1	0

C. Hãy cho biết cách xử sự của bạn trong các hoàn cảnh sau bằng cách chọn câu trả lời phù hợp với hành vi của bạn (đánh dấu X với mỗi sự lựa chọn của bạn)

Câu 1. Khi gặp một người ngoại quốc nói điều không tốt về đất nước bạn, bạn sẽ:

- Kê người ta, ko liên quan đến mình
- Bày tỏ quan điểm và thể hiện tình yêu quê hương.
- Tỏ vẻ đồng tình với ý kiến của họ vì biết đâu họ sẽ cho bạn tiền.

Câu 2: Khi gặp 1 tai nạn trên đường, bạn sẽ:

- Dừng lại ngay và gọi cấp cứu để cứu người bị nạn.
- Lờ đi, xem như không thấy.
- Đứng nhìn, không làm gì cả.

Câu 3: Đang đi trên đường, gặp cụ già không qua đường được vì xe quá đông, bạn sẽ:

- Dắt cụ già qua đường
- Bỏ đi vì sợ mất thời gian
- Muốn giúp đỡ nhưng sợ bị quê nên thôi.

Câu 4: Được bố mẹ chở đi học, trên đường bạn gặp 1 bạn cùng độ tuổi đi bán vé số, bạn sẽ:

- a. Chọc ghẹo, thể hiện thái độ coi thường.
- b. Cười thân thiện với bạn ấy, mua giúp bạn ấy 1 tờ vé số
- c. Bỏ đi, không quan tâm, bạn ấy nghèo thì bạn ấy chịu

Câu 5: Trong khi đang vội vàng đến trường vì sắp trễ giờ, bạn gặp 1 em bé khoảng 5 tuổi lạc mẹ, bạn sẽ:

- a. Bỏ đi vì mình không giúp sẽ có người khác giúp
- b. Chỉ giúp khi được gợi ý.
- c. Gọi điện báo với cô giáo chủ nhiệm xin nghỉ học, phối hợp với công an tìm bằng được gia đình của em bé.

Câu 6: Chuẩn bị có tiết kiểm tra 15 phút đầu giờ, bạn sắp đi trễ, trên đường đi khi gặp đèn đỏ, không có công an ở đó, bạn sẽ:

- a. Vượt đèn đỏ vì sợ không kịp giờ
- b. Sẽ chờ cho đến đèn xanh vì an toàn là trên hết.
- c. Từ từ chạy qua vì thấy mọi người cũng chạy qua.

Câu 7: Đi trên xe bus, gặp một cụ già bước lên bạn sẽ:

- a. Nhường chỗ của bạn đang ngồi cho bà cụ bằng 1 thái độ niềm nở.
- b. Lờ đi, xem như không thấy bà cụ.
- c. Chỉ nhường chỗ khi nhận được lời yêu cầu.

Câu 8: Vào siêu thị, khi đang tính tiền, cô nhân viên siêu thị trả dư tiền thừa cho bạn, bạn sẽ:

- a. Bạn giả vờ không biết và nhanh chóng bỏ đi.
- b. Trả lại tiền thừa cho cô nhân viên.
- c. Bạn chỉ trả khi được nhắc đến

Câu 9: Bạn thường chọn những người bạn như thế nào để làm bạn:

- a. Những người gia đình có nhiều tiền, bố mẹ có địa vị.
- b. Ai cũng có thể làm bạn với bạn
- c. Chỉ chọn những người hợp với bạn

Câu 10: Khi gặp một bài toán khó, bạn thường:

- a. Tìm hiểu lại nội dung và giải bằng được bài toán.
- b. Bỏ qua, dù sao nghĩ cũng không ra
- c. Không cần suy nghĩ thêm, nhờ đưa bạn giải giúp cho nhanh.

Câu 11: Khi bạn của bạn gặp khó khăn không thể tiếp tục đi học, bạn sẽ:

- a. Bạn sẽ giúp nếu lớp trưởng phát động
- b. Tỏ ra xem thường bạn ấy và bố mẹ bạn ấy.
- c. Động viên bạn ấy quay trở lại lớp học, kêu gọi sự ủng hộ của các bạn trong lớp.

Câu 12: Đi chơi cùng nhóm bạn, 1 bạn trong số nhóm bạn của bạn bị 1 bạn lớp trên bắt nạt, bạn sẽ:

- a. Chạy thật nhanh về nhà vì sợ bị đánh.
- b. Chỉ giúp khi bạn ấy cầu cứu.
- c. Tìm cách khuyên can và nhờ sự hỗ trợ của các bạn đi cùng, báo với người thân để được giúp đỡ.

Câu 13: Bạn vô tình làm mất cuốn sách mượn của một người bạn cùng lớp, bạn sẽ:

- a. Tìm mua mới cuốn sách và nhận lỗi với bạn mình.
- b. Nghĩ cách để làm sao không phải đền lại cuốn sách.
- c. Lờ đi, nếu bị phát hiện thì đổ thừa cho hoàn cảnh.

Câu 14: Khi bạn đã hứa với nhóm bạn sẽ tham gia hoạt động ngoại khóa nhưng lại đứng díp mẹ bạn muốn dẫn bạn đi mua một món đồ bạn thích, bạn sẽ:

- a. Hủy ngay lời hứa với nhóm bạn.
- b. Im lặng, đến ngày đi giả vờ bị đau bụng, ko đi được.
- c. Sẽ đi với nhóm bạn, vì bạn phải giữ lời hứa với những người bạn của bạn.

Câu 15: Trong giờ kiểm tra, bạn thấy một người bạn đang xem tài liệu, bạn sẽ:

- a. Báo ngay với cô giáo, vì bạn ấy đã gian lận trong thi cử.
- b. Kệ bạn ấy, vì bạn sợ bị bạn ấy trả thù.
- c. Bạn ủng hộ bạn ấy.

Câu 16: Khi gặp thầy cô ngoài đường, bạn thường:

- a. Lễ phép cúi chào thầy cô
- b. Lờ đi xem như không thấy.
- c. Theo dõi thầy cô đang đi đâu, làm gì để có chuyện nói xấu.

Câu 17: Khi bạn vô tình gây lỗi với thầy cô, bạn sẽ:

- a. Xin lỗi và hứa sẽ không tái phạm
- b. Tỏ ra anh hùng, nhất quyết không nhận lỗi
- c. Lờ đi, tìm một lý do khác để đổ lỗi cho người khác.

Câu 18: Khi thầy cô phạm sai lầm, bạn sẽ:

- a. Góp ý chân thành với thầy cô
- b. Đó không phải là chuyện của mình nên không quan tâm
- c. Tán với các bạn vì đó là đề tài hấp dẫn.

Câu 19: Là một thành viên trong gia đình, bạn thường:

- a. Luôn giúp đỡ gia đình những việc trong khả năng của bạn.
- b. Bạn chỉ tập trung vào học và chơi.
- c. Bạn thích thì làm, không thích thì thôi

Câu 20: Khi ba mẹ bạn bị bệnh, bạn sẽ:

- a. Quan tâm, chăm sóc và phụ giúp việc nhà
- b. Ba mẹ nhờ cái gì thì giúp đỡ cái đó
- c. Cố gắng học tốt vì đó là nhiệm vụ chính

Câu 21: Vào năm học mới, bạn bè ai cũng có quần áo mới để mặc, nhưng bạn vẫn phải mặc quần áo cũ vì gia đình bạn đang trong giai đoạn khó khăn, bạn sẽ:

- a. Xem đó là điều bình thường, quan trọng là bạn học tốt để ba mẹ yên tâm.
- b. Thấy xấu hổ, không dám đến trường
- c. Trách ba mẹ, tại sao lại để mình phải mặc quần áo cũ.

Câu 22: Nếu được lựa chọn công việc tương lai của bạn, bạn sẽ chọn:

- a. Chọn công việc kiếm được thật nhiều tiền
- b. Chọn công việc bạn yêu thích
- c. Chọn công việc được nổi tiếng

Câu 23: Khi ba mẹ có ý định chọn trường đại học cho bạn, bạn sẽ:

- a. Không quan tâm đến ý kiến của ba mẹ.
- b. Hoàn toàn nghe theo lời của ba mẹ
- c. Tiếp thu ý kiến, nhưng bạn sẽ là người đưa ra quyết định cuối cùng

Câu 24: Khi gặp một vấn đề khó khăn trong cuộc sống, bạn thường:

- a. Cố gắng, nỗ lực vượt qua khó khăn.
- b. Thấy chán nản, muốn bỏ cuộc
- c. Cảm thấy mình bất tài, vô dụng.

D. Bạn hãy cho biết mức độ ảnh hưởng của các yếu tố sau đây đối với việc thay đổi giá trị đạo đức của học sinh THPT, bằng cách đánh dấu X vào các ô số tương ứng với mỗi yếu tố theo quy ước.

- Đánh số 4: Ảnh hưởng nhiều
- Đánh số 3: Ảnh hưởng ít
- Đánh số 2: Phân vân
- Đánh số 1: Không ảnh hưởng
- Đánh số 0: Hoàn toàn không ảnh hưởng

STT	Yếu tố ảnh hưởng	Mức độ				
1	Lịch sử truyền thống quê hương	4	3	2	1	0
2	Dư luận xã hội	4	3	2	1	0
3	Các quy định thành văn của nhà nước, xã hội và nhà trường	4	3	2	1	0
4	Lịch sử truyền thống của gia đình	4	3	2	1	0
5	Trình độ học vấn của cha mẹ	4	3	2	1	0
6	Sự tự nhận thức, tự giáo dục	4	3	2	1	0
7	Nghề nghiệp của cha mẹ	4	3	2	1	0

8	Lối sống của các thành viên trong gia đình	4	3	2	1	0
9	Phương pháp giáo dục con cái của gia đình	4	3	2	1	0
10	Điều kiện kinh tế của gia đình	4	3	2	1	0
11	Lối sống của chính thầy cô	4	3	2	1	0
12	Những lời dạy bảo của thầy cô giáo	4	3	2	1	0
13	Hoạt động đoàn hội	4	3	2	1	0
14	Kỷ luật trong nhà trường	4	3	2	1	0
15	Lối sống của bạn thân	4	3	2	1	0
16	Lối sống của bạn bè trong lớp, trong trường	4	3	2	1	0
17	Lối sống của bạn bè ngoài xã hội.	4	3	2	1	0
18	Lối sống của làng xóm, khu dân cư nơi mình sinh sống	4	3	2	1	0
19	Những kiến thức từ sách vở	4	3	2	1	0
20	Mục tiêu nghề nghiệp của tương lai	4	3	2	1	0
21	Những tấm gương điển hình thành đạt trong thực tế	4	3	2	1	0
22	Những vấn đề thời sự, văn hóa, lối sống trên các phương tiện truyền thông.	4	3	2	1	0
23	Những câu chuyện về lối sống từ báo chí, truyền hình	4	3	2	1	0
24	Những câu chuyện trong phim	4	3	2	1	0
25	Thần tượng trong một lĩnh vực nghệ thuật nào đó	4	3	2	1	0
26	Các mối quan hệ trên mạng internet	4	3	2	1	0
27	Sự phát triển nhanh chóng của kinh tế thị trường	4	3	2	1	0

E. Bạn hãy cho ý kiến về những hình thức định hướng giá trị đạo đức trong công tác giáo dục giá trị đạo đức trong trường phổ thông hiện nay như thế nào?

(4= rất đồng ý, 3= đồng ý, 2= phân vân, 1= không đồng ý, 0= hoàn toàn không đồng ý).

STT	Hình thức	Mức độ				
1	Đưa vào các hoạt động ngoại khóa, phong trào	4	3	2	1	0
2	Dạy thành một môn học chuyên biệt	4	3	2	1	0
3	Tổ chức các chuyên đề, buổi nói chuyện theo định kỳ	4	3	2	1	0
4	Lồng ghép thông qua các môn học	4	3	2	1	0
5	Giáo dục thông qua gia đình	4	3	2	1	0

Hình thức khác

1.
2.
3.
4.

Xin chân thành cảm ơn bạn đã hợp tác trong việc thực hiện phiếu thăm dò này.

Trân trọng cảm ơn !

PHỤ LỤC 2

PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU

1. Theo bạn các giá trị đạo đức có cần thiết với giới trẻ hiện nay không?
2. Đối với bản thân bạn, bạn chọn những giá trị đạo đức nào? Vì sao?
3. Bạn hiểu thế nào về lòng hiếu thảo ngày nay? Bạn cần làm gì để thể hiện sự hiếu thảo đối với cha mẹ?
4. Hiện nay, giới trẻ rất năng động, độc lập trong cách sống và suy nghĩ, theo bạn trong gia đình con cái có thể ngồi ngang hàng với cha mẹ được ko? Vì sao?
5. Với vị trí là một người học sinh, thể hiện sự kính trọng với thầy cô là một điều tất yếu, cá nhân bạn đã thể hiện điều đó như thế nào?
6. Theo bạn, đối với bạn bè, có cần sự quan tâm, chia sẻ không?
7. Để duy trì một tình bạn tốt, bạn sẽ làm gì?
8. Hiện nay có rất nhiều hoàn cảnh thương tâm, gặp khó khăn bên ngoài xã hội, bạn có sẵn sàng giúp đỡ họ không? Vì sao?
9. Việc lựa chọn ngành học cho mình, bạn hay ba mẹ bạn là người quyết định, vì sao?
10. Theo bạn, sự lạc quan trong cuộc sống có phải là điều cần thiết không? Bạn nhận thấy giới trẻ hiện nay sống lạc quan không? Vì sao?

PHỤ LỤC 3

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN SÂU

1. Theo bạn các giá trị đạo đức có cần thiết với giới trẻ hiện nay không?

Em nghĩ thời đại nào cũng cần giá trị đạo đức, vì nó là tiêu chuẩn để xã hội đánh giá một con người.

2. Đối với bản thân bạn, bạn chọn những giá trị đạo đức nào? Vì sao?

Em chọn sự kiên trì, lạc quan cho bản thân, cha mẹ thì lòng hiếu thảo, thầy cô thì kính trọng thầy cô, hòa thuận với anh chị em, bạn bè thì chân thành và có ý thức giữ vệ sinh tập thể Vì đó là những điều cơ bản nhất trong lối sống của con người.

3. Bạn hiểu thế nào về lòng hiếu thảo ngày nay? Bạn cần làm gì để thể hiện sự hiếu thảo đối với cha mẹ?

Đối với lòng hiếu thảo thì xưa và nay đều không thay đổi. Lòng hiếu thảo là cách con cháu đối xử lại với cha mẹ, ông bà... mình. Nghe lời cha mẹ, ông bà, không cãi ngang khi người lớn hơn ra ý kiến, lựa thời gian thích hợp giải thích lại cho họ. Có nghĩa vụ chăm sóc cho cha mẹ khi về già

4. Hiện nay, giới trẻ rất năng động, độc lập trong cách sống và suy nghĩ, theo bạn trong gia đình con cái có thể ngồi ngang hàng với cha mẹ được ko? Vì sao?

Con cái vẫn chịu sự đùm bọc và quản lý của cha mẹ, đối với cha mẹ chỉ được thể hiện sự tôn kính, hiếu thảo, không có sự ngang hàng, như thế trở thành bất hiếu.

5. Với vị trí là một người học sinh, thể hiện sự kính trọng với thầy cô là một điều tất yếu, cá nhân bạn đã thể hiện điều đó như thế nào?

Biết chào hỏi, lễ phép với thầy cô. Giúp đỡ thầy cô khi cần thiết và cảm thấy vui vì điều đó

6. Theo bạn, đối với bạn bè, có cần sự quan tâm, chia sẻ không?

Em nghĩ rất cần, như vậy thì bạn bè mới hiểu nhau và chơi được với nhau.

7. Để duy trì một tình bạn tốt, bạn sẽ làm gì?

Đối với cá nhân em, đã là bạn bè thì chân thành, hết mình và tốt nhất là làm những thứ gì đó không liên quan tới tiền, còn lại giúp được thì tốt, không thì xin lỗi bạn.

8. Hiện nay có rất nhiều hoàn cảnh thương tâm, gặp khó khăn bên ngoài xã hội, bạn có sẵn sàng giúp đỡ họ không? Vì sao?

Em không ngại giúp đỡ người già nhưng cũng còn tùy hoàn cảnh bởi bây giờ thật giả lẫn lộn lắm, sợ đặt tình thương sai chỗ.

9. Việc lựa chọn ngành học cho mình, bạn hay ba mẹ bạn là người quyết định, vì sao?

Cả 2 phía cùng ra quyết định thống nhất. Cha mẹ cho lời khuyên còn mình là do đam mê, khả năng của mình.

10. Theo bạn, sự lạc quan trong cuộc sống có phải là điều cần thiết không? Bạn nhận thấy giới trẻ hiện nay sống lạc quan không? Vì sao?

Lạc quan rất quan trọng, nó giúp con người yêu đời hơn, vui vẻ hơn mà dễ kết bạn với nhau. Giới trẻ bây giờ các em không được lạc quan, và có 1 số bộ phận lạc quan thái quá..

PHỤ LỤC 4

SỐ LIỆU ĐIỀU TRA

Bảng 1. Nhận thức về các giá trị đạo đức đối với bản thân

Giá trị	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
Tự trọng	3.57	0.63	3
Trung thực	3.53	0.61	7
Khiêm tốn	3.19	0.8	11
Lạc quan	3.10	0.91	15
Tự do	3.46	0.75	6
Kiên trì	3.41	0.69	8
Uy tín	4.00	0.53	1
Tôn trọng	3.57	0.64	4
Đồng cảm	3.16	0.83	14
Chung thủy	3.26	0.92	9
Giản dị	3.22	0.87	10
Đoàn kết	3.61	0.56	2
Biết ơn	3.57	0.68	5
Can đảm	3.29	0.89	13
Tin tưởng	3.47	0.82	12

Bảng 2. các giá trị đạo đức cần thiết trong mối quan hệ với gia đình

Giá trị	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
----------------	-------------------	----------------------	-----------------

Trách nhiệm	3.71	0.57	5
Quan tâm, chăm sóc	3.79	0.48	3
Kính trọng	3.85	0.39	2
Hiếu thảo	3.87	0.42	1
Biết ơn	3.77	0.47	4
Yêu thương	3.64	0.64	6
Bình đẳng	2.39	1.18	10
Độc lập	2.81	0.95	9
Chăm sóc em nhỏ	3.12	0.85	7
Nhận được sự chăm sóc	2.93	0.95	8

Bảng 3. các giá trị đạo đức cần thiết trong mối quan hệ với thầy cô

Giá trị	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
Kính trọng	3.8	0.41	1
Trung thực	3.6	0.53	3
Thăng tiến	3.21	0.83	4
Biết ơn	3.63	0.60	2
Hy sinh	2.44	0.95	7
Tin tưởng	3.14	0.90	5
Phụ thuộc	1.72	0.88	9
Nhiệt thành	3.0	0.88	6
Bình đẳng	2.4	1.09	8
Vô tâm	1.3	0.67	10

Bảng 4. các giá trị đạo đức cần thiết trong mối quan hệ với bạn bè

Giá trị	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
Bình đẳng	3.53	0.73	2
Trung thực	3.4	0.71	4

Sòng phẳng	3.15	0.95	6
Dũng cảm	3.01	1.04	7
Lợi dụng	1.3	0.75	10
Uy tín	3.46	0.75	3
Chia sẻ	3.34	0.71	5
Hy sinh	2.64	0.93	9
Tôn trọng	3.59	0.67	1
Nhu cầu được giúp đỡ	2.94	0.89	8

Bảng 5. Nhận thức của các em học sinh thông qua các nhận định, đánh giá

STT	Các nhận định	Số lượng	Tỉ lệ %	Xếp hạng
1	Luôn cần cho mọi thế hệ	407	91.5	1
2	Thế hệ trẻ cần định hướng giá trị đạo đức đúng đắn.	395	88.8	2
3	Làm cho cá nhân và xã hội tốt hơn	394	88.5	3
4	Muốn có hạnh phúc con người phải có những giá trị đạo đức đúng đắn	390	87.6	4
5	Giá trị đạo đức luôn cần thiết cho sự phát triển xã hội	352	79.1	5
6	Giá trị đạo đức không được chọn lọc, xã hội sẽ hỗn loạn	261	58.7	6
7	Trong nền kinh tế thị trường cần hướng vào các giá trị kinh tế hơn giá trị đạo đức	78	17.5	7
8	Các giá trị đạo đức xưa mang tính lý thuyết, không đi đôi với thực tế	51	11.5	8
9	Giá trị đạo đức lỗi thời lạc hậu đối với cuộc sống hiện nay	13	2.9	9
10	Không cần phải tuân thủ các giá trị trong cuộc sống hiện đại	12	2.7	10

Bảng 6. So sánh về nhận thức giá trị đạo đức của học sinh nam và nữ

Giá trị	Nam		Nữ		F	P
	TB	ĐLC	TB	ĐLC	TB	ĐLC
Bản thân						
Tự trọng	3.55	0.65	3.54	0.57	0.62	0.43
Trung thực	3.56	0.68	3.59	0.58	4.34	0.38

Khiêm tốn	3.21	0.91	3.18	0.72	7.45	0.00
Lạc quan	3.17	0.94	3.05	0.89	0.001	0.97
Tự do	3.52	0.72	3.41	0.77	6.32	0.12
Kiên trì	3.31	0.80	3.49	0.59	19.84	0.00
Uy tín	5.50	7.34	4.02	2.74	45.96	0.00
Tôn trọng	3.54	0.70	3.60	0.59	5.99	0.15
Đồng cảm	3.15	0.88	3.16	0.80	0.65	0.48
Chung thủy	2.99	0.97	3.47	0.81	3.58	0.05
Giản dị	3.29	0.88	3.16	0.85	2.92	0.08
Đoàn kết	3.62	0.55	3.60	0.57	0.68	0.40
Biết ơn	3.46	0.71	3.65	0.66	8.63	0.00
Can đảm	3.53	0.70	3.10	0.98	11.98	0.00
Tin tưởng	3.34	0.83	3.47	0.72	7.78	0.00
Gia đình						
Trách nhiệm	3.76	0.49	3.68	0.62	9.73	0.00
Quan tâm, chăm sóc	3.76	0.46	3.81	0.48	1.89	0.17
Kính trọng	3.78	0.48	3.90	0.30	41.76	0.00
Hiếu thảo	3.81	0.46	3.91	0.39	21.33	0.00
Biết ơn	3.74	0.49	3.80	0.46	4.54	0.34
Yêu thương	3.49	0.69	3.75	0.59	30.77	0.00
Bình đẳng	2.53	1.18	2.29	1.17	0.19	0.65
Độc lập	2.63	0.96	2.96	0.92	4.62	0.03
Chăm sóc em nhỏ	3.07	0.95	3.20	0.72	8.30	0.00
Nhận được sự chăm sóc	2.83	0.85	3.01	1.02	7.83	0.00
Thầy cô						
Kính trọng	3.68	0.49	3.89	0.31	14.63	0.00
Trung thực	3.52	0.59	3.66	0.48	20.61	0.00
Thăng thắn	3.24	0.63	3.18	0.96	25.51	0.00
Biết ơn	3.56	0.57	3.68	0.61	1.13	0.28
Hy sinh	2.35	0.88	2.51	0.99	6.75	0.01
Tin tưởng	3.07	0.79	3.20	0.97	17.07	0.00

Phụ thuộc	1.94	0.90	1.55	0.83	0.78	0.37
Nhiệt thành	2.87	0.85	3.11	0.88	1.06	0.32
Bình đẳng	2.56	0.97	2.27	1.16	20.88	0.00
Vô tâm	1.37	0.70	1.27	0.66	5.20	0.02
Bạn bè						
Bình đẳng	3.60	0.54	3.48	0.84	26.94	0.00
Trung thực	3.42	0.68	3.38	0.74	1.98	0.16
Sòng phẳng	3.15	0.93	5.15	0.96	0.14	0.70
Dũng cảm	3.17	0.87	2.88	1.14	20.57	0.00
Lợi dụng	1.42	0.91	1.26	0.58	25.57	0.00
Uy tín	3.52	0.75	3.37	0.74	0.20	0.65
Chia sẻ	2.53	0.95	2.73	0.91	0.20	0.64
Hy sinh	2.52	0.95	2.93	0.91	2.67	0.10
Tôn trọng	3.47	0.69	3.69	0.64	14.90	0.00
Nhu cầu được giúp đỡ	2.83	0.88	3.03	0.88	2.43	0.11

Bảng 7. Các giá trị đạo đức đối với bản thân giữa các trường

Giá trị	Trường THPT						F	P
	Trần Quang Khải		Châu Thành		TTGDTX			
	TB	ĐLC	TB	ĐLC	TB	ĐLC		
Trung thực	3.55	0.70	3.67	0.53	3.43	0.56	5.92	0.003
Tôn trọng	3.60	0.58	3.80	0.39	3.32	0.76	4.03	0.000
Khiêm tốn	3.26	0.77	3.29	0.69	3.02	0.91	5.05	0.007
Lạc quan	3.16	0.83	3.00	0.83	3.16	1.06	1.52	0.218
Tự do	3.39	0.83	3.43	0.83	3.56	0.56	1.98	0.138
Kiên trì	3.40	0.74	3.57	0.58	3.28	0.72	6.91	0.001
Uy tín	3.60	0.58	4.00	0.41	3.56	0.79	9.66	0.000
Tôn trọng	3.61	0.58	3.62	0.62	3.50	0.72	1.63	0.196
Đồng cảm	3.17	0.80	3.22	0.86	3.08	0.85	0.97	0.378
Chung thủy	3.16	0.93	3.54	0.72	3.09	0.99	10.8	0.000
Giản dị	3.26	0.83	3.22	0.93	3.18	0.84	0.31	0.730
Đoàn kết	3.62	0.58	3.66	0.47	3.54	0.61	1.98	0.139
Biết ơn	3.58	0.67	3.80	0.50	3.32	0.76	20.0	0.000
Can đảm	3.36	0.79	3.27	1.0	3.25	0.87	0.59	0.551
Tin tưởng	3.30	0.83	3.53	0.69	3.42	0.77	3.24	0.040

Bảng 8. So sánh giá trị đạo đức trong mối quan hệ gia đình theo trường

Giá trị	Trường THPT						F	P
	Trần Quang Khải		Châu Thành		TTGDTX			
	TB	ĐLC	TB	ĐLC	TB	ĐLC		
Trách nhiệm	3.6	0.66	3.9	0.29	3.6	0.63	13.38	0.00
Quan tâm, chăm sóc	3.6	0.59	4.0	0.0	3.7	0.52	23.86	0.00
Kính trọng	3.8	0.44	3.9	0.11	3.7	0.47	16.56	0.00
Hiếu thảo	3.8	0.49	3.9	0.08	3.8	0.52	9.26	0.00
Biết ơn	3.7	0.5	4.0	0.0	3.5	0.58	33.72	0.00
Yêu thương	3.6	0.64	3.8	0.47	3.4	0.74	14.65	0.00
Bình đẳng	2.8	1.24	1.7	0.76	2.6	1.19	48.44	0.00
Độc lập	2.8	0.95	2.6	0.91	2.9	0.99	2.26	0.00
Chăm sóc em nhỏ	3.0	0.80	3.5	0.63	2.7	0.90	44.46	0.105
Nhận được sự chăm sóc	3.1	0.92	2.8	1.04	2.8	0.86	5.99	0.003

Bảng 9. So sánh giá trị đạo đức trong mối quan hệ với thầy cô theo trường

Giá trị	Trường THPT						F	P
	Trần Quang Khải		Châu Thành		TTGDTX			
	TB	ĐLC	TB	ĐLC	TB	ĐLC		
Kính trọng	3.7	0.47	3.8	0.37	3.8	0.39	0.61	0.54
Trung thực	3.6	0.53	3.6	0.51	3.5	0.55	2.42	0.09
Thẳng thắn	3.2	0.74	3.2	0.79	3.1	0.77	0.09	0.90
Biết ơn	3.6	0.61	3.6	0.63	3.6	0.55	0.12	0.89
Hy sinh	2.5	0.92	2.5	1.05	2.2	0.83	4.24	0.15
Tin tưởng	3.1	0.89	3.2	0.98	3.1	0.82	0.29	0.74
Phụ thuộc	2.0	1.05	1.5	0.66	1.6	0.81	14.04	0.00
Nhiệt thành	2.9	0.87	3.5	0.65	2.7	0.90	37.10	0.00
Bình đẳng	2.5	1.07	2.1	1.02	2.5	1.14	6.21	0.00
Vô tâm	1.3	0.80	1.2	0.66	1.3	0.54	1.07	0.34

Bảng 10. So sánh giá trị đạo đức trong mối quan bạn bè

Giá trị	Trường THPT						F	P
---------	-------------	--	--	--	--	--	---	---

	Trần Quang Khải		Châu Thành		TTGDTX			
	TB	ĐLC	TB	ĐLC	TB	ĐLC		
Bình đẳng	3.5	0.66	3.3	0.92	3.7	0.50	9.27	0.00
Trung thực	3.4	0.71	3.5	0.68	3.3	0.75	2.34	0.09
Sòng phẳng	3.2	0.90	2.9	1.11	3.4	0.73	9.82	0.00
Dũng cảm	3.1	0.95	3.0	1.14	2.8	1.00	2.77	0.06
Lợi dụng	1.4	0.90	1.1	0.41	1.4	0.81	6.68	0.001
Uy tín	3.4	0.86	3.6	0.51	3.2	0.78	12.47	0.00
Chia sẻ	3.4	0.68	3.5	0.72	3.1	0.71	9.18	0.00
Hy sinh	2.6	0.92	2.7	0.95	2.5	0.93	1.67	0.18
Tôn trọng	3.4	0.76	3.9	0.16	3.4	0.72	41.54	0.00
Nhu cầu được giúp đỡ	3.0	0.87	2.9	0.92	2.9	0.86	1.84	0.16

Bảng 11. Bảng so sánh nhận thức các khối lớp

Giá trị	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12		F	P
	TB	ĐLC	TB	ĐLC	TB	ĐLC		
Tự trọng	3.65	0.54	3.57	0.62	3.44	0.64	4.91	0.00
Trung thực	3.57	0.65	3.60	0.61	3.55	0.62	0.24	0.78
Khiêm tốn	3.20	0.86	3.21	0.73	3.16	0.82	0.12	0.88
Lạc quan	3.18	0.92	3.12	0.87	3.02	0.94	1.12	0.32
Tự do	3.51	0.73	3.54	0.72	3.33	0.79	3.31	0.03
Kiên trì	3.51	0.71	3.41	0.69	3.33	0.67	2.60	0.07
Uy tín	4.54	4.93	4.58	5.09	4.86	5.82	0.17	0.84
Tôn trọng	3.58	0.64	3.59	0.62	3.55	0.67	0.18	0.83
Đồng cảm	3.28	0.83	3.14	0.83	3.05	0.84	3.10	0.04
Chung thủy	3.22	0.98	3.37	0.87	3.20	0.87	1.55	0.21
Giản dị	3.34	0.85	3.21	0.82	3.10	0.91	2.78	0.06
Đoàn kết	3.66	0.57	3.58	0.58	3.57	0.53	1.10	0.33
Biết ơn	3.70	0.57	3.60	0.58	3.41	0.82	7.51	0.00
Can đảm	3.40	0.86	3.35	0.87	3.13	0.93	3.94	0.02
Tin tưởng	3.49	0.74	3.39	0.78	3.37	0.79	1.01	0.36
Gia đình								
Trách nhiệm	3.77	0.50	3.71	0.55	3.66	0.64	1.50	0.22
Quan tâm, chăm sóc	3.84	0.40	3.82	0.43	3.71	0.57	3.14	0.04
Kính trọng	3.90	0.30	3.86	0.40	3.79	0.46	2.63	0.07
Hiếu thảo	3.92	0.31	3.85	0.42	3.84	0.50	1.39	0.24
Biết ơn	3.84	0.36	3.74	0.52	3.73	0.52	7.86	0.00

Yêu thương	3.76	0.52	3.69	0.58	3.48	0.77	3.23	0.04
Bình đẳng	2.52	1.24	2.48	1.14	2.20	1.15	4.28	0.01
Độc lập	2.89	1.05	2.93	0.90	2.64	0.89	5.36	0.00
Chăm sóc em nhỏ	3.20	0.90	3.24	0.92	2.94	0.73	1.12	0.32
Nhận được sự chăm sóc	2.94	0.94	3.02	0.93	2.85	0.99	1.00	0.36
Thầy cô								
Kính trọng	3.82	0.38	3.76	0.48	3.83	0.37	1.000	0.36
Trung thực	3.60	0.56	3.64	0.54	3.57	0.49	0.698	0.49
Thăng thẩn	3.25	0.86	3.12	0.96	3.21	0.83	1.039	0.35
Biết ơn	3.63	0.62	3.67	0.56	3.59	0.60	0.600	0.54
Hy sinh	2.38	0.99	2.57	0.89	2.39	0.94	1.877	0.15
Tin tưởng	3.12	0.96	3.20	0.89	3.11	0.85	0.474	0.62
Phụ thuộc	1.74	0.91	1.81	0.97	1.61	0.76	1.985	0.13
Nhiệt thành	3.14	0.85	2.97	0.83	2.91	0.93	2.899	0.05
Bình đẳng	2.38	1.10	2.41	1.09	2.40	1.09	0.038	0.96
Vô tâm	1.30	0.65	1.39	0.84	1.25	0.51	1.603	0.20
Bạn bè								
Bình đẳng	3.58	0.74	3.50	0.75	3.57	0.70	0.48	0.61
Trung thực	3.48	0.70	3.42	0.74	3.30	0.70	2.36	0.09
Sòng phẳng	3.19	0.97	3.07	0.94	3.18	0.93	0.76	0.46
Dũng cảm	3.05	1.06	3.21	1.03	2.80	1.00	6.00	0.00
Lợi dụng	1.38	0.80	1.33	0.76	1.27	0.68	0.86	0.42
Uy tín	3.48	0.76	3.55	0.70	3.35	0.77	2.93	0.05
Chia sẻ	3.46	0.73	3.36	0.70	3.22	0.71	4.26	0.01
Hy sinh	2.66	0.95	2.84	0.96	2.44	0.85	7.12	0.00
Tôn trọng	3.69	0.57	3.64	0.60	3.46	0.78	5.15	0.00
Nhu cầu được giúp đỡ	2.95	0.94	2.97	0.91	2.91	0.81	0.13	0.87

Bảng 12. Thái độ của học sinh THPT

Thái độ	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
Tôi nghĩ thế giới này nếu không có chiến tranh, thiên tai thì mọi người dân đều được sống hạnh phúc	3.42	0.89	4

Tôi biết ơn những anh hùng đã hy sinh vì đất nước	3.71	0.55	1
Tôi tự hào vì sống trong một đất nước kiên cường, anh dũng	3.62	0.68	2
Khi thấy ai gặp nạn, tôi thấy cảm thương họ	3.27	0.72	10
Tôi thấy buồn khi người ngoại quốc chê đất nước mình nghèo	2.49	1.48	24
Tôi Phản đối những hành vi chống phá tổ quốc, xúc phạm dân tộc	3.39	0.98	8
Tôi tự nhủ ai làm hại tôi, thì sẽ bị trừng phạt dù sớm hay muộn	2.32	1.11	12
Tôi luôn kiểm chế và tránh xúc phạm tới người khác	3.22	0.91	18
Tôi lựa chọn theo đa số dù biết việc đó là sai.	1.50	0.88	23
Tôi ghét những người sống giả dối	3.0	1.0	16
Tôi Luôn bảo vệ kẻ yếu	2.79	0.97	11
Tôi luôn đặt lợi ích của mình lên trên lợi ích của người khác	1.69	0.81	22
Đối với tôi, học tập chẳng qua là để kiếm tiền	1.54	0.87	9
Tha thứ, bỏ qua lỗi lầm của người khác	3.11	0.88	18
Tôi luôn nghiêm chỉnh thực hiện những nội quy của lớp, của trường	3.22	0.80	15
xếp hàng nghiêm túc nơi công cộng	2.93	0.89	21
Tôi ghét những người nói xấu tôi.	2.86	1.09	13
Tôi luôn chịu trách nhiệm về những gì mình đã làm	3.33	2.07	3
Tôi ghét những ai xả rác một cách vô ý thức	3.08	1.01	6
Tôi ghét phải xin lỗi mặc dù tôi có lỗi	1.64	1.03	14
Tôi nghĩ lương tâm của mỗi người là căn cứ quan trọng của đạo đức	3.19	0.99	24
Tôi nghĩ những người không biết biết ơn người khác là vô đạo đức	2.95	0.92	25
Tôi luôn nhờ sự giúp đỡ khi gặp bất kỳ một khó khăn nào, dù là rất nhỏ	2.05	1.07	19
Tôi nghĩ, một người con ngoan là người biết kính trọng cha mẹ	3.22	0.95	5
Với tôi, cha mẹ luôn là người tôi biết ơn sâu sắc	3.59	0.79	17
Tôi luôn làm mọi việc để cha mẹ	3.39	0.81	7

vui lòng.			
Nếu tôi là một người anh/chị cả trong gia đình, tôi sẽ luôn gương mẫu, chăm sóc các em tôi	3.20	0.93	20
Trong gia đình, tôi muốn hoàn toàn tự quyết định chuyện riêng của mình	2.34	1.06	Tiêu cực
Tôi sống hết mình với bạn bè	2.76	0.84	2
Tôi thường khuyên nhủ bạn bè có tính cách chưa tốt	2.73	1.36	3
Tôi không quan trọng việc giữ lời hứa với bạn bè	1.74	1.10	11
Tôi nghĩ, một người bạn tốt là người biết quan tâm, chia sẻ.	3.08	1.03	5
Tôi luôn tỏ ra nổi bật hơn bạn bè	1.73	1.04	7
Đối với thầy cô, tôi luôn thể hiện sự tôn kính	3.47	2.60	10
Tôi chỉ biết ơn những thầy cô dạy tôi trên lớp	1.73	1.04	1
Tôi luôn thăm hỏi, biết ơn thầy cô giáo cũ	3.4	0.86	6
Tôi sẽ lựa chọn những trường ĐH phù hợp với năng lực của tôi	3.38	0.78	8
Tôi không quan trọng việc học ngành gì mà quan trọng là có kiếm được nhiều tiền hay không	1.57	0.88	4
Tôi nghĩ những công việc lao động chân tay là những công việc thấp hèn	1.23	0.63	9
Tự tin vào bản thân	2.98	0.85	12
			6

Bảng 13. So sánh thái độ giữa học sinh nam và học sinh nữ

Giá trị	Nam		Nữ		F	P
	TB	ĐLC	TB	ĐLC		
Tôi nghĩ thế giới này nếu không có chiến tranh, thiên tai thì mọi người dân đều được sống hạnh phúc	3.6	.66454	3.2706	1.01626	56.883	0.000
Tôi biết ơn những anh hùng đã hy sinh vì đất nước	3.7	0.54	3.4	0.80	28.836	0.000
Tôi tự hào vì sống trong một đất nước kiên cường, anh dũng	3.4821	.80170	3.7294	.54819	33.369	.000
Khi thấy ai gặp nạn, tôi thấy cảm thương họ	3.1795	.82086	3.3412	.63778	4.316	.038

Tôi thấy buồn khi người ngoại quốc chê đất nước mình nghèo	2.3897	1.07545	2.5765	1.26469	24.505	.000
Tôi Phản đối những hành vi chống phá tổ quốc, xúc phạm dân tộc	3.2000	1.09639	3.5412	.87241	18.345	.000
Tôi tự nhủ ai làm hại tôi, thì sẽ bị trừng phạt dù sớm hay muộn	2.2205	1.08295	2.4000	1.13845	2.967	.086
Tôi luôn kiềm chế và tránh xúc phạm tới người khác	3.1179	.97992	3.3098	.86153	2.116	.147
Tôi lựa chọn theo đa số dù biết việc đó là sai.	1.5282	.85734	1.4824	.89985	.116	.733
Tôi ghét những người sống giả dối	2.8154	1.08731	3.1693	.90611	10.312	.001
Tôi Luôn bảo vệ kẻ yếu	2.7128	.97895	2.8510	.97273	.101	.75
Tôi luôn đặt lợi ích của mình lên trên lợi ích của người khác	1.7744	.87953	1.6353	.76612	3.532	.061
Đối với tôi, học tập chẳng qua là để kiếm tiền	1.6000	.85795	1.5059	.89121	.008	.928
Tha thứ, bỏ qua lỗi lầm của người khác	3.0154	.90518	3.1882	.86708	3.653	.057
Tôi luôn nghiêm chỉnh thực hiện những nội quy của lớp, của trường	3.2513	.73459	3.2039	.85894	5.184	.023
xếp hàng nghiêm túc nơi công cộng	2.7846	.91086	3.0549	.85856	1.074	.301
Tôi ghét những người nói xấu tôi.	2.5515	1.09162	3.1098	1.03659	2.207	.138
Tôi luôn chịu trách nhiệm về những gì mình đã làm	3.4410	2.99662	3.2471	.87267	1.529	.217
Tôi ghét những ai xả rác một cách vô ý thức	2.8918	1.05969	3.2235	.95625	4.916	.027
Tôi ghét phải xin lỗi mặc dù tôi có lỗi	1.8051	1.06634	1.5255	.98729	5.723	.017
Tôi nghĩ lương tâm của mỗi người là căn cứ quan trọng của đạo đức	3.0256	1.04751	3.3216	.92989	1.826	.177
Tôi nghĩ những người không biết biết ơn người khác là vô đạo đức	2.7949	.9519	3.0784	.87940	2.020	.156
Tôi luôn nhờ sự giúp đỡ	2.2462	1.18449	1.9020	.96504	33.917	.000

khi gặp bất kỳ một khó khăn nào, dù là rất nhỏ						
Tôi nghĩ, một người con ngoan là người biết kính trọng cha mẹ	2.9795	1.05498	3.4157	.82752	16.334	.000
Với tôi, cha mẹ luôn là người tôi biết ơn sâu sắc	3.4513	.94238	3.7098	.63533	32.780	.000
Tôi luôn làm mọi việc để cha mẹ vui lòng.	3.3897	.85669	3.3961	.78619	.002	.968
Nếu tôi là một người anh/chị cả trong gia đình, tôi sẽ luôn gương mẫu, chăm sóc các em tôi	3.2103	.91488	3.2078	.94324	.073	.787
Trong gia đình, tôi muốn hoàn toàn tự quyết định chuyện riêng của mình	2.3333	1.10139	2.3608	1.04015	1.861	.173
Tôi sống hết mình với bạn bè	2.8667	.94305	2.6890	.74502	6.238	.013
Tôi thường khuyên nhủ bạn bè có tính cách chưa tốt	2.7385	1.00427	2.7402	1.58407	.008	.929
Tôi không quan trọng việc giữ lời hứa với bạn bè	1.8615	.95589	1.6510	.96379	.491	.484
Tôi nghĩ, một người bạn tốt là người biết quan tâm, chia sẻ.	2.8615	1.08234	3.2588	.96170	2.456	.118
Tôi luôn tỏ ra nổi bật hơn bạn bè	2.0923	1.21913	1.4784	.92138	34.987	.000
Đối với thầy cô, tôi luôn thể hiện sự tôn kính	3.1077	1.07631	3.7569	3.42577	.019	.891
Tôi chỉ biết ơn những thầy cô dạy tôi trên lớp	2.0103	1.17091	1.5176	.89105	32.835	.000
Tôi luôn thăm hỏi, biết ơn thầy cô giáo cũ	3.2513	.99661	3.5137	.73630	27.129	.000
Tôi sẽ lựa chọn những trường ĐH phù hợp với năng lực của tôi	3.2923	.88614	3.4588	.68539	7.720	.006
Tôi không quan trọng việc học ngành gì mà quan trọng là có kiếm được nhiều tiền hay không	1.7128	.92480	1.4627	.83098	9.366	.002

Tôi nghĩ những công việc lao động chân tay là những công việc thấp hèn	1.4103	.81601	1.0980	.38957	108.187	.000
Tự tin vào bản thân	2.9641	1.01216	2.9961	.90709	.708	.400

Bảng 14. So sánh thái độ giữa các trường

Giá trị	Trường THPT						F	P
	Trần Quang Khải		Châu Thành		TTGDTX			
	TB	ĐLC	TB	ĐLC	TB	ĐLC		
Tôi nghĩ thế giới này nếu không có chiến tranh, thiên tai thì mọi người dân đều được sống hạnh phúc	3.4	0.88	3.3	0.96	3.4	0.83	0.40	0.66
Tôi biết ơn những anh hùng đã hy sinh vì đất nước	3.6	0.56	3.8	0.54	3.6	0.68	7.77	0.00
Tôi tự hào vì sống trong một đất nước kiên cường, anh dũng	3.6	0.58	3.8	0.44	3.3	0.87	15.23	0.00
Khi thấy ai gặp nạn, tôi thấy cảm thương họ	3.2	0.75	3.4	0.55	3.1	0.85	4.2	0.15
Tôi thấy buồn khi người ngoại quốc chê đất nước mình nghèo	2.6	1.15	2.4	1.25	2.4	1.13	2.16	0.11
Tôi Phán đối những hành vi chống phá tổ quốc, xúc phạm dân tộc	3.4	0.98	3.5	0.92	3.1	1.01	6.62	0.00
Tôi tự nhủ ai làm hại tôi, thì sẽ bị trừng phạt dù sớm hay muộn	2.2	1.09	2.3	1.2	2.4	1.95	1.24	0.28
Tôi luôn kiểm chế và tránh xúc phạm tới người khác	3.0	1.00	3.5	0.76	3.1	0.90	12.83	0.00
Tôi lựa chọn theo đa số dù biết việc đó là sai.	1.4	0.89	1.2	0.65	1.7	0.99	12.84	0.00
Tôi ghét những người sống giả dối	3.0	1.05	3.1	0.99	2.4	0.95	0.61	0.54
Tôi Luôn bảo vệ kẻ yếu	2.8	0.94	3.0	0.88	2.5	1.03	8.87	0.00
Tôi luôn đặt lợi ích của mình lên trên lợi ích của người khác	1.7	0.93	1.4	0.72	1.9	0.71	12.99	0.00
Đối với tôi, học tập chẳng qua là để kiếm tiền	1.5	0.92	1.2	0.56	1.8	0.56	21.81	0.00
Tha thứ, bỏ qua lỗi lầm của người khác	3.1	0.88	3.1	0.85	2.8	0.9	3.10	0.04
Tôi luôn nghiêm chỉnh thực hiện những nội quy của lớp, của trường	3.3	0.81	3.3	0.75	3.0	0.8	9.04	0.00

xếp hàng nghiêm túc nơi công cộng	3.0	0.89	3.1	0.72	2.6	0.93	16.72	0.00
Tôi ghét những người nói xấu tôi.	2.8	1.0	2.8	1.0	2.9	1.1	0.76	0.46
Tôi luôn chịu trách nhiệm về những gì mình đã làm	3.5	3.3	3.3	0.9	3.1	0.93	1.74	0.17
Tôi ghét những ai xả rác một cách vô ý thức	3.1	0.96	3.4	0.89	2.6	1.04	21.43	0.00
Tôi ghét phải xin lỗi mặc dù tôi có lỗi	1.5	1.01	1.5	0.9	1.8	1.14	2.73	0.06
Tôi nghĩ lương tâm của mỗi người là căn cứ quan trọng của đạo đức	3.2	1.0	3.3	1.02	3.0	0.92	3.7	0.25
Tôi nghĩ những người không biết biết ơn người khác là vô đạo đức	3.0	0.99	3.1	0.78	2.7	0.94	4.3	0.14
Tôi luôn nhờ sự giúp đỡ khi gặp bất kỳ một khó khăn nào, dù là rất nhỏ	2.0	1.1	1.9	1.1	2.1	0.95	1.52	0.22
Tôi nghĩ, một người con ngoan là người biết kính trọng cha mẹ	3.3	0.94	3.3	0.84	3.1	1.06	1.84	0.16
Với tôi, cha mẹ luôn là người tôi biết ơn sâu sắc	3.6	0.74	3.7	0.81	3.4	0.84	4.24	0.15
Tôi luôn làm mọi việc để cha mẹ vui lòng.	3.4	0.81	3.5	0.79	3.2	0.74	4.7	0.01
Nếu tôi là một người anh/chị cả trong gia đình, tôi sẽ luôn gương mẫu, chăm sóc các em tôi	3.3	0.86	3.3	0.98	3.0	0.90	5.8	0.00
Trong gia đình, tôi muốn hoàn toàn tự quyết định chuyện riêng của mình	2.3	1.10	2.5	1.12	2.2	0.95	3.04	0.04
Tôi sống hết mình với bạn bè	2.7	0.85	2.9	0.72	2.5	0.90	6.05	0.00
Tôi thường khuyên nhủ bạn bè có tính cách chưa tốt	3.6	3.21	3.7	3.17	3.0	1.06	2.22	0.10
Tôi không quan trọng việc giữ lời hứa với bạn bè	1.7	1.12	1.4	0.85	1.9	1.07	7.54	0.00
Tôi nghĩ, một người bạn tốt là người biết quan tâm, chia sẻ.	3.3	0.92	3.6	0.72	3.2	0.88	0.83	0.43
Tôi luôn tỏ ra nổi bật hơn bạn bè	1.7	1.12	1.4	0.93	2.0	1.19	10.83	0.00
Đối với thầy cô, tôi luôn thể hiện sự tôn kính	3.6	3.2	3.7	3.17	3.0	1.06	3.21	0.04
Tôi chỉ biết ơn những thầy cô dạy tôi trên lớp	1.7	1.12	1.4	0.85	1.9	1.17	11.99	0.00
Tôi luôn thăm hỏi, biết ơn thầy cô giáo cũ	3.3	0.92	3.6	0.73	3.2	0.88	3.43	0.03
Tôi sẽ lựa chọn những	3.4	0.75	3.4	0.56	3.2	0.96	8.68	0.00

trường ĐH phù hợp với năng lực của tôi								
Tôi không quan trọng việc học ngành gì mà quan trọng là có kiếm được nhiều tiền hay không	1.6	0.97	1.2	0.59	1.7	0.94	14.78	0.00
Tôi nghĩ những công việc lao động chân tay là những công việc thấp hèn	1.2	0.64	1.04	0.22	1.4	0.79	17.51	0.00
Tự tin vào bản thân	2.9	0.97	3.1	1.01	2.9	0.85	2.39	0.09

Bảng 15. So sánh thái độ giữa các khối lớp

Giá trị	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12		F	P
	TB	ĐLC	TB	ĐLC	TB	ĐLC		
Tôi nghĩ thế giới này nếu không có chiến tranh, thiên tai thì mọi người dân đều được sống hạnh phúc	3.50	0.86	3.36	0.88	3.40	0.93	1.02	.361
Tôi biết ơn những anh hùng đã hy sinh vì đất nước	3.70	0.65	3.78	0.46	3.64	0.52	2.12	.121
Tôi tự hào vì sống trong một đất nước kiên cường, anh dũng	3.58	0.78	3.73	0.48	3.55	0.70	3.01	.050
Khi thấy ai gặp nạn, tôi thấy cảm thương họ	3.26	0.84	3.36	0.60	3.19	0.70	1.98	.139
Tôi thấy buồn khi người ngoại quốc chê đất nước mình nghèo	2.53	1.22	2.49	1.19	2.45	1.14	0.15	.861
Tôi Phản đối những hành vi chống phá tổ quốc, xúc phạm dân tộc	3.37	1.03	3.52	0.90	3.29	1.00	2.06	.128
Tôi tự nhủ ai làm hại tôi, thì sẽ bị trừng phạt dù sớm hay muộn	2.48	1.12	2.21	1.13	2.27	1.07	2.35	.096
Tôi luôn kiềm chế và tránh xúc phạm tới người khác	3.23	1.01	3.29	0.81	3.16	0.91	0.72	.486

Tôi lựa chọn theo đa số dù biết việc đó là sai.	1.58	0.95	1.49	0.85	1.42	0.83	1.26	.284
Tôi ghét những người sống giả dối	3.05	1.06	2.92	1.04	3.06	0.90	0.89	.408
Tôi Luôn bảo vệ kẻ yếu	2.85	1.04	2.75	1.01	2.76	0.87	0.46	.629
Tôi luôn đặt lợi ích của mình lên trên lợi ích của người khác	1.83	0.90	1.73	0.86	1.52	0.64	5.74	.003
Đối với tôi, học tập chẳng qua là để kiếm tiền	1.64	0.93	1.43	0.77	1.55	0.89	1.90	.149
Tha thứ, bỏ qua lỗi lầm của người khác	3.16	0.94	3.12	0.86	3.05	0.85	0.55	.577
Tôi luôn nghiêm chỉnh thực hiện những nội quy của lớp, của trường	3.26	0.87	3.23	0.78	3.18	0.76	0.37	.691
xếp hàng nghiêm túc nơi công cộng	2.96	0.98	3.04	0.82	2.81	0.84	2.51	.082
Tôi ghét những người nói xấu tôi.	2.92	1.07	2.84	1.03	2.84	1.16	0.24	.781
Tôi luôn chịu trách nhiệm về những gì mình đã làm	3.31	0.93	3.52	3.46	3.17	0.85	1.06	.347
Tôi ghét những ai xả rác một cách vô ý thức	3.13	1.00	3.26	0.91	2.86	1.07	6.12	.002
Tôi ghét phải xin lỗi mặc dù tôi có lỗi	1.82	1.14	1.82	1.14	1.43	0.84	5.83	.003
Tôi nghĩ lương tâm của mỗi người là căn cứ quan trọng của đạo đức	3.26	1.01	3.16	1.00	3.15	0.96	0.50	.602
Tôi nghĩ những người không biết biết ơn người khác là vô đạo đức	3.06	0.96	3.07	0.83	2.74	0.92	6.36	.002
Tôi luôn nhờ sự giúp đỡ khi gặp bất kỳ một khó khăn nào, dù là rất nhỏ	2.05	1.12	1.95	1.05	2.13	1.05	1.13	.322

Tôi nghĩ, một người con ngoan là người biết kính trọng cha mẹ	3.32	0.97	3.25	0.93	3.11	0.94	1.90	.150
Với tôi, cha mẹ luôn là người tôi biết ơn sâu sắc	3.62	0.82	3.71	0.68	3.47	0.83	3.68	.026
Tôi luôn làm mọi việc để cha mẹ vui lòng.	3.42	0.82	3.55	0.65	3.22	0.89	6.24	.002
Nếu tôi là một người anh/chị cả trong gia đình, tôi sẽ luôn gương mẫu, chăm sóc các em tôi	3.18	0.95	3.35	0.89	3.10	0.92	2.87	.057
Trong gia đình, tôi muốn hoàn toàn tự quyết định chuyện riêng của mình	2.42	1.07	2.33	1.05	2.28	1.07	0.66	.517
Tôi sống hết mình với bạn bè	2.80	0.90	2.78	0.82	2.71	0.78	0.43	.650
Tôi thường khuyên nhủ bạn bè có tính cách chưa tốt	2.67	1.03	2.95	1.94	2.61	0.92	2.51	.082
Tôi không quan trọng việc giữ lời hứa với bạn bè	1.83	1.07	1.63	0.92	1.75	0.89	1.62	.199
Tôi nghĩ, một người bạn tốt là người biết quan tâm, chia	3.10	1.12	3.19	0.88	2.96	1.06	1.90	.151
Tôi luôn tỏ ra nổi bật hơn bạn bè	1.90	1.18	1.66	1.04	1.66	0.06	2.25	.106
Đối với thầy cô, tôi luôn thể hiện sự tôn kính	3.26	1.04	3.51	0.87	3.64	4.33	0.76	.466
Tôi chỉ biết ơn những thầy cô dạy tôi trên lớp	1.80	1.13	1.68	1.03	1.70	0.97	0.49	.611
Tôi luôn thăm hỏi, biết ơn thầy cô giáo cũ	3.24	0.90	3.48	0.81	3.48	0.85	3.96	.020
Tôi sẽ lựa chọn những trường ĐH phù hợp với năng lực của tôi	3.37	0.82	3.43	0.66	3.35	0.83	0.36	.693
Tôi không quan	1.74	1.01	1.59	0.86	1.38	0.70	6.81	.001

trọng việc học ngành gì mà quan trong là có kiếm được nhiều tiền hay không								
Tôi nghĩ những công việc lao động chân tay là những công việc thấp hèn	1.35	0.79	1.14	0.50	1.19	0.53	4.33	.014
Tự tin vào bản thân	3.09	0.96	3.01	0.96	2.84	0.92	2.67	.070

Bảng 16. Hành vi đạo đức của học sinh THPT

Câu	Hành vi	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Khi người ngoại quốc nói điều không tốt về đất nước		
c	<i>Bày tỏ quan điểm và thể hiện tình yêu đất nước</i>	416/450	92.4
2	Khi gặp tai nạn trên đường		
a	<i>Cứu người bị nạn</i>	396/450	88.0
3	Đi trên đường, gặp cụ già không thể qua đường		
a	<i>Dắt cụ già qua đường</i>	414/450	92.0
4	Gặp 1 bạn bán vé số		
b	<i>Cười thân thiện và mua vé số giúp bạn</i>	422/450	93.8
5	Vội vàng đến trường, gặp 1 em bé 5 tuổi lạc mẹ		
c	<i>Báo công an và giúp đỡ em bé</i>	385/450	85.6
6	Bạn có giờ tiết kiểm tra, bạn đi trễ, trên đường gặp đèn đỏ		
b	<i>Chờ đèn xanh để đảm bảo an toàn</i>	409/450	90.9
7	Đi trên xe bus, gặp cụ già không có chỗ ngồi		
a	<i>Nhường chỗ cho cụ già bằng thái độ niềm nở</i>	430/450	95.6
8	Khi cô nhân viên siêu thị trả tiền dư cho bạn		
b	<i>Trả lại tiền cho cô nhân viên</i>	416/450	92.4
9	Bạn thường lựa chọn bạn để chơi		
b	<i>Ai cũng có thể làm bạn</i>	350/450	77.8
10	Khi gặp một bài toán khó		
a	<i>Cố gắng giải được bài toán</i>	391/450	86.9
11	Khi bạn của bạn gặp khó khăn không thể tiếp tục đến trường		
c	<i>Động viên bạn ấy và kêu gọi sự giúp đỡ của mọi người</i>	416/450	92.4
12	Khi bạn của bạn bị bắt nạt		
a	<i>Tìm cách khuyên can và nhờ sự hỗ trợ</i>	436/450	96.9
13	Bạn vô tình làm mất cuốn sách của bạn cùng lớp		
a	<i>Tìm mua lại cuốn sách và nhận lỗi</i>	428/450	95.1
14	Lựa chọn việc mua món đồ bạn thích với việc giữ lời hứa đi với nhóm bạn của bạn		
c	<i>Đi với bạn để giữ lời hứa</i>	408/450	90.7
15	Bạn phát hiện bạn của bạn gian lận trong kỳ thi		
a	<i>Báo với cô giáo về sự gian lận của bạn bạn</i>	332/450	73.8

16	Khi gặp thầy cô giáo		
a	<i>Lễ phép cúi chào thầy</i>	416/450	92.4
17	Khi bạn vô tình gây lỗi với thầy cô		
a	<i>Xin lỗi và hứa không tái phạm</i>	434/450	96.4
18	Khi ba mẹ bạn bị bệnh		
a	<i>Quan tâm, chăm sóc và phụ giúp việc nhà</i>	435/450	96.7
19	Khi bạn không được bố mẹ mua đồ áo mới khi nào vào năm học		
a	<i>Xem đó là điều bình thường, chủ yếu là việc học</i>	442/450	98.2
20	Nếu được lựa chọn công việc tương lai		
b	<i>Chọn công việc bạn yêu thích</i>	396/450	88.0
21	Khi bố mẹ có ý định chọn trường đại học cho bạn		
c	<i>Tiếp thu ý kiến của bố mẹ nhưng bạn sẽ quyết định</i>	424/450	94.2
22	Khi gặp vấn đề khó khăn trong cuộc sống		
a	<i>Bạn cố gắng nỗ lực vượt qua khó khăn</i>	395/450	87.8

Bảng 17. Bảng so sánh hành vi đạo đức giữa nam và nữ học sinh

Giá trị	Nam		Nữ	
	N(195)	%	N(255)	%
1. Khi người ngoại quốc nói điều không tốt về đất nước				
c. <i>Bày tỏ quan điểm và thể hiện tình yêu đất nước</i>	174	89.7%	241	94.5%
2. Khi gặp tai nạn trên đường				
a. <i>Cứu người bị nạn</i>	172	88.2%	224	87.8%
3. Đi trên đường, gặp cụ già không thể qua đường				
a. <i>Dắt cụ già qua đường</i>	178	91.3%	236	92.5%
4. Gặp 1 bạn bán vé số				
b. <i>Cười thân thiện và mua vé số giúp bạn</i>	186	95.4%	236	92.5%
5. Vội vàng đến trường, gặp 1 em bé 5 tuổi lạc mẹ				
c. <i>Báo công an và giúp đỡ em bé</i>	167	85.6%	218	85.5%
6. Bạn có giờ tiết kiểm tra, bạn đi trễ, trên đường gặp đèn đỏ				
b. <i>Chờ đèn xanh để đảm bảo an toàn</i>	183	93.8%	226	88.6%
7. Đi trên xe bus, gặp cụ già không có chỗ ngồi				
a. <i>Nhường chỗ cho cụ già bằng thái độ niềm nở</i>	191	97.9%	239	93.7%

8. Khi cô nhân viên siêu thị trả tiền dư cho bạn				
b. <i>Trả lại tiền cho cô nhân viên</i>	179	91.8%	237	92.9%
9. Bạn thường lựa chọn bạn để chơi				
b. <i>Ai cũng có thể làm bạn</i>	150	76.9%	200	78.4%
10. Khi gặp một bài toán khó				
a. <i>Cố gắng giải được bài toán</i>	170	87.2%	221	86.7%
11. Khi bạn của bạn gặp khó khăn không thể tiếp tục đến trường				
c. <i>Động viên bạn ấy và kêu gọi sự giúp đỡ của mọi người</i>	186	95.4%	230	90.2%
12. Khi bạn của bạn bị bắt nạt				
a. <i>Tìm cách khuyên can và nhờ sự hỗ trợ</i>	191	97.9%	248	97.3%
13. Bạn vô tình làm mất cuốn sách của bạn cùng lớp				
a. <i>Tìm mua lại cuốn sách và nhận lỗi</i>	182	93.3%	246	96.5%
14. Lựa chọn việc mua món đồ bạn thích với việc giữ lời hứa đi với nhóm bạn của bạn				
c. <i>Đi với bạn để giữ lời hứa</i>	172	88.2%	236	92.5%
15. Bạn phát hiện bạn của bạn gian lận trong kỳ thi				
a. <i>Báo với cô giáo về sự gian lận của bạn bạn</i>	140	71.8%	192	75.3%
16. Khi gặp thầy cô giáo				
a. <i>Lễ phép cúi chào thầy</i>	168	86.2%	248	97.3%
17. Khi bạn vô tình gây lỗi với thầy cô				

Bảng 18. Bảng so sánh hành vi đạo đức giữa các trường

Tình huống	Trường THPT					
	Trần Quang Khải		Châu Thành		TTGDTX	
	N	%	N	%	N	%
1. Khi người ngoại quốc nói điều không tốt về đất nước						
c. <i>Bày tỏ quan điểm và thể hiện tình yêu đất nước</i>	147	98.0%	149	99.3%	120	80.0%
2. Khi gặp tai nạn trên đường						
a. <i>Cứu người bị nạn</i>	138	92.0%	137	91.3%	121	80.7%
3. Đi trên đường, gặp cụ già không thể qua đường						
a. <i>Dắt cụ già qua đường</i>	142	94.7%	147	98.0%	125	83.3%
4. Gặp 1 bạn bán vé số						
b. <i>Cười thân thiện và mua vé số giúp</i>	136	90.7%	146	97.3%	140	93.3%

<i>bạn</i>						
5. Vội vàng đến trường, gặp 1 em bé 5 tuổi lạc mẹ						
<i>c. Báo công an và giúp đỡ em bé</i>	130	86.7%	146	97.3%	109	72.7%
6. Bạn có giờ tiết kiểm tra, bạn đi trễ, trên đường gặp đèn đỏ						
<i>b. Chờ đèn xanh để đảm bảo an toàn</i>	125	83.3%	134	89.3%	150	100.0%
7. Đi trên xe bus, gặp cụ già không có chỗ ngồi						
<i>a. Nhường chỗ cho cụ già bằng thái độ niềm nở</i>	141	94.0%	147	98.0%	142	94.7%
8. Khi cô nhân viên siêu thị trả tiền dư cho bạn						
<i>b. Trả lại tiền cho cô nhân viên</i>	138	92.0%	140	93.3%	138	92.0%
9. Bạn thường lựa chọn bạn để chơi						
<i>b. Ai cũng có thể làm bạn</i>	100	66.7%	132	88.0%	118	78.7%
10. Khi gặp một bài toán khó						
<i>a. Cố gắng giải được bài toán</i>	131	87.3%	130	86.7%	130	86.7%
11. Khi bạn của bạn gặp khó khăn không thể tiếp tục đến trường						
<i>c. Động viên bạn ấy và kêu gọi sự giúp đỡ của mọi người</i>	139	92.7%	138	92.0%	139	92.7%
12. Khi bạn của bạn bị bắt nạt						
<i>a. Tìm cách khuyên can và nhờ sự hỗ trợ</i>	143	95.3%	149	99.3%	144	96.0%
13. Bạn vô tình làm mất cuốn sách của bạn cùng lớp						
<i>a. Tìm mua lại cuốn sách và nhận lỗi</i>	140	93.3%	150	100.0%	138	92.0%
14. Lựa chọn việc mua món đồ bạn thích với việc giữ lời hứa đi với nhóm bạn của bạn						
<i>c. Đi với bạn để giữ lời hứa</i>	134	89.3%	148	98.7%	126	84.0%
15. Bạn phát hiện bạn của bạn gian lận trong kỳ thi						
<i>a. Báo với cô giáo về sự gian lận của bạn bạn</i>	118	78.7%	134	89.3%	80	53.3%
16. Khi gặp thầy cô giáo						
<i>a. Lễ phép cúi chào thầy</i>	144	96.0%	150	100.0%	122	81.3%
17. Khi bạn vô tình gây lỗi với thầy cô						
<i>a. Xin lỗi và hứa không tái phạm</i>	146	97.3%	150	100.0%	138	92.0%
18. Khi ba mẹ bạn bị bệnh						
<i>a. Quan tâm, chăm sóc và phụ giúp việc nhà</i>	146	97.3%	147	98.0%	142	94.7%
19. Khi bạn không được bố mẹ mua đồ áo mới khi nào vào năm học						
<i>a. Xem đó là điều bình thường, chủ yếu là việc học</i>	146	97.3%	149	99.3%	147	98.0%
20. Nếu được lựa chọn công việc tương lai						
<i>b. Chọn công việc bạn yêu thích</i>	130	86.7%	138	92.0%	128	85.3%

21. Khi bố mẹ có ý định chọn trường đại học cho bạn						
c. Tiếp thu ý kiến của bố mẹ nhưng bạn sẽ quyết định	142	94.7%	148	98.7%	134	89.3%
22. Khi gặp vấn đề khó khăn trong cuộc sống						
a. Bạn cố gắng nỗ lực vượt qua khó khăn	131	87.3%	147	98.0%	117	78.0%

Bảng 19. Bảng so sánh hành vi đạo đức giữa nam và nữ học sinh

Giá trị	Nam		Nữ	
	N(195)	%	N(255)	%
1. Khi người ngoại quốc nói điều không tốt về đất nước				
c. Bày tỏ quan điểm và thể hiện tình yêu đất nước	174	89.7	241	94.5
2. Khi gặp tai nạn trên đường				
a. Cứu người bị nạn	172	88.2	224	87.8
3. Đi trên đường, gặp cụ già không thể qua đường				
a. Dắt cụ già qua đường	178	91.3	236	92.5
4. Gặp 1 bạn bán vé số				
b. Cười thân thiện và mua vé số giúp bạn	186	95.4	236	92.5
5. Vội vàng đến trường, gặp 1 em bé 5 tuổi lạc mẹ				
c. Báo công an và giúp đỡ em bé	167	85.6	218	85.5
6. Bạn có giờ tiết kiểm tra, bạn đi trễ, trên đường gặp đèn đỏ				
b. Chờ đèn xanh để đảm bảo an toàn	183	93.8	226	88.6
7. Đi trên xe bus, gặp cụ già không có chỗ ngồi				
a. Nhường chỗ cho cụ già bằng thái độ niềm nở	191	97.9	239	93.7
8. Khi cô nhân viên siêu thị trả tiền dư cho bạn				
b. Trả lại tiền cho cô nhân viên	179	91.8	237	92.9
9. Bạn thường lựa chọn bạn để chơi				
b. Ai cũng có thể làm bạn	150	76.9	200	78.4
10. Khi gặp một bài toán khó				
a. Cố gắng giải được bài toán	170	87.2	221	86.7
11. Khi bạn của bạn gặp khó khăn không thể tiếp tục đến trường				
c. Động viên bạn ấy và kêu gọi sự giúp đỡ của mọi người	186	95.4	230	90.2
12. Khi bạn của bạn bị bắt nạt				
a. Tìm cách khuyên can và nhờ sự hỗ trợ	191	97.9 %	248	97.3 %

13. Bạn vô tình làm mất cuốn sách của bạn cùng lớp				
a. Tìm mua lại cuốn sách và nhận lỗi	182	93.3	246	96.5
14. Lựa chọn việc mua món đồ bạn thích với việc giữ lời hứa đi với nhóm bạn của bạn				
c. Đi với bạn để giữ lời hứa	172	88.2	236	92.5
15. Bạn phát hiện bạn của bạn gian lận trong kỳ thi				
a. Báo với cô giáo về sự gian lận của bạn bạn	140	71.8	192	75.3
16. Khi gặp thầy cô giáo				
a. Lễ phép cúi chào thầy	168	86.2	248	97.3
17. Khi bạn vô tình gây lỗi với thầy cô				
a. Xin lỗi và hứa không tái phạm	186	95.4	248	97.3
18. Khi ba mẹ bạn bị bệnh				
a. Quan tâm, chăm sóc và phụ giúp việc nhà	195	100 %	240	94.1
19. Khi bạn không được bố mẹ mua đồ áo mới khi nào vào năm học				
a. Xem đó là điều bình thường, chủ yếu là việc học	191	97.9	251	98.4
20. Nếu được lựa chọn công việc tương lai				
b. Chọn công việc bạn yêu thích	176	90.3	220	86.3
21. Khi bố mẹ có ý định chọn trường đại học cho bạn				
c. Tiếp thu ý kiến của bố mẹ nhưng bạn sẽ quyết định	185	94.9	239	93.7
22. Khi gặp vấn đề khó khăn trong cuộc sống				
a. Bạn cố gắng nỗ lực vượt qua khó khăn	176	90.3	219	85.9

Bảng 20: So sánh hành vi giữa các khối lớp

Tình huống	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12	
	TB	ĐLC	TB	ĐLC	TB	ĐLC
1.Khi người ngoại quốc nói điều không tốt về đất nước						
c. Bày tỏ quan điểm và thể hiện tình yêu đất nước	136	90.7%	138	97.9%	142	89.3%
2.Khi gặp tai nạn trên đường						
a. Cứu người bị nạn	130	86.7%	128	90.8%	138	86.8%
3. Đi trên đường, gặp cụ già không thể qua đường						
a. Dắt cụ già qua đường	138	92.0%	137	97.2%	139	87.4%
4. Gặp 1 bạn bán vé số						
b. Cười thân thiện và mua vé số giúp bạn	138	92.0%	138	97.9%	146	91.8%
5. Vội vàng đến trường, gặp 1						

em bé 5 tuổi lạc mẹ						
c. Báo công an và giúp đỡ em bé	126	84.0%	130	92.2%	129	81.1%
6. Bạn có giờ tiết kiểm tra, bạn đi trễ, trên đường gặp đèn đỏ						
b. Chờ đèn xanh để đảm bảo an toàn	132	88.0%	130	92.2%	147	92.5%
7. Đi trên xe bus, gặp cụ già không có chỗ ngồi						
a. Nhường chỗ cho cụ già bằng thái độ niềm nở	142	94.7%	136	96.5%	152	95.6%
8. Khi cô nhân viên siêu thị trả tiền dư cho bạn						
b. Trả lại tiền cho cô nhân viên	133	88.7%	132	93.6%	151	95.0%
9. Bạn thường lựa chọn bạn để chơi						
b. Ai cũng có thể làm bạn	108	72.0%	108	76.6%	134	84.3%
10. Khi gặp một bài toán khó						
a. Cố gắng giải được bài toán	121	80.7%	128	90.8%	142	89.3%
11. Khi bạn của bạn gặp khó khăn không thể tiếp tục đến trường						
c. Động viên bạn ấy và kêu gọi sự giúp đỡ của mọi người	137	91.3%	131	92.9%	148	93.1%
12. Khi bạn của bạn bị bắt nạt						
a. Tìm cách khuyên can và nhờ sự hỗ trợ	147	98.0%	133	94.3%	156	98.1%
13. Bạn vô tình làm mất cuốn sách của bạn cùng lớp						
a. Tìm mua lại cuốn sách và nhận lỗi	140	93.3%	135	95.7%	153	96.2%
14. Lựa chọn việc mua món đồ bạn thích với việc giữ lời hứa đi với nhóm bạn của bạn						
c. Đi với bạn để giữ lời hứa	134	89.3%	132	93.6%	142	89.3%
15. Bạn phát hiện bạn của bạn gian lận trong kỳ thi						
a. Báo với cô giáo về sự gian lận của bạn bạn	103	68.7%	116	82.3%	113	71.1%
16. Khi gặp thầy cô giáo						
a. Lễ phép cúi chào thầy	138	92.0%	133	94.3%	145	91.2%
17. Khi bạn vô tình gây lỗi với thầy cô						
a. Xin lỗi và hứa không tái phạm	142	94.7%	138	97.9%	154	96.9%
18. Khi ba mẹ bạn bị bệnh						
a. Quan tâm, chăm sóc và phụ giúp việc nhà	148	98.7%	140	99.3%	147	92.5%
19. Khi bạn không được bố mẹ mua đồ áo mới khi nào vào năm học						
a. Xem đó là điều bình thường, chủ yếu là việc học	148	98.7%	139	98.6%	155	97.5%

20. Nếu được lựa chọn công việc tương lai						
b. Chọn công việc bạn yêu thích	121	80.7%	128	90.8%	147	92.5%
21. Khi bố mẹ có ý định chọn trường đại học cho bạn						
c. Tiếp thu ý kiến của bố mẹ nhưng bạn sẽ quyết định	144	96.0%	133	94.3%	147	92.5%
22. Khi gặp vấn đề khó khăn trong cuộc sống						
a. Bạn cố gắng nỗ lực vượt qua khó khăn	127	84.7%	132	93.6%	136	85.5%

Bảng 21. Đánh giá nhận thức trong mối quan hệ với bản thân trước và sau thực nghiệm

Giá trị	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
Tự trọng	3.57	0.63	3
Trung thực	3.53	0.61	7
Khiêm tốn	3.19	0.8	11
Lạc quan	3.10	0.91	15
Tự do	3.46	0.75	6
Kiên trì	3.41	0.69	8
Uy tín	4.66	0.53	1
Tôn trọng	3.57	0.64	4
Đồng cảm	3.16	0.83	14
Chung thủy	3.26	0.92	9
Giản dị	3.22	0.87	10
Đoàn kết	3.61	0.56	2
Biết ơn	3.57	0.68	5
Can đảm	3.29	0.89	13
Tin tưởng	3.47	0.82	12

Bảng 22. Đánh giá nhận thức trong mối quan hệ với cha mẹ trước và sau thực nghiệm

Giá trị	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
Trách nhiệm	3.71	0.57	5
Quan tâm, chăm sóc	3.79	0.48	3
Kính trọng	3.85	0.39	2
Hiếu thảo	3.87	0.42	1
Biết ơn	3.77	0.47	4
Yêu thương	3.64	0.64	6

Bình đẳng	2.39	1.18	10
Độc lập	2.81	0.95	9
Chăm sóc em nhỏ	3.12	0.85	7
Nhận được sự chăm sóc	2.93	0.95	8

Bảng 23. Đánh giá nhận thức trong mối quan hệ với thầy cô trước và sau thực nghiệm

Giá trị	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
Kinh trọng	3.8	0.41	1
Trung thực	3.6	0.53	3
Thẳng thắn	3.21	0.83	4
Biết ơn	3.63	0.60	2
Hy sinh	2.44	0.95	7
Tin tưởng	3.14	0.90	5
Phụ thuộc	1.72	0.88	9
Nhiệt thành	3.0	0.88	6
Bình đẳng	2.4	1.09	8
Vô tâm	1.3	0.67	10

Bảng 24. Đánh giá nhận thức trong mối quan hệ với bạn bè trước và sau thực nghiệm

Giá trị	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
Bình đẳng	3.53	0.73	2
Trung thực	3.4	0.71	4
Sòng phẳng	3.15	0.95	6
Dũng cảm	3.01	1.04	7
Lợi dụng	1.3	0.75	10
Uy tín	3.46	0.75	3
Chia sẻ	3.34	0.71	5
Hy sinh	2.64	0.93	9
Tôn trọng	3.59	0.67	1
Nhu cầu được giúp đỡ	2.94	0.89	8

Bảng 25. Thái độ của học sinh THPT trước và sau thử nghiệm

Nhận định				Số thống kê
Tích cực	Mẫu	NTN-TTN	NTN-STN	Sig.(2-tailed)
1.Tôi nghĩ thế giới này nếu không có chiến tranh, thiên tai thì mọi người dân đều được sống hạnh phúc	3.42	3.44	3.62	0.13
2.Tôi biết ơn những anh hùng đã hy sinh vì đất nước	3.71	3.59	3.66	0.32
3. Tôi tự hào vì sống trong một đất nước kiên cường, anh dũng	3.62	3.51	3.74	0.08
4. Khi thấy ai gặp nạn, tôi thấy cảm thương họ	3.27	2.96	3.14	0.05
5. Tôi thấy buồn khi người ngoại quốc chê đất nước mình nghèo	2.49	2.59	2.77	0.09
6. Tôi Phán đối những hành vi chống phá tổ quốc, xúc phạm dân tộc	3.39	3.37	3.44	0.16
7. Tôi luôn kiềm chế và tránh xúc phạm tới người khác	3.22	3.18	3.29	0.32
8. Tôi ghét những người sống giả dối	3.0	2.92	2.96	0.32
9. Tôi Luôn bảo vệ kẻ yếu	2.79	2.62	2.70	0.32
10. Tha thứ, bỏ qua lỗi lầm của người khác	3.11	3.29	3.40	0.08
11. Tôi luôn nghiêm chỉnh thực hiện những nội quy của lớp, của trường	3.22	3.40	3.51	0.08
12. xếp hàng nghiêm túc nơi công cộng	2.93	2.66	2.88	0.03
13. Tôi luôn chịu trách nhiệm về những gì mình đã làm	3.33	2.81	2.96	0.10
14. Tôi ghét những ai xả rác một cách vô ý thức	3.08	3.14	3.29	0.16
15. Tôi nghĩ lương tâm của mỗi người là căn cứ quan trọng của đạo đức	3.19	3.29	3.37	0.16
16. Tôi nghĩ những người không biết biết ơn người khác là vô đạo đức	2.95	3.11	3.22	0.18
17. Tôi nghĩ, một người con ngoan là người biết kính trọng cha mẹ	3.22	2.81	3.18	0.03
18. Với tôi, cha mẹ luôn là người tôi biết ơn sâu sắc	3.59	3.14	3.55	0.02
19. Tôi luôn làm mọi việc để cha mẹ vui lòng	3.39	3.29	3.40	0.18
20. Nếu tôi là một người anh/chị cả trong gia đình, tôi sẽ luôn gương mẫu, chăm sóc các em tôi	3.20	3.00	3.03	0.32
21. Tôi sống hết mình với bạn bè	2.76	2.66	2.82	0.04
22. Tôi thường khuyên nhủ bạn bè có tính cách chưa tốt	2.73	2.74	2.81	0.16
23. Tôi nghĩ, một người bạn tốt là người biết quan tâm, chia sẻ	3.08	2.92	3.11	0.17
24. Đối với thầy cô, tôi luôn thể hiện sự tôn kính	3.47	4.66	5.88	0.38
25. Tôi luôn thăm hỏi, biết ơn thầy cô giáo cũ	3.4	3.07	3.11	0.32
26. Tôi sẽ lựa chọn những trường ĐH phù hợp với năng lực của tôi	3.38	2.96	3.11	0.10
27. Tự tin vào bản thân	2.98	3.22	3.37	0.16
Tiêu cực				
1. Trong gia đình, tôi muốn hoàn toàn tự quyết định chuyện riêng của mình	2.34	2.51	2.37	0.04

2. Tôi tự nhủ ai làm hại tôi, thì sẽ bị trừng phạt dù sớm hay muộn	2.32	2.40	2.29	0.18
3. Tôi lựa chọn theo đa số dù biết việc đó là sai	1.50	1.77	1.70	0.16
4. Tôi không quan trọng việc giữ lời hứa với bạn bè	1.74	2.55	2.40	0.21
5. Tôi luôn đặt lợi ích của mình lên trên lợi ích của người khác	1.69	1.88	1.85	0.32
6. Đối với tôi, học tập chẳng qua là để kiếm tiền	1.54	1.88	1.81	0.16
7. Tôi ghét những người nói xấu tôi	2.86	2.33	2.25	0.16
8. Tôi chỉ biết ơn những thầy cô dạy tôi trên lớp	1.73	2.29	2.22	0.32
9. Tôi ghét phải xin lỗi mặc dù tôi có lỗi	1.64	2.18	2.14	0.32
10. Tôi luôn nhờ sự giúp đỡ khi gặp bất kỳ một khó khăn nào, dù là rất nhỏ	2.05	2.07	1.96	0.18
11. Tôi không quan trọng việc học ngành gì mà quan trọng là có kiếm được nhiều tiền hay không	1.57	2.03	1.92	0.18